



one vision
one identity
one community

Nghiên cứu khu vực ASEAN về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh



Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Chương trình Đối tác về Tối ưu hóa hợp tác khu vực trong các Cộng đồng Chính trị - An ninh và Văn hóa - Xã hội của USAID (PROSPECT) và UN Women đã xuất bản và phát hành báo cáo này. Báo cáo này đã được thực hiện dưới sự hỗ trợ của người dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và của UN Women. Các quan điểm thể hiện trong báo cáo này thuộc về tác giả của báo cáo, và không nhất thiết đại diện cho quan điểm và chính sách của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, của chính phủ Hoa Kỳ, của UN Women hoặc của Liên hợp quốc cũng như của bất kỳ cơ quan hữu quan nào. Hình thức và thông tin được trình bày trong báo cáo không ngụ ý biểu đạt bất kỳ quan điểm nào của UN Women về vị thế pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào hoặc chính quyền của các quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực đó cũng như quan điểm về việc phân định biên giới hoặc ranh giới của các quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực này. Để có thông tin chi tiết về bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào được tìm thấy sau khi công bố báo cáo này, vui lòng truy cập trang web của ASEAN.



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



Nghiên cứu khu vực ASEAN về
Phụ nữ, Hòa bình và An ninh

LỜI NÓI ĐẦU

Ngài Dato Lim Jock Hoi

Tổng Thư ký ASEAN



ASEAN cam kết đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái. Nhận thức rằng phụ nữ là tác nhân thay đổi và là chất xúc tác để duy trì hòa bình, thúc đẩy thịnh vượng và bảo vệ gắn kết xã hội, việc củng cố các cơ chế hiệu quả để thúc đẩy chương trình nghị sự này trở thành một nhiệm vụ ngày càng quan trọng. Mục tiêu này cũng phù hợp với tầm nhìn của khu vực về một cộng đồng hòa nhập hướng tới thúc đẩy cuộc sống chất lượng cao, tất cả mọi người dân đều được tiếp cận công bằng với các cơ hội và hỗ trợ bảo vệ quyền con người.

Việc thông qua Tuyên bố chung ASEAN về Thúc đẩy Phụ nữ, Hoà bình, An ninh tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 31 năm 2017 đã đánh dấu một bước ngoặt trong cam kết của khu vực hướng đến các vai trò chủ chốt của phụ nữ trong xây dựng hòa bình, ngăn ngừa và giải quyết xung đột và phục hồi hậu xung đột. Sau đó, Phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường vai trò của Phụ nữ vì hòa bình và an ninh bền vững được tổ chức vào tháng 9 năm 2020 đã nhắc lại quyết tâm của chúng ta về việc bảo đảm lồng ghép nội dung phụ nữ, hòa bình và an ninh (WPS) vào các chính sách và khuôn khổ của khu vực trong ba trụ cột cộng đồng ASEAN gồm: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.

ASEAN không ngừng thể hiện mọi nỗ lực để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong một loạt lĩnh vực gồm vận động chính sách, đối thoại liên ngành, cũng như tập huấn và nâng cao năng lực. Năm 2021 đánh dấu một bước quan trọng trong việc đẩy mạnh chương trình nghị sự WPS khi ASEAN chuẩn bị triển khai việc lập Kế hoạch hành động khu vực về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh.

Báo cáo nghiên cứu tiên phong này nhằm cung cấp nền tảng vững chắc cho việc xây dựng hiểu biết chung về WPS trong toàn ASEAN, đồng thời khuyến khích các diễn giải đa chiều ở cấp quốc gia và địa phương. Ngoài ra, báo cáo này cung cấp các nghiên cứu tình huống cũng như các đánh giá về các vấn đề đang nổi cộm và cần có một phương pháp tiếp cận có điều phối và đáp ứng bình đẳng giới từ các bên liên quan, cũng như đưa ra các khuyến nghị về chính sách và chương trình bao trùm giới, cũng như xác định cơ hội để thúc đẩy sự chủ động và tham gia của ASEAN vào WPS.

Nghiên cứu này khuyến khích chúng ta thiết kế một cấu trúc WPS mạnh mẽ hơn cho khu vực ASEAN, tiếp tục đối thoại và tham vấn chính sách thường xuyên, nâng cao năng lực lồng ghép giới và chuyên môn về giới cho WPS và quan trọng hơn cần là lồng ghép chương trình nghị sự cũng như các cam kết của WPS vào 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN cũng như các kế hoạch hành động của các cơ quan của ASEAN, đồng thời nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng.

Tôi mong những khuyến nghị trình bày trong báo cáo này sẽ là tài liệu tham khảo quan trọng và hữu ích khi chúng ta lập kế hoạch hành động khu vực về WPS. Điều đó bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, hướng tới hiện thực hóa việc xây dựng ASEAN trở thành cộng đồng tôn trọng và quan tâm lẫn, thịnh vượng và bền vững.

Dato Lim Jock Hoi
Tổng Thư ký ASEAN

LỜI NÓI ĐẦU

Tiến sĩ Noeleen Heyzer

Phó Tổng Thư ký chuyên trách LHQ
(2007-2015)

Thành viên Ban Cố vấn cấp cao về
Hòa giải của Tổng Thư ký LHQ



Năm 2020 là năm bản lề tiếp sức cho cam kết đạt mục tiêu bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái ở khắp mọi nơi. Năm 2020 đánh dấu kỷ niệm 25 năm Tuyên bố và Chương trình Hành động Bắc Kinh (1995), cột mốc 5 năm thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển bền vững, và kỷ niệm 20 năm Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSCR) – khung quy phạm toàn cầu đầu tiên về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) nhằm giải quyết sự thay đổi về bản chất của xung đột, tình trạng sử dụng bạo lực tình dục như một vũ khí chiến tranh, các vấn đề về loại trừ và bắt công, cũng như tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia vào hòa bình và phát triển.

Trong hai thập kỷ qua, cộng đồng quốc tế ngày càng ghi nhận rằng các tiến trình hòa bình bao trùm có nhiều khả năng dẫn đến duy trì hòa bình bền vững hơn. Sự tham gia và ảnh hưởng của phụ nữ trong các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh rất quan trọng không chỉ bảo đảm việc tôn trọng các quyền của phụ nữ mà còn là cơ sở để xây dựng nền tảng vững chắc cho một xã hội hòa bình và công bằng. Nghị quyết 1325 của UNHCR mang tính bước ngoặt này đã đưa ra bốn trụ cột: phòng ngừa, bảo vệ, tham gia, và xây dựng hòa bình cùng với phục hồi để hỗ trợ tái thiết cộng đồng và cuộc sống. Nghị quyết này thậm chí rất phù hợp cho việc giải quyết những thách thức cấp bách hiện nay bao gồm nhu cầu hòa giải bao trùm và xây dựng sự gắn kết xã hội, chống lại phân biệt đối xử và tình trạng phân biệt và loại trừ vốn đã ăn sâu bám rễ, cũng như quản lý và giải quyết các xung đột đang diễn ra trong hiện tại và ngăn chặn xung đột lặp lại hoặc xung đột mới trong tương lai.

Trong bối cảnh đại dịch toàn cầu COVID-19, chương trình nghị sự WPS trở nên phù hợp hơn bao giờ hết trong ASEAN. Đại dịch là một tác nhân gây xung đột, trong bối cảnh các nỗ lực có hạn và gia tăng các

thách thức đối với mục tiêu duy trì hòa bình, bảo vệ và thúc đẩy quyền và phát triển con người ở ASEAN. Đại dịch đang gây ra sự khổ đau không gì bù đắp được đối với loài người, và làm lộ ra những điểm yếu trong các hệ thống xã hội, chính trị và kinh tế, đồng thời khắc sâu hơn nữa sự bất bình đẳng và tạo nhiều thách thức cho hoạt động nhân đạo trên toàn thế giới. Người dân đang mất việc làm, khu vực việc làm phi chính thức đã suy giảm nhiều và phụ nữ rơi vào đói nghèo trên quy mô chưa từng có. Mặc dù bị ảnh hưởng rất nhiều từ đại dịch, phụ nữ vẫn trở thành tác nhân thay đổi và những người ứng phó tuyến đầu, chiếm phần lớn cộng đồng và lực lượng nhân viên y tế, người dạy dỗ tại nhà, cũng như chăm sóc trẻ em, thành viên bị ốm trong gia đình và người cao tuổi. Hiểu được mối liên hệ giữa hòa bình, phát triển bao trùm và hoạt động nhân đạo là vô cùng quan trọng để đáp ứng nhu cầu của các đối tượng bị ảnh hưởng trong đại dịch. Phụ nữ có vai trò trung tâm trong việc ngăn ngừa rạn nứt xã hội và xây dựng nền móng để khôi phục sự tự tin của cộng đồng và duy trì hòa bình.

Một ASEAN năng động sẽ được duy trì thông qua những chuyển biến sâu sắc hơn trong xã hội với sự đầu tư vào tất cả mọi người, chấm dứt phân biệt đối xử và bất bình đẳng giới, không để ai bị bỏ lại phía sau như ASEAN đã cam kết xây dựng một cộng đồng lấy người dân làm trung tâm và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển bền vững và các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Điều có ý nghĩa sống còn là phải tận dụng vai trò lãnh đạo cũng như sự tham gia đầy đủ, bình đẳng và có ý nghĩa của phụ nữ - từ việc ra các quyết định chính trị tới xây dựng hòa bình và ứng phó đại dịch. Chương trình nghị sự WPS tạo ra một lộ trình quan trọng đối với việc phục hồi có tính chuyển đổi của ASEAN và hành trình hướng tới phát triển bền vững, thịnh vượng chung và một tương lai an toàn.

Nghiên cứu này tổng hợp các thực tiễn và bài học kinh nghiệm tốt về WPS, gồm cả các khuyến nghị quan trọng xuất phát từ kinh nghiệm và bối cảnh của ASEAN, để xây dựng chặng đường tiếp theo. Để duy trì hòa bình, phải bắt đầu từ việc gìn giữ hòa bình ở những nơi đã có hòa bình. Đồng thời, sẽ không thể hoàn thành trao quyền cho phụ nữ nếu không có sự tham gia tích cực của nam giới và trẻ em trai trong việc thúc đẩy quyền và phẩm giá của phụ nữ và trẻ em gái. Cần phải xem xét nội dung này trong lợi ích tốt nhất của toàn bộ cộng đồng ASEAN nhằm bảo đảm đạt được một tương lai bền vững và bao trùm và tiến bộ thực chất hướng tới toàn khối ASEAN lấy người dân làm trung tâm.

Kể từ khi thông qua “Tuyên bố chung về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN” mang tính bước ngoặt của các lãnh đạo ASEAN vào tháng 11 năm 2017, ASEAN đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể về thúc đẩy chương trình nghị sự WPS của mình, bao gồm cả việc thành lập Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR) vào năm 2018, triệu tập Hội nghị chuyên đề ASEAN về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh năm 2019 và thành lập Mạng lưới các nữ Đàm phán viên và Hòa giải viên Hòa bình Đông Nam Á vào năm 2020. Phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường vai trò của Phụ nữ vì hòa bình và an ninh bền vững vào năm 2020 đã nhắc lại cam kết của ASEAN về tăng cường vai trò của phụ nữ trong các tiến trình hòa bình, ngăn ngừa và giải quyết xung đột, tái thiết và phục hồi hậu xung đột, đồng thời mở rộng các mạng lưới phụ nữ vì hòa bình và an ninh. Phiên đối thoại này cũng khuyến khích sự phối hợp liên ngành trong cả ba trụ cột cộng đồng ASEAN để có một phương pháp tiếp cận tổng thể và tích hợp hơn vì sự tiến bộ của ASEAN và người dân trong khu vực này.

Trong khuôn khổ Quan hệ Đối tác toàn diện ASEAN - LHQ, ASEAN và LHQ tiếp tục hợp tác chặt chẽ để hỗ trợ chương trình nghị sự WPS của ASEAN. Ở cấp độ toàn cầu, số lượng ngày càng tăng nữ quân nhân và cảnh sát gìn giữ hòa bình của ASEAN đang tạo ra những đóng góp có giá trị cho hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, đồng thời phụ nữ từ các quốc gia ASEAN tham gia vào các sáng kiến toàn cầu để chia sẻ trải nghiệm độc đáo của họ về xây dựng hòa bình và gìn giữ hòa bình. Ở cấp khu vực, Lần đầu tiên, Đối thoại Khu vực ASEAN-LHQ về WPS năm 2017 tập trung vào vai trò quan trọng của phụ nữ trong phòng ngừa xung đột và ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực, xác định những thách thức mới và

đang nổi lên đối với chương trình nghị sự WPS trên một nền tảng chuyên biệt như vậy.

Trong tương lai, LHQ vẫn cam kết hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong việc thực hiện Kế hoạch Hành động ASEAN - LHQ giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ chương trình nghị sự WPS, bao gồm các lĩnh vực quan trọng như ngăn ngừa xung đột và hòa giải, phụ nữ tham gia gìn giữ hòa bình và xây dựng hòa bình, tăng cường vai trò lãnh đạo và sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ, cũng như ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực và buôn người, chấm dứt bạo lực tình dục liên quan tới xung đột và tăng cường bảo vệ pháp lý cho những phụ nữ tham gia các hoạt động bảo vệ quyền con người. Để hỗ trợ những nỗ lực chung này nhằm thúc đẩy WPS, thì ASEAN, LHQ và tất cả các cơ quan có liên quan cần tăng cường hơn nữa nỗ lực lồng ghép giới vào tất cả các công việc của họ, để trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái trong ASEAN, để củng cố mối quan hệ giữa an ninh - phát triển bền vững - quyền con người và hoàn thành Chương trình nghị sự 2030 vì Phát triển Bền vững cho tất cả mọi người.

Tôi rất vinh dự được tham gia vào hành trình chung của ASEAN nhằm đưa WPS vào thực tiễn cuộc sống cũng như vào các hoạt động của cộng đồng ASEAN. Khi triển khai các hoạt động tiếp theo trong nỗ lực này, ASEAN hoàn toàn có thể yên tâm rằng sẽ Liên hợp quốc sẽ luôn sát cánh ủng hộ và hỗ trợ.



Tiến sĩ Noeleen Heyzer
Phó Tổng Thư ký chuyên trách LHQ
(2007-2015)

Thành viên Ban Cố vấn cấp cao về Hòa giải của
Tổng Thư ký LHQ

LỜI NÓI ĐẦU

Ryan Washburn

Giám đốc USAID phụ trách ASEAN



Khi bước sang thiên niên kỷ mới, cộng đồng quốc tế đã hoan nghênh và nhất trí hoàn toàn việc thông qua Nghị quyết 1325 mang tính bước ngoặt của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSCR) về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) vào tháng 10 năm 2000. Là một thắng lợi to lớn cho những lực lượng vận động quần chúng và các tổ chức của phụ nữ trên khắp thế giới, Nghị quyết 1325 đã thiết lập một cơ chế quốc tế để lồng ghép các vấn đề hòa bình và an ninh vào phong trào phụ nữ toàn cầu, và mở liên tiếp đường cho các nghị quyết để tiếp tục xây dựng chi tiết chương trình nghị sự WPS. Sau 20 năm, công tác này đã có những bước tiến đáng ghi nhận mặc dù vẫn còn nhiều việc cần được tiếp tục triển khai và thực hiện.

Chính phủ Hoa Kỳ vui mừng được hợp tác với Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và UN Women trong hoạt động nghiên cứu, soạn thảo và công bố Nghiên cứu khu vực ASEAN về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh này. Lần đầu tiên, ASEAN sẽ có một dữ liệu cơ sở để qua đó có thể đánh giá tiến độ thực hiện chương trình nghị sự WPS cũng như để tiếp tục xây dựng các hoạt động tiếp theo nhằm hướng tới một Cộng đồng ASEAN hòa nhập, hòa bình và an toàn hơn. Chúng tôi khen ngợi vai trò lãnh đạo của ASEAN và những nỗ lực không mệt mỏi của đội ngũ các nhà nghiên cứu, đội ngũ cố vấn và kiểm duyệt, những người đã hỗ trợ nghiên cứu này trong bối cảnh bất ổn và thách thức do COVID-19 gây ra. Nghiên cứu đột phá này đã chứng tỏ rằng chúng ta có thể đạt được rất nhiều sự đồng thuận thông qua sự hợp tác nhịp nhàng giữa các quốc gia, các ngành và các thành phần khác nhau trong xã hội - một dấu mốc điển hình cho “Cách làm của ASEAN”.

Kể từ khi thành lập, ASEAN và các Quốc gia thành viên đã cùng hợp tác với nhau, song hành với các chủ thể quốc tế để duy trì hòa bình khu vực, giải quyết các quan ngại chung về an ninh và thúc đẩy sự phát triển chung để hỗ trợ người dân của mình.

Đáng chú ý, các Quốc gia thành viên ASEAN đã tránh các cuộc xung đột lớn trong khu vực trong suốt 53 năm qua kể từ khi thành lập. Tuy nhiên, ASEAN vẫn phải duy trì sự kiên cường của mình để đối phó với những thách thức an ninh mới có quy mô và mức độ phức tạp chưa từng có của khu vực. Những thách thức an ninh này - gồm cả gia tăng quan điểm cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực, buôn bán người, các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu và các tình huống khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng chưa từng có đã và đang đe dọa sự ổn định và các thành quả phát triển của khu vực. Trong bối cảnh đó và dựa trên những nguyện vọng của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, ASEAN hiện ngày càng có nhiều động lực để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực. Để thể hiện các cam kết của ASEAN, các nhà lãnh đạo cấp quốc gia đã thông qua Tuyên bố chung ASEAN về Thúc đẩy Phụ nữ, Hoà bình và An ninh tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 31 vào tháng 11 năm 2017.

Cũng trong năm 2017, Hoa Kỳ đã thông qua “Đạo luật Phụ nữ, Hòa bình và An ninh”, trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới có luật toàn diện về WPS. Chiến lược năm 2019 của Chính phủ Hoa Kỳ về WPS nêu rõ phương pháp tiếp cận của toàn chính phủ thúc đẩy sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, giải quyết và phục hồi sau xung đột hoặc thảm họa chết chóc. Vào tháng 8 năm 2019, Hoa Kỳ đã cùng ASEAN và các Quốc gia thành viên khác ban hành Tuyên bố chung về Thúc đẩy Chương trình nghị sự vì Phụ nữ, Hòa bình và An ninh tại Diễn đàn Khu vực ASEAN. Sự tích hợp các chính sách này khẳng định niềm tin rằng các quốc gia sẽ thịnh vượng và hòa bình hơn khi phụ nữ được trao quyền để tham gia một cách có ý nghĩa vào đời sống dân sự, kinh tế và cần phải bắt đầu bằng việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực, xâm hại và bóc lột.

Với tư cách đối tác chiến lược của ASEAN, Hoa Kỳ, thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) mong muốn hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong quá trình thực hiện cam kết chung của chúng ta đối với chương trình nghị sự WPS. Tháng 8 năm 2019, Hoa Kỳ đã hỗ trợ Hội nghị chuyên đề khu vực đầu tiên của ASEAN về Thực hiện Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN diễn ra tại Phnom Penh, Campuchia. USAID cũng hoan nghênh việc thành lập Nhóm cố vấn WPS ASEAN mới, nhóm này đã bắt đầu triệu tập thành viên vào đầu năm nay. Báo cáo nghiên cứu khu vực ASEAN về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh này xây dựng cơ sở dữ liệu về các bằng chứng cho thấy ASEAN có thể cùng thúc đẩy việc thực hiện chiến lược WPS chung. Chúng tôi lạc quan rằng ASEAN sẽ hành động theo các khuyến nghị của báo cáo nghiên cứu, đặc biệt là việc xây dựng một Kế hoạch hành động đa ngành cấp khu vực để thực hiện chương trình nghị sự WPS. Việc xây dựng, củng cố và duy trì các kết nối xuyên quốc gia, liên ngành và nền tảng chung về WPS sẽ là bước tiếp theo quan trọng và mạnh mẽ đối với Cộng đồng ASEAN.

Khi cộng đồng quốc tế đánh dấu kỷ niệm 20 năm ra đời Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong bối cảnh hỗn loạn và thiệt hại sinh mạng tàn khốc do đại dịch COVID-19 gây ra trên toàn cầu, chúng ta được nhắc nhở về các khía cạnh giới trong các cuộc khủng hoảng nhân đạo. Như Nghiên cứu khu vực này nhấn mạnh, cuộc khủng hoảng kinh tế và y tế COVID-19 đã làm trầm trọng thêm những vấn đề bất bình đẳng về giới và kinh tế xã hội hiện có, nghĩa là phụ nữ và trẻ em gái càng ít được tiếp cận hơn với thông tin và dịch vụ chăm sóc y tế cần thiết, có nhiều nguy cơ mắc bệnh hơn khi họ là nhân viên tuyến đầu và là người chăm sóc gia đình, hơn nữa có nhiều khả năng phải đối mặt với bạo lực trên cơ

sở giới hơn. Cuộc khủng hoảng này cũng củng cố tầm quan trọng của việc hợp tác để phục hồi và tăng cường khả năng chống chịu trong tương lai trước các mối đe dọa như vậy, đồng thời duy trì các thành quả phát triển đã đạt được.

Hoa Kỳ kỳ vọng về các hợp tác hiện tại với ASEAN và các bên liên quan trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS và việc củng cố an ninh và hòa bình bền vững ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng như trên toàn thế giới. Xin được trích lời nhà vận động về quyền con người, nhà ngoại giao và cựu Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ đáng kính của thế kỷ 20, Eleanor Roosevelt rằng: "Chỉ nói về hòa bình là chưa đủ. Chúng ta phải tin vào hòa bình. Và tin cũng chưa đủ. Chúng ta phải hành động vì hòa bình."

Chúng ta hãy tiếp tục chung tay cùng hoạt động vì hòa bình.



Ryan Washburn

Giám đốc USAID phụ trách ASEAN

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu Khu vực về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN này là sản phẩm của nỗ lực chung dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) và Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (ACWC), với sự hỗ trợ từ Ban Thư ký ASEAN, Chương trình Đối tác USAID - ASEAN về tối ưu hóa hợp tác khu vực trong các cộng đồng Chính trị - An ninh và Văn hóa - Xã hội (PROSPECT) và Cơ quan Liên Hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women).

Nghiên cứu này sẽ không thể được thực hiện thành công nếu không có sự hướng dẫn và chỉ đạo chiến lược của Nhóm Cố vấn WPS của ACW-ACWC, cũng như sự tận tâm và chuyên môn của nhóm nghiên cứu từ nhóm Tất cả cho Phát triển (*All In for Development*) do Chương trình PROSPECT giữa ASEAN và USAID thuê tuyển. Ngoài các thành viên trực tiếp tham gia Nhóm Cố vấn WPS, các thành viên khác từ ACW và ACWC cũng như các cơ quan và tổ chức ASEAN khác cũng đóng góp vào nghiên cứu này, trong đó có Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN (ASEAN-IPR), Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR), Ủy ban ASEAN về Quản lý Thảm họa (ACDM), Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC) và Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR).

ACW và ACWC xin ghi nhận các đóng góp hỗ trợ không mệt mỏi của Phòng Giảm nghèo và Giới (PEGD) thuộc Ban Thư ký ASEAN do Tiến sĩ Sita Sumrit dẫn dắt và nhóm cán bộ Chương trình PROSPECT của ASEAN và USAID, đặc biệt là bà Keith Doxtater, bà Sara Lehman và bà Zullia Saida đã không ngừng quản lý và hướng dẫn kỹ thuật cho nghiên cứu này và phác thảo nghiên cứu khu vực, đồng thời ghi nhận những đóng góp và hỗ trợ quý báu của ông Diman Simanjuntak, ông William Trigg và bà Julie Chen từ văn phòng USAID ASEAN.

Về hướng dẫn kỹ thuật hiệu quả và đóng góp đáng kể vào việc soạn thảo báo cáo này, ACW và ACWC xin được gửi lời cảm ơn đặc biệt đến nhóm cán bộ của UN Women, dưới sự lãnh đạo của bà Ruangkhao, bà Ryce Chanchai và bà Alison Davidian, cũng như các ý kiến chuyên môn của ông Mohammad Naciri, bà Sarah Knibbs, ông Jamshed Kazi, ông Nicolas Burniat, bà Elisa Fernandez Saenz, bà Carla Silbert, bà Vũ Phương Ly, bà Trần Thúy Anh, bà Lê Thị Lan Phương, bà Nguyễn Kim Lan, bà Vipunjit Ketunuti, bà Saranya Chittangwong và ông Prim Devakula. Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn bà Tanisha Hewanpola, ông Mark Harris và các đồng nghiệp từ Vụ Các vấn đề chính trị, Xây dựng hòa bình và Giữ gìn hòa bình của LHQ (UN DPPA DPO) đã giúp rà soát và đóng góp cho nghiên cứu.

Chuyên gia từ nhóm *All In for Development*, đứng đầu là bà Irene Santiago và ông Mirsad “Miki” Jacevic đã nghiên cứu và soạn thảo nghiên cứu này cùng với đóng góp đáng kể từ các chuyên gia nghiên cứu làm việc tại các quốc gia và tại Hoa Kỳ như bà Iline Gayatri (Indonesia), ông Khin Ma Ma Myo (Myanmar), ông Wilfredo “Willy” Torres (Philippines), Tiến sĩ Mely Caballero-Anthony (Singapore), Tiến sĩ Duanghathai “Nuch” Buranajaroenkij (Thái Lan), bà Phạm Thị Thùy Chi (Việt Nam), bà Carol Yuen Ai Zhen (Singapore), ông William Owens, oog Jim Della Giacomina, ông Jack McCarthy, ông Nerea Aparicio, Tiến sĩ Vilashini Somiah, và ông Margo Pottebaum. Phần tóm tắt báo cáo đã được soạn thảo với sự hỗ trợ của bà Jacqui True.

ACW và ACWC xin được gửi lời cảm ơn tới bà Kara Shulz từ Development Alternatives, Inc. (DAI), người đã hỗ trợ biên tập và UN Women đã hỗ trợ thiết kế và trình bày nội dung báo cáo này để đảm bảo chất lượng của nghiên cứu.

THUẬT NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

A/PEA	Phân tích kinh tế chính trị ứng dụng	AMMW	Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phụ nữ
AADMER	Hiệp định ASEAN về Quản lý thảm họa và Ứng phó khẩn cấp	APEC	Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ACDM	Ủy ban Quản lý Thảm họa ASEAN	APF	Diễn đàn nhân dân ASEAN
ACMW	Ủy ban ASEAN Thực hiện Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy các Quyền của Lao động di cư	APSC	Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN
ACTIP	Công ước ASEAN về Phòng, chống Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em	ARF	Diễn đàn khu vực ASEAN
ACSC	Hội nghị Xã hội Dân sự ASEAN	ASCC	Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN
ACW	Ủy ban Phụ nữ ASEAN	ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ACWC	Ủy ban ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy các Quyền của Phụ nữ và Trẻ em	ASEAN-IPR	Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN
ADMM	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN	ASEC	Ban Thư ký ASEAN
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN	AWEN	Mạng lưới Doanh nhân nữ ASEAN
AFP	Lực lượng vũ trang Philippines	AWPR	Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình
AHA Centre	Trung tâm điều phối ASEAN về Hỗ trợ nhân đạo và Quản lý Thảm họa	BLG	Bạo lực trên cơ sở giới
AICHR	Ủy ban liên chính phủ ASEAN về Nhân quyền	CEDAW	Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
AIPA	Hội đồng liên nghị viện ASEAN	CSO	Tổ chức xã hội dân sự
AMMTC	Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm Xuyên quốc gia	DEVAWC	Tuyên bố xóa bỏ bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em trong khu vực ASEAN
AMS	Quốc gia thành viên ASEAN	DDR	giải trừ quân bị, giải ngũ, tái hòa nhập
		DND	Bộ Quốc phòng (Philippines)
		DRR	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
		EU	Liên minh châu Âu
		EEP	Chuyên gia và người nổi tiếng

ERAT	Nhóm đánh giá và phản ứng khẩn cấp	RPA on P/CVE	Kế hoạch Hành động Khu vực phòng, chống sự trở dậy của Cực đoan hóa và Chủ nghĩa cực đoan bạo lực
GGHB	Gìn giữ hòa bình	SBP	Các tỉnh biên giới phía Nam (Thái Lan)
GAD	Giới và Phát triển	SDG	Mục tiêu Phát triển Bền vững
IDP	Người lánh nạn trong nước	SOMTC	Hội nghị Quan chức cấp cao ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia
LGU	Các đơn vị chính quyền địa phương	SSR	Cải cách ngành an ninh
LAP	Kế hoạch hành động cấp địa phương	TIP	Mua bán người
MELA	Giám sát, đánh giá, học tập và trách nhiệm giải trình	UN	Liên Hợp Quốc
NAP	Kế hoạch hành động quốc gia	UNGA	Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc
NGO	Tổ chức phi chính phủ	UNPKO	Hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc
NSPAW	Kế hoạch Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ (Myanmar)	UNSCR	Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế	U.S.	Hoa Kỳ
OPAPP	Văn phòng Cố vấn Tổng thống về tiến trình hòa bình (Philippines)	USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
P/CVE	Phòng, chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực	VAW	Bạo lực đối với Phụ nữ
PCW	Ủy ban Phụ nữ Philippines	WAIPA	Đại biểu quốc hội nữ của Hội đồng liên nghị viện ASEAN
PDR	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	WE Act 1325	Phụ nữ tham gia hành động thực hiện Nghị quyết 1325 (Philippines)
POA	Kế hoạch Hành động	WPS	Phụ nữ, Hòa bình và An ninh
PROSPECT	Chương trình Đối tác về tối ưu hóa hợp tác khu vực trong các cộng đồng Chính trị - An ninh và Văn hóa - Xã hội		
RAN-P3AKS	Kế hoạch Hành động Quốc gia về Trao quyền và Bảo vệ Phụ nữ và Trẻ em trong bối cảnh xung đột xã hội (Indonesia)		

MỤC LỤC

Tóm tắt báo cáo	1
Phần 1: Tổng quan về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh	5
1.1 Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc	6
1.2 Các vấn đề mới nổi trong chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh	8
1.3 Các Tổ chức Khu vực khác	10
Phần 2: Mục đích, phạm vi và phương pháp luận nghiên cứu	11
2.1 Mục đích	11
2.2 Phạm vi	11
2.3 Cơ cấu	12
2.4 Độc giả	12
2.5 Mục tiêu	12
2.6 Khung phân tích	12
2.7 Phương pháp thu thập dữ liệu	13
2.8 Hạn chế của Nghiên cứu	14
Phần 3: Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN	16
3.1 Giới thiệu: Khung Quy phạm và Chính sách Khu vực ASEAN về Bình đẳng Giới	16
3.2 Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN	17
3.3 Các Trụ cột Cộng đồng, Cơ quan ban ngành, Thể chế và Thực thể ASEAN có liên quan đến Phụ nữ, Hòa bình và An ninh	19
3.4 Vai trò của các tổ chức Xã hội Dân sự	30
3.5 Phân tích trường hợp: COVID-19 và vấn đề Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN	33
Phần 4: Triển khai thực hiện Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN và tại các Quốc gia thành viên	36
4.1 Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh tiến triển thế nào tại Đông Nam Á?	36
4.2 Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh tiến triển thế nào ở cấp quốc gia?	42
4.3 Có những thách thức và cơ hội nào đối với việc các Quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy Chương trình nghị sự Hòa bình, Phụ nữ và An ninh?	65
4.4 Các phát hiện bổ sung	70
Phần 5: Kết luận	71
5.1 Những Quan sát chính	71
5.2 Hướng tới một Khung lồng ghép nội dung Phụ nữ, Hòa bình và An ninh	73

Phần 6: Khuyến nghị	75
6.1 Đối với các cộng đồng ASEAN, Cơ quan Bộ ngành, Thể chế và Thực thể khác	75
6.2 Đối với các quốc gia thành viên ASEAN	80
6.3 Đối với cộng đồng Quốc tế	82
Phụ lục: Các thành viên của Nhóm cố vấn ACWC-ACW về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh	85
Chú thích	88

HÌNH

Hình 1: Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ và các Nghị quyết tiếp theo kể từ năm 2000	7	Hình 11: Các điểm chính trong quan hệ hợp tác: ASEAN và các CSO	31
Hình 2: Thống kê phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII): Nghiên cứu khu vực về WPS của ASEAN	13	Hình 12: Thông điệp chính từ sự tham gia của xã hội dân sự ở Philippines	32
Hình 3: Khung thể chế và chính sách khu vực về Nhân quyền và Bình đẳng Giới	16	Hình 13: Tuyên bố ASEAN về đại dịch COVID-19	33
Hình 4: Các công cụ chính sách của ASEAN liên quan đến phụ nữ, hòa bình và an ninh	17	Hình 14: Đóng góp vào hoạt động gìn giữ hòa bình của các Quốc gia thành viên ASEAN	37
Hình 5: Trích lời TS. Noeleen Heyzer về Tuyên bố chung (2019)	18	Hình 15: Đại diện nữ trong Quốc hội theo Quốc gia thành viên ASEAN	37
Hình 6: Bốn trụ cột về WPS trong Tuyên bố chung ASEAN	18	Hình 16: Luật và kế hoạch về thảm họa, các bộ chịu trách nhiệm tại các thành viên ASEAN	39
Hình 7: Các trụ cột của cộng đồng ASEAN, các cơ quan chuyên ngành và thực thể liên quan đến vấn đề Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh	20	Hình 17: Các khuyến nghị chính từ Tham vấn Đánh giá Kỹ thuật số toàn quốc về Kế hoạch RAN P3AKS (2020)	45
Hình 8: Các cơ chế của ASEAN có liên quan đến WPS	23	Hình 18: Ba Kế hoạch Hành động Quốc gia của Philippines về WPS	49
Hình 9: Tuyên bố chung của ARF về WPS	25	Hình 19: Bài học kinh nghiệm chính từ NAP giai đoạn 2017-2022 của Philippines (tóm tắt từ các cuộc tham vấn năm 2014)	50
Hình 10: Các cơ chế APSC của ASEAN liên quan đến WPS (ADMM/ADMM+)	26	Hình 20: Cam kết của ASEAN với WPS	72
		Hình 21: Các cơ quan tham gia chủ chốt trong Kế hoạch hành động khu vực về WPS	75

TÓM TẮT

Kể từ năm 2000 và việc thông qua Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc (LHQ), chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) đã thúc đẩy “sự tham gia bình đẳng và tham gia đầy đủ của phụ nữ trong tất cả các nỗ lực duy trì và thúc đẩy hòa bình và an ninh”. WPS giờ đây đã trở thành một ưu tiên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), phù hợp với Hiến chương ASEAN rằng “người dân và các Quốc gia thành viên ASEAN được sống hoà bình với toàn thế giới nói chung trong một môi trường công bằng, dân chủ và hòa hợp”. WPS không phải là một chương trình nghị sự riêng về phụ nữ; WPS là một chương trình nghị sự về bình đẳng giới và hòa bình nhằm lồng ghép các quan điểm giới vào nhiều tác động khác nhau của các chính sách an ninh và khủng hoảng đối với phụ nữ và nam giới, nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho các chính phủ và người dân trong công tác phòng ngừa, dự phòng và/hoặc ứng phó với các vấn đề này.

Năm 2017, Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) và Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (ACWC) lần đầu tiên đưa ra Tuyên bố chung ASEAN về Thúc đẩy Phụ nữ, Hoà bình, An ninh. Tuyên bố này ghi nhận tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia các lĩnh vực chính trị, an ninh và tư pháp, đồng thời khuyến khích phụ nữ tham gia toàn diện vào các tiến trình hòa bình với tư cách là các đàm phán viên, hòa giải viên và người ứng phó đầu tiên, gồm cả trong công tác ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực. Tuyên bố này định nghĩa an ninh theo nghĩa rộng, bao gồm an ninh kinh tế, đại dịch y tế, quản lý thảm họa và biến đổi khí hậu, đồng thời cam kết giải quyết các nguyên nhân gốc rễ gây xung đột vũ trang và chủ nghĩa cực đoan bạo lực, gồm cả các nguyên nhân về bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử và nghèo đói. Tuyên bố WPS đầu tiên của ASEAN này sau đó đã được tái khẳng định bằng Tuyên bố chung của các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN vào năm 2019.¹

Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến một động lực đáng kể nhằm thúc đẩy một khung quy chuẩn khu vực ASEAN cho WPS, đặc biệt là trong các cơ quan chuyên ngành thuộc các Trụ cột Cộng đồng Chính trị - An ninh và Văn hóa - Xã hội của ASEAN. Kế hoạch Hành động ASEAN - LHQ giai đoạn 2021–2025 thông qua vào ngày 22 tháng 10 năm 2020 có mục đích rõ ràng là thúc đẩy WPS như một phương pháp tiếp cận đa phương để duy trì hòa bình và an ninh trong khu vực và toàn cầu. Lồng ghép giới và phối hợp liên ngành được coi là vô cùng quan trọng để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực trong Kế hoạch Hành động lần thứ hai của ASEAN – LHQ.²

Đây là một bước phát triển đầy hứa hẹn trong khu vực ASEAN. Điều quan trọng là các Quốc gia thành viên ASEAN cùng đồng lòng ủng hộ các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, cũng như các thách thức quản trị xuyên biên giới, gồm cả các môi trường bất bình đẳng giới và bạo lực trước và sau xung đột gây bất ổn cộng đồng và có thể phá hoại sự ổn định và hòa bình trong khu vực. Chương trình nghị sự WPS có phạm vi rộng và vượt ra ngoài các tình huống xung đột vũ trang đã ghi nhận, mặc dù một số khía cạnh của WPS và luật pháp quốc tế có thể đòi hỏi các nhiệm vụ nghiêm ngặt trong các bối cảnh bị ảnh hưởng bởi xung đột. Tại Đông Nam Á, WPS có liên quan đến việc phụ nữ tham chính, gồm cả việc phụ nữ tham gia trong các tiến trình hòa bình và bầu cử, chủ nghĩa cực đoan bạo lực, tội phạm xuyên quốc gia, xung đột cộng đồng, biến đổi khí hậu, thiên tai, di cư và lánh nạn cũng như đại dịch y tế. Ghi nhận và hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ trong các vai trò ra quyết định và trong công tác dự phòng, ứng phó và phục hồi khủng hoảng trong khu vực có vai trò tối quan trọng để bảo đảm cộng đồng an toàn và hòa bình trong bối cảnh diễn ra các thách thức này.

Đã có những tiến bộ đáng kể về bình đẳng giới và đã xuất hiện các bằng chứng chính về hiệu quả xây dựng hòa bình của phụ nữ trong khu vực ASEAN, dựa vào đó ASEAN có thể xây dựng một chương trình nghị sự hiệu quả về hòa bình và an ninh bền vững. Chính vì vậy, điều quan trọng là ASEAN và các Quốc gia thành viên phải hành động ngay để tăng cường tự chủ và trách nhiệm trong thúc đẩy bình đẳng giới và hòa nhập trong lĩnh vực hòa bình và an ninh tùy theo từng bối cảnh cụ thể tại khu vực đa dạng này. Dù đã ghi nhận nhu cầu phải có một phương pháp tiếp cận ASEAN liên ngành, liên trụ cột đối với WPS³ và đã có một số hoạt động phối hợp trong ba trụ cột cộng đồng, ví dụ trong công tác “ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực”, cần phải tăng cường củng cố các cơ chế thể chế chịu trách nhiệm triển khai phương pháp tiếp cận này nhằm đạt được các thành tựu và hiện thực hóa tiềm năng của việc phụ nữ tham gia đầy đủ, cũng như bảo đảm an ninh có đáp ứng giới.

Nghiên cứu ASEAN này đề xuất các khuyến nghị cấp chính sách và chương trình WPS để tăng cường ổn định và hòa bình trong khu vực ASEAN. Nghiên cứu này cũng nhằm thể hiện mức độ phù hợp của WPS cho đông đảo độc giả trong khu vực bằng cách tổng hợp kiến thức và dữ liệu về các lĩnh vực đã có tiến bộ và bài học kinh nghiệm, đồng thời xác định các cơ hội để tạo điều kiện hơn nữa cho ASEAN tăng cường tự chủ và tham gia nhiều hơn vào chương trình nghị sự này.

COVID-19 và WPS: Tăng nhu cầu nhưng giảm quan tâm chú ý

Năm 2020, phương diện WPS đã nhấn mạnh nhu cầu cần phải có các chính sách đáp ứng giới để tập trung vào vai trò lãnh đạo chính trường của phụ nữ và nhu cầu ra quyết định bao trùm để bảo đảm ứng phó hiệu quả và toàn diện đối với các tác động về y tế, xã hội và kinh tế của đại dịch COVID-19 toàn cầu.⁴ Tuy nhiên, nghiên cứu này đã phát hiện rằng trong thời gian đại dịch, các quốc gia ASEAN đã giảm tập trung vào WPS. Thực tế này vẫn diễn ra mặc dù đã có cải thiện trong nhận thức về tác động của các biện pháp hạn chế trong thời gian COVID đối với việc tăng tình trạng dễ bị tổn thương về kinh tế và mất an toàn thể chất, đặc biệt là bạo lực trên cơ sở giới, ảnh hưởng đến phụ nữ, lao động di cư và gia đình họ. Các tác động này đòi hỏi phải có các biện pháp hành pháp và an ninh đáp ứng giới hơn, cũng như cần hỗ trợ có mục tiêu cho lực lượng ứng phó tuyến đầu, trong đó gồm cả các tổ chức xã hội dân sự cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho nạn nhân bị bạo lực và các cộng đồng dễ bị tổn thương.

Các phát hiện

Nghiên cứu này có bốn phát hiện chính về các trụ cột cộng đồng và cơ quan ASEAN, cũng như 10 Quốc gia thành viên ASEAN (AMS).

1 Các Quốc gia thành viên ASEAN hiện đang triển khai hoạt động nội địa hóa chương trình nghị sự WPS phù hợp bối cảnh ASEAN, nhưng vẫn cần mở rộng hoạt động này hơn nữa.

Việc thực hiện có ý nghĩa chương trình nghị sự WPS ở các AMS có thể tăng cường trạng thái hòa bình và an ninh hiện có của khu vực thông qua việc chia sẻ và dựa trên những kinh nghiệm thành công của Quốc gia thành viên. Nghiên cứu này nêu bật các sáng kiến đổi mới sáng tạo, dựa vào bằng chứng liên quan đến sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ, ví dụ: các làng hòa bình ở Indonesia và ngăn chặn và cảnh báo sớm khủng hoảng dựa vào cộng đồng ở Philippines. Nghiên cứu này cũng nêu hai ví dụ từ các Quốc gia thành viên: 1) tiếp tục triển khai các NAP tiếp theo về WPS sau khi hoàn thành kế hoạch đầu tiên ở Philippines, dựa trên kết quả tham vấn toàn diện với CSO trên toàn quốc và 2) hợp tác với các cơ quan chính quyền ở địa phương để địa phương hóa nhiều NAP khác nhau, đồng thời lồng ghép WPS vào các Kế hoạch Hành động Quốc gia nhằm Ngăn chặn Chủ nghĩa Cực đoan Bạo lực (PVE) ở Indonesia. Trong cả hai ví dụ trên, quá trình này cho phép khu vực xã hội dân sự cùng tham gia xây dựng hành động, chính sách và cơ chế thực hiện để đẩy mạnh chương trình nghị sự WPS.

Với sự điều phối và đầu tư cấp khu vực, các sáng kiến kế hoạch hành động khác nhau này có tiềm năng được nhân rộng và sao chép thông qua Kế hoạch hành động khu vực về WPS giữa các AMS. Các sáng kiến này là bài học kinh nghiệm quan trọng cho tất cả các AMS khi cân nhắc các giá trị có thể có được khi tập trung vào WPS trong bối cảnh khác biệt của quốc gia mình. Quan hệ hợp tác đối tác giữa xã hội dân sự và chính phủ là một phần không thể thiếu trong các nỗ lực WPS thành công của AMS và là mô hình tích cực để ASEAN phát triển thông qua Hội nghị CSO ASEAN và APF. Việc cùng nhau quy tụ một cộng đồng thực hành WPS của khu vực ASEAN gồm cơ quan chính phủ, ngành an ninh, các chuyên gia học thuật và CSO có thể tạo điều kiện hơn nữa cho các quan hệ đối tác và quản trị đa bên nhằm có được thành công chính sách.

2 Các mạng lưới kiến tạo hòa bình, gìn giữ hòa bình, xây dựng hòa bình là những bước tiến mới trong khu vực ASEAN, dù vẫn còn có khoảng trống trong công tác lãnh đạo ngành an ninh và đại diện trong quản trị.

Chương trình nghị sự WPS ghi nhận vai trò quan trọng của việc phụ nữ tham gia trong các cơ chế hòa bình và an ninh chính thức và các quá trình ra quyết định. Nghiên cứu này thấy rằng đã có những thành tựu quan trọng về sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực hòa bình và an ninh ở ASEAN. Đáng chú ý, tính đến tháng 12 năm 2020, đã có 336 nữ binh sĩ gìn giữ hòa bình trong tổng số 4.882 quân nhân từ khu vực ASEAN tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Các cơ sở đào tạo về gìn giữ hòa bình trong khu vực có tiềm năng tăng cường tập huấn về giới. Indonesia đã ủng hộ đề xuất Nghị quyết 2538 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc - nghị quyết đầu tiên về phụ nữ và gìn giữ hòa bình. Được thông qua vào ngày 29 tháng 8 năm 2020, Nghị quyết này khuyến khích các Quốc gia thành viên “xây dựng các chiến lược và biện pháp để tăng cường triển khai nữ quân nhân tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình” thông qua cung cấp khả năng tiếp cận thông tin và tập huấn, đồng thời thông qua việc “xác định và giải quyết các rào cản trong tuyển quân, triển khai hành động và thăng chức của các nữ quân nhân gìn giữ hòa bình.”⁵

Liên quan tới kiến tạo hòa bình, trong các cuộc đàm phán Kênh 1 giữa chính phủ Philippines và Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro (MILF), phụ nữ đã chiếm tới 40% trong số các nhà đàm phán hòa bình, 69% trong ban thư ký và 60% trong nhóm pháp lý, điều này cho thấy có thể đạt được trạng thái gần cân bằng giới. Đồng thời, phụ nữ đã lãnh đạo và hỗ trợ các sáng kiến xây dựng hòa bình Kênh 2.0 tại Indonesia, Thái Lan và Philippines.

Ở cấp độ khu vực, việc thành lập Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR) vào năm 2018 đã ghi nhận vai trò quan trọng của việc phụ nữ tham gia vào các tiến trình hòa bình chính thức và đã cải thiện hồ sơ của các nữ hòa giải viên. Mạng lưới N-Peace - do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thành lập - cũng đã ghi nhận thành tựu quan trọng của lực lượng phụ nữ xây dựng hòa bình ở các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương, gồm cả Myanmar và Indonesia, thông qua một chiến dịch trao giải thường niên kể từ năm 2010. Mạng lưới Phụ nữ Xây dựng Hòa bình Đông Nam Á có tiềm năng cung cấp một nền tảng quan trọng để tham gia vào các tiến trình hòa bình, gồm cả các mối liên kết với xã hội dân sự và các tổ chức của phụ nữ.⁶

Bên cạnh những thành công, nghiên cứu này cũng phát hiện rằng vẫn còn những khoảng trống về sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực an ninh và ra quyết định và rằng 7 trong số 10 AMS không có cơ chế chính thống để bảo đảm bao trùm giới trong hoạt động lãnh đạo liên quan tới hòa bình và an ninh.

Bảo đảm phương pháp tiếp cận của ASEAN về hòa bình và an ninh cho tất cả mọi người sẽ đòi hỏi nam giới phải trở thành những người ủng hộ WPS. Mục đích cơ bản của WPS là ngăn chặn tình trạng mất an ninh và bạo lực bằng cách khai thác tiềm năng của cả phụ nữ và nam giới, đồng thời giải quyết bất bình đẳng giới mang tính cấu trúc và các chuẩn mực giới mang tính phân biệt đối xử - đây là những rào cản cản trở hòa bình bền vững.

3 Lăng kính WPS ngày càng được áp dụng nhiều hơn để ngăn chặn và chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực (P/CVE) và các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhưng vẫn còn những khoảng trống trong việc bảo vệ và giải quyết bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới trong bối cảnh xung đột và khủng hoảng và trong các phương pháp tiếp cận để ngăn chặn khủng hoảng.

WPS là một khung phù hợp và hữu ích để tăng cường phòng ngừa, dự phòng và ứng phó một loạt các cuộc khủng hoảng. Nghiên cứu này cho thấy các AMS có kinh nghiệm áp dụng các quan điểm bao trùm giới để ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực, buôn bán người (TIP), quản lý thảm họa cấp khu vực và ứng phó biến đổi khí hậu, cũng như các tình huống khẩn cấp và đại dịch y tế cộng đồng. ASEAN có cơ hội để kiện toàn các quan điểm giới được áp dụng cho các vấn đề an ninh phi truyền thống này và để điều phối một phương pháp tiếp cận an ninh khu vực có tính đáp ứng giới thông qua sứ mệnh thể chế và cơ chế giải trình trách nhiệm về WPS.

Theo nghiên cứu này, cần giải quyết các khoảng trống về nhiệm vụ bảo vệ có tính bao trùm giới trong khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh rối ren nhiều thách thức khi mà tảo hôn, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục và phân biệt đối xử không được báo cáo đầy đủ và bị coi nhẹ. Để thu hẹp khoảng trống này, chính sách Làng/Xã an toàn của Campuchia là một phương pháp tiếp cận hữu ích, có mục đích đấu tranh chống một loạt các hình thức BLG, gồm cả buôn bán người và bạo lực gia đình, cũng như mối liên hệ của chúng với tội phạm xuyên quốc gia.

ASEAN có thể dựa vào Kế hoạch Hành động Khu vực hiện có về Chấm dứt Bạo lực đối với Phụ nữ (EVAW) để hỗ trợ các Quốc gia thành viên giải quyết bạo lực tình dục và bạo lực giới trong khủng hoảng và các tình huống xuyên biên giới bằng cách thực thi luật và các biện pháp trừng phạt, đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục và giảm kỳ thị cho nạn nhân/người bị bạo lực. Đồng thời trong quá trình triển khai WPS trong khu vực, cần chú trọng hơn đến phòng ngừa và công nhận các nữ hòa giải viên trong việc giảm nhẹ khủng hoảng và leo thang xung đột.

4 Các Trụ cột Cộng đồng Chính trị - An ninh, Kinh tế và Văn hóa – Xã hội của ASEAN đều đã bước đầu thực hiện nội dung WPS, tạo nền móng cho việc tiếp tục thể chế hóa và hội nhập khu vực. Chương trình nghị sự WPS được lồng ghép nhiều trong các cơ quan của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và đang ở giai đoạn phát triển ban đầu trong Cộng đồng Chính trị - An ninh, khi mà Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN (ASEAN-IPR) và Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR) đã đưa lăng kính giới vào các vấn đề hòa bình và an ninh, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong việc thúc đẩy hòa bình. Để bảo đảm một khu vực hòa bình và an toàn hơn cho tất cả mọi người, lãnh đạo ASEAN giờ đây cần thúc đẩy các hành động có mục tiêu nhằm lồng ghép phân tích giới và thể chế hóa chương trình nghị sự WPS trong toàn bộ các cơ quan chuyên ngành, các bộ phận và thực thể của ASEAN. Cần có một khung cấp khu vực để cho phép trao đổi, điều phối và nhân rộng các thực tiễn và bài học WPS thành công dựa vào bằng chứng trên toàn khu vực ASEAN.

Khuyến nghị

Các khuyến nghị của nghiên cứu **nhấn mạnh năm cơ chế và hành động chính cần thiết để tiếp tục thực hiện chương trình nghị sự WPS của ASEAN** nhằm tạo ra những thành tựu lớn hơn vì hòa bình và an ninh khu vực trong tương lai và nâng cao vị thế của ASEAN trong các cuộc tranh luận toàn cầu về hòa bình và an ninh.

- **Xây dựng Kế hoạch hành động khu vực WPS của ASEAN** với các mục đích, mục tiêu, hoạt động, chỉ số cụ thể và cơ chế thể chế khu vực để thực hiện và điều phối các hành động này trong các trụ cột và lĩnh vực của ASEAN, qua đó phản ánh rằng chương trình nghị sự WPS phù hợp và có thể áp dụng trong ASEAN ở các bối cảnh khác nhau chứ không chỉ áp dụng trong bối cảnh xung đột vũ trang theo quan niệm truyền thống. Thống nhất về khung thời gian thúc đẩy việc thông qua các Kế hoạch hành động quốc gia của tất cả các AMS. Đây là một trong những ưu tiên chính được nhấn mạnh trong tuyên bố báo chí của Chủ tịch Hội nghị hẹp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN vào tháng 1 năm 2021.⁷
- **Lồng ghép giới như một vấn đề xuyên suốt** trong các trụ cột của cộng đồng ASEAN và các cơ quan chuyên ngành và trong phân tích các vấn đề chính sách truyền thống và phi truyền thống về

hòa bình và an ninh khu vực bằng cách áp dụng các khung đáp ứng giới và nâng cao năng lực, ví dụ: trong “Một ASEAN - Một biện pháp ứng phó”, để giám sát rủi ro và tiến hành cảnh báo sớm thảm họa, khủng bố và xung đột sắp xảy ra. Việc lồng ghép như vậy sẽ tạo điều kiện phối hợp liên ngành về WPS trong chính sách chiến lược, lập kế hoạch và xây dựng chương trình giữa các thực thể chính như Ủy ban ASEAN về Quản lý Thảm họa, Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia, ASEAN-IPR và AWPR.

- **Bảo đảm phương pháp tiếp cận của ASEAN về hòa bình và an ninh dành cho tất cả mọi người** bằng cách khuyến khích các nhà lãnh đạo nam trở thành những người ủng hộ và đồng minh trong công tác bao trùm giới trong quá trình ra quyết định về hòa bình và an ninh, cũng như xác lập mục tiêu để tăng cường vai trò đại diện của phụ nữ trong tất cả các cơ quan hòa bình và an ninh của ASEAN và các Quốc gia thành viên, kể cả ở cấp cao nhất. Các biện pháp như thế sẽ rất quan trọng để đạt được cơ chế quản trị có tính bao trùm giới và hòa bình bền vững, cũng như thực hiện các cam kết lồng ghép giới và WPS của ASEAN.
- **Xây dựng năng lực thể chế và cam kết về WPS** qua các hoạt động nâng cao kiến thức, đối thoại khu vực và tham gia quốc tế, đặc biệt là trong ASEAN-IPR và AWPR, cũng như trong tất cả các cơ quan chuyên ngành có nhiệm vụ WPS rõ ràng, ví dụ: Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phụ nữ, Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW), ACWC và Nhóm cố vấn WPS. Cần tăng cường năng lực thể chế để phân tích WPS và ứng phó tình trạng mất an ninh do giới trong tất cả các Quốc gia thành viên ASEAN, các lĩnh vực an ninh, các trường đại học và các viện nghiên cứu khác cũng như các chủ thể xã hội dân sự. Điều này là cần thiết để xây dựng một cộng đồng thực hành có khả năng thực hiện các chỉ tiêu đáp ứng giới về những bất ổn của quốc gia và khu vực và thúc đẩy hơn nữa phương pháp tiếp cận WPS của ASEAN.
- **Nâng cao nhận thức** của người dân và khối xã hội dân sự **về phương pháp tiếp cận WPS của ASEAN** thông qua các phương tiện truyền thông, chương trình thông tin, nghệ thuật và văn hóa phổ biến, trong đó thừa nhận mối liên hệ giữa bình đẳng giới và hòa bình trong khu vực và tán dương sự lãnh đạo trong hoạt động WPS của nam giới và phụ nữ ở tất cả các cấp.

PHẦN 1

Tổng quan về Phụ nữ, Hòa bình và An Ninh

Cách đây 25 năm, Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh (1995), được coi là bản kế hoạch tiến bộ nhất nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, đã liệt kê “Phụ nữ và Xung đột vũ trang”, trong đó có tác động của chiến tranh và bạo lực đối với phụ nữ là một trong 12 lĩnh vực quan trọng cần quan tâm. Năm năm sau hội nghị Bắc Kinh, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (LHQ) đã thông qua Nghị quyết 1325 về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS), trong đó nhấn mạnh một lần nữa mối quan ngại về tác động của xung đột bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nhưng bổ sung thêm quyền và năng lực của phụ nữ để đảm nhận vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa và giải quyết xung đột, thiết lập và xây dựng hòa bình. Điều này đòi hỏi phải xem xét các quan niệm về nam tính và nữ tính dẫn đến việc làm giảm giá trị của phụ nữ ở nhà, tại nơi làm việc và trong các không gian xã hội khác, trong đó có không gian công cộng. Nghị quyết thúc đẩy vai trò của phụ nữ như là tác nhân thay đổi vì một xã hội hòa bình và công bằng, đồng thời ưu tiên bảo vệ quyền con người của phụ nữ trong các môi trường bị ảnh hưởng bởi xung đột và sau xung đột, đặc biệt là để giải quyết bạo lực tình dục. Hai văn kiện này xác định rằng bạo lực và chiến tranh có tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới, do đó hòa bình và an ninh chỉ có thể đạt được khi có sự tham gia có ý nghĩa của cả nam và nữ.

Các nghiên cứu phân tích yếu tố dự đoán sự ổn định chỉ ra rằng bình đẳng giới là một chỉ số tốt hơn để đo lường hòa bình của một quốc gia so với các yếu tố khác như tổng sản phẩm quốc nội, dân chủ hoặc tôn giáo.⁸ Khi phụ nữ được trao quyền nhiều hơn, nhà nước ít có khả năng gặp phải xung đột dân sự hoặc chiến tranh với các nước láng giềng. Bình đẳng giới là một chỉ số dự đoán mạnh mẽ cho hòa bình lâu dài. Năm 2014, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã xếp hạng 17 quốc gia có mức độ phân biệt đối xử “rất cao” trong các thiết chế xã hội, trong

“Lý do của việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới là an ninh của phụ nữ và tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các quá trình ra quyết định công chính là động lực cốt lõi của an ninh và hòa bình của các quốc gia.”

A. M. Goetz

đó có bộ luật gia đình mang tính phân biệt đối xử quyền tự do dân sự bị hạn chế và hạn chế tiếp cận các nguồn lực.⁹ Trong 17 quốc gia đứng cuối bảng xếp hạng chỉ số của OECD có 14 quốc gia đã trải qua xung đột trong hai thập kỷ qua.¹⁰

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ, gồm cả đại diện trong các vị trí lãnh đạo và ra quyết định, dẫn đến mức độ hòa bình cao hơn và kết quả phát triển tốt hơn cho xã hội. Khả năng lãnh đạo chính trị của phụ nữ tương quan với việc ra quyết định toàn diện hơn, giảm xung đột và thiết lập nền hòa bình lâu dài hơn. Thực tế cũng đã chứng minh rằng phụ nữ tham gia nhiều hơn trong các hoạt động cũng giảm nguy cơ xảy ra nội chiến và khi quốc hội có tỷ lệ phụ nữ tham gia tăng 5%, quốc gia sẽ có nhiều khả năng ít sử dụng bạo lực hơn 5 lần khi phải đối mặt với khủng hoảng quốc tế.¹¹ Trên thực tế, tỷ lệ phụ nữ tham gia quốc hội càng cao thì khả năng nhà nước thực hiện các hành vi vi phạm nhân quyền càng thấp.¹² Bằng chứng cho thấy các quy trình bao trùm giải quyết các động lực cơ bản và các tác nhân gây xung đột một cách tốt hơn, giúp xây dựng và xác định các năng lực phục hồi cần thiết để củng cố và duy trì liên tục trạng thái hòa bình.¹³ Một nghiên cứu trên 58 quốc gia bị ảnh hưởng bởi xung đột từ năm 1980 đến 2003 cho thấy khi không có phụ nữ nào đại diện trong cơ quan lập pháp, nguy cơ tái diễn xung đột sẽ tăng lên theo thời gian, nhưng “khi 35% thành viên cơ quan lập pháp là nữ, mối quan hệ này hầu như biến mất và nguy cơ tái diễn xung đột gần như bằng 0”.¹⁴ Đối với các quốc gia tham gia vào các tiến trình hòa bình và chuyển đổi, sự tham gia của phụ nữ giúp đạt được và duy trì các thỏa thuận hòa bình.

Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) nhằm mục đích nâng cao vai trò của phụ nữ trước, trong và sau xung đột, đồng thời nâng cao vai trò của phụ nữ như là tác nhân thay đổi thay vì được nhìn nhận đơn thuần là nạn nhân.

Trên phạm vi toàn cầu, các quốc gia đã có nhiều tiến triển trong thúc đẩy WPS, nhưng tốc độ không đủ nhanh. Kể từ năm 1995, 17 khung quy phạm mang tính bước ngoặt, bao gồm 10 nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã nhấn mạnh rằng phụ nữ là yếu tố sống còn trong ngăn ngừa xung đột, kiến tạo và xây dựng hòa bình. Các Kế hoạch Hành động Quốc gia (NAP) đang thúc đẩy quá trình này. Cho đến nay, đã có 83 quốc gia và vùng lãnh thổ có NAP về WPS nhưng chỉ có 18 quốc gia (22%) cam kết ngân sách cho các kế hoạch đó. Năm 2020, Liên hợp quốc xác định phụ nữ chỉ chiếm 3% trong lực lượng hòa giải viên và 13% lực lượng đàm phán viên trong các cuộc đàm phán hòa bình chính thức từ năm 1992 đến 2018.¹⁵ Sự loại trừ, phân biệt đối xử và gạt ra bên lề xã hội tạo ra mảnh đất màu mỡ cho tình trạng cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bao gồm cả việc huy động bạo lực. Xung đột, đến lượt mình, có thể làm tăng thêm tình trạng bị gạt ra ngoài lề và bị loại trừ vì nhiều người phải lánh nạn hoặc trở nên dễ bị tổn thương hơn bởi bạo lực.

Mặc dù gần đây chúng ta đã chứng kiến nhiều trường hợp phụ nữ gây ra tình trạng cực đoan bạo lực hơn, nhưng họ cũng đóng vai trò tác nhân mạnh mẽ cho hòa bình. Nhiều phụ nữ hơn đã và đang dẫn dắt thực hiện các giải pháp dựa vào cộng đồng, hỗ trợ gia đình và cộng đồng ứng phó các tình huống khẩn cấp và khủng hoảng, xác định các dấu hiệu cảnh báo sớm tình trạng cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan, thu hút sự tham gia của giới trẻ và xây dựng sự gắn kết xã hội. Trên khắp thế giới, các trào lưu chính thống thường nhắm mục tiêu đến phụ nữ đầu tiên nhưng chính phụ nữ lại là những người đầu tiên đứng lên chống lại chủ nghĩa khủng bố. Phụ nữ thúc đẩy đối thoại và xây dựng lòng tin. Do thường được nhìn nhận là người trung gian trung thực trong các tiến trình hòa bình, nên phụ nữ được tiếp cận với các bên xung đột trong khi vai trò này thường không được trao cho các lãnh đạo nam. Bằng chứng cho thấy sự tham gia của phụ nữ mang lại tác động lớn nhất trong dài hạn: một thỏa thuận có 35% khả năng kéo dài ít nhất 15 năm hơn nếu phụ nữ tham gia vào quá trình xây dựng thỏa thuận này.¹⁶

1.1 Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc

Để ứng phó với áp lực hàng thập kỷ từ xã hội dân sự và các tổ chức cấp cơ sở của phụ nữ, năm 2000, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 1325 (UNSCR 1325). Nghị quyết quan trọng này là chính sách quốc tế đầu tiên thừa nhận tác động của

xung đột đối với phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời kêu gọi bảo vệ phụ nữ và để phụ nữ tham gia đầy đủ vào các tiến trình hòa bình, nhờ vậy phụ nữ có thể đóng góp đáng kể vào việc duy trì và thúc đẩy hòa bình và an ninh quốc tế.

Cụ thể, UNSCR 1325 xác định bốn trụ cột dưới đây cho chương trình nghị sự phụ nữ, hòa bình và an ninh:

Tham gia: Kêu gọi tăng cường sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các cấp ra quyết định, bao gồm trong các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế; trong các cơ chế ngăn ngừa, quản lý và giải quyết xung đột; trong các cuộc đàm phán hòa bình; trong các hoạt động hòa bình, với tư cách là binh lính, cảnh sát và dân thường; và với tư cách là Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Bảo vệ: Đặc biệt kêu gọi bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm trong các tình huống khẩn cấp và nhân đạo, chẳng hạn như trong các trại tị nạn.

Phòng ngừa: Kêu gọi cải thiện các chiến lược can thiệp phòng chống bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm cả việc truy tố các cá nhân tổ chức chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm luật pháp quốc tế; tăng cường quyền của phụ nữ trong pháp luật quốc gia và hỗ trợ các sáng kiến hòa bình và quy trình giải quyết xung đột của phụ nữ địa phương.

Cứu trợ và phục hồi: Kêu gọi thúc đẩy các biện pháp cứu trợ và phục hồi để giải quyết các cuộc khủng hoảng quốc tế thông qua lăng kính giới, bao gồm bằng cách tôn trọng bản chất dân sự và nhân đạo của các trại tị nạn, đồng thời xem xét nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái trong việc thiết kế các trại tị nạn và các khu định cư.

UNSCR 1325 là một nghị quyết mang tính bước ngoặt về nhiều mặt, trong đó có việc công nhận rộng rãi hơn các chủ thể không chỉ là chính phủ và các quốc gia trong các cuộc xung đột hiện đại. Nghị quyết, thông qua bốn trụ cột, đưa ra một loạt các lựa chọn chính sách trong đó có cho cả phụ nữ cũng như các quan điểm giới, trong các cuộc thảo luận này. Việc thông qua nghị quyết cũng là một sự công nhận mạnh mẽ vào thời điểm đó về sức mạnh của xã hội dân sự, đặc biệt là các nhóm phụ nữ trong việc định hình ngăn ngừa, giải quyết xung đột và tái thiết sau bạo lực.

Hình 1: Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ và các Nghị quyết tiếp theo kể từ năm 2000

Kể từ năm 2000, Hội đồng Bảo an LHQ đã thông qua 10 nghị quyết bổ sung về WPS. Các nghị quyết này cùng nhau đưa ra nguyên tắc cho chương trình nghị sự WPS trên toàn cầu.

- **1325 (2000)** – UNSCR đầu tiên công nhận “tác động của xung đột vũ trang đối với phụ nữ và trẻ em gái” và kêu gọi các quốc gia “bảo vệ và tham gia đầy đủ các tiến trình hòa bình, (mà) có thể đóng góp đáng kể vào việc duy trì và thúc đẩy hòa bình và an ninh quốc tế.”
 - **1820 (2008)** – Công nhận bạo lực tình dục là một sách lược chiến tranh và là thách thức trực tiếp đối với hòa bình và an ninh quốc tế. Kêu gọi huấn luyện quân đội gìn giữ hòa bình và các lực lượng an ninh về ngăn ngừa và ứng phó bạo lực tình dục.
 - **1888 (2009)** – Thành lập Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký và một nhóm chuyên gia về pháp quyền và bạo lực tình dục trong xung đột, đồng thời kêu gọi cải thiện giám sát và phối hợp thực hiện các nghị quyết về WPS.
 - **1889 (2010)** – Kêu gọi tăng cường việc thực hiện nghị quyết 1325 và nâng cao khả năng giám sát và báo cáo.
 - **1960 (2010)** – Tăng cường cơ chế giám sát và báo cáo về bạo lực tình dục trong xung đột.
 - **2106 (2013)** – Thực hiện các nghĩa vụ hiện tại trong việc chống bạo lực tình dục trong xung đột.
 - **2122 (2013)** – Tái khẳng định bình đẳng giới là quan trọng đối với hòa bình và an ninh quốc tế, thừa nhận các thiếu hụt còn tồn tại trong công tác thực hiện chương trình nghị sự WPS và công nhận các đặc điểm dễ bị tổn thương đặc thù của phụ nữ trong xung đột vũ trang.
 - **2242 (2015)** – Giải quyết các cải cách tài chính và thể chế cần thiết để thực hiện đầy đủ Nghị quyết 1325, kêu gọi tăng cường lồng ghép chương trình nghị sự WPS trong các vấn đề, nhấn mạnh công tác chống chủ nghĩa khủng bố và chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực.
 - **2467 (2019)** – Khuyến khích phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm trong công tác ngăn ngừa và ứng phó bạo lực tình dục trong xung đột và sau xung đột.
 - **2493 (2019)** – Kêu gọi thực hiện liên tục và đầy đủ chương trình nghị sự WPS, thừa nhận tầm quan trọng của tính bao trùm trong môi trường lập pháp và chính trị, đồng thời khuyến khích các phương pháp tiếp cận cụ thể của từng quốc gia để phụ nữ tham gia vào hòa bình và an ninh.
- Chỉ có 10 nghị quyết trong chương trình nghị sự WPS của Hội đồng (1325 và 9 nghị quyết tiếp theo). UN Women phản ánh tại đây: https://www.unwomen.org/en/what-we-do/peace-and-security/global-norms-and-standards#_WPS_resolutions và có thể xem tại các trang web đáng tin cậy khác giải thích về chương trình nghị sự này <http://www.peacewomen.org/why-WPS/solutions/resolutions>.

UNSCR 1325 là một nghị quyết mang tính đột phá về nhiều mặt, bao gồm cả việc công nhận rộng rãi hơn các chủ thể khác ngoài chính phủ và các quốc gia trong các cuộc xung đột hiện đại. Nghị quyết, thông qua bốn trụ cột, đưa ra một loạt các lựa chọn chính sách trong đó có cả cho phụ nữ cũng như các quan điểm giới, trong các cuộc thảo luận này. Việc thông qua nghị quyết cũng là một sự công nhận mạnh mẽ vào thời điểm đó về sức mạnh của xã hội dân sự, đặc biệt là các nhóm phụ nữ trong việc định hình ngăn ngừa, giải quyết xung đột và tái thiết sau bạo lực. Hơn nữa, đây là dịp đầu tiên cơ quan quyền lực nhất của Liên hợp quốc chính thức đề cập đến tác động của chiến tranh đối với phụ nữ và những đóng góp của phụ nữ cho hòa bình bền vững. UNSCR 1325 xác định nhu cầu phải bao gồm phụ nữ như là vấn đề an ninh hơn là vấn đề dựa trên quyền. Nghị quyết đề xuất phụ nữ tham gia giải quyết xung đột như một cách hiệu quả để đạt được hòa bình bền vững và tán thành việc đưa các nhóm xã hội dân sự vào các tiến trình hòa bình và trong công tác thực hiện các thỏa thuận hòa bình.

UNSCR 1325 được xây dựng trên nền tảng của một số công ước, văn kiện chính sách và hội nghị quốc tế, bao gồm Công ước Geneva, Công ước Liên Hợp Quốc về tình trạng của người tị nạn, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em. Hơn nữa, Nghị quyết có mối liên hệ chặt chẽ với Quy chế Rome của Tòa án Hình sự Quốc tế, Hiến chương Liên Hợp Quốc và vô số văn kiện khác của Liên Hợp Quốc bàn về xây dựng hòa bình và quản lý xung đột.

Khuyến nghị 30 của CEDAW, tập trung vào hòa bình và an ninh, yêu cầu các Quốc gia thành viên cung cấp thông tin về việc thực hiện chương trình nghị sự WPS của Hội đồng Bảo an, bao gồm bằng cách báo cáo cụ thể về công tác tuân thủ mọi tiêu chuẩn hoặc chỉ số đã được thống nhất của Liên hợp quốc được xây dựng như một phần của chương trình nghị sự này. Khuyến nghị chung 30 cũng nêu rõ việc thực hiện các nghị quyết WPS cấu thành các nghĩa vụ theo CEDAW như thế nào và rằng “việc thực hiện các nghị quyết này phải dựa trên mô hình bình đẳng thực chất và bao hàm tất cả các quyền được quy định trong Công ước.”¹⁷ Khuyến nghị yêu cầu các Quốc gia báo cáo về một số yếu tố chính của

Ghi nhận bối cảnh hòa bình và an ninh trên toàn cầu đang thay đổi, đặc biệt chủ nghĩa cực đoan bạo lực ngày càng gia tăng có thể có lợi cho chủ nghĩa khủng bố, với số lượng người tị nạn và người phải lánh nạn trong nước gia tăng, tác động của biến đổi khí hậu và bản chất tình hình đại dịch y tế thế giới; và do vậy, xin nhắc lại dự định tăng cường sự quan tâm đến phụ nữ, hòa bình và an ninh như một chủ đề xuyên suốt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động chuyên đề liên quan trong chương trình nghị sự của nghị quyết, trong đó có mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh quốc tế do các hành động khủng bố gây ra”

UNSCR 2242, thông qua năm 2015, nêu rõ phương pháp tiếp cận mở rộng đối với chương trình nghị sự WPS

chương trình nghị sự WPS, bao gồm ngăn ngừa xung đột, bạo lực trên cơ sở giới (BLG), buôn bán người, tham gia, tiếp cận giáo dục và y tế, lánh nạn, cải cách lĩnh vực an ninh (SSR), cải cách bầu cử và tiếp cận công lý.

1.2 Các vấn đề mới nổi trong chương trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh

Đại dịch COVID-19 và các thách thức khác - từ việc lánh nạn đến chủ nghĩa cực đoan - đã khiến chúng ta phải cân nhắc lại ý nghĩa của vấn đề an ninh, vấn đề này không còn chỉ gói gọn trong các nội dung liên quan đến xung đột vũ trang. Phạm vi nội dung của vấn đề an ninh đã được mở rộng hơn và bao gồm cả các mối đe dọa đối với an ninh con người, chứ không còn chỉ là các cân nhắc về an ninh quốc gia truyền thống. Kể từ khi thông qua UNSCR 1325 năm 2000, nội dung hòa bình và an ninh quốc tế đã được mở rộng, vượt ra ngoài cách diễn giải xưa cũ về tình trạng mất an ninh và bất ổn. Giờ đây chương trình nghị sự WPS cũng đã được mở rộng theo, bao gồm cả việc phân tích vai trò của phụ nữ trong các vấn đề mới nổi mà trước đây không được xem là một phần nội dung của lĩnh vực an ninh. Khái niệm này bao gồm nỗ lực giải quyết chủ nghĩa cực đoan bạo lực và chủ nghĩa khủng bố, khủng hoảng khí hậu, an ninh y tế toàn cầu và các vấn đề mới nổi khác đang ngày càng được đưa vào chính sách an ninh quốc tế.

Ngoài việc duy trì các nghĩa vụ quan trọng liên quan đến bảo vệ quyền của phụ nữ và bình đẳng giới mà thường gắn với các UNSCR WPS, CEDAW cũng đã cập nhật các yêu cầu nhằm giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực này, trong đó có các thách thức như buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, cũng như giải quyết nhu cầu của người lánh nạn và người tị nạn. WPS là một vấn đề xuyên suốt trong lĩnh vực an ninh và có ý nghĩa đối với nhiều các cân nhắc về an ninh, bao gồm:

Ngăn ngừa và chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực (P/CVE). Phụ nữ đóng vai trò có một không hai trong việc truyền bá và khắc sâu một hệ tư tưởng và một số phụ nữ đã uơm mầm cho nhiều hành động tàn bạo chống lại các cộng đồng địa phương.¹⁸ Phụ nữ và trẻ em gái có thể là nạn nhân của bạo lực tình dục hoặc bạo lực trên cơ sở giới, nhưng lại cũng có thể là kẻ tuyển mộ, gây quỹ và thủ phạm — và các tổ chức khủng bố quốc tế, chẳng hạn như Nhà nước Hồi giáo Iraq và Levant hiểu được thực tế này và tận dụng nó.¹⁹ UNSCR 2242 kêu gọi các quốc gia tiến hành các nghiên cứu mang tính đáp ứng giới và thu thập dữ liệu về sự cực đoan hóa của phụ nữ cũng như về tác động của các chiến lược chống khủng bố đối với quyền của phụ nữ. Kế hoạch hành động (POA) của Tổng thư ký Liên hợp quốc nhằm ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực kêu gọi các quốc gia bảo vệ và trao quyền cho phụ nữ.²⁰

Tác động của đại dịch trong các bối cảnh nhân đạo và bối cảnh rối ren nhiều thách thức. Đại dịch COVID-19 đã gia tăng rủi ro cho phụ nữ và trẻ em gái trong các bối cảnh nhân đạo, rối ren nhiều thách thức và bị ảnh hưởng bởi xung đột. Các chương trình y tế quan trọng, chương trình nhân đạo và phát triển bị gián đoạn, có thể gây ra các hậu quả về sinh mạng hoặc tử vong và có thể hạn chế phụ nữ và trẻ em gái tiếp cận các quyền và sức khỏe sinh sản tình dục, đặc biệt là khi hệ thống y tế có thể đã quá tải hoặc nói chung không tồn tại.²¹ Trong nỗ lực thực hiện vai trò giới của mình, phụ nữ thường đảm nhận công việc nuôi con, chăm sóc gia đình và mạng lưới người quen, gia tăng nguy cơ lây nhiễm trong tình hình dịch bệnh.²² Hơn nữa, các nhà vận động cho chương trình nghị sự WPS có chuyên môn về các giải pháp an ninh cần thiết để ngăn ngừa và ứng phó dịch bệnh thành công, trong đó có thiết lập các mạng lưới ở địa phương, quốc gia và khu vực, thúc đẩy những thay đổi công bằng trong cấu trúc an ninh, thu hút và trao quyền cho các cộng đồng bị thiệt thòi.²³

Người di cư, tị nạn và lánh nạn. Từ năm 2000 đến năm 2015, số lượng người di cư quốc tế đã tăng 41%, đạt con số 244 triệu người²⁴, trong đó phụ nữ và trẻ em gái chiếm một nửa số người tị nạn trên thế

giới.²⁵ Phụ nữ thường là những người phản ứng đầu tiên trong một cuộc khủng hoảng và cho dù trên đường tị nạn hay trong các trại tị nạn, ở quốc gia đi hay quốc gia đến, thì họ cũng đảm nhận vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, duy trì và xây dựng lại cộng đồng của họ.²⁶

Buôn bán (người, ma túy, vũ khí). Chỉ riêng trong năm 2016, Liên hợp quốc đã phát hiện gần 25.000 nạn nhân bị buôn người, 72% trong số đó là phụ nữ và trẻ em gái - và con số này không phản ánh nhiều trường hợp chưa được báo cáo. Trên phạm vi toàn cầu, ước tính có khoảng 40,3 triệu người bị lừa gạt đưa vào chế độ nô lệ hiện đại trong năm 2016.²⁷ Nô lệ hóa phụ nữ và trẻ em gái thông qua hoạt động buôn bán và nhằm mục đích buôn bán là một phương pháp để bọn cực đoan thúc đẩy xung đột, nâng cao doanh thu và khả năng quân sự của chúng. Buôn bán người, cũng như ma túy và vũ khí thúc đẩy tình trạng phải lánh nạn, gây mất ổn định cộng đồng và phá hoại các thể chế quốc tế khi lực lượng gìn giữ hòa bình tỏ ra tiếp tay cho các hoạt động này.

Biến đổi khí hậu và mất an ninh khí hậu. Số người phải lánh nạn do các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt nhiều hơn gấp bốn lần so với do xung đột.²⁸ Biến đổi khí hậu có khả năng làm trầm trọng thêm xung đột - đặc biệt khi nguồn tài nguyên thiên nhiên còn hạn chế - và gia tăng bất ổn chính trị. Phụ nữ và trẻ em có nhiều khả năng tử vong hoặc bị thương cao gấp 14 lần trong các vụ thiên tai.²⁹ Theo Dilruba Haider của UN Women “Do phụ nữ có tình trạng kinh tế xã hội thấp hơn, khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và sở hữu tài sản thiếu công bằng, ngoài ra phụ nữ còn phải chịu thêm gánh nặng là người chăm sóc chính và những bất bình đẳng nói chung khác trong cuộc sống hàng ngày, nên phụ nữ thiếu khả năng đối phó các cú sốc. Thực trạng này cũng gây ra thêm nhiều vi phạm quyền và phẩm giá của phụ nữ, ví dụ như buôn bán người, tảo hôn, bóc lột tình dục và cưỡng bức lao động.”³⁰

Khai thác khoáng sản và tài nguyên. Giao thương khoáng sản và các mặt hàng khác đã có vai trò trung tâm trong việc tài trợ và thúc đẩy một số cuộc xung đột chết chóc nhất trên thế giới. Khi các cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát tài sản khoáng sản trở nên bạo lực, phụ nữ bị ảnh hưởng một cách khác biệt. Ví dụ, khi các thợ mỏ thay đổi dòng nước hoặc làm ô nhiễm đất, phụ nữ gặp khó khăn hơn trong việc tìm kiếm nguồn nước và thức ăn. Do phải di dời lánh nạn, phụ nữ mất đi sinh kế truyền thống và thường không thể đáp ứng nhu cầu mà đất đai đã từng mang lại hoặc không thể bù đắp nguồn thu nhập bị mất từ nền kinh tế hợp pháp.

Công nghệ và an ninh mạng. Sự thiếu hụt toàn cầu về nhân viên an ninh mạng ước tính sẽ lên tới 1,8 triệu người vào năm 2022. Nếu các cơ quan chính phủ cũng như khu vực tư nhân không chủ động tích cực tuyển dụng phụ nữ thì họ đang lãng phí nguồn nhân tài đầy tiềm năng dồi dào này và bỏ lỡ tính đa dạng trong tư duy của nguồn nhân lực này.³¹ Trong lĩnh vực an ninh mạng, phụ nữ phải đối mặt với tình trạng phân biệt đối xử ngày càng gia tăng. Khi được khảo sát về thực trạng bị tước quyền trong lĩnh vực An ninh thông tin, 51% phụ nữ (so với chỉ 15% nam giới) cho biết họ đã bị phân biệt đối xử.³²

Ở mọi cấp độ, phụ nữ phải đối mặt với các hành vi quấy rối và đe dọa trực tuyến, bao gồm từ các chính trị gia, các nhà hoạt động bảo vệ nhân quyền và những người sử dụng mạng thông thường. Trong một số trường hợp, các hành vi trực tuyến này đã dẫn đến tấn công thể chất. Đại dịch COVID-19 đã bộc lộ những thách thức ngày càng tăng về an ninh mạng, trong đó có sự gia tăng đột biến trong việc bóc lột và lạm dụng tình dục trực tuyến đối với phụ nữ và trẻ em gái. Trong khi tuyển dụng trực tuyến là một chiến thuật quan trọng được các tổ chức cực đoan bạo lực sử dụng, nhưng những than phiền mới liên quan đến đại dịch COVID-19 đã dẫn đến nhiều động cơ hơn cho sự cực đoan hóa và tăng tính dễ bị tổn thương đối với việc tuyển dụng. Chương trình nghị sự WPS có thể đưa ra một cách tiếp cận riêng để bảo đảm thế giới mạng mang tính bao trùm giới, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái.³³

1.3 Các tổ chức khu vực khác

LHQ cung cấp nền tảng đa phương để thúc đẩy thực hiện khung quy phạm toàn cầu về WPS, bao gồm Nghị quyết 1325 và 9 nghị quyết tiếp theo đã được Hội đồng Bảo an LHQ thông qua. LHQ cũng hỗ trợ các Quốc gia thành viên trong việc chuyển các cam kết này thành hành động ở cấp quốc gia và địa phương, bao gồm thúc đẩy sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ trong các cuộc đàm phán chính trị, xây dựng hòa bình và đàm phán hòa bình cũng như tăng cường sự tham gia với các tổ chức xã hội dân sự của phụ nữ.

Nhiều tổ chức đa phương và tổ chức khu vực như Liên minh châu Âu (EU), Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Liên minh châu Phi cũng tập

trung cho nỗ lực thúc đẩy hòa bình và an ninh. Một số tổ chức tập trung đặc biệt vào thiết lập và xây dựng hòa bình, trong khi các tổ chức khác có nhiệm vụ thúc đẩy hợp tác an ninh khu vực và quốc tế.

Trong khi hầu hết các tổ chức đa phương đã thông qua các tuyên bố thừa nhận UNSCR 1325 và chương trình nghị sự WPS, nhưng hầu hết các tuyên bố này vẫn là các cam kết mang tính hình thức. Vẫn cần nhiều hành động để chuyển các tuyên bố chính sách này thành hành động thực tế để thực hiện và thúc đẩy các mục tiêu WPS. Các tổ chức đa phương khác nhau diễn giải nội dung an ninh và UNSCR 1325 theo các cách khác nhau dựa trên các mục tiêu và nhiệm vụ của khu vực và tổ chức. Phần lớn các tổ chức đa phương chưa lồng ghép đầy đủ vấn đề giới vào các cơ chế của họ, điều này làm hạn chế sự thích ứng chiến lược của các nguyên tắc UNSCR 1325 vào các ưu tiên của khu vực hoặc tổ chức.

Mỗi thể chế đa phương này có nhiệm vụ và cấu trúc riêng và khó có thể so sánh trực tiếp với ASEAN. Tuy nhiên, các cách tiếp cận khác nhau đối với WPS mà mỗi tổ chức này đã thực hiện có thể đưa ra một số quan điểm hướng dẫn mà các quốc gia thành viên (AMS) và các tổ chức trong ASEAN có thể muốn cân nhắc trong bất kỳ cách tiếp cận nào nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực ASEAN.



Ảnh: LHQ/Eskinder Debebe

PHẦN 2

Mục đích, phạm vi và phương pháp luận nghiên cứu

2.1 Mục đích

Nghiên cứu này gắn kết với một số đánh giá và tranh luận chính sách lớn bắt đầu vào năm 2020, bao gồm các cuộc thảo luận liên quan đến kỷ niệm 20 năm UNSCR 1325, kỷ niệm 25 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Bắc Kinh, và đánh dấu 5 năm kể từ khi Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của Chương trình Nghị sự 2030 vì Phát triển Bền vững được thông qua.

Năm 2017, các Quốc gia thành viên ASEAN (AMS) đã cùng ban hành Tuyên bố chung về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN. “*Tuyên bố chung có ý nghĩa quan trọng vì đây là lời khẳng định đầu tiên của khu vực về sự ủng hộ đối với chương trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh*”, Tổng thư ký ASEAN, Dato Lim Jock Hoi cho biết. Kể từ năm 2017, động lực của chương trình nghị sự WPS của khu vực đã phát triển, đặc biệt là trong Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC), với các hoạt động do Ủy ban ASEAN về Phụ nữ (ACW), Ủy ban ASEAN về Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em (ACWC) chủ trì, và việc thành lập Nhóm Cố vấn An ninh, Hòa bình và Phụ nữ ASEAN, một nhóm công tác nội bộ gồm các đại diện ACW và ACWC từ AMS (xem Phụ lục).

Để hỗ trợ AMS tiếp tục thực hiện Tuyên bố chung, Chính phủ Hoa Kỳ thông qua Dự án Đối tác về Tối ưu hóa hợp tác khu vực trong các Cộng đồng văn hóa xã hội và an ninh chính trị (PROSPECT) giữa ASEAN và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã thực hiện Nghiên cứu Khu vực này về WPS ở ASEAN. Nghiên cứu này đánh giá các tiến bộ và xu hướng, khảo sát các thách thức dai

dẳng và mới nổi, đồng thời nắm bắt các bài học kinh nghiệm trong khu vực. Nghiên cứu này nhằm hỗ trợ AMS, các tổ chức ASEAN và các bên liên quan tới WPS trong việc huy động và đẩy nhanh hành động trong việc thực hiện Tuyên bố chung và hướng tới một phương thức có hệ thống hơn thông qua các khuyến nghị dựa trên bằng chứng chỉ dẫn cho cả các nhà hoạch định chính sách và các nhà thực thi chính sách.

2.2 Phạm vi

Chương trình PROSPECT do USAID tài trợ phối hợp với ASEAN và UN Women đã thuê tổ chức All In for Development (*All In*) thực hiện một nghiên cứu toàn diện trong khu vực về tình hình thực hiện chương trình nghị sự WPS ở ASEAN, các Quốc gia Thành viên và khu vực. Nghiên cứu bao gồm khảo sát nghiên cứu để đánh giá tiến độ, xem xét các xu hướng, khảo sát nghiêm túc các thách thức dai dẳng và mới nổi, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm và thực hành tốt liên quan đến bốn trụ cột của chương trình WPS: sự tham gia, phòng ngừa, bảo vệ, cứu trợ và phục hồi.

Nghiên cứu ban đầu được lên kế hoạch thực hiện từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2020. Với sự lây lan của đại dịch COVID-19, các thành viên nhóm nghiên cứu bắt gặp phải sự chậm trễ ngày càng kéo dài trong nỗ lực thu thập dữ liệu ban đầu vào đầu tháng 4 năm 2020. Do đó, việc thu thập dữ liệu đã được điều chỉnh để phù hợp với các phương pháp tiếp cận từ xa hoặc trực tuyến và phù hợp với sự thuận tiện của những người cung cấp thông tin chính.

2.3 Cơ cấu

Nhóm All In đã hợp tác chặt chẽ với PROSPECT, Ban Thư ký ASEAN (ASEC), các chuyên gia của UN Women và các đối tác ở cấp quốc gia và khu vực để thu thập và phân tích dữ liệu, thông tin và thông báo những phát hiện dựa trên bằng chứng trong nghiên cứu này. Do hệ thống phức tạp và nhiều tác nhân đóng vai trò trong WPS ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia, nhóm nghiên cứu đã tổ chức tham vấn thường xuyên với những người cung cấp thông tin chính và các bên liên quan để hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu, mở rộng nguồn thông tin và dữ liệu, và cùng phân tích các phát hiện. Nhóm nghiên cứu cũng xác nhận các phát hiện và trình bày các quan sát tạm thời và các khuyến nghị mới nổi cho PROSPECT, UN Women và Nhóm công tác WPS ASEAN trong giai đoạn thiết kế và phân tích (các cuộc họp tham vấn chính được tổ chức vào tháng 2, tháng 7 và tháng 9 năm 2020) và đệ trình các dự thảo báo cáo nghiên cứu này để xem xét, xác nhận và phản hồi vào tháng 9 và tháng 11 năm 2020.

Nhóm nghiên cứu bao gồm một số chuyên gia về bình đẳng giới và WPS, những người từng là Cố vấn cấp cao thực hiện kiểm soát chất lượng, tạo uy tín và hình ảnh cho Nghiên cứu khu vực này, và bảo vệ những phát hiện trong các cuộc tham vấn ASEAN đang diễn ra. Việc thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp được thực hiện bởi một nhóm các nghiên cứu viên tại các quốc gia với các hiểu biết khác nhau về bình đẳng giới và hòa nhập xã hội, WPS, ngăn ngừa xung đột và xây dựng hòa bình.

2.4 Độc giả

Độc giả chính của nghiên cứu bao gồm AMS và các bên liên quan đến WPS trong nước của họ, cũng như các tổ chức ASEAN có thể hỗ trợ thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS. Độc giả phụ bao gồm các tổ chức xã hội dân sự khu vực (CSO), các đối tác ASEAN và các tổ chức quốc tế hỗ trợ chương trình nghị sự WPS ở khu vực và toàn cầu.

2.5 Mục tiêu

1. Đem lại hiểu biết rõ ràng về tình hình hiện tại của việc thực hiện chương trình nghị sự WPS trong AMS và trên toàn ASEAN;
2. Đưa ra một danh sách liệt kê toàn diện các sáng kiến WPS hiện tại trong 10 AMS, danh sách các bên liên quan, đánh giá các thách thức/tác nhân phá hoại, và phân tích các cơ hội/những tổ chức đứng đầu để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS;
3. Xác định và xây dựng một tập hợp các nghiên cứu điển hình để đưa ra thông tin về tình hình và giúp nắm bắt các thực hành tốt và các ưu tiên mới nổi;
4. Xác định các lĩnh vực tiềm năng để thúc đẩy các nỗ lực hòa bình và an ninh của phụ nữ trong ASEAN, bao gồm các cơ chế thể chế và quan hệ đối tác tiềm năng ở cấp khu vực để giúp ASEAN hiện thực hóa hiệu quả hơn các nguyện vọng được nêu trong Tuyên bố chung; và
5. Đưa ra các khuyến nghị có thể cung cấp thông tin cho các cam kết của ASEAN hướng tới tương lai kể từ khi kỷ niệm 20 năm ra đời UNSCR 1325 vào năm 2020.

2.6 Khung phân tích

Để thu thập và phân tích dữ liệu, nhóm đã sử dụng lăng kính phân tích kinh tế chính trị ứng dụng (A/PEA) để tiến hành các nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu theo từng quốc gia cụ thể. Lăng kính A/PEA giúp nhóm hiểu biết rõ ràng hơn về dữ liệu, ý nghĩa của dữ liệu và cách để dữ liệu này có thể được áp dụng tốt nhất trong bối cảnh thúc đẩy hiệu quả hơn các nỗ lực WPS trong khu vực. Nhóm nghiên cứu thực hiện theo chỉ dẫn của Khung A/PEA được xây dựng riêng cho nghiên cứu này. Phân tích và dữ liệu kết quả, được nêu trong Phần 4 của báo cáo nghiên cứu này, đưa ra phân tích bổ sung để làm cơ sở và cung cấp thông tin cho các phát hiện với cái nhìn sâu sắc và tổng quan về bối cảnh, hệ thống và kết quả triển vọng của các hành động tiềm năng nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực. Kết quả phân tích được thực hiện thông qua lăng kính A/PEA sẽ góp phần nâng cao hiểu biết về những điều sau:

- Các động lực và tác nhân điều khiển chính cho sự tiến bộ hoặc những nguy hiểm, khó khăn ẩn giấu để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS;
- Các bên liên quan chính được AMS sắp xếp để nắm bắt các mối quan hệ, vị thế và lợi ích liên quan đến các nỗ lực của quốc gia và khu vực để thúc đẩy WPS;
- Xem xét các kết quả tiềm năng trong bối cảnh ASEAN có các hành động trong tương lai về phụ nữ, hòa bình và an ninh; và
- Ở cấp ASEAN và AMS, các cách thức về mặt cơ cấu/thể chế mà qua đó Chương trình nghị sự WPS có thể được cải thiện và thực thi.

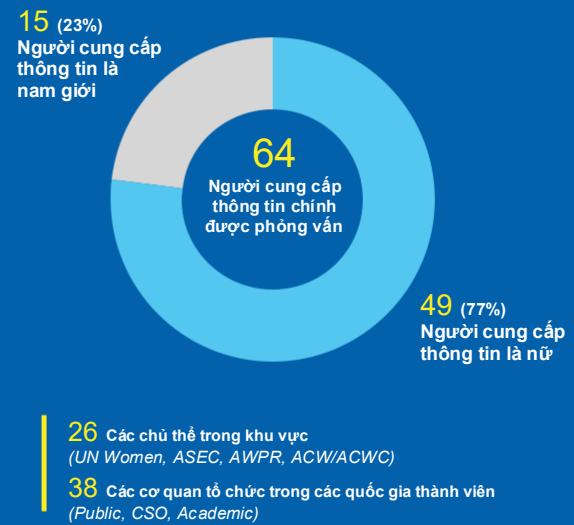
2.7 Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này đã sử dụng các phương pháp hỗn hợp, nhấn mạnh vào các phương pháp định tính để thu thập dữ liệu. Những phương pháp đó bao gồm nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) để tiến hành kiểm kê các chính sách và sáng kiến, xác định các hình thái, đưa ra quan sát chung về tình trạng của WPS trong ASEAN và AMS, đồng thời đưa ra các khuyến nghị dựa trên bằng chứng về các cơ hội và thách thức chính đối với ASEAN và các đối tác hướng tới tương lai.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành **một giai đoạn nghiên cứu tài liệu** rộng rãi ở cấp khu vực và quốc gia, xem xét một loạt các nguồn dữ liệu và tài liệu có sẵn công khai về các vấn đề và thực tiễn về WPS đối với ASEAN. Một công cụ thu thập dữ liệu WPS ban đầu đã giúp các nghiên cứu viên ở tại quốc gia xây dựng hồ sơ cho AMS, thu thập dữ liệu hiện có ở cấp quốc gia về WPS cũng như các vấn đề chính, sơ đồ hóa các bên liên quan, quy trình, khuôn khổ và cơ hội/thách thức đối với sự phát triển của WPS. Điểm nổi bật từ dữ liệu này được trình bày trong Phần 4 của báo cáo nghiên cứu này và được sắp xếp xung quanh bốn trụ cột của WPS.

Những cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) được coi là công cụ tốt nhất để thu thập thông tin nhằm đạt được các mục đích của nghiên cứu này. Để áp dụng lăng kính A/PEA vào tình trạng hiện tại của WPS và khám phá các cách tiềm năng để mở rộng chương trình nghị sự WPS, nhóm nghiên cứu đã xác định những người cung cấp thông tin chính trong quá trình sơ đồ hóa các bên liên quan ở cấp khu vực và từng AMS. Sau đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện 26 cuộc phỏng vấn ở cấp khu vực và 38 cuộc phỏng vấn trên sáu AMS chính ở cấp quốc gia.

Hình 2: Thống kê phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII): Nghiên cứu khu vực về WPS của ASEAN



Những cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) được thực hiện ở cấp khu vực với đại diện của các tổ chức ASEC và các tổ chức cộng đồng, cũng như với các cơ quan chủ chốt của khu vực như ACW, ACWC và AWPR. Các cuộc phỏng vấn cũng được tiến hành với những người cung cấp thông tin chính trong sáu AMS là Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Sáu quốc gia này được ưu tiên do kinh nghiệm quốc gia của họ trong việc trực tiếp thực hiện các chính sách WPS và do sự ưu tiên được khuyến nghị của họ từ các bên liên quan chính tham gia vào việc xây dựng nghiên cứu này, bao gồm cả Nhóm Cố vấn WPS ASEAN.

Hai công cụ phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) đã được xây dựng, một cho các tổ chức thực hiện tại khu vực bao gồm ASEAN và một cho các tổ chức thực thi quốc gia ở cấp AMS, với khung phân tích A/PEA dành riêng cho WPS được sử dụng để chỉ dẫn thiết kế các công cụ này. Trong quá trình triển khai các công cụ với những người cung cấp thông tin chính, mỗi nghiên cứu viên đã soạn ra một bản ghi chép phỏng vấn mở rộng kèm phân tích. Những bản ghi chép này chỉ được chia sẻ với các thành viên trong nhóm nghiên cứu và tất cả các cuộc phỏng vấn đều được thực hiện với sự bảo đảm không nêu tên trong báo cáo này.

Các nghiên cứu viên đã tiến hành những cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) với đa dạng

các bên liên quan trong sáu AMS được lựa chọn bao gồm các quan chức chính phủ, những người lãnh đạo các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng học thuật và các bên liên quan khác của WPS. Các phân tích tương ứng đã đưa ra một ý nghĩa sâu sắc hơn từ cân nhắc chính trị và kinh tế đối với WPS ở cấp quốc gia, cũng như các bài học kinh nghiệm chính về những thành công và trở ngại liên quan đến việc thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS ở cấp AMS và trong khu vực.

Cuối cùng, bản sơ bộ của báo cáo nghiên cứu này đã được gửi tới các bên liên quan chính của nghiên cứu này, bao gồm đại diện của Nhóm cố vấn WPS ASEAN, UN Women và các đối tác khác của LHQ, và ASEC (trong số các cơ quan ASEAN khác), để cho bình luận. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 1 năm 2021, các đơn vị này đã đưa ra phản hồi và nhận xét, những phản hồi và nhận xét này đã được tích hợp vào bản cuối cùng của báo cáo này.

2.8 Hạn chế của nghiên cứu

Tác động của COVID-19. Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến nghiên cứu này về khả năng tiếp cận của những người cung cấp thông tin chính, hoạt động nghiên cứu và loại thông tin mà các nghiên cứu viên có thể tiếp cận. Các nghiên cứu viên và người cung cấp thông tin gặp phải tình trạng chậm trễ trong việc đi lại, hạn chế di chuyển đối với bản thân hoặc các thành viên trong gia đình, và sự thay đổi lớn trong phương thức và cơ hội làm việc chuyên nghiệp. Các chính sách quốc gia thay đổi trong AMS bao gồm các yêu cầu luôn thay đổi về giãn cách xã hội, hạn chế đi lại và tiếp cận với những người cung cấp thông tin chính. Nghiên cứu này đã điều chỉnh phù hợp riêng cho việc nghiên cứu thông qua mạng máy vi tính và các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính được thực hiện thông qua hội nghị truyền hình trực tuyến. Trong một số trường hợp, các công nghệ truyền thông thông tin bổ sung đã được xác định để hỗ trợ các nghiên cứu viên tiếp tục các cuộc phỏng vấn của họ.

Nhiều tổ chức liên quan đến WPS đã nhanh chóng ưu tiên ứng phó với COVID-19, bao gồm các cơ quan ASEAN, chính phủ AMS, CSO và các tổ chức học thuật. Khi các chính sách và ứng phó với COVID-19 này được tăng cường vào tháng 3 đến tháng 5 năm 2020, những người cung cấp thông tin chính có thể được hiểu là đã rất bận rộn với đại dịch và thường không có mặt để phỏng vấn. Từ tháng 3 đến tháng 7, nhóm nghiên cứu nhận được tỷ lệ phản hồi khoảng 33% từ đại diện các tổ chức ASEAN và khu vực khác và các văn phòng AMS, bao gồm cả

các cơ quan chính phủ. Khi chia sẻ lý do, COVID-19 thường được đưa ra như một lý do khi những người được hỏi phải đối mặt với những khó khăn về tổ chức và cá nhân và chuyển sự chú ý sang nỗ lực ứng phó hoặc thích ứng về thể chế với COVID-19. Hơn nữa, những hạn chế về sự sẵn có, đôi khi là do khoảng trống về công nghệ, đã hạn chế các nghiên cứu viên và người được hỏi tiếp cận các dịch vụ và công cụ trực tuyến từ nhà, ví dụ vậy. Trong một số trường hợp, các cuộc phỏng vấn qua điện thoại đã được phép tiến hành.

Một số thành viên trong nhóm nghiên cứu đã quan sát thấy đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến dữ liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu, cho thấy rằng vấn đề cụ thể này có thể được hiểu là luôn nằm trong tâm trí của những người được hỏi. Nhóm nghiên cứu không thể đến thư viện hoặc các cơ quan chính phủ để nghiên cứu tài liệu chính và trực tiếp vì các biện pháp giãn cách xã hội thường cản trở mọi nghiên cứu trực tiếp. Trong một số trường hợp, có sự mất cân đối về thông tin, đặc biệt thông tin về khung pháp lý và số liệu thống kê định lượng. Điều này là do hạn chế sự sẵn có của thông tin trực tuyến về một số chủ đề của WPS ở một số quốc gia. Khi có thể, nhóm nghiên cứu tìm kiếm thông tin bổ sung từ các nguồn thứ cấp, chẳng hạn như từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO) hoặc các tổ chức phân tích và tư vấn chính sách (think-tank) toàn cầu.

Cuối cùng, hầu hết các nghiên cứu viên không thể thu thập thêm phản hồi về các vấn đề quan trọng đang nổi lên đối với WPS, chẳng hạn như biến đổi khí hậu hoặc các mối đe dọa xuyên quốc gia khác vì các ứng phó thường bị ảnh hưởng lớn bởi việc phải làm trước với COVID-19 ở nhiều cấp, bao gồm cả tầm quan trọng của ứng phó khu vực đối với đại dịch hiện tại và việc chuẩn bị trước cho các mối đe dọa tương tự trong tương lai.

Sai số “phản ánh mong muốn của xã hội”. Để đánh giá Chương trình nghị sự WPS, nghiên cứu chọn những người cung cấp thông tin phỏng vấn từ nhóm những người quen thuộc nhất với Chương trình này. Hầu hết hoặc nhiều bên liên quan này cũng quan tâm đến sự tiến bộ của WPS và phần lớn những người được hỏi là phụ nữ. Nhiều người được hỏi đã chia sẻ những thực tiễn tốt không chính thức mà họ đã quan sát được, cũng như những cơ hội và thách thức để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Nhiều người cũng cho biết văn hóa thể chế và định kiến xã hội trong AMS và ASEC đang cản trở chương trình nghị sự WPS. Nhìn lại vấn đề, nghiên cứu có thể đã tiến hành nhiều hơn các cuộc phỏng vấn với người có hoài nghi về Chương trình nghị sự WPS để hiểu rõ hơn về những thách thức này.

Quan niệm khác nhau về xung đột. WPS thừa nhận rằng xung đột là một phần tự nhiên của xã hội loài người và có thể thực hiện các biện pháp ngăn chặn để quản lý xung đột mà không cần dùng đến bạo lực. Xung đột (hay ngăn ngừa xung đột) không phải lúc nào cũng được các quốc gia và các tổ chức đa phương công nhận là một chương trình nghị sự có liên quan, đặc biệt là xung đột vũ trang và thường được coi là “không áp dụng cho chúng tôi”. Đây là một điệp khúc chung trong ASEAN. Những người đang tìm cách thúc đẩy chương trình nghị sự hoặc các ưu tiên WPS thường phải đối mặt với sự hiểu lầm khái niệm về cả xung đột và hòa bình, cũng như giới, điều này khiến các cuộc khảo sát sâu về những vấn đề này thậm chí còn nhạy cảm hơn. Do đó, có cơ hội để ASEAN giúp xây dựng hiểu biết chung, gắn kết hơn về mối liên hệ giữa xung đột, hòa bình và giới trong các Quốc gia Thành viên và các bên liên quan khác trong bối cảnh thúc đẩy một chương trình nghị sự WPS ở khu vực.

Thúc đẩy một chương trình nghị sự toàn diện hơn. Các chương trình nghị sự WPS phải đối mặt với sự hạn chế về khả năng thể hiện của/hiểu biết về các khái niệm chính và sự kết hợp của nhiều cách hiểu khác nhau về WPS là gì về mặt chính sách và thực thi. Ở nhiều quốc gia, đặc biệt là những nơi có mức độ nhạy cảm cao về xung đột, có xu hướng tập trung vào “nạn nhân”, do đó đúc kết ý nghĩa/ưu tiên của chương trình nghị sự WPS với những nỗ lực chung nhằm giải quyết bạo lực đối với phụ nữ. Cần có sự quan tâm nhiều hơn để giải quyết các vấn đề BLG cụ thể trong bối cảnh xung đột và khủng hoảng nhân đạo. Trong các bối cảnh khác, nơi có sự cởi mở hơn trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS, cũng có xu hướng đưa chương trình nghị sự vào lĩnh vực an ninh về mặt khái niệm và thực tiễn. Điều này có nguy cơ quá chú trọng vào số lượng phụ nữ trong lực lượng cảnh sát và quân đội như chỉ số chính về sự tiến bộ (hoặc thiếu) trong WPS. Kết quả lý tưởng là tăng số lượng phụ nữ phục vụ trong các dịch vụ an ninh và đồng thời kết hợp nhiều cách tiếp cận có cơ cấu hơn để giải quyết các động lực loại trừ là trọng tâm của WPS.

Cơ sở hạ tầng cho hòa bình. Rất ít quốc gia, trong và ngoài khu vực ASEAN, có cấu trúc thể chế để đối phó cụ thể với hòa bình và xung đột. Ví dụ, một ngoại lệ là Văn phòng Cố vấn Tổng thống về Tiến trình Hòa bình ở Manila, Philippines, được “ủy

nhệm giám sát, điều phối và lồng ghép việc thực hiện tiến trình hòa bình toàn diện” ở Philippines. Các vấn đề về WPS “ngụ” ngay trong văn phòng này. Với cấu trúc thể chế chuyên biệt hơn để thúc đẩy hòa bình và quản lý xung đột, các nhà hoạch định chính sách và các nhà thực thi chính sách ở vị trí tốt hơn để tìm ra những người ủng hộ về mặt cấu trúc cho các chính sách và thực thi được cải thiện. Nhiều quốc gia thiếu thể chế chính phủ cho hòa bình và xung đột.

Các mối đe dọa mới nổi. Trong khi các mối đe dọa mới nổi ngày càng chiếm lĩnh chính sách (và các ưu tiên của các quốc gia tài trợ), các vấn đề mới nổi gây phức tạp cho WPS ở một số cấp độ. Các vấn đề liên quan đến P/CVE, buôn người, tội phạm công nghệ cao, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, hoặc thậm chí biến đổi khí hậu, tất cả đều thể hiện những thách thức ít bị ràng buộc bởi lăng kính “chủ quyền” hoặc biên giới chính trị. Tuy nhiên, cách mỗi quốc gia định nghĩa những thách thức này về mặt khái niệm và xác định chính sách hoặc các biện pháp can thiệp mang tính chương trình nào mà họ theo đuổi hoặc không theo đuổi, rất khác nhau. Ví dụ, sẽ dễ dàng hơn nhiều khi thực hiện các bản tóm tắt quốc gia và so sánh các khía cạnh và vấn đề liên quan đến WPS, xét về khía cạnh các nỗ lực giải trừ quân bị, xuất ngũ và tái hòa nhập (DDR) và SSR,

Tham gia không chính thức so với chính thức. Trên toàn cầu cũng như ở ASEAN, các đóng góp của phụ nữ trong ngăn ngừa và giải quyết xung đột cũng như phục hồi sau xung đột có xu hướng ở khu vực không chính thức (ví dụ: Kênh 1.5 hoặc 2 trên phương diện các tiến trình hòa bình) hoặc ở cấp cộng đồng, thường do các tổ chức dựa vào cộng đồng dẫn dắt. Gần đây đã có xu hướng các tổ chức phi chính phủ trong nước hoặc thậm chí các tổ chức phi chính phủ quốc tế tham gia vào lĩnh vực này, nhưng phần lớn sự đóng góp của phụ nữ để ngăn chặn bạo lực, cung cấp các giải pháp giảm thiểu và hàn gắn/tái thiết sau xung đột ở cấp độ không chính thức, dựa vào cộng đồng này.

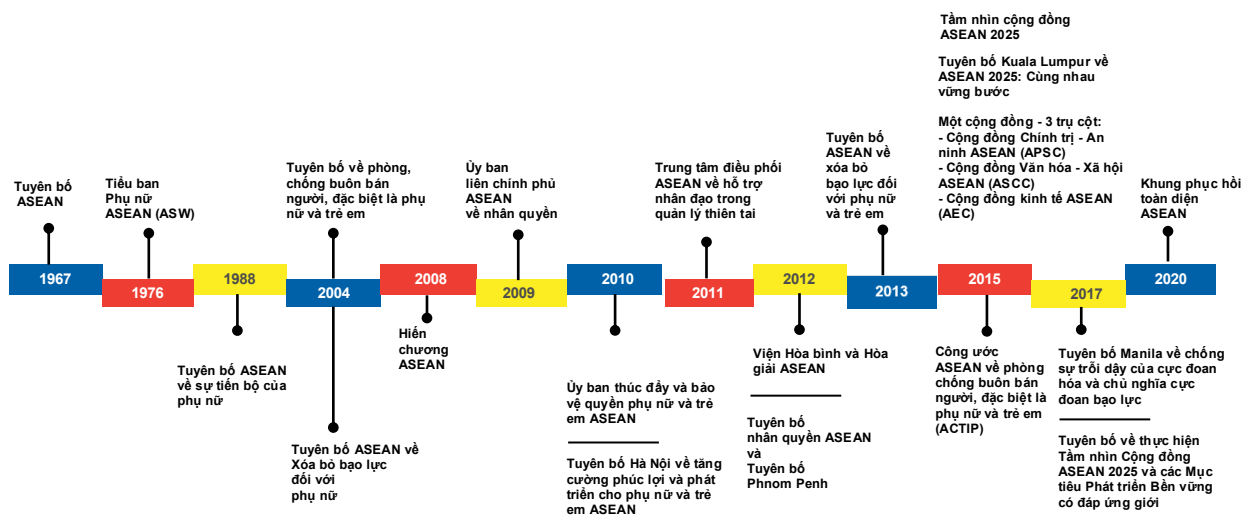
PHẦN 3

Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN

3.1 Giới thiệu: Khung quy phạm và chính sách khu vực ASEAN về Bình đẳng Giới

Kể từ khi ra đời, vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái luôn đóng vai trò trung tâm trong xây dựng các ưu tiên của ASEAN khi cộng đồng này đang nỗ lực thực hiện tăng trưởng bao trùm.

Hình 3: Khung thể chế và chính sách khu vực về Nhân quyền và Bình đẳng Giới



ASEAN cũng thông qua năm (05) Kế hoạch hành động khu vực để thực hiện các cam kết được nêu trong các Tuyên bố và Công ước nói trên (Hình 3), cụ thể là Kế hoạch hành động khu vực (RPA) về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (2015), RPA về xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em, Kế hoạch hành động ASEAN

về phòng chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (2015), Khuôn khổ và Kế hoạch hành động khu vực nhằm thực hiện Tuyên bố ASEAN về tăng cường bảo trợ xã hội (2015) và RPA nhằm chống sự trôi dạt của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực (2018).

3.2 Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN

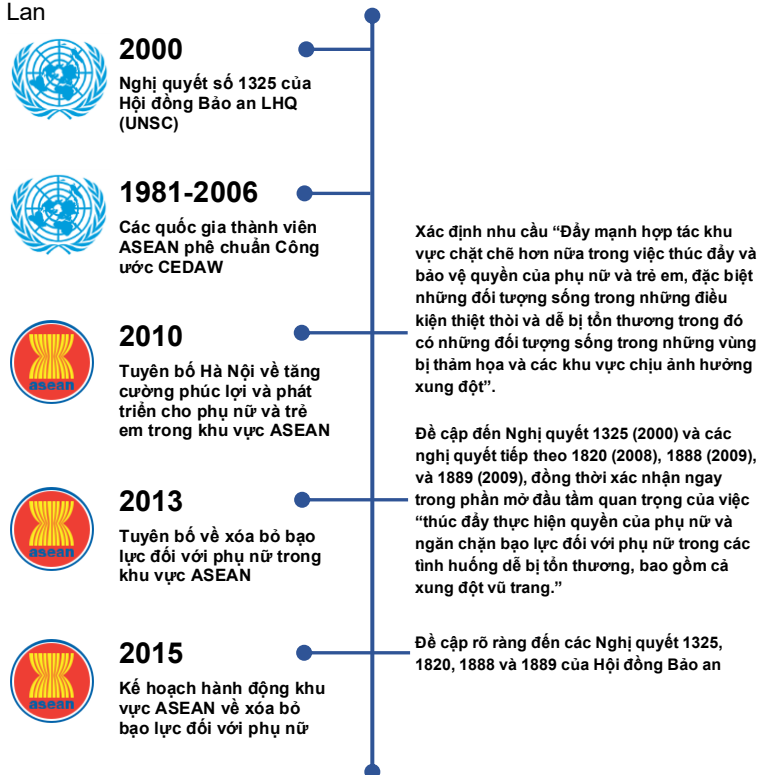
Kể từ khi Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ được thông qua, các quốc gia thành viên ASEAN (AMS) đều có những đóng góp lâu dài cho hoạt động gìn giữ hòa bình LHQ. Số lượng nữ quân nhân do AMS triển khai ngày càng tăng là minh chứng về sự công nhận của ASEAN đối với vai trò quan trọng mà các nữ quân nhân phải đảm nhận trong thực hiện sứ mệnh của phái bộ gìn giữ hòa bình. Đến năm 2019, cả 10 AMS đều chấp thuận Sáng kiến Hành động vì Hòa bình và 6 AMS cam kết với Hệ thống sẵn sàng năng lực triển khai gìn giữ hòa bình, trong khi đó các quốc gia thành viên Campuchia, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam tiếp tục luân phiên đăng cai Diễn đàn Đối tác Tam giác để nâng cao năng lực kỹ thuật của lực lượng gìn giữ hòa bình trong và ngoài khu vực.³⁴

Ngoài ra, có hai văn kiện ASEAN đề cập đến WPS là: Tuyên bố Hà Nội về Tăng cường Phúc lợi và Phát triển cho Phụ nữ và Trẻ em trong khu vực ASEAN và Tuyên bố về Xóa bỏ bạo lực đối với Phụ nữ và Trẻ em (DEVAWC). Các tuyên bố này nên được giải thích chung với Tuyên bố ASEAN về văn hóa phòng ngừa hướng tới một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lực tự cường, khỏe mạnh và hài hòa (2017) khi đề cập đến việc thực hiện chương trình nghị sự WPS. Chương trình hành động khu vực (RPA) về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ³⁵ cũng thừa nhận khả năng dễ bị tổn thương của phụ nữ khi gặp phải các tình huống bạo lực khác nhau, bao gồm cả những người sống ở khu vực chịu ảnh hưởng xung đột. Ngoài CEDAW, các nghị quyết 1325, 1820, 1888 và 1889 cũng đề cập đến nội dung WPS.

Tất cả AMS đều công nhận CEDAW là một hiệp ước quốc tế thông qua quá trình phê chuẩn và gia nhập của mình và bốn thành viên (Campuchia, Indonesia, Philippines và Thái Lan) cũng phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho CEDAW (về các khiếu nại cá nhân). Bên cạnh đó, năm 2008 ASEAN thông qua Tuyên bố chung và Cam kết thực hiện lồng ghép giới, công nhận tầm quan trọng của CEDAW với vai trò là khung hướng dẫn quốc tế.³⁶

Tất cả các quốc gia thành viên CEDAW phải báo cáo định kỳ cho Ủy ban CEDAW về tiến độ đạt được trong quá trình thực hiện Công ước, cũng như báo cáo về tiến độ thực hiện chương trình nghị sự WPS. Kết quả là, trong vài năm vừa qua, Ủy ban CEDAW đã đưa ra các Kết luận quan sát và Khuyến nghị đối với báo cáo của các nước Campuchia, Indonesia, Myanmar và Philippines liên quan đến quyền con người của phụ nữ trong các tình huống xung đột.³⁷

Hình 4: Các công cụ chính sách của ASEAN liên quan đến phụ nữ, hòa bình và an ninh



3.2.1 Tuyên bố chung năm 2017 về thúc đẩy WPS trong chính sách ASEAN

Tháng 4 năm 2014, Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) đã tổ chức họp tham vấn lần thứ hai với ACWC về Tuyên bố nhân quyền ASEAN (2012) và DEVAWC (2013). Trong cuộc họp này, hai bên đã nhất trí làm việc về bốn lĩnh vực ưu tiên: mua bán người (TIP) (đặc biệt là phụ nữ và trẻ em); khuyết tật; giáo dục; phụ nữ, hòa bình và an ninh. Trong cuộc họp lần thứ 14 của ACWC tổ chức tại Jakarta từ ngày 28/2 đến ngày 2/3/2017, một trong số các dự án được phê duyệt là “Thúc đẩy Giới, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN.”

Trong khuôn khổ dự án này, Trung tâm Châu Á - Thái Bình Dương về Trách nhiệm Bảo vệ đã tổ chức chương trình Học bổng ngắn hạn ACWC về “Thúc đẩy Giới, Hòa Bình và An ninh trong khu vực ASEAN” về “Trách nhiệm Bảo vệ” (27-30/3/2017) tại Đại học Queensland. Một kết quả quan trọng của chương trình học bổng này là các quốc gia thành viên ACWC đồng thuận đề xuất ASEAN thông qua tuyên bố WPS.³⁸

Hình 5: Trích lời TS. Noeleen Heyzer về Tuyên bố chung (2019)

(Tuyên bố chung) đề cập rõ ràng tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia trong các lĩnh vực chính trị, an ninh và công lý, cũng như tham gia đầy đủ trong các tiến trình hòa bình với tư cách đàm phán viên, hòa giải viên và cán bộ phản ứng đầu tiên, bao gồm cả ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực.

Tháng 11/2017, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 31 đưa ra Tuyên bố chung về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh trong khu vực ASEAN, trong đó bày tỏ quan ngại về “những mối đe dọa ngày càng gia tăng và chưa từng có do xung đột gây ra, sự gia tăng của chủ nghĩa cực đoan bạo lực và gia tăng số người tị nạn và người lánh nạn, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em.”³⁹ Tuyên bố chung thừa nhận rằng hòa bình và an ninh là các yếu tố thiết yếu để đạt được phát triển bền vững, có liên hệ mật thiết với nhau và là yếu tố sống còn đối với tương lai của ASEAN. Tuyên bố cũng mở rộng phạm vi an ninh, xác định phạm trù này bao gồm cả an ninh kinh tế và quản lý thảm họa (biến đổi khí hậu) và cho phép xem xét các mối đe dọa khác như đại dịch⁴⁰, Tuyên bố đồng thời cũng thể hiện cam kết “tiếp tục giải quyết nguyên nhân gốc rễ của xung đột vũ trang như đói nghèo, phân biệt đối xử, bất bình đẳng giới, bất công xã hội, và loại trừ xã hội đối với người dân và cộng đồng dễ bị tổn thương và đứng trước nguy cơ cực đoan hóa, cực đoan bạo lực và khủng bố.”

Trên phương diện hỗ trợ thực hiện chương trình nghị sự WPS, Tuyên bố chung kêu gọi tận dụng “vai trò của các tổ chức liên chính phủ và các đối tác phát triển” nhằm hỗ trợ thực hiện các “nghĩa vụ và cam kết toàn cầu trong quá trình thúc đẩy chương

trình nghị sự về phụ nữ, hòa bình và an ninh nhằm bảo vệ tốt hơn phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới, phân biệt đối xử và loại trừ xã hội,” đồng thời phân công ASCC nắm giữ trọng trách này.

Tuyên bố chung 2017 về WPS xác định bốn lĩnh vực trọng tâm để hỗ trợ hiện thực hóa chương trình nghị sự WPS của khu vực, cụ thể như sau:

Hình 6: Bốn trụ cột về WPS trong Tuyên bố chung ASEAN

THAM GIA

Nêu rõ tầm quan trọng của việc phụ nữ tham gia trong các lĩnh vực chính trị, an ninh và công lý cũng như trong các tiến trình hòa bình.

TÁC NHÂN HÒA BÌNH

Đề cập về sự cần thiết phải công nhận và hỗ trợ vai trò của phụ nữ với tư cách đàm phán viên, hòa giải viên và cán bộ phản ứng đầu tiên.

PHÒNG CHỐNG

Xác định bất bình đẳng giới là nguyên nhân gốc rễ của xung đột và là nhân tố góp phần gây ra nguy cơ chủ nghĩa cực đoan bạo lực.

PHỤC HỒI

Quản lý thảm họa (bao gồm cả thảm họa và đại dịch do tự nhiên và con người gây ra).

Ngoài ra, tại hội nghị tháng 7/2019, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN khuyến khích thúc đẩy thực hiện chương trình nghị sự WPS tại ASEAN thông qua các hoạt động hợp tác có phối hợp giữa ACW, ACWC, và ASEAN-IPR để thể hiện nỗ lực và cam kết của ASEAN để tăng cường vai trò chuyển đổi của phụ nữ trong các tiến trình hòa bình.⁴¹ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) cũng thông qua “Tuyên bố chung về thúc đẩy Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh” vào năm 2019, theo đó cam kết thực hiện các cam kết đã thông qua trong Tuyên bố chung năm 2017 và tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của các tổ chức xã hội dân sự cũng như các mạng lưới phụ nữ liên quan đến “thực hiện chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, trong việc ngăn ngừa, quản lý và giải quyết xung đột vũ trang cũng như tái thiết và phục hồi xây dựng hòa bình sau xung đột.”⁴²

Mới gần đây, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 vào ngày 10/9/2020 thực hiện phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về Tăng cường vai trò của Phụ nữ đối với hòa bình và an ninh bền vững, trong đó các bộ trưởng:

“Nhắc lại những nỗ lực bền bỉ và quyết tâm cao độ của ASEAN nhằm hiện thực hóa cam kết của các nhà lãnh đạo đối với thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ, cũng như nâng cao vai trò then chốt của phụ nữ đối với hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.” Các bộ trưởng cũng “lưu ý về sự cần thiết phải xây dựng Kế hoạch hành động khu vực (Regional Plan of Action - RPA) nhằm tổng hợp các nỗ lực từ quốc gia thành viên, của khu vực và toàn cầu cũng như tạo điều kiện thực hiện các hoạt động hợp tác và phối hợp với các đối tác bên ngoài khu vực”.⁴³

Về thực hiện chương trình nghị sự WPS, các Bộ trưởng Ngoại giao “thúc giục hợp tác và hiệp lực hơn nữa nhằm thúc đẩy hợp tác hiệu quả và thực chất về WPS giữa các cơ quan ban ngành của ASEAN.”⁴⁴

Cho đến nay, mặc dù đã nỗ lực và có những tiến bộ từng bước nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực ASEAN như đã đề cập, nhưng chưa có diễn đàn hoặc cơ chế khu vực nào thường xuyên, bền vững, đặc biệt tập trung vào phụ nữ trong các tình huống xung đột và sau xung đột hoặc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Thực trạng này có thể do thiếu hiểu biết chung giữa các AMS về những gì mà chương trình nghị sự WPS đòi hỏi và mức độ liên quan của chương trình đối với ASEAN.⁴⁵ Trong Báo cáo tiến độ năm 2016 về Quyền của Phụ nữ và Bình đẳng giới, ACWC ghi nhận: “Các quốc gia còn chưa quan tâm đầy đủ đến việc phụ nữ tham gia ra quyết định trong lĩnh vực hòa bình và an ninh và còn chậm trễ thông qua Nghị quyết 1325 cũng như xây dựng các Kế hoạch hành động quốc gia của AMS”.⁴⁶

Mức độ chú trọng của các AMS về các vấn đề khác nhau của chương trình nghị sự WPS là khác nhau. Một số quốc gia thành viên, như Indonesia, Malaysia, và Philippines nhấn mạnh vào vai trò của phụ nữ trong việc ngăn ngừa xung đột, bao gồm cả ngăn chặn và chống lại chủ nghĩa cực đoan bạo lực. Các nước khác, gồm có Campuchia, Indonesia và Việt Nam quan tâm tới thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong gìn giữ hòa bình, còn Philippines chú trọng nhiều đến sự tham gia của phụ nữ trong các quá trình xây dựng hòa bình.⁴⁷

Kể từ khi Nghị quyết 1325 ra đời hai thập kỷ trước, các ý niệm về hòa bình và an ninh đã thay đổi. An ninh không còn được định nghĩa quá hạn hẹp khi chỉ

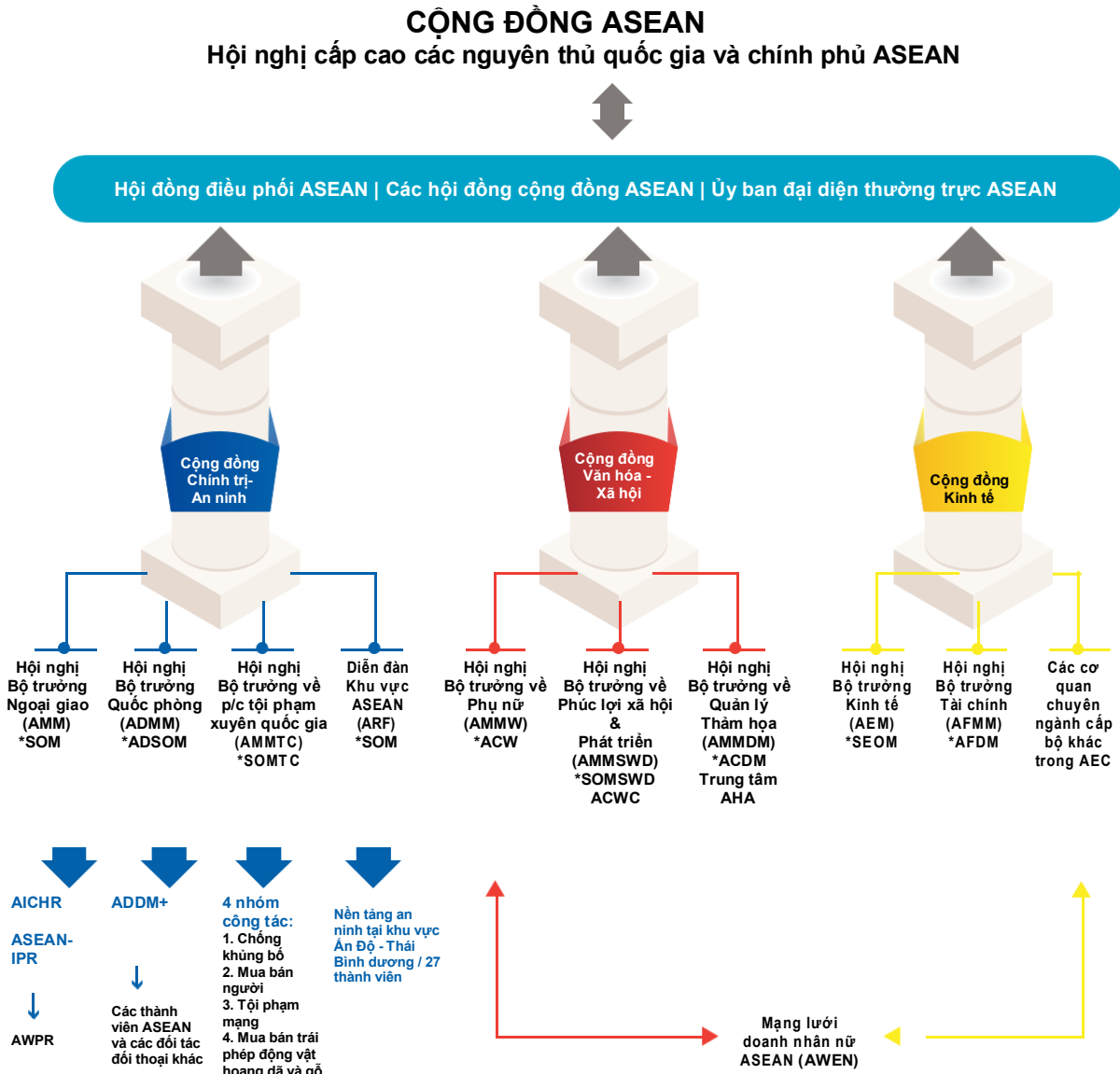
Đề cập đến việc không có xung đột vũ trang. Hiện tại, an ninh bao gồm cả việc giải quyết nhiều mối đe dọa cho sự an toàn của nhân loại và thách thức gây gián đoạn cuộc sống của con người. Khái niệm an ninh toàn diện của ASEAN cũng đã thay đổi và phản ánh quan điểm rộng hơn về an ninh, vượt ra ngoài yếu tố không có xung đột để bao gồm các khía cạnh an ninh chính trị, an ninh kinh tế và an ninh văn hóa xã hội, đồng thời nhấn mạnh tính tương hỗ của các khía cạnh này. Mặc dù đã có những thay đổi như vậy, nhưng để thực hiện chương trình nghị sự WPS vẫn còn là thách thức đối với ASEAN. Nghiên cứu này nhận thấy, ASEAN đang có đà xây dựng và triển khai chương trình nghị sự WPS mạnh hơn nữa. Tuyên bố chung ASEAN năm 2017 về WPS, cùng với Tuyên bố chung của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) năm 2019 và Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 vào năm 2020 đưa ra cam kết rõ ràng về việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong khu vực ASEAN. Các vấn đề còn lại là các cơ quan chuyên ngành của ASEAN cần tham gia xây dựng kế hoạch hành động khu vực về WPS và làm thế nào để tăng cường các nỗ lực này theo cách tiếp cận cộng đồng liên ngành.

3.3 Các trụ cột của cộng đồng ASEAN, các cơ quan chuyên ngành ngành, thể chế và thực thể liên quan đến Phụ nữ, Hòa bình và An ninh

Nghị quyết 1325 công nhận, cùng với các quyền khác, quyền tham gia của phụ nữ — với tư cách là người ra quyết định ở tất cả các cấp — trong các quá trình ngăn ngừa xung đột, giải quyết xung đột, và xây dựng hòa bình, đồng thời kêu gọi tất cả những người tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình và đàm phán hòa bình “áp dụng quan điểm về giới”. Do đó, để thực hiện chương trình nghị sự WPS, điều quan trọng là ASEAN phải thúc đẩy hợp tác và tham gia liên ngành giữa các thực thể như Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phụ nữ (AMMW), ACW và ACWC cũng như các cơ quan chủ chốt của ASEAN trong Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) (như AICHR, ASEAN-IPR, AWPR, Hội nghị Quan chức Cấp cao ASEAN về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia [SOMTC] và Hội nghị Quan chức Cấp cao Quốc phòng ASEAN), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), và các cơ quan ban ngành liên quan khác thuộc ba cộng đồng.

Trong tương lai, có thể xác định thêm một số cơ quan ban ngành khác của ASEAN để chỉ đạo các vấn đề cụ thể và thiết lập một cơ chế vững chắc để thực hiện chương trình nghị sự.⁴⁸

Hình 7: Các trụ cột của cộng đồng ASEAN, các cơ quan chuyên ngành và thực thể liên quan đến vấn đề Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh



3.3.1 CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI ASEAN

Trong cơ cấu hiện tại của ASEAN, ASCC là cơ quan chính chịu trách nhiệm về giám sát các chính sách giới trong ASEAN cũng như là cơ quan chính chịu trách nhiệm thực hiện chương trình nghị sự WPS trong ASEAN.⁴⁹ Tuy nhiên, Kế hoạch tổng thể của ASCC không đặt ra các hành động cụ thể hoặc biện pháp tập trung đặc biệt vào việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS.

Phần dưới đây cung cấp chi tiết tóm tắt và mô tả các cơ quan ban ngành của ASEAN liên quan tới ASCC và hiện đang chú trọng vào các vấn đề WPS và chương trình nghị sự WPS hoặc cần tham gia tích cực hơn vào nỗ lực này.

3.3.1.1 Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phụ nữ (AMMW), Ủy ban ASEAN về Phụ nữ (ACW) và Ủy ban ASEAN về Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em (ACWC)

AMMW. Thành lập năm 2002, AMMW là cơ quan chuyên ngành cấp cao nhất trong ASEAN đưa ra định hướng chính sách chiến lược hợp tác về phụ nữ trong khu vực ASEAN. AMMW gồm có các bộ trưởng phụ trách về quyền và sáng kiến của phụ nữ và trẻ em gái ở tất cả các quốc gia thành viên ASEAN. AMMW liên tục kêu gọi xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về WPS.⁵⁰

ACW. ACW là cơ quan trực thuộc AMMW, bao gồm các chuyên viên cao cấp từ các Bộ phụ trách các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái. ACW hỗ trợ AMMW bằng cách đề xuất các chính sách khu vực và quản lý quan hệ đối tác. ACW là nhân tố then chốt trong quá trình xây dựng hai văn kiện hoạt động nhằm hình thành khung hợp tác về phụ nữ, trong đó đều tập trung vào xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Các văn kiện đó là: (1) Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới (2011–2015), bắt nguồn từ Tuyên bố năm 1988 về sự tiến bộ của phụ nữ trong ASEAN và (2) Kế hoạch hành động khu vực nhằm triển khai DEVAWC.

ACWC. Thành lập năm 2010, ACWC hỗ trợ AMS về các chính sách liên quan tới quyền của phụ nữ và trao quyền chính trị. Thành phần của ACWC bao gồm các đại diện ngoài chính phủ và cán bộ, chuyên gia thuộc NGO. Cơ quan này cũng áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền nhiều hơn so với ACW - là cơ quan áp dụng nhiều hơn cách tiếp cận dựa trên phúc lợi xã hội.⁵¹

Vai trò của ACWC được xem là bổ sung cho vai trò của ACW. Năm 2015, ACWC và AWC công bố “Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ”, trong đó nhấn mạnh hành động của quốc gia và khu vực là vô cùng cần thiết để ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ. Văn kiện này là một cam kết của AMS đối với chương trình nghị sự WPS. Văn kiện cũng công nhận các điều kiện tiên quyết để giải quyết bất bình đẳng giới và định kiến giới trong khu vực cũng như phát triển các thực tiễn bao trùm giới trong thiết kế và cung cấp các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa và công lý. Hơn nữa, văn kiện nêu rõ, lĩnh vực an ninh có trách nhiệm giải quyết vấn đề bạo lực đối với phụ nữ.⁵² Ngoài ra, “Báo cáo tiến độ về Quyền của phụ nữ và Bình đẳng Giới” xuất bản năm 2019 kêu gọi các hành động khuyến khích phụ nữ tham gia tích cực vào các vấn đề hòa bình và an ninh, cũng như xây dựng các Kế hoạch hành động quốc gia để tạo không gian cho phụ nữ lên tiếng và thể hiện quan điểm của mình trong các tiến trình hòa bình và các sáng kiến xây dựng hòa bình trong khu vực.⁵³

Mặc dù công tác thúc đẩy Công ước ASEAN về chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP) (2015) do Cộng đồng chính trị - xã hội ASEAN (APSC) chỉ đạo, Ủy ban ACWC đã phối hợp với các cơ quan ban ngành khác, gồm có AICHR và SOMTC xây dựng “Đánh giá khu vực về pháp luật, chính sách và thực hành trong ASEAN về việc xác định, quản lý và đối xử nạn nhân của hoạt động mua

bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em” để hỗ trợ thực hiện ACTIP.⁵⁴ Là một phần của chương trình nghị sự WPS (Nghị quyết 2388 của Hội đồng Bảo an LHQ), các quốc gia thành viên đã thực hiện các biện pháp, chủ yếu liên quan đến hình sự hóa và truy tố hoạt động mua người trong bối cảnh xung đột vũ trang và điều tra, phá vỡ và triệt phá các mạng lưới buôn người trong bối cảnh này.

ACWC hiện đang thúc đẩy chương trình nghị sự WPS và theo đuổi các cơ hội nhằm gắn kết các tổ chức xã hội dân sự vào các hoạt động của mình thông qua mạng lưới rộng khắp châu Á - Thái Bình Dương. WPS là một phần rất quan trọng trong các lĩnh vực chuyên đề của Kế hoạch công tác ACWC (2016-2020).

Nhóm công tác chung không thường xuyên về lồng ghép giới. Hội nghị cấp cao ASEAN năm 2006 về Lồng ghép giới trong khuôn khổ công ước CEDAW, Tuyên bố Bắc Kinh và Chương lĩnh hành động vì sự bình đẳng, phát triển và hòa bình, cùng với các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ công bố vào năm 2006 đã dẫn đến việc thông qua Tuyên bố chung và Cam kết thực hiện lồng ghép giới vào năm 2008. Dựa trên tuyên bố chung này, ACW và ACWC đã thành lập nhóm công tác chung không thường xuyên về lồng ghép giới để xây dựng chiến lược toàn diện, trong đó lồng ghép các quan điểm về giới ở cả ba trụ cột cộng đồng ASEAN. Nhóm công tác chung này đã nhóm họp ba lần (gần đây nhất vào năm 2020).

Nhóm cố vấn WPS của ASEAN. Thành lập tại Darussalam, Brunei vào tháng 10/2019, nhóm công tác nội bộ hiện tại gồm có các thành viên từ ACW và ACWC. Nhóm có nhiệm vụ thực hiện một nghiên cứu toàn diện cấp khu vực về thực trạng triển khai chương trình nghị sự WPS trong ASEAN.

3.3.1.2 Ủy ban ASEAN về quản lý thảm họa và Trung tâm điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo trong quản lý thảm họa

ASEAN là đại diện điển hình cho khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai; các AMS ghi nhận rằng cần phải hợp tác và phối hợp để nâng cao năng lực ứng phó toàn diện các thách thức liên quan. Năm 2005, các Bộ trưởng ngoại giao ASEAN ký Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp (AADMER) tại Viên chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Hiệp định này được tất cả 10 quốc gia thành viên ASEAN phê chuẩn, có hiệu lực vào năm 2009 và là công cụ nền tảng của cơ quan khu vực

này trong hoạt động điều phối tất cả các giai đoạn thảm họa. Năm 2011, Trung tâm điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo trong quản lý thảm họa (Trung tâm AHA) được thành lập như một cơ chế thực hiện và vận hành các chiến lược và thủ tục nhằm chung sức ứng phó thảm họa nhanh chóng và hiệu quả.

Mặc dù AADMER⁵⁷ có cân nhắc đến các nhóm dễ bị tổn thương trong các bối cảnh thiên tai và đưa ra các điều khoản cụ thể cho mục đích này, chẳng hạn như mời các nhóm này tham gia và tham vấn họ trong quá trình lập kế hoạch và quản lý, nhưng hiệp định này lại không đề cập rõ ràng các yếu tố dễ bị tổn thương của riêng phụ nữ, bao gồm gia tăng bạo lực tình dục và bạo lực giới sau thảm họa.⁵⁸

Năm 2018, AICHR thực hiện nghiên cứu chuyên đề về “Phụ nữ trong thiên tai: Phát hiện có tính chỉ báo nhằm làm sáng tỏ vấn đề giới trong nghiên cứu chuyên đề về khả năng ứng phó của thể chế”.⁵⁹ Nghiên cứu nêu rõ rằng mặc dù cách tiếp cận của ASEAN về quản lý thảm họa đã chủ động và toàn diện hơn, đồng thời thu hút nhiều bên liên quan hơn, nhưng chưa quan tâm đến sự tham gia của phụ nữ. Nghiên cứu chỉ ra rằng, không có chiến lược nào mô tả chi tiết việc bảo vệ phụ nữ như một nhóm dễ bị tổn thương, dù cộng đồng quốc tế đã thừa nhận thảm họa gây ra ảnh hưởng khác nhau đến nam giới và phụ nữ, tuy nhiên không có chiến lược cụ thể nào cho thấy phụ nữ có thể tham gia như thế nào — từ giai đoạn đầu của thảm họa cho đến khi tái thiết sau thảm họa.⁶⁰

Khi Malaysia chủ trì Ủy ban ASEAN về Quản lý Thảm họa (ACDM) với đại diện là bà Datuk Wan Azizah - người từng là nữ Phó thủ tướng đầu tiên của Malaysia và là Bộ trưởng Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng (2018-2020) – trong năm 2018, tầm quan trọng của lồng ghép giới và các xem xét về WPS đã có đà phát triển.⁶¹ Trong Hội nghị lần thứ 32 của ACDM năm 2018, lãnh đạo các Tổ chức quản lý thiên tai quốc gia trong khu vực ASEAN đã thảo luận và đặt ra các ưu tiên cho phụ nữ trong quản lý thảm họa, bên cạnh các vấn đề khác. Trong hội nghị, các bên cũng nhất trí theo đuổi những sáng kiến mới về phụ nữ, hòa bình, an ninh và tăng cường nỗ lực thúc đẩy lồng ghép giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRR) và thích ứng với biến đổi khí hậu.⁶²

Chương trình công tác 2016-2020 của AADMER bao gồm một số hoạt động nâng cao năng lực (như Trung tâm Năng lượng ASEAN [ACE], Nhóm Đánh

giá và Ứng phó Khẩn cấp ASEAN [ERAT] và các phái đoàn nhân đạo khuyến khích và thu hút người tham gia là nữ (Kế hoạch công tác 2016–2020)⁶³. Tháng 12/2020, AADMER công bố Chương trình công tác mới cho giai đoạn 2021–2025⁶⁴ với các đầu ra dự kiến nhằm thu hút sự tham gia của phụ nữ, cụ thể như sau:

- 2.5.1.2. Một nghiên cứu và/hoặc đánh giá tính dễ bị tổn thương của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác⁶⁵ để hỗ trợ việc thực hiện Hướng dẫn ASEAN về Bảo trợ xã hội trong ứng phó thảm họa nhằm tăng cường khả năng chống chịu.
- 2.5.2.2. Các thực hành tốt trong quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng (CBDRM) được lập thành văn bản/tổng hợp, đặc biệt là những thực hành làm nổi bật vai trò và khả năng lãnh đạo của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương
- 3.2.1.2 Các đánh giá và nghiên cứu nhằm cải thiện Hệ thống hậu cần khẩn cấp ứng phó thảm họa cho các hoạt động của ASEAN và dự đoán nhu cầu dựa trên các kịch bản thảm họa mới, chẳng hạn như đại dịch (nếu có) và xác định các mặt hàng cứu trợ cụ thể đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương.
- 4.1.1.1. Các chương trình nâng cao năng lực lập kế hoạch phục hồi trước và sau thảm họa đòi hỏi các đánh giá phải tính đến yếu tố cảnh quan đô thị, phục hồi sinh kế, nhu cầu, sự tham gia của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình phục hồi.
- 5.1.2.5. Nghiên cứu tác động về các chương trình nâng cao năng lực ứng phó thảm họa của ASEAN, bao gồm một hợp phần phụ về vai trò lãnh đạo của phụ nữ, bên cạnh các hợp phần phụ khác.

Đáng chú ý là cách thức các cơ quan ASEAN thúc đẩy và duy trì nữ lãnh đạo có trình độ cao trong hàng ngũ của mình, điển hình là người đứng đầu Bộ phận Quản lý Thảm họa & Hỗ trợ Nhân đạo tại ASEC đang điều hành ACDM và Giám đốc Điều hành của Trung tâm AHA đều là nữ.

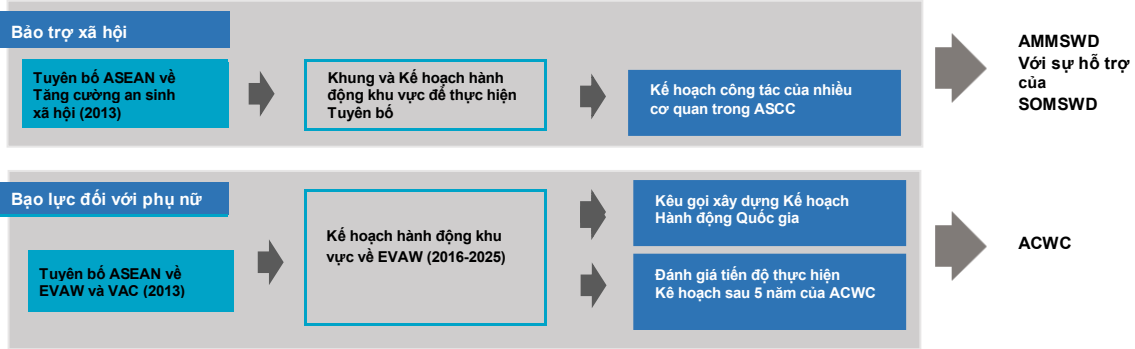
Hiện nay, cần phải thu thập dữ liệu phân tách giới sâu hơn ở cấp độ khu vực để có thể có được bức tranh sống động về các tác động thảm họa theo giới.⁶⁶ Ví dụ: theo khuyến nghị của ACWC, có thể kết hợp công tác tạo và thu thập dữ liệu về bạo lực trên

cơ sở giới tại thời điểm thiên tai với việc triển khai
 Hướng dẫn khu vực ASEAN về thu thập và sử dụng

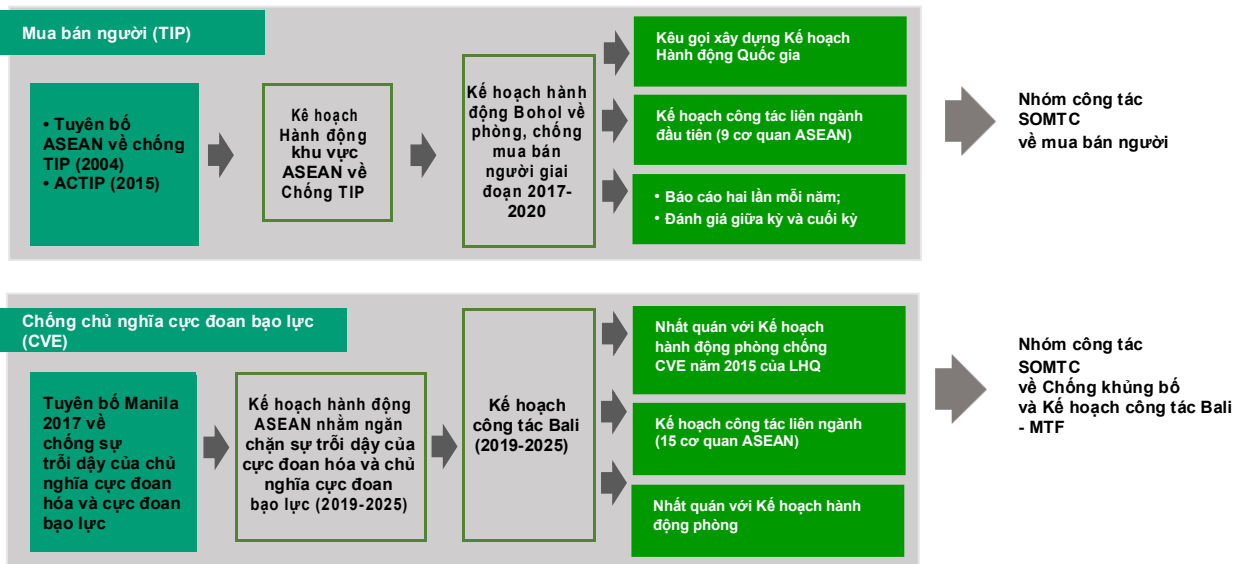
dữ liệu về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.⁶⁷

Hình 8: Các cơ chế của ASEAN có liên quan đến WPS

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI - VĂN HÓA ASEAN



CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN



3.3.2 CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ VÀ AN NINH ASEAN (APSC)

APSC chịu trách nhiệm thúc đẩy hợp tác phát triển chính trị, tuân thủ các nguyên tắc dân chủ, pháp quyền và quản trị tốt cũng như tôn trọng và thúc đẩy bảo vệ các nhân quyền và các quyền tự do cơ bản. Với nỗ lực bảo đảm một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định, ASEAN đã áp dụng tiếp cận toàn diện về an ninh, trong đó có nỗ lực nâng cao năng lực giải quyết các thách thức hiện tại và mới nổi. SOMTC hoạt động để giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống, trong đó có buôn bán ma túy, khủng bố và mua bán người, đưa người di cư trái phép, tội

phạm mạng, buôn bán trái phép động vật hoang dã và gỗ, bên cạnh các thách thức khác⁶⁸

Khi phỏng vấn, một số người cung cấp thông tin chính đã chỉ ra rằng trong APSC, WPS thường được coi là vấn đề quốc phòng nhiều hơn (xung đột và sau xung đột) và ít tập trung hơn vào quyền của phụ nữ.⁶⁹ Nhìn chung, quan điểm về giới liên quan đến hòa bình và an ninh còn hạn chế. Những nỗ lực đẩy mạnh chương trình nghị sự WPS chỉ có tác dụng tốt nếu giới được xem là yếu tố trung tâm khi xem xét các nhu cầu về bảo đảm hòa bình và vượt ra khỏi giới hạn các định nghĩa truyền thống và hạn hẹp về an ninh.

3.3.2.1 Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR)

Là một phần không thể tách rời trong cơ cấu tổ chức của ASEAN và là thể chế bao quát chung về trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong ASEAN, AICHR là cơ quan phụ trách tổng thể về nhân quyền. Nhiệm vụ xuyên suốt của cơ quan này là giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp tác nhân quyền với các cơ quan khác của ASEAN, các đối tác bên ngoài và các bên liên quan. AICHR hoạt động nhằm bổ sung cho các nỗ lực nhân quyền trong toàn bộ các cơ quan khu vực, bao gồm ASCC và các cơ quan ngành của nó như ACWC.⁷¹

Kể từ khi thành lập, AICHR rất tích cực bổ sung cho các nỗ lực của APSC trên quan điểm nhân quyền.⁷² Chẳng hạn, cơ quan này chú trọng đến trao quyền kinh tế cho phụ nữ, quyền dân sự và chính trị, chống mua bán người. AICHR đã tham gia xây dựng Kế hoạch hành động ASEAN về chống mua bán người và thực hiện một nghiên cứu chuyên đề về phụ nữ trong thiên tai để lồng ghép tiếp cận giới toàn diện hơn trong hoạt động quản lý thảm họa khu vực.⁷³

AICHR không có ngân sách cụ thể để xây dựng hoặc thúc đẩy các khía cạnh chính của chương trình nghị sự WPS, và do vậy cho đến nay những đóng góp của tổ chức này vào việc thúc đẩy các nỗ lực WPS trong ASEAN còn hạn chế. Tuy nhiên, nghiên cứu chuyên đề sắp tới về “Quyền được hòa bình” sẽ giúp làm nổi bật cách thức ASEAN có thể và nên đóng góp nhằm thúc đẩy các mục tiêu hòa bình và an ninh, bao gồm cả thực hiện Chương trình nghị sự WPS – là những lĩnh vực mà AICHR có thể đóng góp nhiều hơn nữa.⁷⁴

3.3.2.2 Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN (ASEAN-IPR) và Nhóm phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR)

Thực hiện cam kết của Kế hoạch tổng thể APSC giai đoạn 2010-2015 (Điều khoản B.2.2.i), ASEAN-IPR đã được thành lập khi các nhà lãnh đạo ASEAN đưa ra “Tuyên bố chung về việc thành lập Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN” vào ngày 8/5/2011. ASEAN-IPR được coi là cơ quan nghiên cứu của ASEAN về hòa bình, quản lý xung đột và giải quyết xung đột. Như đã nêu trong điều khoản tham chiếu của Viện và được các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN thông qua vào năm 2012, ASEAN-IPR có nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động, trong đó nghiên cứu, xây dựng năng lực, phát triển nhóm chuyên môn, xây dựng mạng lưới và phổ biến thông tin. ASEAN-IPR

cũng được giao trách nhiệm thực hiện các nghiên cứu nhằm đẩy mạnh lồng ghép giới vào hoạt động xây dựng hòa bình, các tiến trình củng cố hòa bình, giải quyết xung đột, cũng như nghiên cứu và phân tích cơ chế giải quyết tranh chấp hiện tại trong ASEAN với quan điểm nâng cao triển vọng giải quyết các tranh chấp trong khu vực một cách hòa bình.⁷⁵

Kể từ khi thành lập, ASEAN-IPR đã thực hiện một số sáng kiến liên quan đến các vấn đề WPS, bao gồm hai hội thảo tại Philippines vào năm 2015, chú trọng tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các tiến trình hòa bình và hoàn cảnh của phụ nữ và trẻ em trong các tình huống xung đột. Các hội thảo này giúp cho việc phát triển các chương trình nghị sự và mạng lưới với mục đích nâng cao vị thế chính trị của phụ nữ trong các cuộc thảo luận về hòa bình và an ninh tiếp theo.

ASEAN-IPR đã góp phần lồng ghép các vấn đề giới cho APSC thông qua việc thành lập Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR). Ngày 2/12/2018, AWPR được thành lập với tư cách cơ quan đầu mối và nhóm chuyên gia để hỗ trợ ASEAN trong các vấn đề liên quan trong phạm vi nhiệm vụ của ASEAN-IPR như đã quy định trong điều khoản tham chiếu của Viện. Theo dự kiến, AWPR là phương tiện thúc đẩy trao đổi chuyên môn và kiến thức, đồng thời giúp huy động năng lực này để ứng phó các vấn đề phát sinh ở cấp khu vực hoặc cấp quốc gia.⁷⁶ Mặc dù mới thành lập thời gian gần đây, AWPR đã tổ chức một số cuộc họp, trong đó các thành viên nhóm khởi xướng các thảo luận diện rộng, liên quan trực tiếp đến đẩy mạnh chương trình nghị sự WPS.⁷⁷

AWPR rất phù hợp để đảm nhận vai trò bảo đảm hội nhập sâu hơn giữa các quan điểm giới và hoạt động thúc đẩy hòa bình toàn cầu, cũng như các nỗ lực nhằm đẩy mạnh trao quyền hơn nữa cho phụ nữ để họ tham gia vào các tiến trình hòa bình. Ngoài ra, AWPR cũng có thể là công cụ giúp tăng cường an ninh kinh tế cho phụ nữ, trong đó có mục đích bảo đảm khả năng sẵn sàng làm việc và tình trạng “bình thường mới” có liên quan đến hình thức làm việc tại nhà, một trong những thách thức còn chưa được đánh giá kĩ và có liên quan tới khái niệm an ninh kinh tế, cũng như các cân nhắc về WPS. Khái niệm này và các thách thức đi kèm trở nên rõ ràng hơn đối với nhiều người do tình trạng phong tỏa vì đại dịch COVID-19. Chính tình trạng này khiến những khó khăn mà phụ nữ phải đối mặt hàng ngày thêm trầm trọng hơn. Trong khi vẫn cần suy nghĩ và phân tích hơn nữa vấn đề này để cung cấp thông tin hành động, thì chúng ta cũng cần chú trọng nhiều hơn vấn

đề an ninh kinh tế cho phụ nữ. Nếu AWPR được đặt đúng chỗ, thì nhóm sẽ có thể đóng góp cho những nỗ lực đó.⁷⁸ Tuyên bố được thông qua gần đây tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 mang lại cho AWPR cơ hội hoạt động trong các lĩnh vực này thông qua hợp tác xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp trong khu vực ASEAN và với các đối tác bên ngoài của ASEAN.⁷⁹

3.3.2.3 Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)

Là một nền tảng hàng đầu về đối thoại an ninh ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, ARF tạo ra một nơi để thảo luận các vấn đề an ninh hiện tại và phát triển các biện pháp hợp tác nhằm tăng cường hòa bình và an ninh trong khu vực.⁸⁰ Tháng 8/2019, ARF ban hành Tuyên bố chung về WPS,⁸¹ rất có ý nghĩa không chỉ trong việc ghi nhận tầm quan trọng của hoạt động thúc đẩy chương trình nghị sự WPS tại diễn đàn cấp cao này, mà còn cam kết đạt được tiến bộ trong một số lĩnh vực như Hình 9 dưới đây. Tuyên bố chung ARF kêu gọi tận dụng “các đối tác phát triển và các cơ chế chung do ASEAN dẫn dắt để hỗ trợ thực hiện các cam kết toàn cầu về thúc đẩy chương trình nghị sự WPS nhằm hỗ trợ tốt hơn hoạt

động trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái trong việc ngăn ngừa và giải quyết xung đột vũ trang và xây dựng hòa bình sau xung đột. Tuyên bố chung cũng giao nhiệm vụ cho các chuyên gia ARF và những người nổi tiếng (EEP)⁸² cung cấp khuyến nghị về chương trình nghị sự WPS trong các kế hoạch công tác, chương trình, quy trình có liên quan đến ARF, bao gồm họp nhóm chuyên gia, hội thảo và các hoạt động khác. Hội nghị ARF EEP lần thứ 14 dự kiến vào năm 2020 bị hoãn lại do đại dịch COVID-19.

Cam kết tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động gìn giữ hòa bình là một cột mốc quan trọng khác với việc một số AMS, bao gồm Indonesia, Malaysia và Philippines, là những quốc gia đóng góp quân đội tích cực hơn trong một số hoạt động gìn giữ hòa bình LHQ (UNPKO). Gìn giữ hòa bình vẫn là một trong những hoạt động chính của ARF, bao gồm Hội nghị các chuyên gia gìn giữ hòa bình ARF lần thứ 8 (do Indonesia và Nhật Bản đồng chủ trì) dự kiến vào giữa năm 2020 và Hội thảo ARF về WPS. Tuy nhiên, các sự kiện này, cũng như hội nghị EEP, bị hoãn lại sang năm giữa kỳ tiếp theo (2020-2021) do đại dịch.⁸³

Hình 9: Tuyên bố chung của ARF về WPS

<p>TĂNG CƯỜNG sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ, gồm các tổ chức dân sự và mạng lưới phụ nữ đang thực hiện chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, trong việc ngăn ngừa, quản lý và giải quyết xung đột vũ trang cũng như tái thiết và phục hồi xây dựng hòa bình sau xung đột.</p>	<p>NGĂN NGỪA, ứng phó và chấm dứt mọi hình thức bạo lực, bóc lột và xâm hại tình dục gây ra trong các tình huống xung đột vũ trang, đặc biệt là đối với dân thường, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái.</p>
<p>NÂNG CAO năng lực của phụ nữ với tư cách là những người xây dựng hòa bình, trong đó gồm tư cách hòa giải viên và đàm phán viên ở cấp quốc tế, khu vực, quốc gia cũng như cộng đồng nếu phù hợp; đặc biệt, thông qua thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong việc đóng góp ý kiến quan trọng và tham gia tích cực trong xã hội..</p>	<p>HỖ TRỢ vai trò của phụ nữ trong việc thúc đẩy văn hóa hòa bình nhằm giáo dục và trao quyền cho mọi người; ngăn chặn xung đột vũ trang; thúc đẩy pháp quyền và duy trì hòa bình thông qua các phương pháp tiếp cận toàn diện, liên ngành và tích hợp</p>
<p>THU HÚT nam giới và trẻ em trai ủng hộ trao quyền cho phụ nữ trong chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh trên diện rộng, đồng thời tham gia sâu hơn nữa với Cơ quan LHQ về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) theo nhiệm vụ của tổ chức này như đã phát động trong Chiến dịch HeForShe của ASEAN ngày 30/11/2017.</p>	<p>CÙNG CỐ năng lực các hoạt động gìn giữ hòa bình nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự phụ nữ, hòa bình và sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ ở tất cả các cấp, đồng thời lồng ghép chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh vào công tác lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động có liên quan.” (Tuyên bố ARF 2019).</p>

Trong khối ASEAN, một ví dụ điển hình về tầm quan trọng của phụ nữ trong hoạt động gìn giữ hòa bình là các “Đội quân Hijab” do lực lượng vũ trang Philippines (AFP) triển khai trong cuộc xung đột hậu Marawi ở Mindanao. Nhóm nữ quân nhân và cảnh sát này đội khăn trùm đầu hijab và có nhiệm vụ hỗ trợ các nỗ lực tái thiết và phục hồi cho người dân phải di tản trong nước do xung đột. Các cộng đồng bị ảnh hưởng đón nhận nồng nhiệt chương trình này do chương trình này thể hiện tính nhạy cảm và thái độ tôn trọng của AFP đối với văn hóa, chuẩn mực và tôn giáo địa phương.⁸⁴

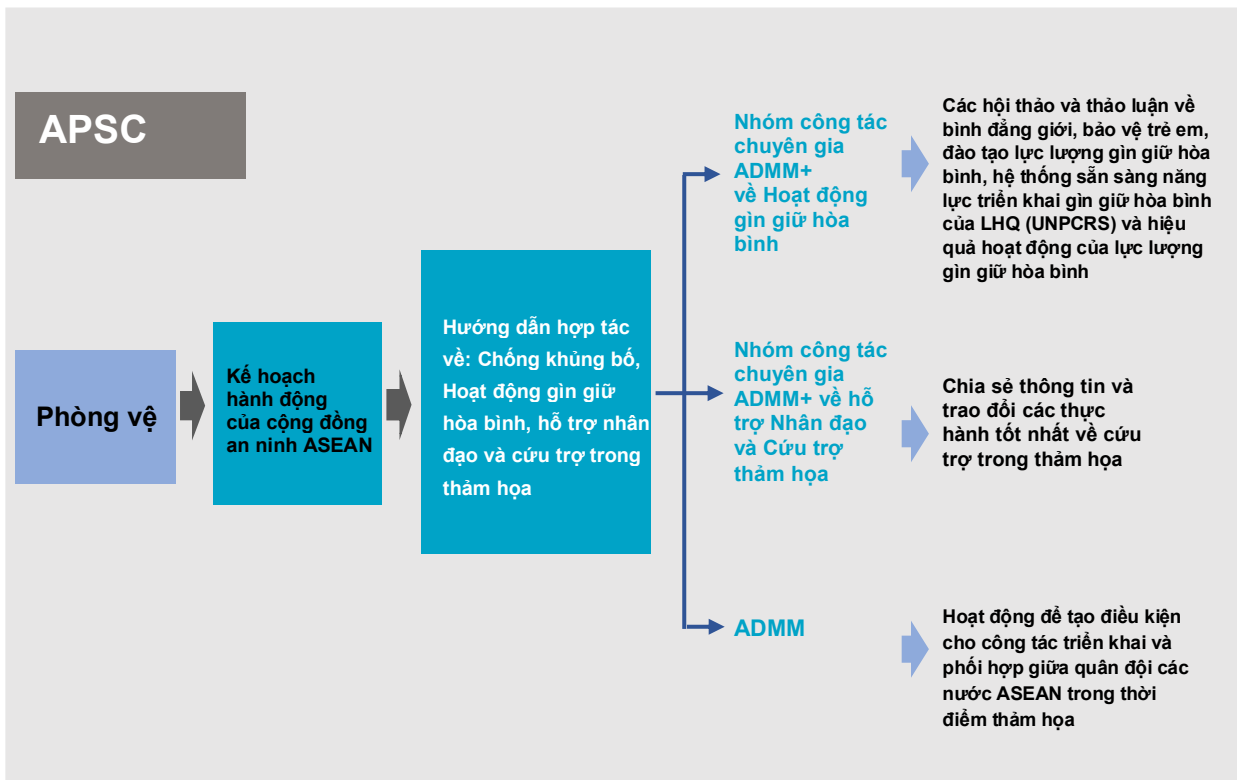
3.3.2.4 Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN

Thành lập năm 2006, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) nhằm mục đích thúc đẩy hiểu biết sâu sắc hơn về các thách thức quốc phòng và an ninh trong ASEAN thông qua các đối thoại và sáng kiến quốc phòng khu vực. Nhận thấy nhu cầu về một ADMM “cởi mở, linh hoạt và hướng ngoại”, ADMM+ được thành lập vào năm 2010, bao gồm 8 đối tác đối thoại (Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc, Nga và Hoa Kỳ), với mục đích thúc đẩy sự tin tưởng và tin cậy lẫn nhau giữa các cơ sở quốc phòng và mang lại lợi ích cho các

nước thành viên ASEAN trong việc xây dựng năng lực để giải quyết các thách thức an ninh chung thông qua hợp tác quốc phòng thiết thực, bao gồm các Nhóm công tác chuyên gia ADMM+.

Các lĩnh vực hợp tác chính của Nhóm công tác chuyên gia là hoạt động gìn giữ hòa bình, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa (cũng như an ninh mạng, chống khủng bố, khắc phục hậu quả bom mìn, an ninh hàng hải và quân y). Mặc dù các chương trình và kế hoạch công tác của ADMM và ADMM+ không đề cập rõ ràng đến WPS, nhưng mục tiêu khuyến khích phụ nữ tham gia và bảo vệ phụ nữ là rất quan trọng trong cả hai lĩnh vực hợp tác/hoạt động. Trên thực tế, việc triển khai Kế hoạch hành động an ninh ASEAN đã thúc đẩy các hội thảo và thảo luận về bình đẳng giới trong đào tạo lực lượng gìn giữ hòa bình do Nhóm công tác chuyên gia ADMM+ về các hoạt động gìn giữ hòa bình thực hiện. Các hoạt động đào tạo chung và hội thảo trong khuôn khổ của ADMM hoặc ADMM+ cung cấp cách thức lồng ghép quan trọng trong đào tạo giới và lồng ghép WPS thông qua việc nhấn mạnh bốn trụ cột: tham gia, ngăn ngừa, bảo vệ, cứu trợ và phục hồi.

Hình 10: Các cơ chế APSC của ASEAN liên quan đến WPS (ADMM/ADMM+)



WPS cũng phù hợp cho hoạt động của ADMM và ADMM+ vì lợi ích chung trong việc chia sẻ các thực tiễn tốt nhất về cải cách lĩnh vực an ninh (SSR) nhằm tăng cường hòa bình và an ninh trong khu vực ASEAN và bên ngoài khu vực. Trong cải cách và quản trị lĩnh vực an ninh, trong đó có cải thiện quản trị và trách nhiệm giải trình của các cơ quan an ninh (quân đội, cảnh sát, tình báo và tuần tra biên giới) và hệ thống tư pháp, thì lồng ghép luật nhân quyền và luật nhân đạo quốc tế là vô cùng quan trọng. Tương tự, có thể sử dụng một số trường hợp điển hình để lồng ghép đào tạo về nhận thức giới và WPS nhằm góp phần thúc đẩy các thực hành tốt nhất trong cải cách và quản trị lĩnh vực an ninh.

3.3.2.5 Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm Xuyên quốc gia và Hội nghị Quan chức cấp cao về Tội phạm Xuyên quốc gia

Hoạt động đáng chú ý nhất của Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC) và SOMTC là xây dựng hai văn kiện khu vực ràng buộc pháp lý: Công ước ASEAN về Chống khủng bố và ACTIP. Ngoài ra, các hội nghị này cũng xây dựng các Tuyên bố, trong đó có *Tuyên bố Manila về chống lại sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực vào năm 2017*. Trong những năm qua, AMMTC và SOMTC xây dựng quan hệ bền chặt và tham gia tích cực với các cơ quan ngoài khối ASEAN, đặc biệt là các đối tác đối thoại ASEAN và cuối cùng đã phát triển thành Tham vấn Đối tác Đối thoại AMMTC/SOMTC+. SOMTC đã thành lập năm nhóm công tác để giải quyết các vấn đề chống khủng bố, mua bán người, tội phạm mạng, buôn bán trái phép động vật hoang dã và gỗ, cũng như buôn lậu vũ khí.

Nhóm công tác SOMTC về chống mua bán người đã xây dựng Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về chống TIP, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (ACTIP) và Kế hoạch hành động đa ngành Bohol về phòng, chống mua bán người giai đoạn 2017–2020, với sự tham gia của 9 cơ quan ban ngành thuộc ASEAN. Nhóm công tác kêu gọi thông qua các Kế hoạch hành động quốc gia về chống mua bán người.

Nhóm công tác SOMTC về chống khủng bố được xây dựng dựa trên Tuyên bố Manila năm 2017 về chống lại sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa bạo lực cực đoan nhằm phát triển Kế hoạch hành động ASEAN đối với P/CVE (2019–2025), còn được gọi là Kế hoạch công tác Bali. Nhóm công tác này xây dựng Kế hoạch công tác Bali thông qua tham vấn liên ngành giữa 15 cơ quan ban ngành của ASEAN để triển khai RPA.

3.3.3 CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN KẾT VỚI ASEAN (CHƯƠNG 5 VÀ PHỤ LỤC 2 CỦA HIẾN CHƯƠNG ASEAN)

3.3.3.1 Hội đồng liên Nghị viện ASEAN

Phụ lục 2 của Hiến chương ASEAN xếp Hội đồng liên Nghị viện ASEAN (AIPA) đứng đầu các tổ chức liên quan (Điều 16 của Hiến chương), điều này cho thấy tầm quan trọng của nghị sĩ và vai trò của họ trong hoạt động xây dựng cộng đồng. Nhìn chung, AIPA là một diễn đàn nghị viện để các đại biểu quốc hội trong khu vực tương tác và trao đổi thông tin về các vấn đề cùng quan tâm.

Năm 1998, AIPA thành lập các Hội nghị nữ nghị sĩ AIPA (WAIPA). WAIPA làm việc với quốc hội thành viên AIPA và quốc gia thành viên để: 1) nhận thức tầm quan trọng của bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, trẻ em gái với vai trò là trụ cột chính cho sự bền vững của ASEAN và 2) khuyến khích các quốc gia thành viên AIPA “xây dựng luật pháp và chính sách tiếp cận bình đẳng các nguồn lực và sự tham gia quá trình ra quyết định của phụ nữ nhằm bảo đảm bình đẳng giới trên mọi khía cạnh”. WAIPA cũng thúc giục các quốc hội thành viên AIPA làm việc nhiều hơn nữa để hỗ trợ nghiên cứu quốc gia của họ và cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê về giới phục vụ cho việc xây dựng chính sách. Căn cứ vào vai trò quan trọng của đại biểu quốc hội, ASEAN cần xem xét việc tham gia của WAIPA trong thực hiện chương trình nghị sự WPS, thông qua các chức năng giám sát và xây dựng luật pháp nhằm bảo đảm các thể chế chính phủ thúc đẩy hòa bình, an ninh và bình đẳng giới bằng cách bảo đảm rằng tất cả các văn bản luật – về mặt nội dung và ứng dụng – đều thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, trong đó có quản trị và trách nhiệm giải trình.

3.3.4 CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

ASEAN có bề dày lịch sử cam kết thực hiện hòa nhập kinh tế khu vực. Quan hệ láng giềng giữa 10 AMS và các nỗ lực thể chế khác nhau ở cấp khu vực ASEAN cho phép khối này ưu tiên hòa bình và an ninh, trong đó có cả nhiệm vụ phòng ngừa đã nêu, nhằm hỗ trợ thịnh vượng kinh tế và phát triển bao trùm. Mặc dù cam kết về các vấn đề WPS vẫn còn mới mẻ trong AEC, nhưng có mối liên hệ rõ ràng trong việc đưa ra lý lẽ mang tính thuyết phục cho việc kết nối thịnh vượng và phát triển kinh tế với vấn đề phụ nữ, hòa bình và an ninh. Cũng thật đáng khích lệ khi nhắc tới tuyên bố gần đây của các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, trong đó ghi nhận rằng kinh tế và hòa bình có liên quan và củng cố lẫn nhau,

đồng thời nhất trí đẩy mạnh hợp tác để bảo đảm sự bằng an kinh tế và phúc lợi vật chất của phụ nữ trong các nỗ lực hội nhập kinh tế của ASEAN. Khi ASEAN tìm cách ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu, các mối đe dọa xuyên quốc gia về an ninh, các trường hợp khẩn cấp về y tế công cộng, trong đó có đại dịch và các vấn đề mới nổi khác, thì sự tham gia của phụ nữ là rất cần thiết, đặc biệt từ quan điểm an ninh kinh tế. Do đó, các Bộ ngành và thể chế kinh tế thuộc AEC và AMS cần thể hiện vai trò của mình trong bất kỳ nỗ lực nào thúc đẩy thực hiện WPS trong tương lai ở khu vực ASEAN.⁸⁵

Sự dịch chuyển của các dịch vụ và lao động có kỹ năng hình thành nên các ưu tiên chính sách và chương trình trong AEC và vẫn là khía cạnh quan trọng của chính sách và chương trình này; hơn nữa, việc thực hiện được cơ chế dịch chuyển tự do này cho lao động có kỹ năng là một hợp phần quan trọng trong Kế hoạch tổng thể của AEC cho tới năm 2025. Trong tương lai, Kế hoạch tổng thể AEC có thể giải quyết triệt để hơn nữa các mục tiêu xã hội và mục tiêu giới. Hiện tại, quyền và các khía cạnh xã hội liên quan đến nội dung di cư được bao gồm trong trụ cột ASCC.⁸⁶

Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư được thông qua năm 2007, nhắc lại rằng cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột và “cả nước phải cử và tiếp nhận lao động cần tăng cường các trụ cột chính trị, kinh tế và xã hội của cộng đồng ASEAN thông qua việc thúc đẩy toàn bộ tiềm năng và nhân phẩm của người lao động di cư trong bối cảnh tự do, bình đẳng và ổn định, phù hợp với pháp luật, quy định, chính sách của các nước thành viên ASEAN.” Năm 2009, Tuyên bố về quyền của người lao động di cư đã được tái khẳng định trong Kế hoạch tổng thể của ASCC, trong đó đề cập công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư là một trong những mục tiêu chiến lược của mình (phần C.2).

“Đồng thuận ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của Người lao động di cư” ban hành vào năm 2017 là sự mở rộng của Tuyên bố năm 2007. Theo Đồng thuận ASEAN, các quốc gia thành viên cam kết “đối xử công bằng về giới và quốc tịch, bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư, đặc biệt là phụ nữ, phù hợp với các nghĩa vụ của các nước thành viên ASEAN theo các văn kiện quốc tế mà các nước là các bên tham gia.” Ngoài ra, nghĩa vụ của nước tiếp nhận lao động cũng được quy định chi tiết hơn nhiều so với trong Tuyên bố ASEAN, trong đó gồm “ngăn chặn việc lạm dụng người lao động di cư,

cũng như bảo vệ họ khỏi “bạo lực và quấy rối tình dục” như một phần của đối xử công bằng với những người lao động này. Tương tự như Tuyên bố năm 2007, nước tiếp nhận lao động phải tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động di cư tiếp cận quyền truy cập và hỗ trợ theo pháp luật nếu họ trở thành nạn nhân của bạo lực.

Hai chủ đề bổ sung quan trọng khác xuất hiện trong suốt quá trình nghiên cứu này liên quan đến vai trò của AEC đối với quá trình đẩy nhanh chương trình nghị sự WPS. Thứ nhất, nhiều người tham gia trả lời khảo sát ghi nhận cả AEC và ASCC đều có vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề then chốt về bất bình đẳng trong an ninh cho phụ nữ, bao gồm kinh tế, y tế và giáo dục. Thứ hai, lãnh đạo cấp cao ASEAN kiên định tuyên bố, ASEAN không thể thúc đẩy WPS mà không quan tâm đến các khía cạnh kinh tế, trong đó gồm phục hồi kinh tế và sinh kế cho phụ nữ, đặc biệt trong bối cảnh diễn ra các mối đe dọa khu vực, các loại hình thảm họa do con người gây ra và các xung đột khu vực. Sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN vào tháng 9/2020, AEC có thêm nhiều cơ hội để thể hiện rõ ràng hơn vai trò của mình về WPS.

Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng 1) các hỗ trợ mà AEC thực hiện đối với thương mại và tăng trưởng kinh tế khu vực mang tính bao trùm về giới hơn thông qua hàng loạt các sáng kiến trao quyền kinh tế cho phụ nữ, mặc dù điều này chủ yếu tập trung ở cấp độ cá nhân và khu vực doanh nghiệp thông qua Mạng lưới Doanh nhân Nữ ASEAN (AWEN)⁸⁷ và 2) những nỗ lực này là nền tảng quan trọng đối với WPS, nhưng cần phải tiến xa hơn nữa. Trong tương lai, chương trình nghị sự WPS cần cố gắng bảo đảm rằng các cơ quan ban ngành của AEC có “chỗ đứng” trong bất kỳ cách tiếp cận đa ngành nào của ASEAN để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Các nhà lãnh đạo và chuyên gia kinh tế của AMS phải tham gia vào bất kỳ nhóm công tác đa ngành nào của ASEAN trong tương lai và thực hiện vai trò chiến lược trong việc phát triển phương pháp tiếp cận khu vực đối với WPS nhằm bảo đảm quan điểm kinh tế được củng cố trong chương trình nghị sự WPS.

Tiến bộ của AEC về lồng ghép giới

AEC đã đạt được những tiến bộ quan trọng về lồng ghép giới, ví dụ: vào tháng 7/2020, AEC tổ chức hội thảo Lồng ghép giới với nhiều chủ đề khác nhau, trong đó có tác động của bao trùm giới trong khu vực và cách tiếp cận khu vực cho từng ngành đối với lồng ghép giới (ví dụ: du lịch, thương mại điện tử, thương mại, v.v.). Các cuộc thảo luận này cho thấy AEC đã có nhiều năm nỗ lực theo đuổi nội dung

bao trùm giới và mặc dù tiến bộ này là quan trọng, nhưng vẫn chưa tạo ra được mối liên kết trực tiếp với các mục tiêu của chương trình nghị sự WPS, đặc biệt trong việc liên kết phát triển kinh tế bao trùm với đẩy mạnh gắn kết xã hội và xây dựng khả năng chống chịu của cộng đồng để có thể vượt qua nhiều thách thức đa dạng.

ASEAN đã thông qua Chương trình hành động về lồng ghép trao quyền kinh tế cho phụ nữ vào năm 2017.⁸⁷ Sự kiện này cũng nêu bật các lĩnh vực chính trong thành tựu mà ASEAN đã đạt được, bao gồm:

- Áp dụng các hành động có thể đo lường được nhằm giải quyết các rào cản ngăn cản quyền tiếp cận của phụ nữ (ví dụ: tài chính, công nghệ, v.v.);
- Thúc đẩy phụ nữ tham gia hoạt động kinh doanh và phát triển kỹ năng;
- Đầu tư vào chương trình “tạo môi trường thuận lợi” cho các doanh nghiệp siêu nhỏ và vừa;
- Tăng cường khả năng đại diện và vai trò lãnh đạo của phụ nữ ở cấp điều hành, đồng thời thúc đẩy các chính sách và chiến lược nhằm thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nam giới và phụ nữ
- Khuyến khích hợp tác trong khu vực công và tư nhân thông qua Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN và AWEN.

AWEN hiện đang thảo luận về các vấn đề khu vực, như COVID-19. Các mạng lưới các doanh nhân nữ trong khu vực đóng vai trò là nền tảng trao đổi kiến thức và kinh nghiệm thúc đẩy hoạt động kinh tế và thương mại nhằm nâng cao bình đẳng giới, trao quyền và tăng cường kỹ năng khởi nghiệp của phụ nữ trong cộng đồng ASEAN. AWEN mong muốn tạo ra một môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp trong khu vực.

Hội nghị Đối tác chính sách về phụ nữ và kinh tế của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (gồm có bảy trong số 10 AMS là thành viên) đã công bố khung thu hút sự tham gia của phụ nữ trong APEC.⁸⁹ Mặc dù không phải là thể chế do ASEAN dẫn dắt, nhưng APEC tập trung vào các rào cản đối với sự tham gia của phụ nữ ở cấp độ cá nhân và doanh nghiệp, liên quan đến việc cải thiện an ninh kinh tế của phụ nữ - một phần không thể tách rời của hợp phần phòng ngừa trong chương trình nghị sự WPS.

Ban đầu, cũng đã có một số trường hợp hợp tác giữa các cộng đồng về trao quyền kinh tế cho phụ nữ trong bối cảnh sau xung đột, trong đó có một số hoạt động hợp tác đang triển khai giữa AICHR, ACWC và ACW. Nghiên cứu đang được thực hiện về “Quyền được hòa bình” do AICHR chủ trì có thể cung cấp một số thông tin và hiểu biết sâu sắc về trao quyền kinh tế cho phụ nữ trong các tình huống xung đột và sau xung đột.

Một số quốc gia thành viên ASEAN, trong đó có Myanmar và Philippines, có kinh nghiệm địa phương vững chắc với các CSO trong việc góp phần phát triển sinh kế bao trùm giới ở các khu vực xung đột. Khái niệm Làng Hòa bình của Indonesia, do UN Women và Quỹ Wahid tiên phong, tập trung vào sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ với tư cách là tác nhân hòa bình để xây dựng các giải pháp dựa vào cộng đồng trong việc thu hút thanh niên, nhận diện dấu hiệu cảnh báo sớm về cực đoan hóa và thúc đẩy lòng khoan dung và gắn kết xã hội giữa nhiều các cộng đồng khác nhau, trong đó có đối thoại giữa các tín ngưỡng và các hoạt động trao quyền kinh tế. Đây là ví dụ minh họa cho các thực tiễn tốt có tiềm năng nhân rộng; các thực tiễn tốt này được Tổng thống Jokowi cũng như Chính phủ Indonesia ủng hộ và do Cơ quan chống khủng bố quốc gia chủ trì thực hiện.^{90,91} Bài viết về WPS trên *Tạp chí ASEAN*, ấn bản mùa hè năm 2020 ghi nhận rằng thông qua các hoạt động tương tác với các CSO, ASEAN tìm tòi để hiểu được cách thức đưa các sáng kiến địa phương vào các thiết kế chính sách ở cấp độ vĩ mô, cũng như cách thức AMS và ASEAN có thể hỗ trợ trao quyền kinh tế như thế nào ở cấp chính sách hoặc cấp vĩ mô trong khu vực.

Các khuyến nghị nhằm thu hút sự tham gia của AEC trong chương trình nghị sự WPS

AEC phải công nhận và hành động dựa trên mối liên hệ giữa xung đột, các mối đe dọa khu vực đối với sự ổn định và trao quyền kinh tế cho phụ nữ. Sự tham gia của phụ nữ về chính sách kinh tế và hội nhập khu vực, đặc biệt là những vấn đề về WPS và các đe dọa mới nổi như đại dịch và biến đổi khí hậu, là rất cần thiết để bảo đảm khả năng chống chịu của khu vực ASEAN trong việc giải quyết và vượt qua các thách thức này.

Nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực là rất quan trọng để giải quyết các lỗ hổng được nhận diện trong quá trình thu hút sự tham gia của lĩnh vực an ninh và lĩnh vực kinh doanh. Không có đường tắt nào để thực hiện mục tiêu này; AEC cần tiến hành đào tạo để dần dần nâng cao nhận thức và hiểu biết.

AEC cần tham gia vào bất kỳ nỗ lực đa ngành nào liên quan đến WPS. Sự ổn định kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc xem xét các mối đe dọa của khu vực, ví dụ như thiên tai, tội phạm xuyên quốc gia, biến đổi khí hậu và đại dịch. Điểm khởi đầu là phát triển các lĩnh vực hợp tác có thể đẩy mạnh giá trị gia tăng trong chương trình nghị sự WPS đối với AEC, bao gồm các mối liên kết giữa ổn định kinh tế, hòa bình và phát triển trong khu vực. Các nỗ lực lồng ghép giới, đặc biệt là sáng kiến trao quyền kinh tế cho phụ nữ, có thể là bước khởi đầu tốt cho AEC. Sự tham gia của AEC vào các vấn đề WPS sẽ củng cố hơn nữa nhiệm vụ hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ trong các biện pháp phòng ngừa chiến lược, các nỗ lực xây dựng cộng đồng vững mạnh và có khả năng chống chịu, cũng như tái thiết hiệu quả sau thiên tai.

3.4 Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự (CSOs)

Năm 2019, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN thông qua “*Tuyên bố chung về thúc đẩy phụ nữ, chương trình hòa bình và an ninh tại Diễn đàn khu vực ASEAN*”, trong đó họ cam kết một lần nữa về việc “*tạo ra tiến bộ trong thực hiện chương trình nghị sự phụ nữ, hòa bình và an ninh*”. Ngoài các cam kết đã thông qua trong Tuyên bố chung năm 2017, các Bộ trưởng Ngoại giao cam kết tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của các tổ chức xã hội dân sự và mạng lưới phụ nữ trong “*thực hiện chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, liên quan đến công tác phòng ngừa, quản lý và giải quyết xung đột vũ trang, cũng như tái thiết, phục hồi và xây dựng hòa bình sau xung đột*.”⁹²

Trên thực tế, các tổ chức xã hội dân sự có rất ít không gian để tham gia chính thức cùng ASEAN, ngoại trừ Hội nghị Xã hội Dân sự ASEAN/Diễn đàn nhân dân ASEAN (ACSC/APF) được tổ chức hàng năm song song với Hội nghị Cấp cao ASEAN, Tham vấn khu vực về nhân quyền được tổ chức cùng với các cuộc họp của AICHR hoặc ACWC, và một số cuộc họp do các ủy ban và nhóm công tác như AICHR, ACWC, và Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về Quyền của Người lao động Di cư (ACMW) tổ chức.

Các tổ chức xã hội dân sự phải tuân thủ Quy tắc về thủ tục và các tiêu chí tham gia dành cho các thực

thể có quan hệ liên kết với ASEAN, do Ủy ban các Đại diện thường trực ASEAN đề ra vào năm 2016 và phù hợp với Hiến chương ASEAN, để có thể tham gia cùng với ASEAN. Hướng dẫn Công nhận Tổ chức Xã hội Dân sự năm 2016 của ASEAN đã định nghĩa CSO là:

*Tổ chức phi lợi nhuận dưới hình thức cá nhân hay thực thể pháp lý của ASEAN, hoạt động để thúc đẩy, củng cố và giúp hiện thực hóa các mục đích và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN và ba trụ cột của cộng đồng này – cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, cộng đồng Kinh tế ASEAN và cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN.*⁹³

Các CSO được ASEAN công nhận thực hiện các chức năng và hoạt động có bản chất là chính phủ hoặc bán chính phủ (quasi-governmental) nhưng không được chính thức đưa vào cơ cấu ASEAN. Đây là trường hợp của AWEN và Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN. Các CSO này được phép thiết lập quan hệ công tác với một cơ quan ASEAN cụ thể có liên quan đến chuyên môn của mình. Để được công nhận, CSO gửi đơn để ASEC xem xét và phê duyệt. Sau khi được chấp thuận, CSO phải thực hiện một số yêu cầu nhất định (ví dụ: mời quan chức các quốc gia thành viên ASEAN tham dự các cuộc họp của mình) và tham gia các hoạt động liên quan của ASEAN với tư cách là chuyên gia tư vấn.

Trên thực tế, các cơ quan khác nhau trong ASEAN, trong đó có AICHR, ACWC và ACMW, áp dụng các thông lệ riêng của tổ chức để cộng tác với CSO (xem Hình 11). Kể từ năm 2018, các CSO đã thúc giục AICHR cùng nhiều tổ chức khác, thực hiện:

1. Công nhận rõ ràng rằng, hoạt động hiệu quả của ủy ban này với tư cách là thể chế chịu trách nhiệm tổng thể về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong ASEAN có liên quan chặt chẽ tới sự tham gia của xã hội dân sự;
2. Xem xét các điều khoản tham chiếu của ủy ban trên quan điểm sửa đổi để tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào công việc của ủy ban và tăng cường nhiệm vụ bảo vệ của ủy ban;
3. Tôn trọng và đề cao các nguyên tắc bao trùm và không phân biệt đối xử; và
4. Bảo đảm sự tham gia có ý nghĩa của các nhóm ở cấp cơ sở và các nhóm yếu thế trong quá trình ra quyết định.⁹⁴

Hình 11: Các điểm chính trong quan hệ hợp tác: ASEAN và các CSO

AICHR	ACWC	ACMW
<p>Điều khoản tham chiếu của AICHR: Điều 4.8 yêu cầu AICHR, “<i>Tham gia đối thoại và tham vấn với các Cơ quan ASEAN khác và các thực thể có quan hệ liên kết với ASEAN, trong đó có các tổ chức xã hội dân sự và các bên liên quan khác, như quy định tại Chương V của Hiến chương,</i>” và Điều 4.9 cho phép AICHR, “<i>Tham vấn, khi phù hợp, với các cơ quan và thực thể quốc gia, khu vực và quốc tế khác liên quan đến việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền</i>”</p> <p>Kể từ khi thông qua Hướng dẫn về Quan hệ của AICHR với CSO vào năm 2015, AICHR đã cộng tác với các CSO được công nhận trong các hoạt động và chương trình của mình, nhằm giải quyết các vấn đề nhân quyền khác nhau liên quan đến ASEAN. Hiện tại có 30 CSO được AICHR công nhận.</p>	<p>Điều khoản tham chiếu của ACWC (TOR): Điều 3.9 nêu rõ rằng ACWC sẽ, “<i>áp dụng phương pháp tiếp cận hợp tác và tham vấn với các quốc gia thành viên ASEAN, giới học thuật và xã hội dân sự liên quan đến các quyền của phụ nữ và trẻ em.</i>”</p> <p>Quy tắc về thủ tục của ACWC: Điều 53 nêu rõ rằng “<i>ACWC sẽ thu hút sự tham gia của xã hội dân sự và các bên liên quan bất cứ khi nào có thể. Sự tham gia như vậy phải tôn trọng các nguyên tắc minh bạch, đối thoại hiệu quả và có ý nghĩa.</i>”</p>	<p>Diễn đàn Lao động di cư ASEAN (AFML)</p> <p>Hàng năm diễn đàn này triệu tập các bên liên quan chủ chốt về di cư từ các chính phủ ASEAN, tổ chức của người lao động và chủ sử dụng người lao động và xã hội dân sự.</p>

Các thực thể này cũng thúc giục AMS tạo ra và duy trì môi trường an toàn, thuận lợi cho xã hội dân sự bằng cách áp dụng các thủ tục hợp lý và các thực tiễn tốt được xác định trong tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền nhằm tăng cường sự gắn kết của CSO với các cơ quan quốc tế và khu vực như AICHR.⁹⁵

Một số người được phỏng vấn chỉ ra rằng ACWC đang dần dần đưa chương trình nghị sự WPS vào các thảo luận trong phạm vi hoạt động của mình và theo đuổi cơ hội nhằm gắn kết các CSO khu vực vào hoạt động của mình.⁹⁶

Trên toàn cầu, xã hội dân sự là động lực chính của chương trình nghị sự WPS. Các nhà vận động xã hội dân sự thường được coi là đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS tại

Indonesia, Myanmar, Philippines và Thái Lan. Mỗi tổ chức xã hội dân sự sử dụng các phương pháp riêng biệt để thực hiện chương trình WPS cấp quốc gia. Ví dụ: ở Philippines, các CSO đi đầu trong việc ngăn chặn bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực tình dục trong bối cảnh người dân phải lánh nạn trong nước, trong khi đó ở các tỉnh biên giới phía Nam của Thái Lan, các CSO có vai trò quan trọng trong xây dựng hòa bình và ở Myanmar, các CSO thúc đẩy WPS thông qua các nỗ lực nâng cao nhận thức, hoạt động xã hội và vận động chính sách trong tiến trình hòa bình và giải quyết bạo lực tình dục liên quan đến xung đột.

Các tổ chức xã hội dân sự cũng được coi là trung gian hoặc cầu nối giữa các phong trào phụ nữ cơ sở và chính phủ, giúp bảo đảm rằng phong trào của phụ nữ ở cấp cộng đồng có thể nâng cao tiếng nói của

họ. Ngoài ra, trong khu vực ASEAN có một số viện nghiên cứu và học viện, cơ quan đại diện và truyền thông quảng bá chương trình nghị sự WPS thông qua các báo cáo. ASEAN có thể tìm hiểu việc thiết lập một cơ chế bảo đảm sự tham gia của xã hội dân sự trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS.

Kiến thức và kinh nghiệm từ tất cả các tổ chức và cơ sở như vậy có thể hữu ích, đặc biệt trong việc đưa ra các quan điểm mới và ý tưởng sáng tạo. Một số người được phỏng vấn cho rằng các Kế hoạch hành động của khu vực và quốc gia về WPS đã thành công hơn khi có tham vấn toàn diện với các CSO và có sự tham gia của các CSO trong các giai đoạn quan trọng của quá trình này. Ví dụ: một số người trả lời phỏng vấn chỉ ra rằng, bước lặp lại lần đầu của Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) về WPS ở Philippines được hưởng lợi từ sự tham gia và hòa nhập đáng kể của CSO (xem Hình 12).

Trong quá trình xây dựng NAP của Philippines, xã

Hình 12: Thông điệp chính từ sự tham gia của xã hội dân sự ở Philippines

Philippines: Thu hút CSO tham gia WPS

- Điều phối mạng lưới các CSO như WE Act 1325 và xây dựng quan hệ đối tác chung với chính phủ để hỗ trợ soạn thảo và thực hiện Kế hoạch hành động 1325 một cách toàn diện.
- Đưa xã hội dân sự tham gia với tư cách là các “tác nhân chính” để thực hiện các vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện NAP.
- Ban chỉ đạo hợp tác với xã hội dân sự để tiếp nhận các ý kiến phản hồi
- Hỗ trợ xã hội dân sự kinh phí để triển khai thành công.
- Đưa các nhóm bản địa hoặc các nhóm và phong trào liên quan khác tham gia vận động Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) và hợp tác xã hội dân sự để tăng cường hỗ trợ và tiếp thu ý kiến.
- Sử dụng xã hội nhân sự như một nguồn lực để thu thập dữ liệu và dữ kiện trong quá trình giám sát và thực hiện.

hội dân sự Philippines đã thành lập mạng lưới Women Engaged in Action on 1325 (gọi tắt là WE Act 1325) (*Phụ nữ tham gia hành động thực hiện Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ*), đây là mạng lưới quốc gia gồm các tổ chức phụ nữ, nằm dưới sự dẫn dắt của Hiệp định toàn diện Sulong về Tôn trọng Nhân quyền, Luật Nhân đạo Quốc tế và Trung tâm Giáo dục Hòa bình. Mạng lưới WE Act 1325 đưa ra một quy trình thu hút sự tham gia của các CSO trong mạng lưới của mình, bao gồm các CSO ở Mindanao và những địa phương quan trọng khác, trong đó thực hiện một loạt các tham vấn và các buổi nâng cao nhận thức về WPS. Kế hoạch hành động quốc gia của Philippines nhận định, CSO là “tác nhân chính” cho các hành động cụ thể và đề cập tầm quan trọng của xã hội dân sự và hoạt động vận động chính sách, chiến dịch, chương trình và dự án của NGO trong việc thực hiện các mục tiêu của NAP. Ngoài ra, Ban chỉ đạo cam kết hợp tác với xã hội dân sự và giải ngân kinh phí cho các CSO cụ thể nhằm hỗ trợ công tác triển khai thực hiện. Xã hội dân sự đóng vai trò chính trong quá trình giám sát và đánh giá, đặc biệt là trợ giúp hoạt động thu thập dữ liệu và dữ kiện mà chỉ mình chính phủ thực hiện thì có lẽ sẽ không hiệu quả.⁹⁷

3.5 Phân tích tình huống: COVID-19 và chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa Bình và An ninh trong ASEAN

Đại dịch COVID-19 đã và đang gây ra tác động rất rộng và sâu sắc. Theo nhiều tổ chức và cơ quan quốc tế, trong đó có UN Women và hội thảo trực tuyến gần đây của Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN về ảnh hưởng của COVID-19 đối với chương trình nghị sự WPS cũng đã nhấn mạnh, đại dịch cũng gây tác động đến phụ nữ nhiều hơn. Khi ASEAN và các quốc gia thành viên nhìn về tương lai của những thách thức khu vực như biến đổi khí hậu, thiên tai và các tình huống khẩn cấp về y tế cộng đồng do đại dịch gây ra, thì COVID-19 cho thấy một số bài học quan trọng khi nhìn từ lăng kính của chương trình nghị sự WPS. Trong Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN gần đây về tăng cường vai trò của phụ nữ đối với hòa bình và an ninh bền vững được tổ chức vào tháng 9/2020, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã công nhận thực tế rằng phụ nữ phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn và dễ bị tổn thương hơn so với nam giới trong suy thoái kinh tế do COVID-19 gây ra. Do đó, các Bộ trưởng khuyến khích sự hợp tác, trong đó gắn kết chương trình WPS với các nỗ lực hội nhập kinh tế ASEAN trên phạm vi rộng hơn và tạo điều kiện trao quyền kinh tế cho phụ nữ, dựa vào vai trò của họ trong quá trình ngăn ngừa, giải quyết xung đột và phục hồi sau xung đột.⁹⁸

Hình 13: Tuyên bố ASEAN về COVID-19

Chúng tôi cam kết duy trì sự đoàn kết và cản trở trong công tác ứng phó dịch Covid-19; đồng thời cam kết hợp tác chặt chẽ với WHO, các đối tác bên ngoài của ASEAN và cộng đồng quốc tế nhằm ngăn chặn đại dịch lây lan, bảo vệ cuộc sống và sinh kế của người dân, duy trì sự ổn định kinh tế - xã hội trong khi vẫn tiếp tục giữ vững đà xây dựng cộng đồng ASEAN vì sự phát triển bền vững, tăng trưởng bao trùm và không ai bị bỏ lại phía sau.

Tuyên bố Hội nghị cấp cao đặc biệt ASEAN về ứng phó dịch COVID-19 (Ngày 14/4/2020)

Trên khắp thế giới, cũng như trong ASEAN, phụ nữ đã và đang dẫn dắt các nỗ lực ngăn chặn sự lây lan và ứng phó với căn bệnh chết người này. Cho dù trong vai trò chăm sóc tại nhà, nhân viên y tế tuyến đầu, thực hiện các biện pháp cứu trợ khác, hoặc đưa ra quyết định mang tính bao trùm, thì đại dịch cũng cho thấy rõ thử thách toàn cầu này có thể tác động tới nam giới và phụ nữ khác nhau như thế nào. Do các quốc gia tìm kiếm các giải pháp sáng tạo, nên các nguyên lý cốt lõi của chương trình nghị sự WPS thậm chí còn phù hợp hơn với tình hình hiện tại so với trước khi xảy ra đại dịch. Đại dịch cũng làm sáng tỏ tầm quan trọng của việc thực hiện các cam kết chính sách hiện hành, chẳng hạn như Nghị quyết 2242 của Hội đồng Bảo an LHQ cụ thể kêu gọi tăng cường vai trò của phụ nữ trong các khía cạnh chính thức và không chính thức của khủng hoảng y tế toàn cầu. COVID-19 đã khẳng định lại bài học mà chúng ta đã đúc kết được từ các tình huống khủng hoảng khác – để tìm kiếm và đạt được giải pháp bền vững cho các vấn đề xã hội khó giải quyết, điều quan trọng là phải áp dụng lăng kính giới để tìm hiểu tác động và xây dựng các biện pháp ứng phó mang tính bao trùm cho sự phục hồi và khả năng chống chịu của các cộng đồng và quốc gia.

Những gì đã diễn ra sau đại dịch COVID-19 kể từ tháng 1 năm 2020?

Sự tham gia: Tình trạng bất bình đẳng về giới và về kinh tế xã hội hiện tại ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù phụ nữ chiếm phần lớn nhân lực trong lĩnh vực y tế và thường là nhân viên y tế tuyến đầu và nhân viên cộng đồng, các chuyên gia y tế và ứng

phó đại dịch cho rằng sự gia tăng bất bình đẳng này là do phụ nữ có tỷ lệ đại diện thấp trong các vai trò lãnh đạo, thiết kế chính sách và thực hiện ứng phó.^{99, 100} Hơn nữa, sự phân chia kỹ thuật số theo giới đã tạo ra thách thức đáng kể cho phụ nữ và trẻ em gái, những người ít tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến.

Phòng ngừa: Kinh phí và nguồn lực, đặc biệt là các nguồn dành riêng cho các nữ quân nhân tham gia xây dựng và củng cố, đã bị điều chuyển cho các nỗ lực ứng phó COVID-19, góp phần khiến gia tăng xung đột trong một số trường hợp. Phụ nữ phải đối mặt với BLG gia tăng ở một số quốc gia trong thời kỳ đại dịch; hơn nữa, công tác phối hợp và hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ tập trung vào BLG cũng giảm sút. Phụ nữ phải đối mặt với tình trạng tiếp cận hạn chế các nguồn lực và nơi tạm lánh, cũng như bị sa thải nhiều hơn so với nam giới. Trong một số lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như lĩnh vực y tế, phụ nữ chiếm đa số và có nguy cơ nhiễm vi rút cao hơn.¹⁰¹

Bảo vệ: Do các hạn chế về đi lại và tụ tập do COVID trong thời gian tạm ngừng bán ở các khu vực xung đột, khả năng tiếp cận y tế và các dịch vụ khác rất nan giải, đặc biệt đối với phụ nữ. Tại các khu vực không có xung đột, lực lượng cảnh sát tập trung thực thi phong tỏa hơn là bảo đảm an toàn cho cộng đồng và điều này đã làm suy yếu khả năng phụ nữ được bảo vệ. Trên thực tế, có nhiều vụ quấy rối và bạo lực tình dục lại do nhân viên an ninh gây ra tại các trạm kiểm soát và dưới danh nghĩa là một phần của quy trình an ninh. Do gần đây đã có sự chuyển dịch sang lối sống và phương thức làm việc phần lớn qua mạng nên cũng đã dẫn đến hậu quả là các vụ việc quấy rối, theo dõi, bắt nạt, quấy rối tình dục và gài bẫy tình dục trên mạng.¹⁰²

Cứu trợ và phục hồi: Người lao động di cư buộc phải trở về nhà và vật lộn với tình trạng mất thu nhập, khả năng tiếp cận nhu cầu thiết yếu cơ bản thấp, bị phân biệt đối xử và kỳ thị.¹⁰³ Lao động di cư và người lánh nạn trong nước là phụ nữ thường phải sống trong các cơ sở ít/hoặc không có phân chia theo giới, dẫn đến nguy cơ bị tấn công bạo lực và tình dục.¹⁰⁴

Các biện pháp đã được thực hiện và nhu cầu đang tiếp diễn trong khu vực ASEAN

Sự tham gia: Có nhiều biện pháp đã được triển khai như thành lập đường dây nóng hỗ trợ, nhà tạm lánh cho phụ nữ, dịch vụ hỗ trợ khủng hoảng và các nền tảng nhằm nâng cao nhận thức giáo dục về phòng chống BLG.¹⁰⁵ Phụ nữ có thể đóng góp nhiều hơn trong quá trình thiết kế và triển khai các nỗ lực ứng phó COVID-19. Điều này giúp bảo đảm rằng các

biện pháp ứng phó sẽ hiệu quả hơn trong việc ngăn ngừa bạo lực đa chiều và các tổn hại mà phụ nữ phải đối mặt, đặc biệt trước những tác động chông chéo của các cuộc xung đột đã và đang diễn ra và của đại dịch COVID-19.¹⁰⁶

Phòng ngừa: Do hạn chế đi lại và giãn cách xã hội, biên giới các nước bị đóng cửa, nhiều dịch vụ đã chuyển sang hình thức kỹ thuật số. Nhiều tổ chức chỉ hoạt động cầm chừng. Chính vì vậy, các CSO hoạt động trong lĩnh vực WPS gặp nhiều trở ngại trong tiếp cận phụ nữ và trẻ em ở các vùng bị ảnh hưởng bởi xung đột, cũng như trong việc cung cấp dịch vụ cho những người có nhu cầu, gỡ gỡ các nhà tài trợ, cán bộ chính phủ và các đối tác khác. Họ phải vật lộn với tình trạng thiếu kinh phí do các nguồn lực đã chuyển sang cho ứng phó COVID-19.¹⁰⁷ Do đó, ngay cả khi các nhu cầu của CSO WPS gia tăng trong đại dịch, thì các nguồn lực cần thiết để hỗ trợ các dịch vụ đang diễn ra của các tổ chức này đã sụt giảm.

Bảo vệ: Để ứng phó đại dịch, các AMS đã bày tỏ sự ủng hộ đối với lời kêu gọi của Tổng thư ký Liên hợp quốc về ngừng bắn toàn cầu, thiết lập các hạn chế đi lại và giãn cách xã hội, đồng thời huy động lực lượng quân đội và an ninh thực thi các biện pháp khẩn cấp. Tuy nhiên, xung đột trong nước ở cấp địa phương và cộng đồng vẫn diễn ra ở một số AMS. Việc sử dụng dịch vụ an ninh trong ứng phó COVID-19 đôi khi mâu thuẫn với những nỗ lực xây dựng hòa bình đang diễn ra, bao gồm các sắc lệnh khẩn cấp do chính phủ ban hành nhằm hạn chế khả năng di chuyển tự do giữa các biên giới để cung cấp viện trợ cho những người sống ở các vùng bị ảnh hưởng (gồm có cả những nhà hoạt động bảo vệ nhân quyền).¹⁰⁸ Các nhà cung cấp dịch vụ nữ bị quấy rối hoặc đe dọa tại các trạm kiểm soát, dẫn đến chậm trễ và cản trở các nỗ lực xây dựng hòa bình đang diễn ra, làm sâu sắc thêm các bất bình đẳng giới và nguy cơ bị bạo lực đối với phụ nữ.¹⁰⁹

Cứu trợ và phục hồi: ASEAN đã đưa ra hai tuyên bố chính về COVID-19, bao gồm “Tuyên bố Hội nghị cấp cao đặc biệt ASEAN về ứng phó dịch bệnh COVID-19”, trong đó nêu các biện pháp mà AMS đang thực hiện để ngăn chặn COVID-19 và quản lý tác động của đại dịch. Tuy nhiên, tuyên bố không đề cập đến vai trò của phụ nữ trong các hoạt động này, cũng như không đưa quan điểm giới vào bất kỳ cách thức tiếp cận nào của tuyên bố.¹¹⁰ Thứ hai, AICHR thúc giục rằng, các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng cần phải mang tính bao trùm cho tất cả mọi người có nguy cơ, trong đó có cả phụ nữ và các nhóm yếu thế khác. Nhiều AMS có cơ hội mở rộng phạm vi đại diện của nữ giới trong các vị trí lãnh đạo

về quản lý các nỗ lực ứng phó và phục hồi sau COVID-19.

Làm thế nào để chương trình nghị sự WPS trong ASEAN có thể cải thiện khả năng sẵn sàng ứng phó các mối đe dọa khu vực như COVID-19 trong tương lai?

Do đại dịch, sự tập trung vào WPS đã giảm bớt, ngay cả với những sự kiện quan trọng như Lễ kỷ niệm 20 năm ra đời Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ. Tuy nhiên những thách thức và ứng phó COVID-19 đã nêu bật tầm quan trọng và tính cấp thiết của các sáng kiến WPS với vai trò là nền tảng cho các phương pháp tiếp cận bao trùm giới nhằm tăng cường hội nhập an ninh khu vực. Loại trừ phụ nữ khỏi các nỗ lực tham gia, bảo vệ, ngăn ngừa, cứu trợ và phục hồi khiến xã hội nói chung (không chỉ riêng phụ nữ) kém an toàn hơn vì xung đột lan rộng do thiếu sự tham gia của phụ nữ vào khía cạnh hòa bình và an ninh của đại dịch.¹¹¹

Sự tham gia: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ giúp bảo đảm rằng các biện pháp ứng phó là công bằng và bền vững. Một số hành động tức thời mà ASEAN và các thành viên có thể thực hiện bao gồm:

- 1) Một người trả lời phỏng vấn cho nghiên cứu này đề xuất, AWPR có thể hỗ trợ hợp tác với các cơ quan liên quan tại các AMS, chia sẻ kinh nghiệm quốc gia về ứng phó COVID-19 và các thực tiễn tốt để cải thiện công tác lập kế hoạch ứng phó dài hạn đối với các bệnh truyền nhiễm trong tương lai và các tình huống khẩn cấp quốc gia. AWPR, do ASEAN-IPR quản lý, có thể là thực thể quan trọng trong công tác thúc đẩy quyền của phụ nữ, và ASEAN có thể tìm cách bổ sung nguồn lực cho AWPR và tăng cường ảnh hưởng tổng thể của nhóm này.¹¹²
- 2) Để bảo đảm phụ nữ là trung tâm của các thay đổi chính sách, giải pháp và sự phục hồi, cần phải hỗ trợ các tổ chức cấp cơ sở về quyền của phụ nữ. Các tổ chức phụ nữ cũng phải tham gia vào quá trình ra quyết định để các nhu cầu và quan điểm của họ được giải quyết trong quá trình ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực và xung đột trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19.¹¹³
- 3) Cần phải thực hiện đánh giá tác động về giới đối với các biện pháp ứng phó về mặt chính sách đối với COVID-19 và cũng cần thực hiện phân tích giới đa chiều đối với các biện pháp này. Một cách để đạt được điều này là khuyến khích chia sẻ thông tin và cung cấp các số liệu thống kê chính thức được phân tách theo giới và các dữ liệu khác liên quan đến các trường hợp COVID-19.

Phòng ngừa: Để bảo đảm các quyền hạn khẩn cấp không mâu thuẫn với các nỗ lực xây dựng hòa bình đang diễn ra, các chuyên gia bình đẳng giới và phụ nữ phải tham gia điều chỉnh các quyền hạn khẩn cấp hiện tại. Điều này sẽ giúp bảo đảm rằng, các nỗ lực xây dựng hòa bình có thể tiếp tục mà không bị cản trở.¹¹⁴ Phân tích sâu hơn về các thông tin phân tách giới cũng có thể giúp xây dựng chương trình ứng phó hiệu quả hơn, cũng như cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho các khu vực xung đột.

Bảo vệ: Các thỏa thuận ngừng bắn thường mở đường cho các cuộc đàm phán và thỏa thuận hòa bình trong tương lai, nhằm giúp các cộng đồng kiên cường hơn trước xung đột trong tương lai. Các quy định về giới là rất quan trọng để bảo đảm giải quyết và có thể ngăn chặn thành công các vi phạm nhân quyền đối với phụ nữ trong mọi bối cảnh xung đột. Do đó, phụ nữ phải tham gia tối đa vào công tác thiết kế, thực hiện và giám sát các thỏa thuận ngừng bắn.¹¹⁵

Cứu trợ và phục hồi: Phụ nữ đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phục hồi xã hội, chính trị và kinh tế; sự hiện diện ít ỏi của phụ nữ trong các nỗ lực ứng phó và phục hồi COVID-19 làm trầm trọng thêm những thách thức và bất bình đẳng hiện tại của phụ nữ. Để giải quyết các thách thức này, ASEAN cần phải hỗ trợ các tổ chức phụ nữ đang cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho các nhóm dân cư vùng sâu vùng xa và dễ bị tổn thương.¹¹⁶ Căn cứ vào quyền hạn mở rộng của các quan chức chính phủ và quân đội theo các nghị định khẩn cấp và khả năng lạm dụng các quyền hạn này, cần thiết lập và cung cấp các dịch vụ chính yếu nhằm tránh khả năng miễn trừ trừng phạt, nâng cao chất lượng và trách nhiệm giải trình của công tác thực thi ứng phó COVID-19.

Thúc đẩy chương trình nghị sự WPS giúp ASEAN có cơ hội biến các bài học từ đại dịch thành động lực thay đổi để tăng cường sự tham gia bình đẳng và có ý nghĩa của phụ nữ trong hoạt động lãnh đạo và ra quyết định. Vai trò của phụ nữ liên quan đến ứng phó và phục hồi, các biện pháp gắn kết xã hội, chống lại phân biệt đối xử và lời nói căm thù, cũng như những thách thức từ đại dịch có thể giúp giảm thiểu các nguyên nhân tiềm ẩn của bạo lực và xung

đột. Tập trung vào các nỗ lực nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong từng trụ cột phòng ngừa, tham gia và phục hồi có thể bảo đảm rằng phụ nữ được đối xử bình đẳng trong suốt quá trình quản lý khủng hoảng, xây dựng và thực hiện chính sách. Việc tăng cường sự tham gia của lãnh đạo nữ trong các chương trình chính phủ và quá trình hoạch định chính sách có tiềm năng to lớn để bảo đảm rằng các nỗ lực hòa bình và an ninh ngày càng bao trùm, hữu hiệu, linh hoạt và hiệu quả hơn trong việc đáp ứng nhu cầu của tất cả công dân ASEAN.



Ảnh: UN Women/Nguyễn Minh Đức

PHẦN 4

Triển khai Chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong khu vực ASEAN và các Quốc gia thành viên ASEAN

Phần này trình bày đánh giá và phân tích dữ liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu về WPS trong khu vực ASEAN. Nghiên cứu thu thập thông tin cấp quốc gia thành viên thông qua các nghiên cứu cụ thể tiến hành ở từng quốc gia về các ưu tiên, thực tiễn, khung pháp luật liên quan đến WPS và các bài học kinh nghiệm liên quan. Phân tích này, một phần, dựa vào quan điểm ý kiến về WPS do nhiều người cung cấp thông tin và chuyên gia chính trong khu vực ASEAN cung cấp và được thu thập theo phương pháp tiếp cận dựa trên thông tin đầu vào từ phương pháp học phân tích kinh tế chính trị ứng dụng (A/PEA) được dùng để xác định các động lực khuyến khích, cũng như những hạn chế, đối với việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong ASEAN. Việc thu thập và phân tích dữ liệu tập trung vào bốn chỉ số chính:

1. **Yếu tố nền tảng:** Hiểu các cấu trúc quốc tế, khu vực và quốc gia có vai trò quyết định đối với việc thực hiện chương trình nghị sự WPS trong ASEAN và AMS;
2. **Quy tắc và Chuẩn mực:** Các thể chế chính thức và phi chính thức có ảnh hưởng đến các động lực thúc đẩy chương trình nghị sự WPS;
3. **Hiện tại:** Hành vi của những nhà ra quyết định khi ứng phó với các sự kiện tạo cơ hội thúc đẩy chương trình nghị sự WPS; và
4. **Động thái thúc đẩy:** Những vấn đề hoặc sự kiện cấp quốc tế, khu vực và quốc gia mang lại cơ hội thúc đẩy chương trình nghị sự WPS và dự báo các thành quả của chương trình nghị sự này.

Phần này của báo cáo được lập để trả lời các câu hỏi sau và kết thúc với một vài phát hiện cấp cao:

- Chương trình nghị sự WPS đang tiến triển thế nào ở Đông Nam Á, trong ASEAN và ở các Quốc gia thành viên ASEAN (theo trụ cột Quốc gia thành viên ASEAN)?
- Có những thách thức và cơ hội chính nào đối với việc các Quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy chương trình nghị sự WPS?

4.1 Chương trình nghị sự WPS đang tiến triển thế nào ở Đông Nam Á?

Phân tích dưới đây tập trung vào hiện trạng của chương trình nghị sự WPS trên khắp Đông Nam Á. Thông tin này được nhóm các nhà nghiên cứu trong khu vực thu thập, thông qua các câu hỏi cho các chuyên gia trong lĩnh vực bình đẳng giới, hòa bình và an ninh, cũng như chính sách liên quan đến WPS trong khu vực ASEAN.

4.1.1 CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ WPS ĐANG TIẾN TRIỂN THẾ NÀO Ở CẤP KHU VỰC?

Sự tham gia

Các cam kết của ASEAN đối với các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc thể hiện chủ nghĩa đa phương trong hành động và là những đóng góp được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Hình 14 trình bày các đóng góp có phân tách giới của các AMS cho các phái bộ GGHB. Trong những năm gần đây, các AMS có đóng góp quân nhân gìn giữ hòa bình đã ngày càng nỗ lực để cung cấp các khóa huấn luyện nâng cao cho các quân nhân gìn giữ hòa bình trước khi triển khai xuất quân.

Hình 14: Đóng góp vào hoạt động gìn giữ hòa bình của các Quốc gia thành viên ASEAN

AMS	Phân tách lực lượng nữ quân nhân	Nam	Nữ	Tổng số
Brunei	Đơn vị (0)	30	0	30
Campuchia	Đơn vị (71), chuyên gia (4), sĩ quan (1)	684	92	776
Indonesia	Đơn vị (107), chuyên gia (3), đơn vị cảnh sát thành lập (FPU) (29), cảnh sát (13), sĩ quan (7)	2663	164	2827
CHDCND Lào	Không có số liệu	0	0	0
Malaysia	Đơn vị (34), chuyên gia (3), sĩ quan (1)	801	44	845
Myanmar	Không có số liệu	0	0	0
Philippines	Chuyên gia (5), cảnh sát (3), sĩ quan (0)	16	11	27
Singapore	Không có số liệu	0	0	0
Thái Lan	Đơn vị (0), chuyên gia (1), cảnh sát (9), sĩ quan (1)	288	13	301
Việt Nam	Đơn vị (10), chuyên gia (1), sĩ quan (1)	64	12	76

Nguồn: Lực lượng gìn giữ hòa bình LHQ, tháng 12 năm 2020¹¹⁷

Sự tham gia của phụ nữ và những nỗ lực lồng ghép giới là những yếu tố nền tảng làm nên bước tiến về WPS. Đã có nhiều xu hướng tích cực liên quan đến WPS ở ASEAN và một số Quốc gia thành viên ASEAN đã thiết lập nhiều cơ chế chính thức khác nhau để tăng cường việc phụ nữ tham chính ở các cấp chính quyền khác nhau. Trong tương lai, các nhà vận động chương trình WPS xác định sự cần thiết phải giải quyết những khoảng trống bình đẳng giới còn tồn tại trong hệ thống cấp bậc của các vị trí chính thức trong các cơ quan chính phủ. Các khoảng trống cơ bản về sự đại diện của phụ nữ chủ yếu vẫn tồn tại trong các cơ quan lập pháp của chính phủ (xem Hình 15) và các công cụ khác nhau, chẳng hạn như hạn ngạch hoặc số lượng ghế dành riêng cho phụ nữ, đang được sử dụng để giải quyết khoảng cách giới trong các Quốc hội/Nghị viện. Trong khi các bộ/cơ quan của phụ nữ hướng dẫn các cam kết chính sách quốc gia về các vấn đề giới và có nhiều đại diện là phụ nữ, thì vẫn cần phải và vẫn có cơ hội để tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định và các dịch vụ liên quan đến “an ninh cứng”, gồm cả trong các bộ nội vụ và quốc phòng cũng như trong các cơ quan chính phủ liên quan đến phòng ngừa, quản lý và ứng phó thiên tai.

Theo báo cáo năm 2020 của LHQ có tên “Phụ nữ tham gia thi hành pháp luật trong khu vực ASEAN”,¹¹⁸ nhiều quốc gia thành viên ASEAN

đã tiến hành các chương trình tuyển dụng phụ nữ vào các lực lượng cảnh sát và quân đội với các lợi ích cộng đồng tích cực nói chung. Báo cáo này cũng phát hiện rằng vẫn còn khoảng trống đáng kể trong hoạt động trao quyền cho phụ nữ ở cấp hệ thống và văn hóa, điều này cản trở sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong công tác thiết kế và triển khai các hoạt động an ninh và xây dựng hòa bình

Hình 25: Đại diện nữ trong Quốc hội theo Quốc gia thành viên ASEAN

Các quốc gia ASEAN	Quốc hội		Các chức danh bộ trưởng
	Thượng viện	Hạ viện	
Brunei Darussalam	9,1%	-	0%
Campuchia	20,0%	16,1%	9,4%
Indonesia	20,3%	-	14,3%
CHDCND Lào	27,5%	-	11,1%
Malaysia	14,4%	19,1%	18,5%
Myanmar	11,1%	-	3,8%
Philippines	28%	29,2%	8,6%
Singapore	24,0%	-	16,7%
Thái Lan	16,2%	10,4%	0%
Việt Nam	26,7%	-	0%

Nguồn: UN Women/IPU, Số liệu tính đến tháng 3 năm 2020

Báo cáo này của Liên hợp quốc cũng lưu ý rằng “tỷ lệ đại diện phụ nữ trong các cơ quan thi hành pháp luật vẫn còn tương đối thấp. Số liệu thống kê về giới hiện có cho thấy phụ nữ chiếm xấp xỉ từ 6% đến 20% lực lượng thi hành pháp luật.”¹¹⁹ Việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trên toàn quốc sẽ hỗ trợ AMS khi các quốc gia tiến tới trao quyền nhiều hơn cho phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo tại các dịch vụ an ninh quốc gia.

Các trường hợp từ khắp nơi trên thế giới cho thấy các cơ quan an ninh mang tính bao trùm và đáp ứng giới cung cấp các dịch vụ toàn diện hơn cho toàn dân và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chương trình nghị sự WPS không chỉ kêu gọi tăng cường tập trung vào việc tuyển dụng và giữ chân các nhân viên và sĩ quan nữ, mà còn kêu gọi lập kế hoạch, hoạt động và giám sát mang tính bao trùm và đáp ứng giới hơn trong lĩnh vực an ninh.

Phòng ngừa

ASEAN đã được công nhận, trong một số trường hợp, là có các ví dụ thực tiễn tốt nhất toàn cầu liên quan đến các nỗ lực về phòng ngừa xung đột, gồm cả xây dựng sự gắn kết xã hội và khả năng chống chịu của cộng đồng để đối mặt với các thách thức an ninh mới nổi, cả thiên tai và các mối đe dọa do con người gây ra. Những sáng kiến như thế, thường tập trung vào đổi mới sáng tạo để chống cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực, đôi khi được triển khai thông qua các quan hệ hợp tác đối tác giữa xã hội dân sự và các cơ quan nhà nước, gồm cả chính quyền địa phương. Các cơ chế hiện có này có thể được điều chỉnh để thúc đẩy các yếu tố khác trong chính sách và chương trình WPS.

Trừ một số trường hợp ngoại lệ, ở tất cả các cấp quản trị, hiện ít tập trung vào các tác động giới của các chính sách và chương trình liên quan đến các vấn đề phòng ngừa, giải quyết xung đột cũng như giảm nhẹ/cứu trợ và phục hồi sau xung đột. Khái niệm giao thoa về giới, phòng ngừa xung đột, xây dựng hòa bình và bảo vệ chống mọi hình thức bạo lực - đặc biệt khi nỗ lực giải quyết các nguồn gây bất ổn mới trong khu vực - rất phức tạp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hầu hết (7 trong số 10) các Quốc gia thành viên ASEAN không có bất kỳ phương pháp chính thức nào để quốc gia đó cam kết bao trùm giới trong các cuộc thảo luận về hòa bình và an ninh. WPS - cả về khái niệm và hoạt động - liên quan đến tất cả các Quốc gia thành viên ASEAN và chính bản thân ASEAN.



Bảo vệ

Nhiều AMS đã có những bảo đảm về chính sách, các khung pháp lý, và cam kết mạnh về hệ thống an ninh và tư pháp để giải quyết BLG. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong triển khai thực tế, trong đó có công tác báo cáo, điều tra, xử lý và truy tố các tội phạm đó. Ví dụ, khó có thể so sánh các chính sách trong toàn khu vực ASEAN khi không có dữ liệu nhất quán về mức độ và bản chất của các vụ BLG và các quy trình pháp lý, bao gồm cả truy tố và kết án.

Cứu trợ và phục hồi

ASEAN tiếp tục là khu vực dễ bị tác động của thảm họa, khi mà 8 trong số 10 thảm họa chết chóc nhất trên thế giới năm 2018 xảy ra trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Khu vực này cũng tiếp nhận ngày càng nhiều người tị nạn và lánh nạn. (Chỉ có Philippines và Campuchia đã thông qua Công ước LHQ về Quy chế người tị nạn năm 1951 [ký năm 1981] và Nghị định thư 1967 [ký năm 1992].)

Các thảm họa do tự nhiên và con người gây ra tác động đến tất cả mọi người, nhưng phụ nữ và trẻ em gái bị ảnh hưởng nhiều một cách không tương xứng do tình trạng bất bình đẳng giới vốn tồn tại từ trước thảm họa. Bên cạnh những thách thức, khủng hoảng cũng mang lại cơ hội để chuyển đổi vai trò và mối quan hệ giới. Việc trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái như những tác nhân thay đổi đã được thừa nhận rõ ràng trong Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ cũng như trong Tuyên bố chung ASEAN về thúc đẩy phụ nữ, hòa bình và an ninh.

ASEAN thừa nhận thảm họa có tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới do những vấn đề bất bình đẳng giới tiềm ẩn và bất lợi về kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với phụ nữ thuộc các nhóm yếu thế.¹²⁰ Không có nhiều phụ nữ tham gia vào công tác dự phòng, ứng phó thiên tai và phục hồi sau thiên tai, ngoài vai trò là người thụ hưởng, và đây vẫn là cơ hội cho chương trình nghị sự WPS. Mặc dù thảm họa tác động nhiều một cách không tương xứng đối với phụ nữ và trẻ em gái, nhiều chương trình phục hồi và tái thiết sau thảm họa có ít yếu tố giới và yếu tố bảo vệ. Xây dựng lại tốt hơn phải áp dụng phương pháp tiếp cận trao quyền cho phụ nữ vì hòa bình và phát triển bền vững trong khu vực. Các nỗ lực cứu trợ và phục hồi là cách tự nhiên nhất để sớm tạo ra bước tiến của chương trình nghị sự WPS ở cấp khu vực. Trụ cột này cũng chú ý tới việc phục hồi kinh tế và đầu tư có tính đáp ứng giới.

Trên thực tế và về mặt chính sách, có thể làm được nhiều điều để nâng cao vai trò của phụ nữ trong công tác dự phòng và ứng phó thiên tai. Hình 16 trình bày một số quy định hiện tại của các AMS. Mặc dù đôi khi không phải tất cả các Quốc gia thành viên ASEAN đều có sẵn các dữ liệu liên quan, nhưng rõ ràng các hoạt động cứu trợ và phục hồi mang lại cơ hội phối hợp tự nhiên giữa các AMS để thúc đẩy WPS nhằm bảo đảm phương pháp tiếp cận trao quyền cho phụ nữ. Để giúp cung cấp thông tin đầu vào cho nỗ lực như vậy, cần phân tích sâu hơn, tập trung vào các cân nhắc về giới trong mỗi quy hoạch quản lý thảm họa của Quốc gia thành viên ASEAN, các tác động về giới của các thảm họa trước đây, cách thức để lồng ghép giới tốt hơn vào quy hoạch và luật về thảm họa, với các ví dụ cụ thể về các hành động có đáp ứng giới và các luật và kế hoạch này đóng góp ra sao vào các cơ chế quản lý thảm họa cấp khu vực.

Hình 16: Luật và kế hoạch về thảm họa, các bộ chịu trách nhiệm tại các thành viên ASEAN

Quốc gia thành viên ASEAN	Khung thể chế quốc gia liên quan tới quản lý thảm họa	Bộ/cơ quan chủ quản
Brunei Darussalam	Lệnh quản lý thảm họa quốc gia (2006)	Hội đồng Thảm họa Quốc gia (chính sách và quy hoạch cấp cao); Trung tâm Quản lý Thảm họa Quốc gia (Ban Thư ký và cơ quan thực hiện)
Campuchia	Luật Quản lý thảm họa (2015)	Ủy ban Quốc gia về Quản lý Thảm họa
Indonesia	Luật Quản lý Thảm họa 24/2007	Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia (BNPB)
CHDCND Lào	Đang cân nhắc dự thảo Luật Quản lý Thảm họa	Ủy ban Phòng Chống Thảm họa Quốc gia
Malaysia	Đạo luật Lực lượng Phòng vệ Dân sự 1951	Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia (NADMA)
Myanmar	Luật Quản lý Thảm họa (2013), Quy tắc Quản lý Thảm họa (2015)	Ủy ban Quản lý Thảm họa Quốc gia
Philippines	Đạo luật Quản lý và Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai Quốc gia (2010)	Hội đồng Quản lý và Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai Quốc gia (NDRRMC)
Singapore	Hệ thống Quản lý Khủng hoảng Tổng thể	Bộ Nội vụ (điều phối toàn chính phủ); Lực lượng Dân quân tự vệ Singapore (ứng phó thảm họa)
Thái Lan	Đạo luật Phòng ngừa và Giảm nhẹ Thảm họa (2007)	Cục Phòng chống và Giảm nhẹ Thảm họa (DDPM)
Việt Nam	Luật Phòng chống Thiên tai (2013)	Tổng cục Phòng, chống Thiên tai (VNDMA)

4.1.2 CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ PHỤ NỮ, HÒA BÌNH VÀ AN NINH ĐANG TIẾN TRIỂN THẾ NÀO Ở ASEAN?

Các AMS có xung đột diễn ra trong thời gian gần đây đã sẵn sàng ủng hộ hơn chương trình nghị sự WPS. Tại các quốc gia không có xung đột gần đây, chương trình nghị sự WPS chỉ được coi là một vấn đề an ninh, dẫn đến việc WPS không được ưu tiên hoặc bị gạt ra ngoài lề. Các yếu tố khác góp phần khiến các AMS chú ý đến chương trình nghị sự WPS gồm các không gian xã hội dân sự hoạt động mạnh – theo đó, các quốc gia như Indonesia và Philippines đã ủng hộ hơn cho chương trình nghị sự WPS. Các đối tác đối thoại và giới học thuật cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hồ sơ của chương trình nghị sự WPS trong khu vực. Ví dụ, tháng 4 năm 2014, AICHR và ACWC đã tổ chức cuộc họp tham vấn thứ hai về Tuyên bố Nhân quyền ASEAN (2012) và DEVAWC. Trong cuộc họp này, cả hai cơ quan này đã thống nhất hoạt động trong bốn lĩnh vực ưu tiên, trong đó có WPS. Sau đó, ACWC đã phê duyệt dự án “Thúc đẩy Giới, Hòa bình và An ninh trong ASEAN”, trong cuộc họp lần thứ 14 của ACWC. Là một phần của dự án này, Trung tâm Châu Á - Thái Bình Dương về Trách nhiệm Bảo vệ tại Đại học Queensland đã chủ trì một Chương trình Học bổng ACWC về “Thúc đẩy Giới, Hòa bình và An ninh trong ASEAN” về “Trách nhiệm Bảo vệ” (ngày 27–30 tháng 3 năm 2017). Một kết quả quan trọng của chương trình học bổng này là sự thống nhất giữa các thành viên ACWC về việc đề xuất ASEAN thông qua một tuyên bố về WPS.¹²¹

Hai năm sau, vào tháng 8 năm 2019, ARF tổ chức Hội nghị chuyên đề khu vực về Thực hiện Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN,¹²² qua đó tạo ra Tuyên bố chung của ARF về Thúc đẩy Chương trình Nghị sự WPS, trong đó các AMS cam kết “tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của các tổ chức xã hội dân sự và mạng lưới của phụ nữ” trong thực hiện chương trình nghị sự WPS.¹²³ Tuyên bố này được coi là bằng chứng về ý thức chia sẻ và tinh thần tập thể đang nổi lên trong các AMS về chương trình WPS.¹²⁴

Indonesia (2019-2020) và Việt Nam (2020-2021) đều đảm nhiệm vai trò thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Việt Nam còn là Chủ tịch ASEAN trong năm 2020. Với việc năm 2020 đánh dấu kỷ niệm 20 năm phê chuẩn Nghị quyết mang tính bước ngoặt (Nghị quyết 1325), một số bên thấy rằng cam kết của ASEAN đối với chương trình nghị sự WPS sẽ gia tăng.

Một số tuyên ngôn, tuyên bố và cơ chế của ASEAN đóng vai trò nền tảng để xây dựng chương trình nghị sự WPS, gồm cả Tuyên bố năm 2017 “về Văn hóa phòng ngừa vì một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lập tự cường, khỏe mạnh và hài hòa” và “về việc triển khai thực hiện có đáp ứng giới về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các Mục tiêu Phát triển Bền vững.” Hiến chương ASEAN 2007 đã quy định hỗ trợ bình đẳng giới thông qua AICHR, ACW và ACWC, Trung tâm AHA và ASEAN-IPR. Các kế hoạch công tác từ các cơ quan chuyên ngành này đã tạo nền tảng để từ đó khởi động hoạt động vận động phối hợp,¹²⁵ một quan sát được hỗ trợ bởi Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 52 và 53 trong năm 2019¹²⁶ và 2020.¹²⁷ Thông cáo chung lần thứ 53 cũng nêu AMMW, AWEN và AWPR, bên cạnh các cơ quan chuyên ngành liên quan, có trách nhiệm tăng cường điều phối và hợp lực nhằm thúc đẩy hợp tác hiệu quả và thực chất về WPS. AMMW là cơ quan chuyên ngành cấp bộ để tăng cường thúc đẩy bình đẳng giới, vì AMMW được thiết kế để thể chế hóa việc lồng ghép giới và ràng buộc AMS về việc xác nhận vị thế của phụ nữ ở cấp khu vực (ASEAN 2012). Cả ACW và AMMW đều là những cơ quan hỗ trợ quan trọng cấp khu vực đối với việc hình thành ACWC.¹²⁸

Tuyên bố chung năm 2017 về WPS đã thúc đẩy tiến độ ở mức vừa phải, trong đó có việc thành lập AWPR. Ban đầu được gọi là Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình, AWPR là một phần của ASEAN-IPR.^{129,130} AWPR có một số nữ lãnh đạo có sức thuyết phục, nhưng vẫn chưa đủ khả năng để tác động đến các chương trình chính sách.¹³¹ Tuy nhiên, vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã nhất trí ủng hộ việc củng cố AWPR thông qua các hợp tác nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp trong nội bộ ASEAN và với các đối tác bên ngoài ASEAN.¹³²

Ngoài các cơ quan chuyên ngành nêu trên, còn có các cơ quan khác trong ASEAN đã phát triển các cơ chế khác nhau liên quan đến việc thực hiện chương trình nghị sự WPS, ví dụ: SOMTC thông qua các Nhóm công tác chống khủng bố và buôn bán người (TIP) và ADMM+ thông qua Nhóm công tác của các chuyên gia về hoạt động GGHB.

Gần đây, ASEAN đã đồng ý dành ưu tiên thích đáng cho vai trò quan trọng của chương trình nghị sự WPS khi ASEAN xây dựng lộ trình tương lai. Điều này gồm cả thông qua việc xây dựng tầm nhìn tiếp theo của cộng đồng ASEAN sau năm 2025.¹³³

ASEAN có các nền tảng thể chế mới nổi để hỗ trợ chương trình nghị sự WPS và có thể được củng cố trong tương lai gần. ASEAN gần đây đã khuyến khích “các Quốc gia thành viên tiến hành các sáng kiến cấp quốc gia để thúc đẩy hơn nữa chương trình nghị sự WPS trong khu vực” và “thúc đẩy nâng cao nhận thức và hiểu biết về WPS trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN và trong mỗi Quốc gia thành viên ASEAN, qua việc cung cấp các công cụ và môi trường phù hợp để trao quyền cho phụ nữ trong lĩnh vực hòa bình và an ninh, và các lĩnh vực khác, thông qua hành động quả quyết, các chính sách cụ thể theo giới, các khuyến khích và nâng cao năng lực, khi thích hợp.”¹³⁴ Ngoài ra, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã lưu ý về “sự cần thiết phải lập một kế hoạch hành động khu vực nhằm hợp lực các nỗ lực ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu cũng như thúc đẩy hợp tác và phối hợp với các đối tác bên ngoài.”¹³⁵

WPS có thể tận dụng các chương trình nghị sự chính sách khác của ASEAN để hỗ trợ sự tiến bộ của phụ nữ. ASEAN đã có nhiều nỗ lực để cải thiện, thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ, gồm cả với các cam kết mang tính bước ngoặt như Tuyên bố về sự tiến bộ của phụ nữ trong khu vực ASEAN năm 1988, và Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong khu vực ASEAN năm 2004, và các cam kết khác. Các cuộc họp cấp khu vực cũng đưa ra kêu gọi lập một kế hoạch hành động khu vực về WPS.¹³⁶ Dù chưa xây dựng kế hoạch hành động này, nhưng các nhà hoạt động và các quan chức ASEAN ngày càng lạc quan rằng kế hoạch hành động này sẽ được thông qua.¹³⁷

Khuyến khích sự tham gia của nam giới vào WPS có vai trò thiết yếu để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Một số nhà quan sát lưu ý rằng việc khuyến khích/tạo động lực để nhiều nam giới hơn tham gia thúc đẩy chương trình nghị sự WPS sẽ mang lại lợi ích cho WPS ở ASEAN. Việc xây dựng một kế hoạch hành động khu vực về WPS hoặc các sáng kiến WPS khác do ASEAN dẫn dắt, có thể nêu bật các cách thu hút các đối tác nam giới như những người tiên phong tham gia trong chương trình nghị sự WPS và xác định các giao điểm để phối hợp với AMS giải quyết các thách thức. Một thách thức đặt ra với WPS là chương trình nghị sự này có những yếu tố mà một số AMS phản đối vì lý do tôn giáo. Ví dụ: một số AMS phản đối việc kết hợp các vấn đề liên

quan tới các cộng đồng có xu hướng tính dục và bản dạng giới đa dạng, kể cả cho mục đích quản lý thảm họa, phục hồi và khôi phục sau thảm họa.¹³⁸

Có một cách đầy hứa hẹn để lập kế hoạch hành động khu vực (RPA). Nhiều chuyên gia thừa nhận rằng kế hoạch này nên và sẽ cung cấp thông tin đầu vào cho NAP và do đó việc lập thêm các NAP sẽ theo hướng: từ một cam kết đến một kế hoạch hành động khu vực. Luôn có thách thức đặt ra trong tiến trình lập kế hoạch có thể hành động. Việc vận động cho một kế hoạch hành động khu vực và các NAP của các AMS phải dựa trên dữ liệu và có cơ hội để chia sẻ các thực hành, thông lệ phù hợp nhất trên toàn ASEAN nhằm cung cấp thông tin cho việc thiết kế một RPA và Khung chiến lược về Lồng ghép giới. Mục đích của các sự kiện vận động và học tập phải rõ ràng. Cán bộ của ba trụ cột của ASEAN gồm văn hóa - xã hội, kinh tế và chính trị - an ninh đã tham gia một khóa tập huấn lồng ghép giới do ACW tổ chức, với sự hỗ trợ của Ủy ban Phụ nữ Philippines (PCW). Quá trình tập huấn đã cho thấy rõ là nam giới có suy nghĩ ăn sâu rằng khó ứng dụng lăng kính giới trong công việc của họ. Nhiều cán bộ đã nói rằng việc của họ là bảo vệ chứ không nhất thiết phải phối hợp làm việc với phụ nữ. Để Chương trình nghị sự WPS đạt được thành tựu thì nam giới phải là một phần của giải pháp.¹³⁹ Kế hoạch hành động khu vực và những người hỗ trợ kế hoạch này cần ngày càng ưu tiên nhiều hơn cho công tác xây dựng đội ngũ những người tiên phong và người ủng hộ trong lực lượng các lãnh đạo nam.

Mặc dù đại dịch COVID-19 đã làm trầm trọng thêm các vấn đề mà phụ nữ trên toàn khu vực ASEAN phải đối mặt, nhưng nó cũng tạo cơ hội để phát huy giá trị mà sự lãnh đạo của phụ nữ có thể tạo ra cho tất cả các khía cạnh quản trị. Phụ nữ đang ở tiền tuyến trong cuộc chiến chống virus và có thể đóng góp nhiều, gồm cả đóng góp vào hoạt động ứng phó và phục hồi sau thảm họa.¹⁴⁰ AWPR đã tổ chức các hội thảo qua mạng (webinar) về chương trình nghị sự WPS vì có liên quan đến các tiến trình hòa bình, hòa giải và COVID-19. Trong Phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường vai trò của Phụ nữ vì hòa bình và an ninh bền vững tổ chức vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã khuyến khích “hợp tác để đưa chương trình nghị sự WPS vào các nỗ lực hội nhập kinh tế ASEAN lớn hơn và tạo điều kiện trao quyền kinh tế cho phụ nữ - điều này có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phòng ngừa, giải quyết xung đột và phục hồi sau xung đột.” Họ cũng thừa nhận rằng kinh tế và hòa bình có liên hệ với nhau và củng cố lẫn nhau.¹⁴¹

4.2 Chương trình nghị sự WPS tiến triển thế nào ở cấp quốc gia?

Có nhiều xu hướng tích cực liên quan đến WPS trong ASEAN. Một vài AMS, đặc biệt là Indonesia và Philippines, đang triển khai các NAP về WPS và cả hai quốc gia này đều đã tiến hành đánh giá sâu rộng về những thành công và thách thức của WPS đối với công tác giảm nhẹ và phòng ngừa xung đột. Thông tin trình bày dưới đây chưa hoàn toàn đầy đủ; mục đích thông tin là nhằm nhấn mạnh những hiểu biết sâu sắc hoặc cơ hội cho WPS, những thông tin này có thể mang tính thuyết phục hoặc cảnh báo đối với bất kỳ AMS nào muốn tăng cường hành động quốc gia về WPS. Các AMS có sự khác nhau rất lớn về mức độ có sẵn thông tin và kinh nghiệm chính sách về các chủ đề liên quan tới WPS, do đó có thể dẫn tới việc các phân tích hiện có ở các AMS có phần không cân đối. Việc tiến hành thêm nghiên cứu sâu rộng ở cấp quốc gia về các chủ đề này sẽ hữu ích để xác định và nhân rộng các phương pháp tiếp cận tích cực về WPS.

4.2.1 SỰ THAM GIA

Sự tham gia: Kêu gọi tăng cường sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các cấp ra quyết định, gồm cả ra quyết định trong các thể chế cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; trong các cơ chế phòng ngừa, quản lý và giải quyết xung đột; trong các cuộc đàm phán hòa bình; trong các hoạt động vì hòa bình, với tư cách là binh sĩ, cảnh sát và dân thường và với tư cách là Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ (Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ).

BRUNEI DARUSSALAM

Trên phương diện GGHB, Brunei đã đóng góp quân nhân GGHB trong Lực lượng lâm thời LHQ tại Li-băng, họ phối hợp cùng với đơn vị của Malaysia. Trong khi khu vực ASEAN tiếp tục đóng góp vào các hoạt động GGHB quốc tế và duy trì các trung tâm huấn luyện GGHB được công nhận trên toàn cầu, vai trò của phụ nữ trong GGHB mang đến cơ hội tiềm năng khác để Brunei tham gia khi chương trình nghị sự WPS của ASEAN mở rộng.

Lực lượng Vũ trang Hoàng gia Brunei (RBAF), với tư cách là quân đội của Brunei Darussalam, hoàn toàn ủng hộ chương trình nghị sự WPS và ghi nhận sự cần thiết phải kết hợp các sáng kiến trong mọi khía cạnh để đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, do đó sẽ nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy mục tiêu tăng cường vai trò của phụ nữ trong quân đội.¹⁴²

Brunei Darussalam nỗ lực tìm hiểu các cách thức thúc đẩy lồng ghép giới một cách tổng thể cho các Lực lượng vũ trang của mình. Điều này gồm mở rộng vai trò của phụ nữ trong quân đội và thu hút phụ nữ tham gia bình đẳng vào các cam kết khu vực và quốc tế; có thêm các vai trò tác chiến cho phụ nữ ngoài các vai trò truyền thống trước đây của phụ nữ trong quân đội, qua đó phù hợp với chương trình nghị sự WPS và xem xét các chính sách nhằm loại bỏ các rào cản lồng ghép giới, ví dụ: các chính sách chống quấy rối, nhằm tạo ra và thúc đẩy vị trí của phụ nữ trong môi trường chủ yếu là nam giới.¹⁴³

CAMPUCHIA

Campuchia cam kết hoàn thành và vượt các mục tiêu GGHB đề ra trong Nghị quyết 1325. Phụ nữ Campuchia đã tham gia các phái bộ GGHB LHQ thuộc Trung tâm Quốc gia Lực lượng Giữ hòa bình, Rà phá bom mìn và vật nổ sau chiến tranh. Kể từ năm 2006, Campuchia đã triển khai 7.040 binh sĩ GGHB, trong đó có 387 phụ nữ. Trong số 4.763 quân nhân triển khai tại tám quốc gia khác nhau trong giai đoạn 2016-2017, có 202 phụ nữ. Phụ nữ đã đảm nhận các vai trò nhân viên y tế, nhân viên an ninh, kỹ sư dân dụng và chuyên gia rà phá bom mìn.¹⁴⁴ Campuchia xếp thứ 10 trong số 100 quốc gia cử phụ nữ tham gia các chiến dịch GGHB LHQ (UNPKO). Trong các AMS, Campuchia hiện đứng thứ hai, với 76 trong 769 phân đội (9,8%) là nữ. Campuchia hiện cũng đang lập kế hoạch cho các sáng kiến huấn luyện cụ thể nhằm tăng số lượng phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo trong GGHB. Ngoài ra, trong năm 2018 và 2019 Campuchia đã hợp tác với LHQ (UN Women, OHCHR và UNICEF) để cung cấp định hướng về chương trình nghị sự WPS cho các học viên Quan sát viên Quân sự của LHQ.

Campuchia đã đạt được những bước tiến đáng kể để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS. Tới năm 2019, dưới thời Phó Tổng thống nữ đầu tiên, 20,8% số ghế trong Quốc hội, 19,3% số ghế trong Thượng viện, 20% Chủ tịch các Ủy ban và 40% Phó Chủ tịch các Ủy ban là phụ nữ. Ngoài ra, một phần mười (1/10) số Phó Thủ tướng và ba phần mười (3/10) số Bộ trưởng là phụ nữ. Năm 2019, tỷ lệ phụ nữ tham gia công vụ tăng lên 41% và tỷ lệ phụ nữ đảm nhận các vị trí ra quyết định ở cấp Phó Chánh Văn phòng thành phố tăng lên 25%.¹⁴⁵

Chiến lược và Kế hoạch hành động nhằm tăng cường phụ nữ trong các vị trí quản lý cấp địa phương giai đoạn 2017-2019, Chính sách thúc đẩy bình đẳng giới để phát triển dân chủ địa phương, Chương trình quốc gia về phát triển dân chủ địa phương giai đoạn 2010-2019 và Kế hoạch thực hiện 3 năm (IP3) - có các điều khoản về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong quản trị địa phương qua việc tham gia bình đẳng và tiếp cận bình đẳng với các vị trí lãnh đạo và ra quyết định.

Các bộ chủ quản đã thành lập các Nhóm Hành động Lồng ghép Giới (GMAG) để giám sát việc xây dựng các Kế hoạch Hành động Lồng ghép Giới (GMAP) nhằm tạo cơ chế để thể chế hóa việc lồng ghép giới trong chính sách và xây dựng chương trình. Tính đến năm 2019, 30 trong số 31 bộ chủ quản và các thể chế đã lập Kế hoạch Hành động Lồng ghép Giới. Ở cấp thấp hơn, các chính sách yêu cầu ít nhất phải có một vị trí do phụ nữ đảm nhiệm ở (1) cấp tỉnh, thủ đô, thành phố, quận/huyện, (2) cấp xã/phường với tư cách là người đầu mối liên lạc với Ban Phụ nữ và Trẻ em của xã/phường và (3) cấp thôn/làng.¹⁴⁶

Quân đội Campuchia cũng đã thành lập một Nhóm Hành động Lồng ghép Giới và phụ nữ giữ vai trò Bộ trưởng và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; cả hai điều này đều là dấu hiệu tốt về cam kết chính sách ngày càng tăng của Campuchia đối với mục tiêu bình đẳng giới.

Campuchia có một kế hoạch chiến lược 5 năm, Neary Rattanak, nhằm thúc đẩy Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ bằng cách trao quyền cho phụ nữ trong tất cả các ngành, xóa bỏ các chuẩn mực giới tiêu cực, chống buôn bán và bóc lột tình dục, đồng thời thúc đẩy bình đẳng giới trong quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp. Các mục tiêu cụ thể của kế hoạch này gồm:

- Tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia công vụ;
- Tăng cường năng lực của công chức và lãnh đạo là phụ nữ trong các quá trình ra quyết định;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ tham chính; và
- Thúc đẩy các chiến lược quốc gia và chiến lược ngành có đáp ứng giới.

INDONESIA

Trong ASEAN, **Indonesia** là quốc gia đóng góp nhiều phân đội nhất vào các phái đoàn GGHB LHQ và đứng thứ 9 trên toàn cầu. Indonesia triển khai gần 3.000 phân đội và chỉ có 5,5% là phụ nữ, cao hơn mức trung bình một chút. Indonesia cũng đã đóng vai trò lớn trong việc hỗ trợ thông qua Nghị quyết 2538 mới của Hội đồng Bảo an LHQ về phụ nữ trong GGHB phê duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2020 khi Indonesia là Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nghị quyết 2538 khuyến khích các Quốc gia thành viên “xây dựng các chiến lược và biện pháp để tăng cường triển khai nữ quân nhân tham gia các hoạt động GGHB” thông qua việc cung cấp tiếp cận thông tin và tập huấn, đồng thời thông qua việc “xác định và giải quyết các rào cản trong tuyển quân, triển khai hành động và thăng chức của các nữ quân nhân GGHB.” Mặc dù nghị quyết này nhắc lại những điều đã tồn tại trong một vài nghị quyết WPS cũng như các nghị quyết GGHB, nhưng đây là nghị quyết đầu tiên về GGHB hoàn toàn dành cho phụ nữ.

Kể từ khi chế độ Tổng thống Suharto sụp đổ vào năm 1998, **Indonesia** đã trải qua một cuộc cải cách hiến pháp lớn. 11 luật đã được điều chỉnh để cải thiện quyền của phụ nữ, trong đó có luật điều chỉnh về bầu cử (số 8/2012) và các đảng chính trị (số 2/2011) trong đó yêu cầu tất cả các đảng phái chính trị phải có tối thiểu 30% đại diện là phụ nữ trong danh sách ứng cử viên của họ. Những luật này đã góp phần dẫn tới 20,3% số ghế trong quốc hội do phụ nữ đảm nhiệm vào năm 2020.¹⁴⁷

Kể từ khi **Indonesia** chuyển sang cấu trúc quản trị phân cấp hơn vào đầu thế kỷ này, cấu trúc này đã đôi khi gia tăng cường độ các xung đột chính trị - xã hội và xung đột giữa các cộng đồng. Bộ Nội vụ (MoHA) được giao nhiệm vụ giám sát các nỗ lực xây dựng hòa bình cấp quốc gia và địa phương, nhưng trách nhiệm về hòa bình và an ninh liên quan đến phụ nữ lại thuộc về Bộ Trao quyền cho Phụ nữ và Bảo vệ Trẻ em (MoWE).

Phụ nữ, hòa bình và an ninh là một phần bản sắc dân tộc. Indonesia cam kết phát triển dựa vào lịch sử của mình về các nữ lãnh đạo trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả cuộc chiến giành độc lập và xây dựng đất nước. Chương trình nghị sự WPS được đưa vào các cơ cấu pháp luật chính thức với hỗ trợ từ cấp bộ.

Indonesia có sự phân quyền rõ ràng giữa cơ quan cấp bộ liên quan đến công tác WPS. Bộ Trao quyền cho Phụ nữ và Bảo vệ Trẻ em tập trung vào công tác trao quyền cho phụ nữ và bảo vệ trẻ em và Bộ Phúc lợi Xã hội giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động của NAP.

Năm 2005, Chính phủ **Indonesia** và *Gerakan Aceh Merdeka* (GAM, Phong trào Tự do Aceh) đã ký Hiệp định Hòa bình Helsinki và chấm dứt cuộc xung đột kéo dài hàng thập kỷ. Hiệp định này bao gồm một loạt các quy định, trong đó có cả việc triển khai và thực thi DDR (giải trừ quân bị, giải ngũ và tái hòa nhập) để bảo đảm duy trì hòa bình và phát triển. Phái đoàn Giám sát Aceh, gồm các đại diện của Indonesia, đại diện từ các AMS khác và châu Âu, có trách nhiệm giám sát quá trình tái hòa nhập và chuyển tiếp sang thời bình. Mặc dù thực tế là, ở Aceh, phụ nữ đã là những người xây dựng hòa bình tích cực và được tôn trọng từ trước Hiệp định Helsinki, nhưng thỏa thuận này đã không tập trung thỏa đáng về giới và vai trò giới. Vì tiến trình này chủ yếu liên quan đến xung đột vũ trang và hòa bình, phụ nữ ít được tham gia vào các cuộc đối thoại và các vấn đề WPS không được đề cập trong Hiệp định. Thay vào đó, thỏa thuận này (1) nhấn mạnh sự tham gia chính trị đa dạng trong bối cảnh môi trường hậu xung đột, và (2) không đề cập đến “phụ nữ” hoặc “giới” trong văn kiện chính thức. Sau đó, các thỏa thuận hòa bình Malino 1 và Malino 2 nhằm chấm dứt xung đột ở Trung Sulawesi và Maluku đã có sự tham gia của các đại diện nữ từ các cộng đồng Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.

Vào tháng 10 năm 2014, theo Nghị định (Perpres số 18, 2014) của Tổng thống về Bảo vệ và Trao quyền cho Phụ nữ và Trẻ em trong Xung đột Xã hội (P3AKS), Bộ Điều phối Phúc lợi Nhân dân (nay là Bộ Điều phối Phát triển Con người và Văn hóa) đã ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo vệ và Trao quyền cho Phụ nữ và Trẻ em trong Xung đột Xã hội (RAN P3AKS). Thông qua Chương trình Phụ nữ, Hòa bình và An ninh, UN Women đã phối hợp với Chính phủ Hoàng gia Na Uy góp phần xây dựng và triển khai kế hoạch RAN P3AKS ở Indonesia. UN Women thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, vận động và thúc đẩy để nâng cao nhận thức về quyền của phụ nữ và Chương trình nghị sự WPS.¹⁴⁹ Tuy nhiên, kế hoạch RAN P3AKS chỉ giới hạn trọng tâm vào việc giải quyết các xung đột xã hội và có phạm vi tương đối hạn chế cho chương trình nghị sự WPS.

Kể từ năm 2019, Indonesia đã bắt đầu quá trình đánh giá kế hoạch hành động quốc gia để chuẩn bị cho kế hoạch hành động quốc gia thứ hai giai đoạn 2020-2024.¹⁵⁰ Mạng lưới Hành động Hồi giáo Châu Á ở Indonesia đã tiến hành *Tham vấn Đánh giá Kỹ thuật số toàn quốc về Kế hoạch hành động quốc gia RAN P3AKS*, đánh giá này đã quy tụ sự tham gia của các bên liên quan đa ngành về WPS từ chính phủ, cộng đồng và xã hội dân sự. Với sự đồng chỉ đạo của Bộ Trao quyền cho Phụ nữ và Bảo vệ Trẻ em (MoWE), Bộ Điều phối Phát triển Con người và Văn hóa và Bộ Điều phối Chính trị, Pháp luật và An ninh, cuộc Tham vấn kỹ thuật số này được tổ chức trong giai đoạn từ ngày 26/7 đến 31/8/2020, với kết quả thu được dưới dạng khuyến nghị về các vấn đề và chính sách liên quan đến P3AKS, những khuyến nghị này kỳ vọng sẽ cải thiện RAN P3AKS giai đoạn 2020-2024.¹⁵¹

Kết quả của đánh giá này cũng bao gồm những hiểu biết sâu có giá trị cho công tác nhân rộng việc triển khai kế hoạch hành động quốc gia của Indonesia và cung cấp các bài học kinh nghiệm để áp dụng ở các AMS khác. Đợt tham vấn này đã bao gồm các câu hỏi về một số lĩnh vực chính, gồm: Phòng ngừa xung đột và sự tham gia của phụ nữ; Quản lý xung đột và phục hồi sau xung đột cho nạn nhân là phụ nữ và trẻ em; Trao quyền và sự tham gia của phụ nữ và trẻ em; Phụ nữ và phòng chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực và các Khuyến nghị của người dân.



Ảnh: UNIFIL-INDOBATT

Hình 17: Các khuyến nghị chính từ Tham vấn Đánh giá Kỹ thuật số toàn quốc về Kế hoạch RAN P3AKS (2020)

<p>Khuyến nghị chung</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Lập bản đồ cơ sở dữ liệu đa dạng, chi tiết hơn về xung đột, sử dụng các phương pháp đáp ứng giới để tìm ra các cộng đồng và tiếng nói yếu thế và bị loại trừ/gạt ra ngoài lề • Thiết lập cơ chế quản lý xung đột toàn diện và mở rộng khái niệm an ninh • Tạo các thể chế có tính đáp ứng, nhạy cảm với bối cảnh, có tính đến các bối cảnh khu vực đa dạng để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hành động quốc gia trong tương lai • Thúc đẩy các sáng kiến hòa bình dựa trên cộng đồng theo bối cảnh cụ thể với các quy trình bao trùm • Thúc đẩy sự lãnh đạo và tham gia chiến lược của phụ nữ • Bảo vệ các nhóm dễ bị loại trừ và phân biệt đối xử • Nâng cao nhận thức về tính nhạy cảm với xung đột, truyền thông và kiến thức cơ bản về kỹ thuật số và tính nam tích cực hơn
<p>Khuyến nghị chuyên đề</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Những phát hiện này trình bày các bài học chi tiết từ các lĩnh vực vấn đề chính sau đây về WPS, và rất phù hợp với những Quốc gia thành viên ASEAN đang cân nhắc lập Kế hoạch hành động quốc gia, gồm: • Chống lại chủ nghĩa cực đoan bạo lực/chủ nghĩa khủng bố bằng quan điểm quyền con người • Xung đột tài nguyên thiên nhiên • Đại dịch và thảm họa
<p>Khuyến nghị cho Trụ cột WPS</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các Chương trình Trao quyền và Tham gia - Lập ngân sách có trách nhiệm giới, đầu tư vào các hình mẫu nam và nữ về sự lãnh đạo WPS, nâng cao năng lực hòa giải xung đột • Các Chương trình Phòng ngừa - Đầu tư vào phân tích xung đột và nghiên cứu tình trạng dễ bị tổn thương, trao quyền cho phụ nữ để họ đóng vai trò tích cực hơn trong lãnh đạo các hoạt động xây dựng hòa bình, và hoạch định chính sách có sự tham gia hơn • Cứu trợ và phục hồi - Tăng cường liên kết giữa các tổ chức, thể chế cứu trợ quốc gia và địa phương, nâng cao nhận thức và năng lực của các tổ chức cộng đồng về nội dung của kế hoạch hành động quốc gia và chương trình có đáp ứng giới.

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Năm 2003, **CHDCND Lào** thành lập Ủy ban Quốc gia vì sự Tiến bộ của Phụ nữ (NCAW) nhằm xây dựng, thực hiện và giám sát tiến độ thực hiện các chính sách quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ liên quan đến Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và các cam kết của Chương trình Hành động Bắc Kinh. Năm 2010, Nhóm Hợp tác của Phụ nữ trực thuộc Quốc hội được thành lập để: (1) lồng ghép bình đẳng giới vào quá trình xây dựng luật; (2) giám sát việc thực thi Hiến pháp, luật và chính sách liên quan đến bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; và (3) giám sát các vấn đề bà mẹ và trẻ em liên quan tới việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. CHDCND Lào cũng đã cam kết thúc đẩy các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), gồm cả SDG 5 về Bình đẳng giới.¹⁵²

Năm 2019, **CHDCND Lào** đã ban hành Luật Bình đẳng giới và hiện đang xây dựng NAP về Bình đẳng giới. CHDCND Lào đã đặt mục tiêu đầy tham vọng là đến năm 2020, có 30% đại diện phụ nữ trong các cơ quan chính phủ cấp trung ương và 20% trong các cơ quan cấp tỉnh và huyện.¹⁵³ Hiện nay phụ nữ đang đảm nhiệm 27,5% vị trí trong quốc hội, 11,5% vị trí bộ trưởng và 12,6% vị trí thứ trưởng hoặc các chức vụ tương đương (tham khảo Hình 15 ở trên).

Năm 2011, Bộ Công an **CHDCND Lào** đã xây dựng một chiến lược vì sự tiến bộ của phụ nữ, trong đó có phân tích dữ liệu có phân tách giới để hiểu và cải thiện sự tham gia của phụ nữ trong các quá trình ra quyết định trong khu vực công. Đến năm 2014, có 422 phụ nữ giữ các vị trí quản lý (28,7%) trong Bộ Công an.

MALAYSIA

Malaysia cam kết nâng cao vai trò của phụ nữ tham gia GGHB. Theo thông tin do Chính phủ Malaysia chia sẻ trực tiếp vào cuối năm 2020, trong số 865 phân đội GGHB của Malaysia, 44 (5,1%) là phụ nữ.¹⁵⁴ Malaysia tiếp tục thực hiện các bước nhằm đạt được sự tham gia tích cực của phụ nữ trong GGHB. Malaysia cũng duy trì cam kết hỗ trợ các nỗ lực liên quan tới sự phát triển của phụ nữ.

Để hỗ trợ nhu cầu nâng cao vai trò của phụ nữ, Trung tâm Giữ gìn Hòa bình Malaysia (MPC) - với tư cách là trung tâm huấn luyện trong khu vực ASEAN về các khía cạnh liên quan đến giới - đã tiếp tục tập trung triển khai các khóa tập huấn về giới cũng như vai trò của phụ nữ trong các phái bộ GGHB, ví dụ: duy trì một Cố vấn về Giới (GENAD); Bảo vệ toàn diện người dân thường; Bóc lột và xâm hại tình dục; Phụ nữ, hòa bình và an ninh; Lồng ghép giới; và Phòng chống bạo lực tình dục.¹⁵⁵

Trung tâm Giữ gìn Hòa bình Malaysia (MPC) sẽ là trung tâm huấn luyện GGHB phù hợp cho WPS trong khu vực Đông Nam Á. Một nữ cán bộ sẽ được bổ nhiệm làm Đầu mối về Giới cho tất cả các vấn đề về khóa học và tập huấn tại Trung tâm này. Đây sẽ là lần bổ nhiệm đầu tiên kiểu này trong Lực lượng Vũ trang Malaysia (MAF) và lần bổ nhiệm này đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc triển khai các Cán bộ Đầu mối về Giới/Cố vấn Giới trong tương lai trong toàn Lực lượng Vũ trang Malaysia.

Sự tham gia của các nữ quân nhân Malaysia vào các hoạt động GGHB LHQ hoặc hoạt động GGHB quốc tế khác được thảo luận tại các diễn đàn ASEAN, đặc biệt là Mạng lưới các Trung tâm Giữ gìn Hòa bình ASEAN (APCN) và Nhóm công tác Chuyên gia ADMM+ về Hoạt động Giữ gìn Hòa bình (ADMM+ EWG on PKO).

Malaysia ủng hộ ngoại giao Kênh 1.0 để giải quyết xung đột trong khu vực ASEAN. Bộ Nội vụ Malaysia có quan điểm là các đại biểu tham gia bất kỳ cuộc đàm phán hoặc hợp đối thoại hòa bình nào sẽ dựa vào các cán bộ phụ trách vấn đề cần đàm phán/đối thoại đó. Việc bố trí các sĩ quan làm cán bộ phụ trách an ninh hoàn toàn phụ thuộc vào lý lịch (học vấn và kinh nghiệm) của cán bộ đó chứ không dựa vào giới.¹⁵⁶

Malaysia có quan điểm vững chắc về các yêu cầu bình đẳng giới đối với khu vực công và tư. Bộ Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng (MWFC) đã thiết lập các biện pháp nhằm hỗ trợ phụ nữ phát triển trong nhiều ngành khác nhau, đồng thời Bộ cũng đã có lịch sẽ nói lại hoạt động soạn thảo Dự luật Bình đẳng giới trong năm 2021.

Malaysia cũng đang làm việc với UNDP để lồng ghép giới qua “Dự án Củng cố và Tăng cường hòa nhập của phụ nữ hướng tới một xã hội công bằng trong Kế hoạch Malaysia lần thứ 11” (giai đoạn 2016-2020), Dự án này đang tiến hành đánh giá Chính sách quốc gia về phụ nữ và Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ. Ở cấp địa phương, bang Kelantan đã ban hành Chính sách Phụ nữ Kelantan (năm 2001), chính sách này đề ra các tiêu chuẩn về sự đại diện của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, giáo dục và phúc lợi xã hội và bang Penang đã ban hành Chính sách Bao trùm giới (2019).

Đối với khu vực tư nhân, năm 2011, Thủ tướng Chính phủ quy định rằng 30% các vị trí ra quyết định phải do phụ nữ đảm nhiệm và năm 2012, Bộ Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng đã giới thiệu Chương trình Nữ Giám đốc.¹⁵⁷

Năm 2015, chính phủ đã khởi động Chương trình khuyến khích phụ nữ quay trở lại làm việc (Career Comeback Program) nhằm khuyến khích phụ nữ đang nghỉ việc quay trở lại lực lượng lao động và đóng góp vào sự tăng trưởng nguồn vốn con người của đất nước. Ngoài ra, việc bố trí công việc linh hoạt đã được áp dụng với người sử dụng lao động như một cách để giữ chân và thu hút phụ nữ trong lực lượng lao động. TalentCorp cũng hỗ trợ các chủ sử dụng lao động thực hiện chế độ nghỉ thai sản kéo dài cho các bà mẹ và ông bố.¹⁵⁸

Chính phủ cũng đã hỗ trợ chương trình nghị sự về tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ban giám đốc của các Công ty niêm yết đại chúng (PLC) thông qua ban hành Thông tư yêu cầu tất cả các Công ty niêm yết đại chúng phải công bố trong báo cáo thường niên của họ các chính sách về sự đa dạng trong khía cạnh: giới, dân tộc và độ tuổi của thành viên ban giám đốc và lực lượng lao động của họ. Thông tư này được khởi tư nhân hoan nghênh. Vào tháng 9 năm 2020, có 6 trong số 25 bộ do phụ nữ lãnh đạo đang giữ chức vụ Tổng thư ký.¹⁵⁹

MYANMAR

Các nỗ lực thúc đẩy cải cách hiến pháp ở Myanmar đã có nhiều tiến bộ. Mặc dù có các quan điểm khác nhau về phương pháp tiếp cận cần được ưu tiên như: nên sửa đổi hiến pháp hiện hành hay soạn thảo một hiến pháp hoàn toàn mới, nhưng các bên đều thống nhất chung rằng hiến pháp phải là một văn kiện dựa trên quyền con người.

Các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo đã đóng vai trò quan trọng và rõ ràng trong các cuộc thảo luận này, đặc biệt là thảo luận liên quan đến bình đẳng giới, hòa bình và an ninh. Các thành viên nữ của Nghị viện đã ảnh hưởng đến các cuộc thảo luận trong các ủy ban sửa đổi và trong các cuộc tranh luận của Nghị viện, đặc biệt là trong quá trình cải cách hiến pháp năm 2019. Ảnh hưởng của các nhà lãnh đạo nữ từ các cơ quan chính phủ và phi chính phủ đã trao quyền cho phụ nữ trên khắp Myanmar và ảnh hưởng đến động lực đối thoại cấp cộng đồng.

Tại Myanmar, Bộ Phúc lợi Xã hội, Cứu trợ và Tái định cư và Cục Phúc lợi Xã hội trực thuộc bộ này là một trong những cơ quan thúc đẩy chương trình nghị sự WPS, ngoài ra, cùng với Ủy ban Phụ nữ Quốc gia Myanmar (MNCW) đã xây dựng các cơ chế thể chế, để dựa vào đó, hai bên cùng giám sát việc tuân thủ Nghị quyết 1325.¹⁶⁰ Cơ chế ra quyết định và chính sách liên bộ này cùng được gọi là “bộ máy quốc gia của phụ nữ” và do Bộ trưởng Liên bang về Phúc lợi xã hội, Cứu trợ và Tái định cư chủ trì. Cơ chế này có trách nhiệm thúc đẩy thực hiện Kế hoạch chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (NSPAW). Ủy ban Phụ nữ quốc gia cũng duy trì một nhóm công tác kỹ thuật về WPS để thu hút thêm sự tham gia để lấy ý kiến từ các CSO, cơ quan Liên hợp quốc và các đối tác phát triển khác.

Myanmar có một số cơ chế để giải quyết vấn đề hòa bình và an ninh, gồm: (1) Ủy ban Trung ương Liên bang Kiến tạo Hòa bình; (2) Ủy ban Công tác Liên bang về Kiến tạo Hòa bình; (3) Nhóm điều phối ngừng bắn toàn quốc; (4) Trung tâm Hòa giải và Hòa bình Quốc gia; (5) Hợp điều phối công tác triển khai thực hiện chung; (6) Ủy ban Giám sát chung và (7) Ủy ban chung về Đối thoại Hòa bình Liên bang. Cho đến nay, phụ nữ vẫn chưa tham gia nhiều vào các cuộc đàm phán hòa bình chính thức.

Hội nghị Hòa bình Liên bang tuyên bố “sẽ có một số lượng hợp lý các đại diện nữ trong tiến trình đối thoại chính trị” và Khung Đối thoại Chính trị được tạo ra từ Hội nghị này cam kết rằng “sẽ nỗ lực để có 30% đại diện nữ tham gia vào tất cả các cuộc đối thoại chính trị”. Đồng thời Hội nghị cũng cam kết về bốn nguyên tắc phù hợp để thúc đẩy bình đẳng giới:

1. Thiết lập nền dân chủ cộng hòa liên bang và hệ thống liên bang, không được đối xử khác biệt với bất kỳ công dân nào của Cộng hòa Liên bang Myanmar;
2. Hướng tới bảo đảm khuyến khích 30% đại diện nữ trong mỗi ngành/lĩnh vực;
3. Xây dựng và thực hiện các chính sách phòng ngừa bạo lực giới; và
4. Tăng cường khả năng phụ nữ hỗ trợ bình đẳng giới.

Hiện tại, chỉ có ba chủ đề đàm phán trong chương trình nghị sự của Hội nghị Hòa bình Liên bang được mở để lấy ý kiến từ các nhóm bên ngoài: (1) tái định cư, phục hồi và phát triển xã hội; (2) nền kinh tế liên bang và (3) môi trường tự nhiên và phòng chống thảm họa. Đây là những điểm vào tiềm năng cho xã hội dân sự và các tổ nhóm phụ nữ nhằm xây dựng sự tin tưởng lẫn nhau và tăng cường đối thoại có tính xây dựng với chính phủ. Thảo luận về phòng ngừa và quản lý thảm họa là một cơ hội đặc biệt tốt để hiểu các khía cạnh của chương trình nghị sự WPS thông qua kết nối tốt hơn giữa công tác nhân đạo và phát triển nhằm thúc đẩy hòa bình và gắn kết xã hội ở Myanmar.

Xã hội dân sự thúc đẩy nhiều hoạt động xây dựng hòa bình tại **Myanmar**, bao gồm các nỗ lực vận động chính sách, xã hội hóa, gắn kết xã hội và giám sát. Các hoạt động này bao gồm nghiên cứu để hỗ trợ các chiến dịch vận động và dựa trên bằng chứng, các cuộc biểu tình quần chúng ôn hòa và truyền thông xã hội. Các tổ chức xã hội dân sự tổ chức hội thảo để trao quyền cho công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ, để được tham gia vào các tiến trình hòa bình chính thức và không chính thức, gồm cả việc giúp họ hiểu các đề xuất chính sách hiện có và đề xuất mới. Đáng chú ý, các CSO là những tổ chức đi đầu trong việc sản xuất và phổ biến sản phẩm truyền thông - âm nhạc, văn học, truyền hình, phim, và sân khấu. Các hoạt động giám sát do CSO tiến hành độc lập và tiến hành cùng với Ủy ban Giám sát ngừng bắn chung quốc gia đã cung cấp thông tin cho các hệ thống cảnh báo sớm, tài liệu hóa các vi phạm về quyền con người và đánh giá việc tuân thủ các thỏa thuận ngừng bắn. Ngoài ra, mặc dù không phải là một CSO, Trung tâm Hòa giải và Hòa bình Quốc gia (NRPC) của Myanmar hỗ trợ các nỗ lực xây dựng hòa bình và gắn kết xã hội qua việc quy tụ các bên vào các cuộc đối thoại về phòng ngừa xung đột.

PHILIPPINES

Ở **Philippines**, nhiều cải cách đã được phác thảo và đề xuất để hỗ trợ các chính sách có đáp ứng giới hơn, kể cả thông qua các nỗ lực chung của tất cả các ngành của chính phủ, gồm cả Ủy ban Bầu cử và các CSO.

Năm 1994, Đạo luật Cộng hòa (RA) số 7192, hay “Đạo luật Phụ nữ trong Phát triển và Kiến thiết đất nước”, bắt đầu phân bổ một tỷ lệ nhất định hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các quan tâm về giới. Hoạt động này ngày nay trở thành: Chính sách Ngân sách về Giới và Phát triển (GAD), Chính sách này được khởi xướng trong Lật Phân bổ ngân sách chung năm 1995 và đặc biệt yêu cầu tất cả các vụ, cục, văn phòng và cơ quan chính phủ phải dành ít nhất 5% tổng phân bổ ngân sách của họ cho nội dung giới và phát triển.¹⁶¹

Đạo luật Chống Bạo lực Đối với Phụ nữ và Trẻ em năm 2004 và Đạo luật chống buôn bán người năm 2003 và 2012 nêu chi tiết hơn các định nghĩa về bạo lực đối với phụ nữ và thể hiện cam kết đối với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền về bảo vệ phụ nữ theo Hiến pháp Philippines.¹⁶² Một luật quan trọng khác ở Philippines là Luật Magna Carta cho Phụ nữ, (RA 9710), thông qua vào năm 2009. Đây là luật nhân quyền toàn diện của phụ nữ, giúp Philippines tuân thủ CEDAW và luật này hướng tới xóa bỏ phân biệt đối xử thông qua việc công nhận, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy quyền của phụ nữ Philippines, đặc biệt là những người thuộc các thành phần yếu thế trong xã hội.¹⁶³ Philippines cũng có một số luật quy định về việc bảo vệ và nhu cầu cụ thể của phụ nữ và trẻ em chống bóc lột và hành vi gây hại trong điều kiện thảm họa và các tình huống về hòa bình và trật tự, trong đó có các ví dụ như:¹⁶⁴

- Đạo luật Cộng hòa (RA) số 9775 (Đạo luật chống khiêu dâm trẻ em năm 2009) - Xử phạt nội dung khiêu dâm trẻ em
- Đạo luật Cộng hòa số 9231 (Đạo luật quy định xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất) - Quy định rằng không được để trẻ em nào tham gia vào các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

- Đạo luật Cộng hòa số 11188 (Đạo luật Bảo vệ Đặc biệt đối với Trẻ em trong Tình huống Xung đột Vũ trang) – quy định về việc bảo vệ đặc biệt trẻ em trong các tình huống xung đột vũ trang.
- Đạo luật Cộng hòa 11313 (Đạo luật Không gian An toàn) – Tập trung vào các vấn đề về bình đẳng, an ninh và an toàn cho cả phụ nữ và nam giới trong không gian riêng tư và công cộng.

Philippines có tỷ lệ số ghê trong quốc hội do phụ nữ nắm giữ cao nhất (28%), cùng với đó là một lượng đáng kể các nữ bộ trưởng (8,6%).¹⁶⁵ Một điều đáng chú ý nữa là Philippines là Quốc gia thành viên ASEAN duy nhất từng có hai nữ tổng thống là: Corazon Aquino (1986-1992) và Gloria Macapagal Arroyo (2001-2010).

Tại **Philippines**, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các phương pháp tiếp cận hòa bình và an ninh với chính phủ và một số nhóm – ví dụ: Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro (MILF), Quân đội Giải phóng Nhân dân Cordillera (CPLA) và Đảng Công nhân Cách mạng Philippines - Quân đội Vô sản Cách mạng - Lữ đoàn Alex Boncayao (RPM-P/RPA/ABB). Phụ nữ giữ các vị trí quan trọng trong Văn phòng Cố vấn Tổng thống về Tiến trình Hòa bình (OPAPP) và ban thư ký của văn phòng này và là thành viên của các ban/nhóm hòa bình và các nhóm công tác kỹ thuật. Ví dụ, trong các cuộc đàm phán với Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro (MILF), 40% nhà đàm phán hòa bình, 69% ban thư ký và 60% nhóm pháp lý là phụ nữ.¹⁶⁷ Thách thức trong tương lai là duy trì tỷ lệ phụ nữ lãnh đạo cao tương tự trong các nỗ lực phòng ngừa xung đột và sau xung đột.

Philippines là nước đi đầu trong việc thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS. Kể từ năm 2009, WPS đã được lồng ghép vào các Kế hoạch hành động địa phương của Đơn vị chính quyền địa phương (LGU) và quốc gia thông qua ba Kế hoạch hành động quốc gia về WPS, công tác triển khai thực hiện các kế hoạch này được hỗ trợ kinh phí từ 5% Ngân sách dành cho Giới và Phát triển (GAD) theo yêu cầu của Luật Magna Carta của Philippines.

Hình 18: Ba Kế hoạch Hành động Quốc gia của Philippines về WPS

- 2009-2016 – **NAP đầu tiên** được công bố vào tháng 3/2010 (Sắc lệnh (EO) 865) và tạo ra cơ sở hạ tầng triển khai cho NAP, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (NSC WPS).
- 2014-2017 – Philippines đã công bố báo cáo đánh giá NAP đầu tiên và vào năm 2014, sau một loạt các cuộc họp tham vấn, tiếp tục xây dựng các Điểm hành động và Chỉ số cho **NAP WPS thế hệ thứ hai hoặc NAP WPS 2014**.
- 2017-2022 – Philippines ra mắt NAP chính thức thứ hai, **Kế hoạch Hành động Quốc gia vì Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (NAP WPS), giai đoạn 2017-2022**, thông qua Nhóm Công tác Kỹ thuật của Ban Chỉ đạo quốc gia về WPS (TWG).

Mặc dù có một số quan ngại rằng NAP thứ ba của Philippines không đạt được mức độ cam kết chính trị và thành công trong triển khai như hai NAP đầu, nhưng các NAP của Philippines mang lại một số bài học và thực hành tốt nhất cho các AMS khác. Philippines đã cho thấy chương trình nghị sự WPS đòi hỏi phải lập kế hoạch phát triển, lập ngân sách và nguồn tài trợ có trách nhiệm giới cho các chương trình để giải quyết các vấn đề hòa bình và an ninh mà phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt. Công tác xây dựng chương trình đã đặc biệt thành công trong việc tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ giáo dục và y tế có cải thiện ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột tại Mindanao.

Hình 19: Các bài học kinh nghiệm chính từ NAP giai đoạn 2017-2022 của Philippines (tóm tắt từ các cuộc tham vấn năm 2014)

<p>Các dịch vụ và chương trình dành cho phụ nữ ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột¹⁶⁷</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và không có xung đột cho các dịch vụ và chương trình • Dữ liệu có phân tách giới tính để giám sát và báo cáo nhằm cung cấp thông tin cho các quyết định về các dịch vụ và chương trình đáp ứng giới • Đưa NAP thành một phần rõ ràng trong các kế hoạch về Giới và Phát triển (GAD) và quản lý sử dụng hiệu quả ngân sách Giới và Phát triển cho các dịch vụ và chương trình dành cho phụ nữ ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột • Nhận biết cả bạo lực trực tiếp và bạo lực về cấu trúc đối với phụ nữ, đặc biệt là trong các tình huống xung đột • Tập huấn các cơ quan chủ quản và các đơn vị chính quyền địa phương (LGU), đặc biệt là các cơ quan từ các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột về NAP, có kết nối với công tác phân bổ ngân sách cho nội dung bạo lực đối với phụ nữ cũng như Giới và Phát triển (GAD) liên quan đến xung đột
<p>Chính sách, cơ chế và nâng cao năng lực cho phụ nữ ở các khu vực xung đột¹⁶⁸</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá các sáng kiến chính sách hiện có, ví dụ: đối với IDP, các vấn đề về súng, giảm nhẹ và quản lý rủi ro thảm họa, v.v. • Nỗ lực hài hòa hóa hỗ trợ nhân đạo hiệu quả và hiệu suất cho các IDP; thiết lập các biện pháp phòng ngừa liên quan tới việc ép buộc gia nhập lực lượng; tăng cường vai trò của phụ nữ trong các cơ chế địa phương; xây dựng và phổ biến mô hình và các cách tiếp cận thay thế chống lại việc phổ biến vũ khí cầm tay và vũ khí hạng nhẹ • Liên quan đến công tác nâng cao năng lực, các cuộc tham vấn đề xuất việc phổ biến MISIP cho các CSO; bao gồm thêm nhiều phụ nữ trong các cơ chế địa phương và đánh giá việc thực hiện giải quyết tranh chấp thay thế (ADR).
<p>Trao quyền và sự tham gia¹⁶⁹</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với ngành an ninh: tiếp tục rà soát chính sách đối với phụ nữ thuộc các cấp bậc, đơn vị khác nhau; hỗ trợ cho phụ nữ để cân bằng nhiệm vụ nghề nghiệp với cuộc sống gia đình; nâng cao năng lực cho phụ nữ để đảm nhận các vai trò lãnh đạo; và tiếp tục và cải thiện việc định hướng và cung cấp thông tin cho các thành viên trong ngành an ninh về vai trò của phụ nữ trong xây dựng hòa bình, đặc biệt khi liên quan đến Nghị quyết UNSCR 1325 và NAP. • Đối với các Cơ quan Chính phủ Quốc gia: cung cấp nhiều chương trình hơn cho phụ nữ trong vai trò lãnh đạo cộng đồng; nhấn mạnh vai trò mà phụ nữ có thể đảm nhận trong xây dựng hòa bình, cung cấp các dịch vụ tạo điều kiện để phụ nữ đảm nhận vai trò trong các cơ quan hòa bình; và cải thiện việc thu thập dữ liệu phân tổ theo giới.
<p>Phát huy và lồng ghép quan điểm giới¹⁷⁰</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với các Cơ quan Chính phủ Quốc gia: “tiếp tục các sáng kiến địa phương hóa NAP; bảo đảm sử dụng hợp lý ngân sách GAD; tăng cường cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin liên quan đến quyền con người của phụ nữ và hòa bình; cải thiện cơ chế điều phối để chia sẻ kiến thức và thông tin theo chiều ngang giữa các cơ quan đồng cấp và theo chiều dọc đối với các đơn vị trực thuộc. • Đối với các Đơn vị Chính quyền Địa phương (LGU): tăng cường hợp tác với các CSO về việc bản địa hóa NAP về phụ nữ, hòa bình và an ninh

SINGAPORE

Đối với hoạt động GGHB, kể từ năm 1989, quân đội và cảnh sát **Singapore** đã tham gia 17 phái bộ GGHB và quan sát trên cả phương diện quân sự và dân sự. Ngoài ra, Singapore đã phát triển hệ thống quản lý thông tin GGHB của Liên hợp quốc, được gọi là SAGE, để nâng cao năng lực nhận thức, đánh giá tình hình, phân tích xu hướng và cảnh báo sớm.¹⁷¹ Nữ cảnh sát đã được triển khai trong các hoạt động này và còn lãnh đạo với tư cách là chỉ huy cấp đơn vị. Khi khu vực ASEAN tiếp tục đóng góp vào các hoạt động GGHB quốc tế và duy trì các trung tâm huấn luyện về GGHB được công nhận trên toàn cầu, Singapore có thể tăng cường các nỗ lực hiện tại nhằm thu hút vai trò của phụ nữ trong GGHB. Điều này cũng thể hiện: một phương pháp tham gia khác của Singapore khi chương trình nghị sự WPS của ASEAN mở rộng.

Điều 12 Hiến pháp **Singapore** quy định nguyên tắc bình đẳng cho tất cả mọi người, nêu rằng “tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng.” Phụ nữ ở **Singapore** đã và đang tham gia công tác chính trị (chiếm 24% số nghị sĩ¹⁷²), chính quyền (phụ nữ chiếm 56% số công chức¹⁷³) và tham gia rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế. Ngoài ra còn có một cuộc tranh luận toàn quốc sôi nổi về nghĩa vụ quân sự của phụ nữ, mặc dù hiện tại chỉ có nam giới phải tham gia nghĩa vụ quân sự 2 năm.

THÁI LAN

Trung tâm Hoạt động Hòa bình **Thái Lan** (POC) thuộc Lực lượng Vũ trang Hoàng gia Thái Lan (RTARF) có nhiệm vụ đóng góp phân đội cho các hoạt động GGHB của Liên hợp quốc. POC triển khai lực lượng GGHB ở những khu vực như Đông Timor, Haiti và Darfur, Nam Sudan. Ngoài những đóng góp về phân đội và dân sự, Khóa huấn luyện Sĩ quan Tham mưu Liên hợp quốc (UNSOC) của Thái Lan, được tiến hành tại POC, được LHQ chính thức chứng nhận để triển khai trong khu vực vào năm 2019.¹⁷⁴

Thái Lan duy trì cam kết chắc chắn về vai trò của phụ nữ trong phòng ngừa và giải quyết xung đột. “*Thái Lan ghi nhận rằng xung đột có ảnh hưởng đến phụ nữ khác so với nam giới... Để hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 1325 (2000) của Hội đồng Bảo an LHQ, RTARF nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác*

tăng cường sự tham gia của từng cá nhân nữ binh sĩ GGHB để đạt được tỷ lệ 15% nữ trong lực lượng GGHB được triển khai.”¹⁷⁵ Hoạt động của Thái Lan hỗ trợ trao quyền cho các nữ binh sĩ GGHB trong các khóa huấn luyện trước khi xuất quân cho cả quân nhân nam và nữ để tập trung giải quyết các vấn đề liên quan tới quan điểm giới và bạo lực tình dục, bóc lột và xâm hại tình dục liên quan đến xung đột. Khóa huấn luyện này còn tiếp tục tập trung vào vai trò thiết yếu của các nữ binh sĩ GGHB. Hơn nữa, để phòng ngừa bóc lột và xâm hại tình dục đối với các nạn nhân xung đột, các đơn vị GGHB của Thái Lan được tập huấn nâng cao khả năng nhận thức, đánh giá tình hình để hỗ trợ các nỗ lực bảo vệ người dân có nguy cơ trong các khu vực xung đột. Thái Lan cũng cung cấp và có kế hoạch tăng cơ hội đi làm nhiệm vụ GGHB cho nữ quân nhân, đồng thời cũng duy trì một số nữ cán bộ hướng dẫn/giảng viên có kỹ thuật cao tại POC.¹⁷⁶

Từ năm 1932, **Thái Lan** đã thông qua 17 bản Hiến pháp khác nhau. Quá trình soạn thảo hiến pháp đáng chú ý gần đây nhất là vào năm 1997, do Hội đồng soạn thảo Hiến pháp (CDA) dân biểu tiến hành, và bản hiến pháp này thường được gọi là “Hiến pháp của nhân dân”. CDA gồm 99 thành viên – trong đó 76 người được bầu trực tiếp từ mỗi tỉnh và 23 người đủ tiêu chuẩn khác được Quốc hội lựa chọn từ giới học thuật và các lĩnh vực khác. Mạng lưới Phụ nữ và Hiến pháp (WCN)¹⁷⁷, đại diện cho nhiều CSO, đã tích cực tham gia vào quá trình đó và góp phần soạn thảo ba phần chính liên quan đến bình đẳng giới, gồm: (1) Phần 30, trong đó quy định rằng nam giới và phụ nữ được hưởng các quyền như nhau; (2) Phần 53, trong đó yêu cầu Nhà nước phải bảo vệ thanh thiếu niên và các thành viên gia đình và (3) Phần 80, trong đó yêu cầu Nhà nước phải thúc đẩy bình đẳng giữa nam và nữ.¹⁷⁸

Điều 27 của Hiến pháp 2017 của **Thái Lan** quy định sự bình đẳng giữa nam và nữ và có một số quy định tham chiếu xuyên suốt hiến pháp nhằm bảo vệ phụ nữ, trẻ em, người già và các nhóm yếu thế khác khỏi bị phân biệt đối xử.¹⁷⁹ Đến năm 2019, Thái Lan có một nữ Thủ tướng và vào thời điểm đó có 5,4% đại biểu Quốc hội là nữ, nhưng không có vị trí bộ trưởng (cấp quốc gia) nào do phụ nữ đảm nhiệm.¹⁸⁰ Một số người trả lời phỏng vấn đã lưu ý rằng chính phủ Thái Lan đã có các nỗ lực đẩy mạnh công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và vào tháng 10 năm 2020, nữ Chánh án đầu tiên của Tòa án tối cao, Thẩm phán Methinee Chalothorn, đã nhậm chức.

Tại Thái Lan, trong các thập kỷ qua, các vấn đề về cải cách quân đội và an ninh là các vấn đề gây nhiều tranh cãi trong các cuộc thảo luận và tranh luận về chính sách công với sự tham gia hạn chế của phụ nữ. Trong cuộc bầu cử năm 2019, đã có một số thảo luận trong quá trình vận động tranh cử về việc tiến hành cải cách đối với lực lượng vũ trang và ngân sách quốc phòng, nhưng những cuộc thảo luận này không có các yếu tố giới rõ ràng.

Ở Thái Lan, việc tuân thủ Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ được nhìn nhận qua lăng kính hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu SDG. Chính phủ ủng hộ Chương trình nghị sự WPS thông qua SDG 5 về bình đẳng giới và SDG 16 về hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ, đồng thời cho biết Chính phủ sẽ tiếp tục tìm cơ hội tăng cường cam kết của mình đối với các SDG và Nghị quyết 1325.¹⁸¹ Chính phủ đã xây dựng các Biện pháp và Hướng dẫn về Phụ nữ và Thúc đẩy Hòa bình và An ninh với sự hỗ trợ từ UN Women. Để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS, các cơ quan chính phủ quan trọng – chẳng hạn như Hội đồng An ninh Quốc gia, Bộ Tư pháp, Bộ An ninh, Con người và Phát triển Xã hội và Bộ Ngoại giao cần phải lồng ghép chương trình nghị sự WPS vào các nỗ lực kết hợp của họ. Mặc dù không có chủ thể rõ ràng nào phản đối chương trình nghị sự WPS, nhưng hiện nay vẫn còn thiếu sự điều phối giữa các cơ quan chính phủ và WPS chưa được lồng ghép vào các chính sách của các cơ quan chính phủ có trách nhiệm phòng ngừa hoặc giải quyết xung đột bạo lực ở Thái Lan.

Chương trình Nghị sự WPS đang được thúc đẩy ở các tỉnh biên giới phía Nam của Thái Lan (SBP). Có những cơ quan ủng hộ từ phía chính phủ và phi chính phủ và không có cơ quan nào phản đối rõ ràng đối với việc thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS ở phía Nam.¹⁸² Sau cuộc tham vấn quốc gia về sự lãnh đạo của phụ nữ và hòa bình và an ninh, Trung tâm Hành chính các tỉnh biên giới phía Nam, phối hợp với MSDHS và hợp tác đối tác với UN Women và UNICEF đã thành lập Trung tâm Điều phối Trẻ em và Phụ nữ các tỉnh biên giới phía Nam (CCWC-SBP).¹⁸³ CCWC-SBP là một cơ chế điều phối về các vấn đề phụ nữ và trẻ em giữa cấp trung ương và địa phương và giữa các bộ ngành, các chủ thể phi chính phủ, cũng như xã hội dân sự. Trung tâm này thể hiện cam kết của chính phủ cũng như ghi nhận sự tham gia của xã hội dân sự trong thúc đẩy gắn kết xã hội và hòa bình ở miền Nam Thái Lan. Phù hợp với Công ước về Quyền trẻ em (CRC) và CEDAW, trung tâm CCWC-SBP có nhiệm vụ thực hiện các Biện pháp và Hướng dẫn về Phụ nữ và

Thúc đẩy Hòa bình và An ninh nhằm giải quyết các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em. Ủy ban của CCCW-SBP gồm 28 thành viên, trong đó có 18 đại diện từ các tổ, nhóm của phụ nữ và các CSO hoạt động vì phụ nữ và trẻ em ở các tỉnh biên giới phía Nam.

Mặc dù CCWC-SBP có một kế hoạch hành động và ngân sách 10 triệu baht để hỗ trợ các hoạt động trong năm 2019, nhưng Trung tâm này vẫn cần được hỗ trợ nâng cao năng lực và hỗ trợ tài chính trong dài hạn. UN Women tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho MSDHS để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong thúc đẩy gắn kết xã hội và cộng đồng có khả năng chống chịu và để bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực dưới mọi hình thức.

VIỆT NAM

Tháng 6/2014, Việt Nam lần đầu tiên cử lực lượng tham gia hoạt động GGHB của Liên hợp quốc. Tính đến tháng 5 năm 2019, Việt Nam đã cử 30 sĩ quan quân đội và 63 cán bộ Bệnh viện dã chiến cấp 2 tham gia các phái bộ GGHB của Liên Hợp quốc (tại Cộng hòa Trung Phi và Nam Sudan). Năm 2018, Việt Nam được Liên hợp quốc chọn làm địa điểm huấn luyện lực lượng GGHB quốc tế. Bệnh viện dã chiến cấp 2 của Việt Nam làm nhiệm vụ tại Phái bộ LHQ ở Nam Sudan (UNMISS) có tỷ lệ nữ là 16,4% (cao hơn mức kêu gọi của LHQ là 10-15%).¹⁸⁴

Năm 2013, Việt Nam sửa Điều 26 trong Hiến pháp với quy định về bình đẳng cơ bản cho phụ nữ (gồm cả trong hôn nhân) và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới. Hiến pháp quy định cụ thể:

- Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.
- Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.
- Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Trong những năm qua, vai trò và vị thế của phụ nữ trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã được cải thiện. Các nữ đại biểu dân cử ngày càng tham gia tích cực hơn vào các cơ quan dân cử. Năng lực chính trị của nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã được cải thiện và góp phần thúc đẩy toàn diện bình đẳng giới ở Việt Nam.¹⁸⁵

Theo UN Women và Liên minh Nghị viện, vào năm 2020, 26,7% số ghế trong quốc hội do phụ nữ nắm giữ. Các nữ đại biểu dân cử ngày càng tham gia nhiều hơn vào hoạt động của các cơ quan dân cử, và theo Chính phủ Việt Nam, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đã tăng lên 26,8%.¹⁸⁶ Trình độ và năng lực chính trị của các nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cũng tăng đều. Bình đẳng giới trên thị trường lao động cũng tăng. Năm 2017, 48,4% lực lượng lao động trên 15 tuổi là nữ và 73% phụ nữ trong độ tuổi lao động đang làm việc.¹⁸⁷ Hiện nay, Bộ Công an có hơn 1.500 cán bộ nữ giữ các vị trí lãnh đạo.

4.2.2 PHÒNG NGỪA

Phòng ngừa: Kêu gọi cải thiện các chiến lược can thiệp trong phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, gồm cả việc truy tố những đối tượng chịu trách nhiệm về các vi phạm luật quốc tế; củng cố quyền của phụ nữ theo luật quốc gia và hỗ trợ các sáng kiến hòa bình và quy trình giải quyết xung đột của phụ nữ địa phương. (Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ)

BRUNEI DARUSSALAM

Nhất quán với cấu trúc quản trị Hồi giáo ôn hòa, Brunei đã đưa ra các tuyên bố chính sách nhất quán trong ASEAN và Liên Hợp quốc nhằm hỗ trợ ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực trong khu vực và trên toàn cầu.¹⁸⁸ Brunei cũng là một bên tham gia Tuyên bố Manila của ASEAN về chống lại sự nổi lên của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực.¹⁸⁹ Khi ASEAN cân nhắc vai trò của Chương trình nghị sự WPS trong việc hỗ trợ các nỗ lực chống lại và ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực (PVE) và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, Brunei có thể có những đóng góp giá trị.

CAMPUCHIA

Năm 2003, Tòa án đặc biệt tại Tòa án Campuchia (ECCC) được thành lập để đưa các lãnh đạo Khmer Đỏ ra công lý. Năm lãnh đạo Khmer Đỏ đã được xác định và hầu tòa, trong đó có một phụ nữ - việc xét xử người này phải ngừng lại vì lý do y tế. Bộ phận Hỗ trợ Nạn nhân (VSS) của ECCC, với sự hỗ trợ từ Quỹ ủy thác LHQ để chấm dứt bạo lực với phụ nữ, đã tìm cách mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao nhận thức về BLG trong chế độ Khmer Đỏ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ pháp lý, cung cấp hỗ trợ tài chính cho việc tập huấn nâng cao kỹ năng cho các gia đình nghèo của người bị BLG và giúp trao quyền cho những người bị BLG tại ECCC.

Dù không có cơ chế nói-lên-sự-thật chính thức ở **Campuchia**, nhưng tạp chí *Tim kiếm sự thật* của Trung tâm Tư liệu Campuchia (DC-Cam), công bố các cuộc phỏng vấn toàn diện với các nạn nhân/người bị bạo lực và thủ phạm/đối tượng gây bạo lực. Đồng thời, Trung tâm Phát triển Xã hội Campuchia (CSD) - một tổ chức phi chính phủ địa phương - tổ chức các diễn đàn công cộng để tập hợp các nạn nhân và thủ phạm nhằm thảo luận về hòa giải dân tộc và tạo một nền tảng để lắng nghe tiếng nói của người dân thường.

Các cơ chế giải quyết xung đột hiện có ở Campuchia - ví dụ: Hội đồng xã, Ủy ban hành chính, Ủy ban địa chính, Cơ quan quốc gia về giải quyết xung đột đất đai, và cơ quan tư pháp - đang hoạt động và tiếp tục phấn đấu đạt được bước tiến trong việc nâng cao vai trò của phụ nữ trong các nỗ lực liên quan tới xung đột, hòa bình và phòng chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực (P/CVE).¹⁹⁰

Chính sách “Làng/xã an toàn” của Campuchia¹⁹¹ hướng đến phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em, bạo lực gia đình và các hình thức bạo lực khác đối với phụ nữ (VAW) thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức như các chương trình TV và đài phát thanh, bảng thông báo, áp phích, tờ rơi, sách nhỏ, các sự kiện đặc biệt, giáo dục đồng đẳng và nhận thức cộng đồng. Ở cấp địa phương, Ủy ban Tham vấn Phụ nữ và Trẻ em (WCCC) cấp tỉnh và huyện tổ chức họp thường xuyên với Ban quản trị về các vấn đề phụ nữ, thanh niên và trẻ em. Để cung cấp dịch vụ tốt hơn cho nam giới và phụ nữ nông thôn, Ủy ban Phụ nữ và Trẻ em cấp xã (CCWC) đã được thành lập và Quy định 22 yêu cầu rằng trong ba lãnh đạo thôn, ít nhất một người phải là phụ nữ.¹⁹²

Tổ chức Phụ nữ Xây dựng hòa bình (WPM) - một mạng lưới xây dựng hòa bình do phụ nữ và thanh niên lãnh đạo - giải quyết xung đột cộng đồng và chống bạo lực đối với phụ nữ. Liên minh Chuyển đổi Xung đột (ACT) cũng hoạt động để xây dựng hòa bình thông qua giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và thực hành đổi mới, sáng tạo, nhằm chuyển đổi môi trường sau xung đột bằng cách giải quyết các nhu cầu cơ bản và xây dựng các mối quan hệ bền vững. Mạng lưới này được đăng ký chính thức như một tổ chức phi chính phủ vào năm 2003 với mục tiêu trao quyền cho phụ nữ, thanh niên và cộng đồng để giải quyết xung đột mà không dùng bạo lực và thúc đẩy quyền của phụ nữ. Mạng lưới này ủng hộ bình đẳng giới và hòa bình, và hỗ trợ các lãnh đạo nữ với tư cách là những người tạo ra sự thay đổi ở mọi cấp trong xã hội.

Neary Rattanak IV và Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phòng chống Bạo lực Đối với Phụ nữ (2014-2018) cam kết thực hiện các phương pháp tiếp cận hợp tác công - tư để giải quyết BLG, buôn bán người và bóc lột tình dục. Theo các quan chức Campuchia, NAP phòng chống bạo lực đối với phụ nữ thứ 2 gồm một lượng lớn các cuộc tham vấn với đại diện của phụ nữ từ nhiều nền tảng khác nhau như phụ nữ khuyết tật, thiếu số tình dục và những người bị bạo lực; và các vấn đề của UNSCR 1325 đã được thảo luận tích cực để tạo điều kiện cho tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe, và bảo đảm sự tham gia tích cực của họ vào quá trình hoạch định chính sách về các vấn đề an ninh.¹⁹³

INDONESIA

Tại **Indonesia**, kể từ khi ban hành Kế hoạch hành động quốc gia RAN P3AKS, Bộ Trao quyền cho Phụ nữ và Bảo vệ Trẻ em (MoWE) đã thúc đẩy thể chế hóa NAP này và hỗ trợ các nỗ lực nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong phòng ngừa và ngăn chặn xung đột. Bộ này cũng thành lập các nhóm công tác WPS vùng tại 10 tỉnh nhạy cảm với xung đột, cụ thể gồm: Bengkulu, Lampung, Tây Kalimantan, Trung Sulawesi, Nusa Tenggara Barat, Nusa Tenggara Timur, Đông Java và Papua.¹⁹⁴ Với các nhóm công tác này, MoWE đã xây dựng các *Rencana Aksi Daerah* (Kế hoạch Hành động Khu vực hoặc RAD), làm việc với các đơn vị cảnh sát địa phương để triển khai các hoạt động theo RAD và nghiên cứu những thách thức mà phụ nữ phải đối mặt ở các khu vực dễ xảy ra xung đột.

Cơ quan Chống Khủng bố Quốc gia đã chỉ đạo việc xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phòng chống Chủ nghĩa Cực đoan Bạo lực với sự hỗ trợ của UNODC, UNDP và UN Women - và đóng góp từ các cơ quan chính phủ khác, các CSO và các học giả khác.

Chương trình ngăn chặn xung đột và P/CVE theo Kênh 2.0 đã thành công trên toàn quần đảo này. Các chương trình dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo, đặc biệt là các Làng Hòa bình ở Đông Java do UN Women và Wahid Foundation hỗ trợ đã tập huấn và cố vấn để phụ nữ trở thành người điều hành, thúc đẩy các cuộc đối thoại nhằm đấu tranh chống chủ nghĩa cực đoan và không khoan dung. Việc thành lập các làng hòa bình được chỉ định, qua đó ghi nhận các động lực gây xung đột địa phương ở cấp làng đã trao quyền cho phụ nữ như các tác nhân hòa bình để thúc đẩy việc giải quyết vấn đề của cộng đồng, gồm cả đối thoại đa tín ngưỡng để ngăn chặn xung đột.

“Sáng kiến Phụ nữ không biên giới” thành lập các trường học của các bà mẹ nhằm dạy phụ nữ các phương pháp chống chủ nghĩa cực đoan trong gia đình và nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng trong làng họ. Tại Jogjakarta, mạng lưới Gusdurian đã tạo ra một nền tảng an toàn để thanh niên thảo luận về bản sắc tôn giáo và tôn trọng sự đa dạng. Các CSO đi đầu cũng hỗ trợ các nền tảng khu vực và toàn cầu để tiếp tục đối thoại đa tín ngưỡng và giao thoa văn hóa. Một phân tích gần đây về tình hình ở Indonesia, Philippines và Bangladesh của UN Women liên quan đến ba yếu tố và mức độ phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ¹⁹⁵, gồm: (a) Chủ nghĩa phân biệt giới tính thù địch và ủng hộ bạo lực đối với phụ nữ có liên hệ chặt chẽ với ủng hộ chủ nghĩa cực đoan bạo lực; (b) Không tìm thấy mối liên hệ đáng kể giữa tôn giáo, tuổi, giới và trình độ học vấn đạt được với việc ủng hộ chủ nghĩa cực đoan bạo lực và (c) Kỳ thị nữ giới và ủng hộ bạo lực đối với phụ nữ là những yếu tố quan trọng nhưng bị xem nhẹ khi buộc một số người, kể cả phụ nữ, ủng hộ chủ nghĩa cực đoan bạo lực. Phân tích thiết thực này trình bày các kết quả phân tích có giá trị để các AMS cân nhắc khi muốn thúc đẩy chương trình nghị sự WPS.

Mạng lưới Beragam (gồm 195 tổ chức do phụ nữ lãnh đạo trên khắp Indonesia), giám sát các chương trình nghị sự chính sách quốc gia và địa phương đang hỗ trợ thực hiện Chương trình nghị sự chính trị của phụ nữ giai đoạn 2014-2019, thúc đẩy các nỗ lực chống tham nhũng, chống đói nghèo, và chống bạo lực đối với phụ nữ và dân tộc thiểu số.¹⁹⁶ Nhóm Công tác về Phụ nữ và Phòng Chống Chủ nghĩa Cực đoan Bạo lực đóng vai trò là cơ quan điều phối quốc gia để thúc đẩy đối thoại và chia sẻ kiến thức giữa các quan chức chính phủ và các lãnh đạo xã hội dân sự về lồng ghép giới và CVE.

Các bộ của Indonesia cũng đã phối hợp với Phòng ban phụ trách các vấn đề chính trị và Xây dựng hòa bình và Giữ gìn hòa bình (DPPA-DPO) của LHQ để phát triển các mạng lưới quốc gia và khu vực nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong việc ngăn chặn, giải quyết xung đột, và xây dựng hòa bình, ví dụ: nỗ lực Indonesia 2020 nhằm thiết lập Mạng lưới Nữ hòa giải viên hòa bình Đông Nam Á tạo cơ hội cho các nữ hòa giải viên và các nhà kiến tạo hòa bình đóng góp vào hòa bình và an ninh khu vực.¹⁹⁷

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Tại **CHDCND Lào**, Viện Liên kết Toàn cầu (IGE) đã làm việc với chính phủ và các cộng đồng tôn giáo để thúc đẩy tự do tín ngưỡng thông qua sự hiểu biết lẫn nhau và quan hệ hòa bình. IGE đã đào tạo và hỗ trợ Nhóm Xây dựng Hòa bình Lào - một nhóm hoàn toàn tình nguyện gồm giáo dân Công giáo, người theo đạo Tin lành, các nhà lãnh đạo cộng đồng Baha'i và các nhà sư Phật giáo Lào – qua đó quy tụ các lãnh đạo chính quyền và xã hội dân sự ở cấp tỉnh và huyện lại để thảo luận về vai trò quan trọng của tự do tôn giáo.

MALAYSIA

Theo Kế hoạch hành động ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực của Liên hợp quốc, Malaysia hiện đang thực hiện các bước ban đầu hướng tới việc xây dựng một Kế hoạch hành động quốc gia để phòng chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực (NAPPCVE).¹⁹⁸ Kế hoạch hành động quốc gia này sẽ được lập với các bộ và cơ quan liên quan của chính phủ. Chính phủ Malaysia ghi nhận rằng “các phương pháp tiếp cận cứng rắn” (ví dụ, các hành động của lực lượng an ninh) là không đủ để giải quyết hoàn toàn triệt để các đe dọa khủng bố và rằng P/CVE cũng cần được đưa vào trong cách tiếp cận của Malaysia để giải quyết chủ nghĩa cực đoan bạo lực và chủ nghĩa khủng bố.

MYANMAR

Cách tiếp cận quốc gia của **Myanmar** để phòng ngừa xung đột đã liên tục phát triển kể từ khi tiến hành bầu cử vào năm 2015. Các tranh chấp sắc tộc lịch sử trong xã hội đa dạng của Myanmar tiếp tục làm nền tảng cho các động lực xung đột trên toàn quốc, và các nỗ lực mới nhằm thu hút các cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia, ví dụ: Hội nghị Panglong lần thứ hai (2017) và những nỗ lực tiếp theo sau đó, có mục đích là thiết lập các quy trình để bắt đầu giải quyết những chia rẽ sắc tộc này. Một số CSO thúc đẩy các phương pháp tiếp cận giảm nhẹ xung đột có sự tham gia và bao trùm hơn, thường là ở cấp địa phương, nhưng chưa đạt được thành công đáng kể trong việc thay đổi các phương pháp tiếp cận truyền thống.

PHILIPPINES

Tại **Philippines**, việc xây dựng chương trình theo Kênh 2.0 là đặc trưng nổi bật. Mạng lưới WPS tích

cực nhất là mạng lưới Phụ nữ tham gia hành động 1325 (We Act 1325)¹⁹⁹, gồm 36 tổ chức khác nhau từ Luzon, Visayas và Mindanao hoạt động về hòa bình, quyền con người và các vấn đề của phụ nữ. Nhiệm vụ chính của mạng lưới này là thiết kế và thực hiện các NAP và kế hoạch hành động địa phương về WPS, đồng thời giám sát việc hoàn thành 14 Điểm hành động của NAP tập trung vào: (1) đánh giá chính sách, nâng cao năng lực và đào tạo các bên liên quan khác nhau; (2) tham gia các cuộc đối thoại hòa bình; (3) tham gia hoạt động kiến tạo hòa bình; (4) giáo dục về hòa bình; (5) nhận thức của cơ quan báo chí; (6) giám sát và (7) báo cáo công tác triển khai NAP về WPS.

We Act 1325 làm việc với Mạng lưới toàn cầu của những phụ nữ xây dựng hòa bình (GNWP) và chọn các đơn vị chính quyền địa phương (LGU) để lập các LNAP và bảo đảm rằng các kế hoạch phát triển và ngân sách hàng năm của LGU sẽ giải quyết các quan ngại ưu tiên về WPS. Các LGU đã bắt đầu xem xét các chính sách hiện có đang cản trở sự tham gia của phụ nữ trong quản trị, đánh giá điểm yếu trong chính sách và thực tiễn, đồng thời thiết kế các biện pháp khắc phục để hoàn thành các cam kết của NAP. Kế hoạch hành động quốc gia năm 2019 của chính phủ Philippines về Phòng chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực (P/CVE) cũng tạo cơ hội để phụ nữ tham gia vào an ninh và phòng ngừa xung đột, và Philippines đã phối hợp với UN Women để xác định các cơ hội cụ thể cho các phương pháp tiếp cận P/CVE bao trùm hơn, gồm cả các liên hệ với Kế hoạch Hành động Quốc gia về WPS.²⁰⁰

Không có ủy ban hòa giải và sự thật nào đang hoạt động ở Philippines, nhưng có ít nhất một cam kết chính thức về các quy trình hòa giải tại Philippines. Thỏa thuận hòa bình Bangsamoro và Luật Cơ bản Bangsamoro - đã thành lập ra Khu tự trị Hồi giáo Bangsamoro ở Mindanao (BARMM) và cam kết tiến hành các quy trình công lý chuyển tiếp chính thức. Ngoài ra còn có một quy trình ủy ban sự thật, công lý và hòa giải không chính thức từ năm 2017 – trong đó đã đưa ra các khuyến nghị để hướng dẫn quy trình hòa giải và quản lý quy trình đó, đồng thời khẳng định rằng tất cả các khuyến nghị phải được tiếp cận/áp dụng với tư duy đáp ứng giới và bao trùm giới.²⁰¹

THÁI LAN

Bộ Phụ nữ và Phát triển Gia đình (DWAFFD) của **Thái Lan** đã thành lập một Tiểu ban về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa bình và An toàn - An ninh vào năm 2012 để xem xét tác động của xung đột đối với phụ nữ và trẻ em

gái, gồm cả ở các tỉnh biên giới phía Nam.²⁰² Năm 2013, tiểu ban này đã thành lập Nhóm công tác về phát triển chính sách và chiến lược thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong xây dựng hòa bình.²⁰³ Năm 2016, DWAFD cùng Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người, PAOW và UN Women, đã soạn thảo một tài liệu khái niệm có tựa đề “Biện pháp và Hướng dẫn về Phụ nữ và Thúc đẩy Hòa bình và An ninh.” Mặc dù tiểu ban này đã bị giải thể vào năm 2019, nhưng tài liệu khái niệm mà tiểu ban này soạn thảo cùng với Hướng dẫn hoạt động của tài liệu này sẽ vẫn có vai trò quan trọng đối với việc hợp tác đa bên liên quan nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS ở Thái Lan, gồm cả ở các tỉnh biên giới phía Nam.

Tại các tỉnh biên giới phía Nam **Thái Lan**, phụ nữ đóng vai trò tiên phong trong các hoạt động vận động cho quyền con người và hỗ trợ nhân đạo. Các nhóm do phụ nữ lãnh đạo thường hỗ trợ các cộng đồng đa dạng và yếu thế, làm việc với Ủy ban Nhân quyền Quốc gia, tham vấn với chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp bảo vệ xã hội, cải thiện tiếp cận các dịch vụ xã hội và tạo điều kiện đối thoại đa tín ngưỡng giữa các cộng đồng Phật giáo và Hồi giáo. Một số tổ chức đã được đặc biệt ghi nhận bởi các tổ chức địa phương, quốc gia và quốc tế.

Vào tháng 4 năm 2015, hơn 20 nhóm do phụ nữ lãnh đạo đã thành lập mạng lưới Chương trình nghị sự của Phụ nữ về Hòa bình (WAP), hiện nay được biết đến với tên gọi: Chương trình nghị sự Hòa bình của Phụ nữ (PAOW).²⁰⁴ PAOW thúc đẩy vai trò gia tăng của phụ nữ trong xây dựng hòa bình và đàm phán hòa bình. Mạng lưới này đã giúp thành lập Trung tâm Điều phối Trẻ em và Phụ nữ các tỉnh Biên giới phía Nam thuộc Trung tâm Hành chính các tỉnh biên giới phía Nam (2019), với cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều là phụ nữ.

VIỆT NAM

Hội Liên hiệp Phụ nữ **Việt Nam** đã phối hợp làm việc với các cơ quan công an, quân đội và chính phủ để thiết kế chiến dịch “Năm 2019: Năm an toàn cho phụ nữ và trẻ em” tập trung vào: (1) an toàn cho phụ nữ và trẻ em trong gia đình và nêu bật các vấn đề: bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ, trẻ em, tảo hôn, suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe; (2) an toàn cho phụ nữ và trẻ em ở nơi công cộng; (3) môi trường và biến đổi khí hậu; (4) an toàn vệ sinh thực phẩm và (5) an ninh mạng.

Công an nhân dân **Việt Nam** đã tiến hành cải cách toàn diện, qua đó tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia, bao gồm: (1) cải thiện đối thoại và kiến nghị với Đảng và Nhà nước về an ninh và trật tự công cộng; (2) cải thiện quản lý nhà nước về an ninh và trật tự công cộng; (3) ngăn chặn mìn mìn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và (4) phòng chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật.²⁰⁵ Các hành động cụ thể hơn đề ra trong cải cách nhằm mục đích:

- Nâng cao hiệu quả lãnh đạo và phân cấp qua việc giao quyền và trách nhiệm rõ ràng và cụ thể;
- Tăng cường và cải thiện hợp tác, điều phối với các ngành, đoàn thể, địa phương và đặc biệt là Quân đội nhân dân;
- Hỗ trợ Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh công cộng
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh công cộng và an toàn xã hội;
- Cùng cố lực lượng Công an Nhân dân để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; và
- Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo thông qua nghiên cứu, dự báo chiến lược và phân tích cơ hội và rủi ro nhằm cải thiện phương pháp tiếp cận về an ninh truyền thống, phi truyền thống và an ninh mạng.

4.2.3 BẢO VỆ

Bảo vệ: Đặc biệt kêu gọi bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực tinh dục và bạo lực trên cơ sở giới, gồm cả trong các tình huống khẩn cấp và nhân đạo, chẳng hạn như trong các trại tị nạn.

BRUNEI DARUSSALAM

Brunei là một Quốc gia thành viên tham gia Công ước CEDAW và theo Báo cáo Tiến độ về Quyền của Phụ nữ và Bình đẳng Giới ASEAN, Brunei có luật pháp bảo đảm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, gồm cả bảo vệ phúc lợi của tất cả mọi người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, trong nước.²⁰⁶ Các luật này gồm Đạo luật bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, Đạo luật về phụ nữ đã kết hôn và Đạo luật gia đình Hồi giáo.

CAMPUCHIA

Campuchia đã thiết lập một số chương trình Giải trừ quân bị, giải ngũ và tái hòa nhập (DDR), gồm:

- Năm 2000, một chương trình giải trừ quân bị vũ khí nhỏ tên là Hỗ trợ của châu Âu về hạn chế vũ khí nhỏ và vũ khí hạng nhẹ ở Campuchia (EU-ASAC) đã cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho chính phủ Campuchia để trưng thu và tịch thu vũ khí, đồng thời tiêu hủy vũ khí quân dụng thừa. Trong năm 2006, chương trình này đã xây dựng 45 cơ sở lưu trữ vũ khí, thu được 12.775 vũ khí và phá hủy 142.871 vũ khí khác
- Cũng vào năm 2000, một chương trình phục viên thí điểm do Ngân hàng Thế giới tài trợ đã cho 1.500 binh sĩ xuất ngũ bằng cách hỗ trợ tài chính, cung cấp một xe máy, một máy khâu, thực phẩm và vật liệu xây dựng hoặc dụng cụ làm vườn. Trong một số trường hợp, những người từng tham chiến đã được cấp một thửa đất.
- Năm 2003, Nhóm Hỗ trợ về Quản lý Vũ khí Nhỏ của Nhật Bản tại Campuchia đã bắt đầu chương trình để ban hành cải cách thể chế, nâng cao năng lực thực thi pháp luật và thúc đẩy xây dựng hòa bình thông qua phát triển công bằng.

Mặc dù có ít đại diện phụ nữ tham gia các cuộc họp thôn, nhưng phụ nữ đã có đóng góp vào việc ra quyết định thông qua chồng/bạn đời của họ, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng xã hội - phòng khám y tế, cơ sở giáo dục, đường xá, giếng nước và hệ thống vệ sinh.

Đến năm 2015, 143 Đặc vụ Cảnh sát Tư pháp **Campuchia** thuộc Bộ các Vấn đề của Phụ nữ (MoWA) đã được bổ nhiệm để hỗ trợ và vận động cho các quyền hợp pháp của những người bị BLG. Cuối năm 2016, 87 nữ sĩ quan đã được bổ nhiệm làm Cảnh sát Tư pháp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh, và được đào tạo và hỗ trợ liên tục để bảo vệ những người bị BLG và giúp họ tìm kiếm công lý qua hệ thống pháp luật. Cũng trong năm 2016, Hướng dẫn chuyển gửi phụ nữ và trẻ em gái là người từng bị BLG, và Cơ chế thực hiện đã được hoàn thành, và tập huấn đã được thực hiện ở bảy tỉnh.²⁰⁷ Năm 2017, Tiêu chuẩn tối thiểu về các dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ và trẻ em gái là người từng bị BLG đã được soạn thảo theo Kế hoạch Hành động quốc gia thứ hai về Phòng chống Bạo lực đối với Phụ nữ (NAPVAW II).

Hiệp hội Luật sư Campuchia đã thành lập Trung tâm Đào tạo Luật sư có đáp ứng giới (LTC). Năm 2014, Trung tâm này đã hợp tác với UN Women để xây dựng chương trình giảng dạy nhằm giúp các luật sư hiểu được cách thức tốt nhất để đại diện cho nạn nhân.

Đối với vấn đề dữ liệu sẵn có công khai, có thể tìm thấy số liệu thống kê mới nhất về các vụ việc BLG trong Điều tra quốc gia năm 2015 về sức khỏe và trải nghiệm cuộc sống của phụ nữ tại Campuchia.

INDONESIA

Indonesia ban hành Luật số 23 năm 2004 kêu gọi Xóa bỏ bạo lực gia đình. Luật này gồm 56 điều quy định về bạo lực gia đình và thúc đẩy quyền con người, bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử, bảo vệ nạn nhân bị bạo lực, truy tố và hòa hợp gia đình. Luật cũng quy định chi tiết nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của các cơ quan chính phủ và lãnh đạo cộng đồng. Ủy ban CEDAW, trong đánh giá năm 2012 về các Báo cáo định kỳ kết hợp lần thứ sáu và bảy, đã lưu ý đến vấn đề bạo lực với phụ nữ trong xung đột vũ trang nhưng tập trung vào các sự kiện trước năm 2000.²⁰⁸

Indonesia đã đưa ra các quy định nhằm ngăn chặn và bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực, gồm quy định số 8/2009 của Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia Cộng hòa Indonesia về việc Thực hiện các Nguyên tắc và Tiêu chuẩn quyền con người trong Thực thi Nhiệm vụ của Cảnh sát Cộng hòa Indonesia (Điều 4). Quy định này nêu rằng: Cảnh sát Quốc gia có quyền giảm/hạn chế quyền của một người trong trường hợp khẩn cấp, bạo loạn lan tràn hoặc trong những tình huống nguy hiểm; nhưng trong trường hợp phụ nữ bị bắt giữ, các tiêu chuẩn xử lý gồm: a) bất cứ khi nào có thể, được khám xét bởi các sĩ quan nữ; b) được khám xét trong một phòng đặc biệt; c) bảo vệ quyền riêng tư; d) được đối xử đặc biệt; e) giam giữ/tạm giữ riêng/tách khỏi nơi giữ nghi phạm nam và f) áp dụng các quy trình đặc biệt để bảo vệ phụ nữ. Để thực hiện Điều này thì đòi hỏi các cơ quan Cảnh sát phải đáp ứng một số tiêu chí, gồm cả: có đủ cán bộ nữ, có sẵn một phòng riêng và có các quy trình tiêu chuẩn đặc biệt để bảo đảm thực hiện đúng. Trên thực tế, *Komnas Perempuan* nhận thấy rằng quá trình điều tra thường do sĩ quan nam thực hiện do có ít điều tra viên là phụ nữ.²⁰⁹

Hướng dẫn phát triển quốc gia của **Indonesia** gồm các yêu cầu lồng ghép giới cho ngành an ninh, và đây tiếp tục là một cơ hội để WPS ở Indonesia mở rộng vai trò của phụ nữ trong các vấn đề “an ninh cứng”. Trong báo cáo năm 2014, Komnas Perempuan (Ủy ban Phụ nữ Quốc gia) thấy rằng SSR đã không ưu tiên vấn đề bạo lực đối với phụ nữ trong một loạt bối cảnh - gồm xung đột vũ trang, xung đột tôn giáo, xung đột tài nguyên thiên nhiên, thiên tai và lánh nạn.²¹⁰

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Năm 2011, Bộ Công an của **CHDCND Lào** thành lập Cục Phòng, chống buôn người trong Tổng cục Cảnh sát và Đơn vị Phòng Phòng, chống buôn người trong các sở cảnh sát trên cả nước. Các cơ quan này ngăn chặn, điều tra và truy tố vụ việc buôn người (TIP) và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

Từ năm 2014, **CHDCND Lào** đã thực thi Luật Phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Luật này nghiêm cấm mọi hình thức bạo lực. Tại Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD25) ở Nairobi năm 2019, CHDCND Lào một lần nữa cam kết duy trì các quyền và phúc lợi của phụ nữ và thanh thiếu niên. Theo đó, chính phủ hỗ trợ xây dựng chương trình BLG trong Kế hoạch hành động quốc gia về Phòng chống và xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ giai đoạn 2021-2025, đồng thời thiết kế và cung cấp các chương trình giảng dạy về giáo dục tính dục phù hợp với lứa tuổi trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của các mối quan hệ lành mạnh và tôn trọng.

MALAYSIA

Malaysia đang hoạt động tích cực trong khu vực và toàn cầu với tư cách là thành viên của Ủy ban Xây dựng Hòa bình Liên hợp quốc (PBC) và tham gia Ban Tổ chức của PBC nhiệm kỳ năm 2013-2014 và 2015-2016. Năm 2015, Malaysia là Điều phối viên của PBC và tham gia Hội đồng Bảo an LHQ. Kể từ năm 1980, Chương trình Hợp tác Kỹ thuật Malaysia (MTCP) đã được vận hành trong các môi trường sau xung đột trên khắp thế giới để tăng cơ hội kinh tế cho dân số bị ảnh hưởng.

Để hỗ trợ các cam kết khu vực về xây dựng hòa bình, vào năm 2012, Malaysia đã thiết lập Kho ứng phó nhân đạo của Liên hợp quốc nhằm nâng cao năng lực điều phối khu vực về dự phòng và ứng phó khẩn cấp.

Hiến pháp Liên bang Malaysia năm 2001 đã có sửa đổi quan trọng tại Điều 8 (2) để bao gồm “giới” như một cơ sở cho việc không phân biệt đối xử, nhằm thực hiện cam kết của Malaysia với Công ước CEDAW.

Các điều chỉnh đối với Đạo luật Việc làm năm 1955 và Đạo luật Bạo lực Gia đình (DVA) năm 1994 được thực hiện vào năm 2012. Sau đó, DVA đã được sửa đổi vào năm 2017. Đạo luật chống mua bán người và chống đưa người di cư trái phép năm 2007 được sửa đổi lần cuối vào năm 2015. “Đạo luật chống xâm hại tình dục trẻ em năm 2017 đã được thông qua và có hiệu lực thực thi từ năm 2017”. Malaysia đã giới thiệu *Talian Kasih 15999* (trước đây gọi là Talian Nur) vào năm 2007 để thiết lập một đường dây nóng về khiếu nại khủng hoảng cộng đồng, áp dụng với tất cả các hình thức bạo lực, gồm cả bạo lực đối với phụ nữ.

Thống kê về tỷ lệ bạo lực gia đình, hiếp dâm, dâm ô, loạn luân và quấy rối tình dục mà Cảnh sát Hoàng gia Malaysia xử lý từ năm 2000 đến năm 2017 đã được Tổ chức Trợ giúp Phụ nữ cung cấp. Số vụ án bị khởi tố về tình dục và tội phạm xâm hại tình dục trẻ em từ năm 2000 đến tháng 10 năm 2020 là 21.547 (bị buộc tội/kết án) và 15.744 (không có hành động gì thêm), số liệu thống kê là một bước tích cực nhằm cung cấp thông tin cho các hoạt động và việc cung cấp dịch vụ dựa trên bằng chứng cho công chúng và các tổ chức phi chính phủ.

Hơn nữa, Bộ Phát triển Phụ nữ của Malaysia kể từ năm 2009 đã tiến hành nhiều chương trình và sáng kiến để vận động chính sách và nâng cao nhận thức về phòng ngừa và ứng phó với BLG, gồm có: Hội thảo về kiến thức pháp luật, Chương trình chống tội phạm của phụ nữ (WAJA), các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng cho nam giới và phụ nữ để phòng chống bạo lực đối với phụ nữ (VAW), và các nỗ lực khác.

MYANMAR

Myanmar ghi nhận rằng giải quyết bạo lực đối với phụ nữ là một mục tiêu phát triển ưu tiên. Trong Kế hoạch chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ 2013-2022, chính phủ đã cam kết “xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái và đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái bị ảnh hưởng bởi bạo lực”. Kế hoạch này đã thiết lập các cơ chế để bảo đảm sự an toàn của phụ nữ và trẻ em khỏi bạo lực và cung cấp sự bảo vệ và các dịch vụ khác cho nạn nhân BLG. Bộ Phúc lợi Xã hội, Cứu trợ và Tái định cư là bộ đầu mối giải quyết bạo lực đối với phụ nữ, ngoài ra còn có các cơ quan chính phủ cấp địa phương và các tổ chức xã hội dân sự tập trung vào việc chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và cung cấp dịch vụ cho nạn nhân.

Năm 2008, Ủy ban CEDAW đã nêu vấn đề bạo lực tình dục trong xung đột vũ trang trong đánh giá của Ủy ban về các Báo cáo định kỳ kết hợp lần thứ hai và ba. Cụ thể, Ủy ban nêu rõ quan ngại sâu sắc đối với mức độ phổ biến các hình thức tội phạm do lực lượng an ninh nhà nước gây ra, trong đó có hiếp dâm. Đánh giá của CEDAW khuyến nghị chính phủ loại bỏ việc miễn hình phạt, cải thiện khả năng tiếp cận công lý của nạn nhân, nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực của lực lượng an ninh, giám sát BLG tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột và tuân thủ Nghị quyết 1325 và 1820 của Hội đồng Bảo an LHQ.²¹¹

Trong nỗ lực tuân thủ các khuyến nghị của CEDAW, chính phủ Myanmar đã làm việc với xã hội dân sự, trong đó có Mạng lưới Bình đẳng giới (GEN) cũng như Liên hợp quốc và các tổ chức khác, để soạn thảo Dự luật Bảo vệ và Phòng chống Bạo lực đối với Phụ nữ (PoVAW) trong đó tập trung vào bạo lực bạo tình, cưỡng hiếp trong hôn nhân, bạo lực tình dục, quấy rối qua việc rình rập, quấy rối ở nơi làm việc và nơi công cộng, và bạo lực thông qua thực hành truyền thống và phong tục.

PHILIPPINES

Philippines đã ban hành các cải cách pháp lý quan trọng liên quan đến BLG và buôn người, bắt đầu từ tháng 5 năm 2003 để ghi nhận khía cạnh quyền con người của nạn buôn bán người. Vì buôn người là vi phạm quyền con người, luật chống buôn người thể chế hóa các biện pháp và chương trình thúc đẩy phẩm giá con người, bảo vệ người dân khỏi bất kỳ mối đe dọa bạo lực và bóc lột nào, xóa bỏ nạn buôn người, và giảm áp lực di cư không tự nguyện và tình

trạng bắt người làm nô lệ. Philippines đã ban hành các cải cách pháp lý quan trọng liên quan đến BLG và mua bán người, gồm:

- Kế hoạch hành động chiến lược quốc gia chống mua bán người (2004-2010);
- Kế hoạch Chiến lược của Hội đồng liên cơ quan về Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em (2007-2010);
- Ba Kế hoạch hành động quốc gia của Philippines về phụ nữ, hòa bình và an ninh (2009-2022).

Hội đồng liên cơ quan chống mua bán người (IACAT), được thành lập theo luật chống buôn bán người của Philippines và do Bộ tư pháp Philippines chủ trì, gồm một số cơ quan chính phủ có vai trò quan trọng trong việc phòng chống, bảo vệ và truy tố liên quan tới nạn buôn bán người. IACAT có nhiệm vụ giám sát hiệu quả thực hiện luật chống buôn bán người.²¹²

Philippines, thông qua SOMTC, là quốc gia đề xuất chính của ACTIP, Kế hoạch Hành động ASEAN chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, và Kế hoạch công tác chống buôn người Bohol (2017-2020) và việc xây dựng Kế hoạch công tác chống buôn người Bohol thứ 2.²¹³

Kể từ khi ban hành luật chống buôn người vào tháng 5 năm 2003, Philippines đã có ba Kế hoạch hành động chiến lược quốc gia chống buôn bán người trong giai đoạn từ 2004-2022, được coi là các kế hoạch hành động chi tiết chống nạn buôn người của Philippines, thông qua IACAT. Đoạn đề xuất trong IACAT nêu bật thực hành tốt nhất về phương pháp tiếp cận toàn-chính-phủ của Philippines nhằm giám sát các nỗ lực chống buôn người của Philippines, thúc đẩy các công cụ ràng buộc pháp lý và các kế hoạch hành động chống lại nạn buôn người ở ASEAN. Philippines là quốc gia ASEAN đầu tiên duy trì xếp hạng “Bậc 1” (Tier 1) trong 5 năm liên tiếp trong Báo cáo Toàn cầu về Buôn bán Người của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.²¹⁴

Vào năm 2016, đánh giá của Ủy ban CEDAW đối với Báo cáo định kỳ kết hợp lần thứ bảy và tám của Philippines đã đánh giá cao việc chính phủ thông qua và thực hiện NAP WPS. Đồng thời, Ủy ban bày tỏ quan ngại về BLG và nạn buôn bán người ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi xung đột, và hiệu quả hoạt động chưa tối ưu của hệ thống tư pháp để bồi thường, phục hồi cho nạn nhân.

Do đó, Ủy ban khuyến nghị chính phủ “đẩy nhanh hơn nữa mục tiêu thực hiện bình đẳng giới thực chất”, đồng thời cung cấp và thực thi các biện pháp “hiệu quả, đáp ứng giới và tương xứng với mức độ thiệt hại phải gánh chịu” để khắc phục hậu quả cho phụ nữ.²¹⁵

SINGAPORE

Singapore là một quốc gia tham gia CEDAW. Singapore cũng có chính sách và cách tiếp cận hiệu quả về buôn bán người, với một hệ thống toàn-chính-phủ về chống buôn bán người, do Bộ trưởng Bộ Nội vụ (MHA) và Bộ Nguồn nhân lực (MOM) đồng chủ trì.²¹⁶ Singapore là quốc gia đề xuất mạnh mẽ về việc chống buôn bán người và là một trong những quốc gia ASEAN đầu tiên phê chuẩn ACTIP.

THÁI LAN

Tại **Thái Lan**, có rất nhiều luật đã được ban hành hoặc đang được xây dựng để phòng chống bạo lực đối với phụ nữ. Thủ tướng chủ trì Quỹ Nâng cao Sức khỏe Thái Lan, một cơ quan chính phủ làm việc với các tổ chức phi chính phủ (ví dụ: Quỹ Bạn của Phụ nữ - Friend of Women Foundation và Quỹ Phong trào Tiến bộ Phụ nữ và Nam giới - Women and Men Progressive Movement Foundation) để nâng cao nhận thức về bạo lực đối với phụ nữ. Theo Quỹ này, trong năm 2018, trung bình có 7 phụ nữ bị bạo lực mỗi ngày và 53% trong số này bị bạo hành bởi các thành viên trong gia đình hoặc người quen. Các ước tính cho thấy chưa đến 2% số vụ việc được trình báo với cán bộ phụ trách để truy tố.²¹⁷

Thái Lan đã sửa đổi Đạo luật phòng chống và trấn áp mại dâm năm 1996 và Đạo luật chống buôn người, để chuyển trọng tâm từ kết tội người bán dâm sang kết tội những người môi giới và chủ cơ sở nơi diễn ra/gia tăng hoạt động mua bán dâm. Các sửa đổi đối với Đạo luật điều tra nhân chứng trẻ em năm 2000 bảo đảm rằng các dịch vụ tư vấn và báo cáo trực tiếp, cũng như nơi trú ẩn an toàn, được cung cấp cho các nạn nhân/người bị bạo lực. Vào năm 2007, Đạo luật bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình đã được điều chỉnh để bảo đảm rằng công dân được bảo vệ khỏi mọi hình thức bạo lực gia đình theo quyền con người.

Đạo luật này cũng yêu cầu các nhóm đa ngành của chính phủ, công chúng và giới truyền thông nâng cao nhận thức và thực thi pháp luật thông qua các quy trình pháp lý cải thiện, đưa tin trên các phương tiện truyền thông một cách nhạy cảm với nạn nhân, và yêu cầu tất cả những người chứng kiến bạo lực gia đình phải thông báo cho cơ quan chức năng thích hợp.

Vào năm 2015, Đạo luật Bình đẳng giới BE 2558 đã được thông qua để bắt đầu loại bỏ các thực hành xã hội và văn hóa dung thứ cho BLG và định kiến trên cơ sở giới. Đạo luật này kêu gọi: một định nghĩa về phân biệt đối xử do giới; thành lập các ủy ban quốc gia để xây dựng chính sách và biện pháp về phân biệt đối xử do giới; đặt ra các hình phạt áp dụng đối với thủ phạm; cung cấp bồi thường cho nạn nhân và tài trợ cho công tác thúc đẩy bình đẳng giới.

Các luật khác vẫn đang được xây dựng. Đạo luật Thúc đẩy Bảo vệ và Phát triển Thể chế Gia đình đã được tạm dừng kể từ tháng 8 năm 2019. Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người (MSDHS) đã tiếp thu các ý kiến về Đạo luật từ các cơ quan liên quan ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh và đã trình các ý kiến này lên Ủy ban được chỉ định có trách nhiệm phân tích và sửa đổi Đạo luật.

Các Trung tâm Một cửa về Khủng hoảng (OSCC) do Bộ Y tế thành lập thu thập thông tin và báo cáo về các vụ việc, chăm sóc nạn nhân BLG, trợ giúp xã hội cho trẻ em, phụ nữ, người già và người khuyết tật. Các Trung tâm này phối hợp với nhiều cơ quan chính phủ (gồm cả cảnh sát) và đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết BLG. Tính đến năm 2018, có 10.611 trung tâm OSCC phối hợp với 829 bệnh viện tuyến tỉnh, xã và 9.750 bệnh viện tuyến huyện. MSDHS cũng đã thành lập đường dây nóng của Trung tâm Trợ giúp Xã hội (tổng đài 1300) để giúp kiểm soát tình trạng bạo lực đối với trẻ em.

Các CSO hợp tác với Quỹ Nâng cao Sức khỏe Thái Lan, UN Women, Bộ Phụ nữ và Phát triển Gia đình (DWAFFD), các nhà tài trợ, và các cơ quan truyền thông để nâng cao nhận thức về quấy rối tình dục và mức độ phổ biến của hiếp dâm, quấy rối tình dục trong các doanh nghiệp nhà nước và quyền của người lao động, cũng như của khách hàng sử dụng hệ thống giao thông công cộng.

Năm 2017, Kết luận Quan sát của CEDAW về báo cáo định kỳ kết hợp lần thứ sáu và bảy của **Thái Lan** đã kêu gọi “tăng cường nỗ lực để chấm dứt xung đột tại các tỉnh biên giới phía Nam (SBP) và bảo đảm rằng tất cả các bên xung đột đều tuân thủ luật nhân đạo và luật nhân quyền quốc tế, đặc biệt liên quan đến việc bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái – những người không tham gia vào xung đột khỏi mọi hình thức bạo lực.”²¹⁸ Vào tháng 4 năm 2020, Thái Lan đã đệ trình một báo cáo tiếp theo sau Kết luận Quan sát CEDAW để tái khẳng định cam kết của mình về việc thực hiện các nghĩa vụ theo các công cụ nhân quyền quốc tế cốt lõi và sự cần thiết phải giải quyết tình hình ở các tỉnh SBP. Chính phủ đã nhấn mạnh những nỗ lực của mình trong việc giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, gồm cả việc thiết lập các biện pháp bảo vệ và phòng ngừa, và các cơ chế trao quyền cho phụ nữ và trẻ em trong những trường hợp như vậy.²¹⁹ Báo cáo này cũng dẫn chiếu tới hỗ trợ của LHQ và cộng đồng quốc tế, UNICEF, UNDP và ICRC trong việc định hình các chương trình tập huấn và nâng cao năng lực theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Vào năm 2012, Bộ Chỉ huy các hoạt động an ninh nội bộ vùng 4 (ISOC)²²⁰ của Thái Lan đã triển khai một chương trình phục hồi có tên “Đưa người về nhà” để khuyến khích quân nổi dậy hạ vũ khí để đổi lấy ân xá chung. Kết quả của chương trình này vẫn đang được đánh giá. Không tìm thấy bằng chứng nào về mức độ mà chương trình này cần nhắc tới yếu tố giới hoặc lồng ghép các yếu tố của chương trình nghị sự WPS vào.

Năm 2006, NRC của **Thái Lan** đã phát hành báo cáo “Vượt qua bạo lực bằng sức mạnh hòa giải”. Sau đó, NRC đã thành lập một số ủy ban để điều tra các cáo buộc vi phạm quyền con người trên diện rộng trong giai đoạn 2010-2015. 11 cuộc tìm kiếm sự thực đã được phân công thu thập thông tin nhưng phần lớn công việc của các cuộc tìm kiếm này tập trung vào bồi thường cho nạn nhân và gia đình họ thay vì truy tố thủ phạm.

VIỆT NAM

Tại Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đang giải quyết các vấn đề BLG bằng pháp luật: cải thiện Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007) và Luật Trợ giúp pháp lý.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao và Bộ Công an đã cam kết thực hiện một chương trình kéo dài 4 năm (2019-2022) để:

- Cải thiện điều phối, phối hợp trong xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và đề nghị truy tố thủ phạm.
- Phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.
- Tăng cường truyền thông công chúng về các vụ việc nghiêm trọng liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là những vụ việc gây phẫn nộ trong công chúng.
- Tiến hành hội thảo và tọa đàm để chia sẻ kinh nghiệm thực tế và các thực hành tốt nhất để giải quyết BLG.
- Giám sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án có nạn nhân bị bạo lực theo Điều 33 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.
- Tiến hành đào tạo nâng cao năng lực của cán bộ Hội phụ nữ các cấp, cán bộ Tòa án, Công an; và
- Cải thiện công tác giám sát, thu thập và phân tích dữ liệu, báo cáo và truyền thông/liên lạc.

Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (2014-2020) và Đề án phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (2016-2020) được thiết kế để nâng cao chất lượng và hiệu quả của các chính sách và hành động tập trung vào phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang thực hiện các chiến dịch thay đổi hành vi cấp cộng đồng để thúc đẩy nam giới, gia đình, cộng đồng và các cơ sở giáo dục đảm nhận vai trò lớn hơn trong việc nâng cao nhận thức về BLG và phòng ngừa BLG.

Cũng cần lưu ý rằng Việt Nam cũng đã bắt đầu thu thập dữ liệu liên quan đến tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, với các chỉ số cụ thể về BLG, phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế.

4.2.4 CỨU TRỢ VÀ PHỤC HỒI

Cứu trợ và phục hồi: Kêu gọi tăng cường các biện pháp cứu trợ và phục hồi để giải quyết các cuộc khủng hoảng quốc tế thông qua lăng kính giới, gồm cả bằng cách tôn trọng thường dân và bản chất nhân đạo của các trại tị nạn, đồng thời cân nhắc nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái khi thiết kế các trại tị nạn và khu định cư. (Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ)

CAMPUCHIA

Campuchia là một quốc gia đã ký kết và là thành viên của Công ước năm 1951 về Quy chế người tị nạn. Năm 2008, Campuchia đã thành lập Văn phòng Người tị nạn và năm tiếp theo đã thông qua Quy trình xét duyệt người tị nạn (RSD) của UNHCR. Chính phủ Campuchia sau đó đã ban hành Nghị định phụ về “Thủ tục công nhận người tị nạn” để bảo đảm tôn trọng quyền con người và quyền của người tị nạn. Mặc dù nghị định phụ này không cho họ quyền đại diện pháp lý, nhưng người tị nạn và người xin tị nạn có thể nêu lên các vấn đề pháp lý thông qua quy trình này.

Campuchia đã ưu tiên công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ trong chương trình nghị sự về biến đổi khí hậu của mình thông qua Neary Rattanak IV, Kế hoạch Hành động Quốc gia về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai giai đoạn 2014-2019, và Kế hoạch Chiến lược về Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2014-2023. Năm 2015, chính phủ đã thành lập Hội đồng Quốc gia về Phát triển Bền vững và Ban Thư ký chung, và sau đó, Ủy ban Giới và Biến đổi Khí hậu (thuộc Bộ các Vấn đề của Phụ nữ) với nhiệm vụ hỗ trợ các Kế hoạch Hành động Lồng ghép Giới (GMAP) của các cơ quan chính phủ. Ngoài ra, Kế hoạch Chiến lược Quốc gia về Giới và Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2014-2023, Kế hoạch Tổng thể về Giới và Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2018-2030 và Kế hoạch Hành động về Giới và Biến đổi Khí hậu giai đoạn 2019-2023 là nền tảng để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS tại Campuchia. Trong giai đoạn 2016-2018, có bốn dự án thí điểm đã được thực hiện hiệu quả liên quan tới phân tích giới, nâng cao năng lực cho phụ nữ và khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý nước an toàn và vệ sinh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong mùa lũ lụt và hạn hán ở Kampong Thom, Battambang, Prey Veng và Kampot.²²¹

INDONESIA

Indonesia có sự phân biệt giữa thảm họa tự nhiên (thiên tai) và thảm họa do con người, nhưng sau trận sóng thần năm 2004 ở Aceh và trận động đất năm 2009 ở Padang, chính phủ thấy cần phải tăng cường lồng ghép quản lý thảm họa vào hoạt động của Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia (BNPB) và các đối tác trong khu vực, các Cơ quan Quản lý Thảm họa Khu vực (BPBD), để điều phối, phối hợp trong công tác dự phòng và ứng phó thảm họa trong tất cả các bộ liên quan.

Dù BNPB đã chính thức công nhận vai trò của phụ nữ trong mọi hoạt động dự phòng và ứng phó theo như Quy định số 13 năm 2014 của Người đứng đầu Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia, Cơ quan Lồng ghép Giới trong Quản lý Thảm họa, nhưng phụ nữ thường không tham gia vào các chương trình quản lý sơ tán, cấp phát cứu trợ, phục hồi và tái thiết sau thảm họa. BNPB và BPBD hiện đang tập hợp các cơ quan chính phủ, nhà tài trợ và CSO để cải thiện các chiến lược dự phòng và ứng phó có tính đáp ứng giới. Ví dụ, thông qua Chương trình SIGAP (Tăng cường năng lực dự phòng thảm họa cho Chính phủ), BNPB, BPBD, USAID, World Vision Indonesia, sở cảnh sát, Văn phòng Quản lý Thiên tai Thành phố (KPBK) và các cơ sở y tế phối hợp làm việc cùng nhau để nâng cao năng lực kỹ thuật khu vực và địa phương để lồng ghép các khía cạnh giới và khuyết tật vào quản lý rủi ro thảm họa. Các cơ quan này cũng lập các kế hoạch quản lý thảm họa cấp tỉnh, làng và cấp trường học.

Indonesia đã phê chuẩn Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu (UNFCCC) qua Luật số 6 năm 1994 và cũng đã phê chuẩn thỏa thuận Nghị định thư Kyoto qua Luật số 17 năm 2007, thể hiện cam kết quan trọng của mình đối với phát triển bền vững, giảm phát thải và nâng cao khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu. Năm 2017, Bộ Môi trường và Lâm nghiệp (LHK) đã ban hành Quy định số 31 của Bộ, Hướng dẫn lồng ghép giới trong lĩnh vực môi trường và lâm nghiệp. Bộ này cũng đã ký một thỏa thuận chung với Bộ Trao quyền cho Phụ nữ và Bảo vệ Trẻ em để khuyến khích lồng ghép giới, đặc biệt là trong hoạt động lập ngân sách và môi trường và lâm nghiệp. Những nỗ lực này được chính quyền cấp quốc gia và địa phương ủng hộ.

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

CHDCND Lào là quốc gia bị đánh bom nặng nề nhất trên thế giới và vẫn còn tồn tại rải rác bom mìn chưa phát nổ (UXO). Cả UNDP và CHDCND Lào đều đồng ý rằng hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn có liên quan đến xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội. Phụ nữ tham gia vào các hoạt động rà phá bom mìn, nhưng số lượng phụ nữ tham gia hoạt động này ít hơn nhiều so với nam giới. Các vụ nổ bom mìn bất ngờ thường xuyên gây ra nhiều thách thức về kinh tế và xã hội. Nếu một người đàn ông bị thương do vật liệu chưa nổ, vợ anh ta hoặc những người phụ nữ khác trong gia đình phải chăm sóc anh ta, con cái anh ta thường sẽ bỏ học và thu nhập của gia đình thường sẽ giảm.

Nếu một người phụ nữ bị thương (và không bị chết), thì thường chồng cô ấy sẽ tái hôn, khiến cô và gia đình mình gặp nhiều khó khăn.

CHDCND Lào có Kế hoạch Chiến lược Quốc gia về Quản lý Rủi ro Thảm họa (2010-2020) bao gồm các chương trình tập huấn, dự phòng và quản lý thảm họa. Hội Liên hiệp Phụ nữ Lào được chỉ định là một trong ba tổ chức ngoài bộ có tham gia Hội đồng Quản lý Thảm họa Quốc gia nhằm cung cấp thông tin đầu vào cho các chiến lược Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRR) do chính phủ lãnh đạo và được thiết kế để cải thiện các nỗ lực dự phòng và giảm nhẹ cấp thôn/làng. Hỗ trợ của chính phủ cho các nạn nhân thảm họa do Bộ Lao động và Phúc lợi Xã hội cung cấp. Chính phủ cũng đầu tư vào cơ sở hạ tầng giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRR), cùng với Ngân hàng Thế giới, để củng cố các phương pháp tiếp cận giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình ra quyết định công và lập kế hoạch. Ngoài ra, Văn phòng điều phối các vấn đề nhân đạo của Liên hợp quốc (UNOCHA) cấp khu vực hỗ trợ các cuộc diễn tập mô phỏng để tập huấn cho các cơ quan liên quan về dự phòng thảm họa.

MALAYSIA

Malaysia là quốc gia không ký kết Công ước năm 1951 về Quy chế người tị nạn, cách thức Malaysia đối xử người tị nạn dựa trên các quy định hiện hành. Malaysia đã mở rộng hỗ trợ trên cơ sở nhân đạo và theo thông lệ quốc tế, đồng thời áp dụng nguyên tắc không gửi trả. Những người tị nạn đã đăng ký với UNHCR được phép đi lại tự do trong bán đảo Malaysia. Trong đại dịch COVID-19, Chính phủ Malaysia bảo đảm rằng phúc lợi và quyền của người nhập cư, người tị nạn, người xin tị nạn và người không có quốc tịch, được coi trọng như nhau, bằng cách cung cấp cho họ các dịch vụ sàng lọc sức khỏe và điều trị y tế miễn phí như tất cả công dân nước ngoài được hưởng, bất kể tình trạng nhập cư của họ.

Là một phần của chiến lược quản lý rủi ro thảm họa, Malaysia đã xây dựng Chính sách Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (2010) và sửa đổi Đạo luật A1513 - Phòng vệ dân sự (2016) và thông qua Đạo luật 776 - Đạo luật của Hội đồng An ninh Quốc gia (2016). Malaysia cũng phê chuẩn Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai như một phần của Kế hoạch Malaysia thứ 11 (2016-2020).

Ở cấp khu vực, Malaysia: (1) là thành viên của ASEAN ERAT; (2) là thành viên của Sáng kiến Trường học An toàn ASEAN (2013) trong khuôn khổ Hiệp định ASEAN về Quản lý Thảm họa và Ứng phó Khẩn cấp (2009); (3) đã ký Tuyên bố “Một ASEAN, Một biện pháp ứng phó: ASEAN chung sức ứng phó thiên tai trong và ngoài khu vực” (2016) và (4) đóng góp vào Hệ thống Hậu cần Khẩn cấp Thảm họa của ASEAN (2012).

Ngoài ra, Hành động 2: *Dịch vụ Bảo vệ và Hỗ trợ cho Nạn nhân/Người bị bạo lực*, Điều 19, trong kế hoạch hành động khu vực ASEAN về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ nêu rõ: “Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ để nạn nhân/người bị bạo lực tái hòa nhập, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chương trình đào tạo nghề, tạo thu nhập và hỗ trợ việc làm để hỗ trợ trao quyền cho phụ nữ, giúp họ độc lập về kinh tế và được tiếp cận nhà ở giá phải chăng. Hỗ trợ khả năng lãnh đạo và trao quyền cho nạn nhân/người bị bạo lực để hoạt động như những nhà lãnh đạo, người ủng hộ và người tiên phong của phụ nữ về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (cấp quốc gia).²²²”

Cuối cùng, Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia (NADMA) có kế hoạch xem xét WPS trong Chính sách quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thảm họa và Đạo luật Giảm thiểu rủi ro thảm họa – hai văn kiện này sẽ sớm được ban hành.

MYANMAR

Theo “Tổng quan nhu cầu nhân đạo của Myanmar năm 2019”, hàng nghìn người vẫn phải lánh nạn trong các trại hoặc các cơ sở tương tự trại và khoảng 78% trong số đó là phụ nữ và trẻ em. Các quan ngại về bảo vệ và an ninh riêng với những người tị nạn và xin tị nạn này gồm: bị ép tham gia các lực lượng vũ trang đối với nam giới, phụ nữ và trẻ em; lao động cưỡng bức, bị cướp đất và rủi ro liên quan tới bom mìn. Các phương pháp tiếp cận đáp ứng giới đã được khuyến khích, bao gồm thông qua một phân tích gần đây của UN Women và OCHA về các nỗ lực nhân đạo ở các bang Kachin, Shan và Rakhine và trình bày một số phương pháp và cách tiếp cận trao quyền cho phụ nữ trong cứu trợ và phục hồi để có thể giúp thúc đẩy chương trình nghị sự WPS và khuyến khích các nỗ lực phục hồi bền vững hơn ở các vùng trọng điểm này.²²³

Cùng với 168 quốc gia khác, Myanmar đã thông qua Khung hành động Hyogo (HFA) và năm Ưu tiên hành động của Khung này nhằm giảm tác động của thảm họa đối với đời sống và các tài sản xã hội, kinh tế và môi trường. Myanmar đã ký kết AADMER 4 và là thành viên của Ủy ban UNESCAP về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai, Ủy ban Tư vấn Khu vực ADPC về Quản lý Thiên tai (RCC), Hội nghị Bộ trưởng Châu Á về Giảm nhẹ Rủi ro Thiên tai (AMCDRR) và Hội nghị Thế giới về Giảm nhẹ Thiên tai (WCDR).

Với tư cách là Chủ tịch ACDM, năm 2009, Myanmar đã tổ chức cuộc họp ACDM lần thứ 13 tại Nay Pyi Taw và giám sát việc triển khai ERAT ASEAN đầu tiên sau bão Nargis. Năm 2013, Chính phủ đã ban hành Luật Quản lý Thiên tai với một Ủy ban được giao nhiệm vụ: (1) xây dựng chính sách và hướng dẫn huy động nguồn lực nội bộ khi có thiên tai; (2) đề ra chính sách điều phối khi cần hỗ trợ quốc tế; (3) hỗ trợ quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực thuộc sở hữu nhà nước đến những nơi có nhu cầu; và (4) ban hành lệnh và thông báo để bảo đảm quản lý hiệu quả trong và sau thiên tai.

Chính phủ đã soạn thảo Kế hoạch hành động Myanmar về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (MAPDRR) “để làm cho Myanmar an toàn hơn và có khả năng chống chịu tốt hơn trước các hiểm họa tự nhiên, từ đó bảo vệ cuộc sống, sinh kế và các thành quả phát triển.” Năm 2019, Chính phủ đã thông qua Chiến lược biến đổi khí hậu Myanmar (2018-2030) trong đó có các cân nhắc về giới: tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trước, trong và sau thiên tai, và cơ hội để phụ nữ lãnh đạo trong các hoạt động dự phòng, và trao quyền (ví dụ: các doanh nghiệp sử dụng năng lượng hiệu quả trên quy mô nhỏ, thực hành thân thiện với khí hậu tại hộ gia đình).

PHILIPPINES

Ở Philippines, quá trình chuyển đổi dân chủ hậu Marcos đã chứng kiến sự kết nối dần dần giữa những các nhà ủng hộ xã hội dân sự, các nhà hoạt động, và thậm chí cả những nạn nhân về quyền con người với quân đội và cảnh sát, cả chính thức và phi chính thức. Trong giai đoạn 2002-2010, sự phối hợp giữa các tổ chức dân sự và AFP đã tăng đều, với hai cột mốc quan trọng.

- Thành lập Lực lượng Đặc nhiệm Quốc gia về Tập hợp (NTFC), một địa điểm dân sự - quân sự để thảo luận về quan niệm và thực tế của các mệnh lệnh hòa bình và an ninh; và
- Chương trình Hòa bình và An ninh Nội bộ (IPSP) - Bayanihan nhằm giúp chuyển từ tư duy lực lượng vũ trang sang phương pháp tiếp cận an ninh lấy con người làm trung tâm hơn thông qua tăng cường phối hợp quân sự - dân sự. Nỗ lực này được hỗ trợ bởi mạng lưới các CSO có tên Bantay Bayanihan với vai trò là cơ quan giám sát độc lập việc AFP thực hiện Kế hoạch Hòa bình và An ninh Nội bộ của họ.²²⁴

Mặc dù phụ nữ có tham gia trong các cơ chế này, nhưng cả NTFC và IPSP đều không có nhiệm vụ giới rõ ràng.

Tại **Philippines**, Tiến trình Hòa bình GPH-MILF (1996-2016) gồm các điều khoản cho DDR trong Phụ lục về Bình thường hóa thỏa thuận khung Bangsamoro (FAB) và Thỏa thuận toàn diện về Bangsamoro (CAB) năm 2014, mặc dù thực tế đó là một vấn đề gây tranh cãi vì nó gợi ý việc đầu hàng hơn là thỏa hiệp để "hội nhập" và "bình thường hóa". Trên thực tế, Thỏa thuận Hòa bình Cuối cùng năm 1996 giữa chính phủ và MNLF không đề cập đến DDR. Chỉ khi FAB và Phụ lục được ký lần lượt vào năm 2012 và 2014, thì các quy định về DDR mới được chèn vào. Trong khi phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong các tiến trình hòa bình, các thỏa thuận DDR không gồm các yếu tố riêng về WPS.

Vào tháng 3 năm 2019, Tổng thống Duterte đã ký Sắc lệnh số 79 về việc bắt đầu tái hòa nhập các chiến binh MILF và giải trừ quân bị. Vẫn còn quá sớm để đánh giá hiệu quả công tác thực hiện và thành công của sắc lệnh này. Đồng thời, điều đáng chú ý là trong khi phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong các tiến trình hòa bình, các thỏa thuận DDR không gồm các nội dung cụ thể về WPS.

Đạo luật DRRM của **Philippines** tuyên bố rằng chính sách của Nhà nước là bảo đảm rằng các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu có tính đáp ứng giới và yêu cầu phải tiến hành phân tích giới như một phần của đánh giá nhu cầu phục hồi sớm và sau thảm họa. DRRMC cấp quốc gia yêu cầu Chủ tịch Ủy ban Phụ nữ Philippines và các DRRMC địa phương thu hút sự tham gia của các Chánh Văn phòng Giới và Phát triển.²²⁵

SINGAPORE

Theo Bộ Ngoại giao **Singapore**, “Do Singapore là một quốc gia-thành phố nhỏ, nằm trên vùng đất thấp và là một trong những nền kinh tế mở cửa nhất trên thế giới, nên Singapore đặc biệt dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Chúng tôi cam kết thực hiện một giải pháp đa phương, dựa trên luật lệ để giải quyết thách thức này, đồng thời tích cực hỗ trợ và tham gia vào các cuộc đàm phán quốc tế liên quan đến lĩnh vực này.”²²⁶ Singapore là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Hiệp định Paris vào năm 2016. Singapore làm việc với các đối tác cấp khu vực để điều phối hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai, gồm cả điều phối quá trình lập kế hoạch công tác AADMER 2021-2025 mới. Trong bối cảnh chương trình nghị sự WPS ở ASEAN, các liên kết hòa bình và nhân đạo có thể là những cách thức có giá trị để gia tăng sự tham gia của Singapore. WPS tập trung vào công việc cần thiết để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của người dân trước, trong và sau khủng hoảng, đặc biệt tập trung vào làng kính giới và bảo vệ. Điều này có thể mang lại một phương pháp tiếp cận mạch lạc hơn để bảo đảm đầu tư lâu dài vào việc giải quyết các nguyên nhân có tính hệ thống của tình trạng dễ bị tổn thương, chẳng hạn như nghèo đói và bất bình đẳng, nhằm giảm thiểu tác động của các cú sốc và căng thẳng diễn ra theo chu kỳ hoặc lặp lại nhiều lần và hỗ trợ hòa bình - điều thiết yếu để bảo đảm phát triển mang tính bền vững.

THÁI LAN

Trong 20 năm qua, **Thái Lan** đã trải qua 2 đợt thiên tai lớn, gồm sóng thần vào tháng 12 năm 2004 khiến 8.000 người chết hoặc mất tích, và trận lũ lụt lớn vào năm 2011.²²⁷ Sau trận sóng thần năm 2004, Thái Lan đã tiến hành một số nghiên cứu về “Tác động của sóng thần đối với phụ nữ.” Năm 2010, Bộ Phụ nữ và Phát triển Gia đình (DWAFD), phối hợp với Quỹ Phát triển Bền vững, Quỹ Phụ nữ, Quỹ Rak Thai và Tổ chức Action Aid Thái Lan, xuất bản sổ tay hướng dẫn “Quản lý Thiên tai từ Góc độ Giới”.²²⁸

Thái Lan không phải là một thành viên ký kết Công ước năm 1951 về Quy chế người tị nạn, nhưng có tiếp nhận người tị nạn, gồm cả nhiều người tị nạn từ Myanmar. NHCR báo cáo rằng vào cuối năm 2019, có 50.067 người tị nạn đã đăng ký chính thức trong các trại tị nạn và 47.504 người khác thuộc quy chế giống như người tị nạn. Theo định nghĩa của UNHCR, họ là những người phải đối mặt với các rủi ro về bảo vệ tương tự như người tị nạn, nhưng vì lý do thực tế hoặc lý do khác, họ không có được quy chế người tị nạn chính thức.²²⁹

VIỆT NAM

Việt Nam nhấn mạnh vai trò của phụ nữ, đặc biệt trong công tác hòa giải sau xung đột. Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo trong việc thông qua Nghị quyết 1889 của Hội đồng Bảo an LHQ. Đây là Nghị quyết tiếp theo sau Nghị quyết 1325. Việt Nam nhấn mạnh sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các giai đoạn của tiến trình hòa bình. Quan trọng nhất, Việt Nam kêu gọi giám sát và đưa ra các cơ chế trách nhiệm giải trình. Nghị quyết này khuyến khích các hoạt động hợp tác với xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức của phụ nữ.

4.3 Có những thách thức và cơ hội chính nào đối với việc các Quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy chương trình nghị sự Phụ nữ, Hòa bình và An ninh?

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu về các cơ hội và thách thức chính đối với WPS ở cấp AMS. Các phát hiện này không nhằm mục đích đánh giá giá trị về bối cảnh chính sách trong AMS. Thay vào đó, nghiên cứu này trình bày cơ hội và thách thức sau đây dưới dạng các cân nhắc để các nhà vận động chương trình nghị sự WPS xem xét khi xây dựng các chính sách, chương trình WPS hoặc các phương pháp tiếp cận khu vực.

BRUNEI DARUSSALAM

Trong số các yếu tố hạn chế đối với Brunei để cân nhắc và thúc đẩy chương trình nghị sự WPS thì có: động lực chiến lược, thiếu sự ghi nhận, ngập ngừng thiếu quyết tâm do các chuẩn mực văn hóa.²³⁰

INDONESIA

Indonesia có các cơ cấu để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS. Từ năm 2016-2019, với sự hỗ trợ của UN Women và UNDP, một số tỉnh và cơ quan quản lý đã khởi động Kế hoạch hành động địa phương dựa trên Trao quyền cho phụ nữ và Bảo vệ trẻ em trong Xung đột Xã hội và thành lập Lực lượng đặc nhiệm để giám sát việc xây dựng chương trình. Indonesia đã cố gắng rà soát việc điều phối và quản lý các nỗ lực này. Tính chất phân cấp của chính phủ, phương pháp tiếp cận độc lập, rời rạc mà các bộ khác nhau áp dụng khi thực hiện nhiệm vụ của mình và những thách thức của việc quản lý từ xa trong một quần đảo rộng lớn như thế là những điểm quan trọng cần cân nhắc. Trong tương lai, cần đơn giản hóa NAP và kế hoạch hành động địa phương để dễ thực hiện hơn và cần nâng cao hiệu quả điều phối giữa các cơ quan chính phủ khác nhau.²³¹

Các chuẩn mực văn hóa và thực hành, trong một số trường hợp, có mâu thuẫn với việc thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Định kiến giới đã ăn sâu vào đời sống văn hóa - xã hội và chính trị của Indonesia và do đó ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định. Ví dụ: Indonesia không tận dụng đầy đủ vai trò của phụ nữ trong các vấn đề an ninh như P/CVE. Nâng cao nhận thức cộng đồng về các cam kết thực hiện Chương trình nghị sự WPS và giúp các quan chức hiểu được lợi ích của các cam kết đó sẽ giúp giảm xung đột cộng đồng và giảm số lượng thanh niên có thể được tuyển dụng vào các lực lượng này.²³²

Chính quyền quốc gia và địa phương đã thể hiện sự ủng hộ của mình đối với Chương trình nghị sự WPS bằng cách lập kế hoạch và lên ngân sách cho các kế hoạch tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong công tác dự phòng và ứng phó thảm họa. Các tổ chức xã hội dân sự đã là đối tác bình đẳng, nhưng có nhiều cơ hội hơn để trao quyền cho phụ nữ và khắc phục những niềm tin và thực hành địa phương đang thách thức việc trao quyền cho phụ nữ. Ví dụ: năm 2016, Ủy ban Quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ đã xác định được 421 chính sách mang tính chất phân biệt đối xử đối với phụ nữ, 33 trong số đó nhắm vào cơ thể phụ nữ.²³³ Đồng thời ở Indonesia, tuy virus đã cản trở công tác vận động cho chương trình nghị sự WPS, nhưng đã tạo cơ hội để các lãnh đạo công nhận vai trò quan trọng của phụ nữ trong mọi khía cạnh quản trị.²³⁴

MALAYSIA

Malaysia đã thực hiện nghiêm túc việc lồng ghép giới trong khu vực công, đặt mục tiêu tuyển dụng phụ nữ trong các dịch vụ dân sự và có thêm phụ nữ nắm giữ các vị trí quản lý. Malaysia đã đạt được mục tiêu tăng sự tham gia của phụ nữ để phụ nữ giữ ít nhất 30% các vị trí ra quyết định trong khu vực công kể từ năm 2009. Năm 2019, tỷ lệ này đã tăng lên 37,3%. Đối với khối doanh nghiệp, năm 2019 ghi nhận 26,4% phụ nữ trong ban giám đốc của 100 công ty PLC hàng đầu, tỷ lệ này là 24,4% năm 2018.²³⁵

Sự ủng hộ rộng rãi của Malaysia đối với việc phụ nữ tham gia vào tiến trình hòa bình và an ninh phù hợp với chính sách của nước này nhằm đạt được tỷ lệ 10% thành viên MAF là nữ. Chính sách này được quy định trong Sách trắng Quốc phòng Malaysia. Ngoài mục tiêu quốc gia 10%, MAF đã đóng góp 5,1% nữ quân nhân trong các hoạt động hòa bình của LHQ và các hoạt động hòa bình quốc tế khác.²³⁶

Malaysia cũng đã được chỉ định chủ trì việc xây dựng một mạng lưới để soạn thảo Hướng dẫn ASEAN về công tác thực hiện các dự án và chương trình lồng ghép giới, đồng thời đang hợp tác chặt chẽ với Philippines với tư cách là đồng chủ trì Khung chiến lược lồng ghép giới. Chương trình nghị sự WPS có liên kết với công tác trao quyền cho phụ nữ và gắn chặt với cuộc đấu tranh vì bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.²³⁷

Tại Malaysia, các chuẩn mực văn hóa về vai trò giới đang đặt ra thách thức đối với việc thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS.²³⁸ Chính phủ Malaysia tin rằng việc áp dụng chương trình WPS phải được thực hiện một cách hợp lý và thực tế và phù hợp với vai trò của quân đội trong các hoạt động GGHB. Trao quyền cho phụ nữ trong các hoạt động GGHB có thể được thực hiện theo ba bước. Bước thứ nhất: giới thiệu các mô-đun tập huấn về vai trò của phụ nữ trong các phái bộ GGHB thông qua Trung tâm Giữ gìn hòa bình Malaysia (MPC). Bước thứ hai: bảo đảm bổ nhiệm các nữ quân nhân vào vị trí cán bộ đầu mối về giới/chuyên gia về chương trình nghị sự WPS tại MPC. Bước thứ ba: liên tục tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động GGHB trong tương lai.²³⁹

Malaysia dự định tăng dần các nỗ lực để nâng cao vai trò của phụ nữ trong các hoạt động GGHB cũng như để đạt được chỉ tiêu quốc gia là có 10% phụ nữ trong các lực lượng vũ trang.

Cần có cách tiếp cận mạnh và thống nhất hơn để thúc đẩy thực hiện Chương trình nghị sự WPS.

Tại Malaysia, WPS là một nội dung xuyên suốt liên quan đến một số bộ trong chính phủ: PHỤ NỮ (Bộ Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng); HÒA BÌNH (Bộ Quốc phòng) và AN NINH (Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và Cơ quan Quản lý Thẩm họa Quốc gia); quá trình thúc đẩy chương trình nghị sự WPS đòi hỏi phải có sự tiếp tục điều phối giữa các bộ và cơ quan liên quan.

MYANMAR

Hiện không có kế hoạch hoặc quy trình quốc gia nào để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS,²⁴⁰ nhưng vẫn có cơ hội để WPS thể hiện vai trò trong các bối cảnh quan trọng tại địa phương.

WPS được coi là một vấn đề xuyên suốt cần được Bộ Phúc lợi Xã hội, Cứu trợ và Tái định cư giải quyết. Năm 2017, chính phủ đã thành lập nhóm công tác kỹ thuật WPS thuộc Ủy ban Quốc gia Myanmar về Phụ nữ (MNCW).²⁴¹ Các vấn đề về WPS có liên quan đến cộng đồng IDP sẽ do Bộ Phúc lợi Xã hội, Cứu trợ và Tái định cư quản lý. Các nhà hoạch định chính sách quan tâm đến chương trình nghị sự WPS phải tiến hành một cách thận trọng và dè dặt để không bị coi là hủy hoại các nỗ lực bảo đảm hòa giải dân tộc.²⁴²

Mặc dù không có NAP, nhưng Myanmar có Kế hoạch chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ (NSPAW) - một số người ủng hộ tin rằng NSPAW là đủ để giải quyết các vấn đề WPS.²⁴³

Ngoài ra, hòa bình là trụ cột đầu tiên trong Kế hoạch Phát triển Bền vững của Myanmar. Các nhóm dân tộc khác nhau nhìn nhận về phụ nữ, hòa bình và các vấn đề an ninh khác nhau. Vì vậy, các nhà lãnh đạo chính phủ và xã hội dân sự nên ủng hộ trao đổi văn hóa để giúp các nhóm hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của chương trình nghị sự WPS và tôn trọng các nhận thức khác nhau về phụ nữ, hòa bình và an ninh. Để bắt đầu quá trình này, Liên hiệp Phụ nữ Myanmar đã dịch Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ và các tài liệu quan trọng khác sang ngôn ngữ địa phương.²⁴⁴ Việc tham gia nhiều hơn với các cuộc thảo luận khu vực và quốc tế đã dẫn đến có thêm các nhà lãnh đạo chính trị và đại diện chính phủ ủng hộ chương trình nghị sự WPS. Những người vận động WPS có thể tiếp tục thúc đẩy nhận thức và cam kết ở các cấp chính quyền cao nhất.

Mặc dù đã ban hành NSPAW, nhưng đối với chương trình nghị sự WPS, Myanmar cần ưu tiên nâng cao nhận thức cho các nhà ra quyết định chính về NSPAW. Các CSO tập trung vào phụ nữ, cùng với Ủy ban Quốc gia Myanmar về Phụ nữ (MNCW), Liên minh Bao trùm Giới trong Tiến trình Hòa bình (AGIPP) và UN Women sẽ thúc đẩy các cuộc thảo luận này.²⁴⁵ Các tổ chức này không được ủy quyền tham gia vào tiến trình hòa bình và do đó không thể tác động đến đối thoại hoặc ứng phó nhân đạo. Quân đội và các cơ quan an ninh khác, cũng như các tổ chức vũ trang dân tộc phải hiểu và thông qua Chương trình nghị sự WPS nếu muốn đạt được tiến bộ.²⁴⁶ Áp lực quốc tế đã thúc đẩy các chủ thể chính suy nghĩ nhiều hơn về WPS và thu hút phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các cuộc đàm phán, nhưng vẫn còn quan ngại về việc không-thực-hiện. Đại dịch COVID-19 gây ra nhiều tác động tiêu cực rõ ràng trong tất cả các cộng đồng, gồm cả các IDP. Nguồn vốn quốc gia để xóa nghèo, đặc biệt là đối với phụ nữ và người nghèo, cùng với việc phổ biến Kế hoạch Cứu trợ Kinh tế COVID-19 (CERP) của Myanmar và hỗ trợ trực tiếp của chính phủ cho các Tổ chức Vũ trang Dân tộc (EAO) có thể tạo nền tảng để cân nhắc áp dụng nhiều hơn chương trình nghị sự WPS, nhằm cải thiện hòa giải dân tộc và xây dựng lòng tin.²⁴⁷

Ngọn lửa nhiệt huyết của ASEAN đối với Chương trình nghị sự WPS có thể tiếp thêm động lực trong nội địa Myanmar.

Các CSO lưu ý thấy bất cứ khi nào ASEAN nêu lên các vấn đề liên quan đến tình hình của phụ nữ ở Myanmar, chính phủ nước này đều chú ý quan tâm. Vì lý do này, các nhà hoạt động vì phụ nữ cảm thấy rằng một kế hoạch hành động khu vực sẽ tạo không gian an toàn hơn để các nhà vận động triển khai các chiến dịch vì chương trình nghị sự WPS. Vẫn cần có hỗ trợ quốc tế cho chương trình nghị sự WPS ở Myanmar. Hỗ trợ từ các viện nghiên cứu và các nhà tài trợ có vai trò thiết yếu để thúc đẩy giá trị của phụ nữ trong các vấn đề hòa bình và an ninh vì sẽ tạo thêm một lớp tín nhiệm cho những công việc mà các tổ chức/chủ thể trong nước đang thực hiện.

PHILIPPINES

Các khung pháp lý mạnh ở Philippines hỗ trợ quyền của phụ nữ.

Đại hiến chương Magna Carta của phụ nữ năm 2009 (Đạo luật Cộng hòa 9710) quy định về sự bảo vệ và quyền của phụ nữ trong luật. Liên quan đến chương trình nghị sự WPS, văn kiện này nêu OPAPP, PCW, Bộ Quốc phòng (DND) và AFP, Ủy ban Nhân quyền và các cơ quan khác có

trách nhiệm tuân thủ Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an LHQ.²⁴⁸ Magna Carta yêu cầu tất cả các cơ quan chính phủ liên bang và các Đơn vị chính quyền địa phương (LGU) lập Kế hoạch Giới và Phát triển hàng năm và phân bổ 5% ngân sách của họ để thực hiện các hoạt động trong các kế hoạch này.²⁴⁹

Chính phủ Philippines đã có lịch sử hợp tác với xã hội dân sự để thúc đẩy quyền của phụ nữ. Kể từ UNSCR 1325, quốc gia này đã sẵn sàng hiểu và thực hiện Chương trình nghị sự WPS. Điều này đặc biệt đúng dưới thời chính quyền Aquino (2010-2016) và sau đó. Ban đầu, OPAPP và Ủy ban Phụ nữ, với sự hỗ trợ của Mạng lưới toàn cầu của những phụ nữ xây dựng hòa bình (GNWP), đã soạn thảo NAP. Ngay cả AFP cũng là những bên ủng hộ. Thực tế, mỗi cơ quan dịch vụ của AFP có một người được chỉ định làm đầu mối về giới,²⁵⁰ đồng thời tất cả các cơ quan đều có nhiệm vụ thực hiện NAPWPS. Các cơ quan có Hệ thống đầu mối GAD tương ứng, gồm không chỉ một cán bộ đầu mối, mà gồm đại diện của tất cả các đơn vị.²⁵¹

Do đã trải qua các cuộc xung đột nên Philippines thực hiện các chính sách phù hợp chương trình nghị sự WPS. Tuy nhiên, không chỉ có vậy, khối xã hội dân sự hoạt động mạnh mẽ cũng đã giúp chương trình nghị sự WPS trở thành ưu tiên của quốc gia này. Xã hội dân sự và các nhà vận động cho phụ nữ đã đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS ở Philippines. Mặc dù điều này không có gì đáng ngạc nhiên nếu nhìn từ quan điểm địa phương của Philippines, nhưng cần phải ghi nhận một thực tế rằng các CSO của quốc gia này trong nhiều thập kỷ đã có các nỗ lực tạo không gian giúp quản lý các hành động thù địch và kiến tạo hòa bình, đặc biệt là ở khu vực miền Nam Philippines đang bị giằng xé bởi xung đột.

Có nhiều cơ cấu tồn tại để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Philippines có NAP do OPAPP, Bộ Nội vụ và Chính quyền địa phương (DILG), cũng như PCW quản lý. PCW giám sát việc thực hiện Magna Carta cho Phụ nữ. Cơ quan Kinh tế và Phát triển Quốc gia (NEDA) giám sát việc lập các kế hoạch và hoạt động GAD cấp quốc gia và địa phương, và quản lý hệ thống đầu mối.^{252,253} Do NAP sẽ được rà soát, đánh giá trong tương lai, OPAPP có thể vẫn sẽ có vai trò quan trọng. Mặc dù OPAPP là một cơ quan hoạch định chính sách quốc gia lớn, các nỗ lực của OPAPP nhằm thúc đẩy hòa bình và an ninh, có ý nghĩa lớn, tiếp tục kết nối với chương trình nghị sự WPS. Văn phòng OPAPP nên hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực ở tất cả các cấp để bảo đảm sử dụng các phân tích có đáp ứng giới, đặc biệt ở các khu vực và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi xung đột.

Công tác thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS đã chậm lại, nhưng có thể được thúc đẩy thông qua các cơ chế khác ngoài NAP. OPAPP là cơ cấu kiến tạo hòa bình hàng đầu ở Philippines, được thành lập vì mong muốn giải quyết các xung đột kéo dài trong nước chứ không phải vì Nghị quyết 1325. Hoạt động của OPAPP rõ ràng đã hỗ trợ UNSCR 1325, hòa bình ở Philippines và mang lại lợi ích cho phụ nữ.²⁵⁴ Gần đây, các nỗ lực thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS ở Philippines đã bị đình trệ. Mặc dù OPAPP và các CSO có lịch sử hợp tác tốt với khu vực an ninh của Philippines ủng hộ vai trò của chương trình nghị sự WPS, nhưng điều này đã giảm trong những năm gần đây. Dưới thời chính quyền Duterte hiện nay và trong thời kỳ phân quyền quản lý một phần cho các địa phương, bộ máy nhà nước rất quan liêu và chậm chạp.²⁵⁵

Vấn cần có hỗ trợ của xã hội dân sự để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS trong chính phủ. Việc quản lý nhà nước đối với các cơ cấu nêu trên cần được hưởng lợi từ các ý kiến đóng góp của các CSO nhằm thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ, hòa bình và an ninh. Các CSO bảo đảm rằng phụ nữ được tham gia và đại diện, đặc biệt ở cấp LGU và cộng đồng. Các CSO cũng có thể đóng vai trò quý giá đối với việc thay đổi các chuẩn mực văn hóa vốn vẫn được coi là rào cản cản trở phụ nữ tham gia nhiều hơn trong quá trình ra quyết định. Một người cung cấp thông tin chính gợi ý rằng vị trí của phụ nữ về mặt giới trong tất cả các AMS là vị trí của người nuôi dưỡng và chăm sóc, "... điều này khiến phụ nữ trở thành đối tượng lý tưởng trong hoạt động kiến tạo hòa bình. Nhưng chính điều này cũng tạo ra mức trần vì có quan ngại về việc nâng cao vai trò của họ trong lĩnh vực công/chính trị."²⁵⁶

Mindanao là một ví dụ mà tất cả các AMS có thể học hỏi. Philippines là AMS đầu tiên có phụ nữ làm trưởng phái đoàn đàm phán hòa bình. Bước tiến về hòa bình ở Mindanao và những đóng góp của chương trình nghị sự WPS trong việc bảo đảm hòa bình là rất đáng khen ngợi. Các CSO hoạt động rất tích cực và giới truyền thông đã đưa tin về những hoạt động hiệu quả của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo. Việc lồng ghép chương trình nghị sự WPS có vai trò rất quan trọng để khiến tiến trình hòa bình trở nên bao trùm hơn. Chương trình nghị sự WPS đã có tác động giúp hiệp định hòa bình bao trùm hơn và có trách nhiệm hơn đối với các quan ngại về giới.²⁵⁷ Nhưng như một số người cung cấp thông tin đã nói, điều đó không có nghĩa là cuộc đấu tranh đã kết thúc.

THÁI LAN

Biện pháp và Hướng dẫn Quốc gia về WPS (2017-2021) là công cụ hữu ích để thúc đẩy Chương trình nghị sự WPS. Biện pháp và Hướng dẫn Quốc gia về WPS của Thái Lan, cùng với Mạng lưới các Trung tâm Giữ gìn Hòa bình ASEAN, Nhóm Công tác Chuyên gia về Hoạt động Giữ gìn Hòa bình, cũng như Tiểu ban Phụ nữ và Thúc đẩy Hòa bình và An ninh thuộc Ủy ban Quốc gia về Chính sách và Chiến lược vì sự tiến bộ của Phụ nữ cung cấp nền tảng vững chắc để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Một loạt các chiến dịch nâng cao nhận thức và các hoạt động trao đổi kiến thức đã được thực hiện. Đồng thời, có ngân sách để hỗ trợ các hoạt động do chính phủ và xã hội dân sự dẫn dắt. Trong khuôn khổ sáng kiến của Công chúa Bajrakitiyabha, Đại hội đồng LHQ đã thông qua nghị quyết do Thái Lan đề xuất về Quy tắc của Liên hợp quốc trong việc đối xử đối với tù nhân nữ và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm (Quy tắc Bangkok). Phụ nữ tại các tỉnh biên giới phía Nam là những nhà lãnh đạo xã hội dân sự quan trọng và một số phụ nữ này làm việc trực tiếp với Nhóm công tác điều phối liên cơ quan hay còn gọi là phương pháp Kênh 3.0 trong tiến trình hòa bình thuộc Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 ISOC. Phụ nữ vẫn đang đấu tranh cho các sáng kiến về không gian công cộng an toàn để kiểm chế bạo lực đối với thường dân. Trung tâm Phụ nữ và Trẻ em ở các tỉnh Biên giới phía Nam (CCWC-SBP) mong muốn có thêm nhiều phụ nữ tham gia vào nhóm giám sát ngừng bắn của họ và tham gia với tư cách là quan sát viên trong các phái đoàn đối thoại hòa bình. Khi tham gia nhiều hơn, phụ nữ có thể cải thiện giao tiếp và hiểu biết giữa các nhà đàm phán và người dân.²⁵⁸

Thái Lan dường như vẫn đang tiếp tục thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Để nội địa hóa UNSCR 1325 và chương trình nghị sự WPS, Thái Lan đã thông qua các Biện pháp và Hướng dẫn Quốc gia về WPS (2017-2021) - tương đương kế hoạch hành động quốc gia về WPS.²⁵⁹ Đây là một bước quan trọng để đưa lăng kính giới và bảo vệ vào tiến trình hòa bình. Điều quan trọng là thực hiện các Biện pháp và Hướng dẫn Quốc gia được tất cả các chủ thể chính ủng hộ nhằm xây dựng một cấu trúc bền vững thúc đẩy quyền của phụ nữ tại các khu vực xung đột. Vì vậy, cần hỗ trợ nâng cao năng lực trong tương lai cho các quan chức chính phủ để họ nâng cao nhận thức và hỗ trợ nhiều hơn cho chương trình nghị sự WPS. Có thể chia sẻ các bài học kinh nghiệm từ SBP Thái Lan với các AMS, gồm cả kinh nghiệm của các CSO, với tổ chức do phụ nữ lãnh đạo hoặc tập trung vào phụ nữ mà đang hoạt động

chuyên nghiệp và hiệu quả tại các tỉnh biên giới phía Nam. Mặc dù nhạy cảm về chính trị và khó thực hiện, các nhà vận động chương trình nghị sự WPS đã tận dụng sự hỗ trợ từ các nguồn tài trợ khác nhau trong thập kỷ qua để giải quyết vấn đề an ninh và chủ nghĩa cực đoan.

Hơn nữa, Thái Lan thể hiện mong muốn có thêm các nữ quân nhân gìn giữ hòa bình trong các hoạt động gìn giữ hòa bình và cần nhắc tăng cường vai trò của phụ nữ trong các hoạt động xuyên biên giới, đặc biệt trong các trường hợp liên quan đến thủ phạm và nạn nhân của nạn buôn người. Chính phủ cũng đang có kế hoạch đào tạo kỹ năng đàm phán và giao tiếp cho phụ nữ, cũng như các kỹ năng khác cần thiết để đối phó với trạng thái bình thường mới do virus corona gây ra.

VIỆT NAM

Việt Nam đã có các cam kết đối với Hệ thống sẵn sàng năng lực triển khai gìn giữ hòa bình (PCRS) và đã đăng cai tổ chức Chương trình Đối tác Ba bên (TPP), nhưng chưa có khung chính sách để tập trung vào tổng thể Chương trình nghị sự WPS. Trên bình diện quốc tế, Việt Nam là quốc gia ủng hộ tích cực cho chương trình nghị sự WPS trong ASEAN và LHQ. Các chính sách của Việt Nam về phụ nữ gồm: a) hỗ trợ phụ nữ tham gia đóng góp phát triển kinh tế đất nước; b) phát triển văn hóa - xã hội và c) phát triển chính trị. Phụ nữ được coi là nguồn lực cho quốc phòng và "việc thực hiện Chương trình Phụ nữ, Hòa bình và An ninh phù hợp với chính sách quốc phòng toàn dân của Việt Nam, không chỉ đề cao vai trò của phụ nữ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, mà còn đóng góp tích cực vào việc duy trì hòa bình và an ninh ở khu vực và trên thế giới."²⁶⁰ Vẫn còn không gian để tăng cường sự đại diện của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo công.

Với Việt Nam, Chương trình nghị sự WPS tập trung vào quân đội và sự ủng hộ của Việt Nam đối với bình đẳng giới. Trong 10 năm qua, Bộ Quốc phòng đã ban hành 3 chỉ thị, 2 thông tư, 2 kế hoạch hành động, 1 chương trình hành động để Bộ, Tổng cục Chính trị chỉ đạo quân đội thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong quân đội. Tỷ lệ cán bộ nữ đã tăng từ 1,8% (năm 2010) lên 2,97% (năm 2020) và có tới 35% phụ nữ giữ các vị trí quản lý và chỉ huy. Tất cả các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đều có nữ đại diện trong các hội đồng tư vấn, cũng như các tổ/nhóm giám sát quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ.²⁶¹

Đánh giá Cương lĩnh Bắc Kinh về WPS có đề cập đến các nỗ lực của Việt Nam.²⁶² Mặc dù đã có những tiến bộ, nhưng WPS dường như không phải là vấn đề ưu tiên hàng đầu. Các thách thức chuẩn mực xã hội gây khó khăn cho công tác thúc đẩy bình đẳng giới. Việt Nam đặt trọng tâm cao hơn cho việc làm thế nào để phụ nữ có thể hưởng lợi từ thành quả của quá trình phát triển kinh tế và xã hội.²⁶³ Cần có thêm các chiến dịch vận động dựa trên dữ liệu cho chương trình nghị sự này trước khi có thể đạt được tiến bộ. Cho đến lúc đó, vai trò của phụ nữ tại Việt Nam sẽ vẫn hạn chế, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo vẫn thấp và tiếp tục ảnh hưởng tới chỉ số bình đẳng giới của Việt Nam.

4.4 Các phát hiện bổ sung

Nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy rằng nhiều người cung cấp thông tin chính (hoặc theo các nguồn khác) cũng đưa ra một vài quan sát tương tự nhau và có thể áp dụng rộng rãi đối với các AMS và chương trình nghị sự WPS trong khu vực ASEAN. Các quan sát này có thể có vai trò nền tảng có giá trị cho bất kỳ hoạt động hoạch định chính sách WPS nào trong tương lai.

Do WPS thường được coi là một vấn đề an ninh dưới góc độ của lực lượng vũ trang, nên Tuyên bố chung này tạo cơ hội tăng cường phối hợp giữa các chủ thể dân sự và quân sự. Trước đây, do tư duy thường trực và việc không muốn thay đổi này, các lực lượng vũ trang hiểu và áp dụng chương trình nghị sự WPS theo những cách rất khác nhau và thường không xem xét an ninh trong bối cảnh chính trị nói chung. Ví dụ: quân đội không có trách nhiệm giám sát các yếu tố thúc đẩy khác, chẳng hạn như đói nghèo và các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu có thể đe dọa đến trật tự và ổn định xã hội. Tuyên bố chung năm 2017 về WPS là một bước đột phá về mặt này. Tuyên bố chung này thu hút sự chú ý của các nhà ra quyết định đến các yếu tố phi quân sự đe dọa tình hình an ninh trong nước và khu vực.²⁶⁴

Chương trình nghị sự WPS phải trở thành vấn đề chính trị chủ đạo cho an ninh con người, chứ không chỉ giới hạn ở "các vấn đề của phụ nữ." Nam giới phải là một phần của giải pháp và phải thừa nhận rằng họ cũng chịu bất lợi khi các đối tác nữ của họ bị gạt ra ngoài lề. Tất cả các AMS đã công nhận năng lực lãnh đạo của phụ nữ. Để thay đổi tư duy văn hóa ăn sâu trong tiềm thức, điều chúng ta có thể làm là: nhấn mạnh hoặc quảng bá, bằng nhiều



cách có sức thuyết phục, về các đóng góp trong quá khứ, hiện tại và tương lai của các nhà lãnh đạo nữ ở tất cả các cấp.

Hiện có nhu cầu lớn về cải thiện thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu về WPS. ASEAN đã có tài liệu Hướng dẫn khu vực về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, thu thập và sử dụng dữ liệu, được thiết kế để tăng cường năng lực của các AMS trong công tác thu thập, phân tích, báo cáo và trình bày trực quan dữ liệu. Hướng dẫn này đang được sử dụng và cần sử dụng hướng dẫn này như một ví dụ về cách tạo ra dữ liệu đáng tin cậy để cung cấp thông tin đầu vào cho công tác vận động dựa trên bằng chứng, huy động nguồn lực, lập ngân sách, hoạch định và thực thi chính sách, cũng như giám sát các hoạt động.²⁶⁵

Nguồn lực để thúc đẩy chương trình nghị sự WPS khác nhau nhiều giữa các quốc gia thành viên. ASEAN nên xem xét cách phân bổ hoặc tổng hợp ngân sách để hỗ trợ các chiến dịch WPS, tổ chức hội thảo và tác động đến các nhà hoạch định chính sách một cách hiệu quả để có thể hệ thống hóa một kế hoạch hành động khu vực và để soạn thảo và thực thi các NAP. Nếu thành công, ASEAN sẽ là khu vực đi đầu về WPS trên toàn cầu.²⁶⁶

Để trở thành khu vực tiên phong thực hiện hiệu quả chương trình nghị sự WPS, hòa bình, thịnh vượng và các mục tiêu đang theo đuổi khác, ASEAN cần tiếp tục đầu tư vào các nhà lãnh đạo nữ. Cần hỗ trợ phụ nữ nâng cao và bổ sung năng lực nhằm bảo đảm phụ nữ có các kỹ năng phù hợp và có cơ hội vận động và thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Đây là thách thức trên toàn cầu chứ không chỉ trong khu vực ASEAN. ASEAN và các AMS phải suy nghĩ cẩn trọng về phương thức giải quyết vấn đề này. Chương trình nghị sự WPS có được đẩy mạnh hay không hoàn toàn phụ thuộc vào phương thức này.²⁶⁷

PHẦN 5

KẾT LUẬN

Năm 2020 là một năm tốt lành đối với phụ nữ. Trên phạm vi toàn cầu cũng như tại các địa phương, nhiều nơi đã có kế hoạch tổ chức các hoạt động đánh dấu ngày lễ kỷ niệm hai sự kiện mang tính đột phá: 1) Hội nghị Thế giới lần thứ tư về Phụ nữ được tổ chức tại Bắc Kinh năm 1995 và 2) Nghị quyết 1325 về WPS được Hội đồng Bảo an LHQ thông qua vào tháng 10 năm 2000. Chính tại Bắc Kinh, WPS đã thực sự ra đời – bởi vì đây là lần đầu tiên phụ nữ từ các khu vực xung đột yêu cầu phải đặt các vấn đề hòa bình và an ninh trở thành một phần trong chương trình nghị sự của phong trào phụ nữ toàn cầu. Kể từ đó, chương trình nghị sự WPS đã dần dần có nhiều bước tiến, có cân nhắc đến sự khác biệt trong ảnh hưởng mà các vấn đề hòa bình và an ninh gây ra cho phụ nữ khác so với cho nam giới và bởi vì phụ nữ tiếp tục đấu tranh để được tham gia các cuộc thảo luận, mà tại đó các quyết định về chiến tranh và hòa bình đang được thực hiện.

Sau đó đại dịch COVID-19 đã bùng phát. Đại dịch đã càn quét mọi góc ngách trên toàn thế giới, bộc lộ điểm mạnh và điểm yếu của các chính phủ và thể chế khi đối phó với một đại dịch tàn nhẫn và vô hình. Theo những cách rất rõ ràng, đại dịch đã phơi bày những đứt gãy trong cấu trúc chính trị, kinh tế và xã hội khi vi rút tấn công phụ nữ đặc biệt khó khăn, người nghèo, người già, dân tộc thiểu số và những người dân sống bên lề xã hội. Tình trạng mất an ninh và bất ổn đã xảy ra sau đó khi toàn bộ xã hội không chỉ giải quyết các vấn đề y tế, mà còn đương đầu với những hậu quả kinh tế ngoài mong muốn khi phải sống trong các hình thức cách ly khác nhau. Căng thẳng giữa các nhóm dẫn đến bất ổn hơn và trong một số trường hợp, dẫn đến bạo lực. Một số xã hội đã có thể ứng phó hiệu quả hơn với đại dịch, thể hiện khả năng chống chịu và trách nhiệm tập thể trong nỗ lực "làm phẳng đường cong" đại dịch càng nhanh càng tốt và giảm thiểu tác động có hại của cuộc khủng hoảng y tế công cộng toàn cầu.

Đại dịch đã củng cố cách tiếp cận của ASEAN đối với an ninh toàn diện vượt ra ngoài xung đột quân sự và giảm bạo lực công khai để ngăn chặn xung đột bạo lực.

COVID-19 đã vạch trần những gốc rễ cấu trúc được cho là có thể dẫn đến xung đột mang tính chất hủy hoại, trong đó có sự loại trừ, tình trạng bất bình đẳng, bất công, quản trị và lãnh đạo yếu kém. Đại dịch cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quan tâm chú ý đến các tác nhân thúc đẩy gây mất an ninh và xung đột.

Bất chấp đại dịch, ASEAN - bao gồm ACW, ACWC và Nhóm cố vấn WPS - vẫn kiên trì mong muốn đánh dấu những ngày kỷ niệm quan trọng này bằng cách thực hiện nghiên cứu này. Việc lần đầu tiên nghiên cứu và rà soát các tài liệu hiện có giúp nắm bắt một cách có hệ thống các cách thức mà chương trình nghị sự WPS đã tiến triển trong 10 quốc gia thành viên ASEAN (AMS) và ở cấp khu vực. Nghiên cứu này cũng phân tích những khoảng trống hiện có và đưa ra các khuyến nghị cụ thể để thúc đẩy chương trình nghị sự này trong những năm tới.

Đại dịch COVID-19 đã đưa đến những thay đổi tai hại cho xã hội và cho cuộc sống hàng ngày trong khu vực của chúng ta và trên toàn thế giới. Khoảnh khắc đứt gãy toàn cầu này đã đòi hỏi phải có biện pháp ứng phó chưa từng thấy để có thể cứu được mạng sống của con người. Đại dịch cũng buộc chúng ta phải xem xét lại định nghĩa về khái niệm an ninh và an ninh bao gồm các nội dung gì. Chương trình nghị sự WPS dẫn dắt chúng ta thực hiện các thay đổi quan trọng để hướng tới một thế giới an toàn, kiên cường và hòa bình.

5.1 Quan sát chính

WPS là một chương trình nghị sự xuyên suốt. Có thể tìm được sự liên quan của nội dung này trong nhiều vấn đề khác, không chỉ mỗi "xung đột vũ trang." Các mối quan ngại của ASEAN liên quan đến khủng bố, ma túy, phòng chống và quản lý thảm họa, buôn người, tội phạm và các vấn đề khác có hàm ý an ninh và phòng vệ. Tất cả các mối quan ngại này đều có nguyên nhân dẫn đến bạo lực. Các trụ cột của Nghị quyết 1325 là "4 P": phòng ngừa, bảo vệ, tham gia, cứu trợ và phục hồi (sau xung đột).

Điều này bao gồm nhu cầu về chính sách và cách thức thiết thực để hỗ trợ phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ, bảo vệ phụ nữ và sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong các quá trình ra quyết định và các biện pháp ứng phó giảm nhẹ/phục hồi. Nếu được lồng ghép vào các mối quan tâm của ASEAN với hàm ý an ninh, các trụ cột này sẽ tăng cường tính đầy đủ và phù hợp của bất kỳ hành động nào được lên kế hoạch.

Do đó, chương trình nghị sự WPS phù hợp với nhiều mối quan tâm của ASEAN. Trọng tâm của ASEAN về “văn hóa phòng ngừa” như được nêu trong Tuyên bố ASEAN về Văn hóa phòng ngừa hướng tới một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lực tự cường, khỏe mạnh và hài hòa (2017) cũng có thể tìm thấy sự phù hợp chiến lược trong vai trò lãnh đạo của phụ nữ và sự tham gia của họ trong gìn giữ hòa bình.

Tính đến nay, đã có nhiều hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết 1325. ASEAN tự mô tả khu vực này là một “khu vực hòa bình”. Nghị quyết 1325 tập trung vào các vấn đề liên quan đến chiến tranh và xung đột đã được coi là một lý do khiến việc triển khai chương trình nghị sự WPS ở ASEAN bị hạn chế. ASEAN chủ yếu giải quyết vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ thông qua khía cạnh văn hóa xã hội chứ không qua lăng kính an ninh và chính trị. Với sự ra đời của nhóm AWPR, vấn đề này đã được nhìn thấy rõ ràng hơn nhưng còn cần nhiều hơn thế. Hình 20 trình bày các cam kết của ASEAN đối với WPS cho đến nay.

Kiến trúc WPS ở ASEAN đang phát triển. Mặc dù ASEAN đã cam kết thực hiện WPS theo nhiều cách khác nhau (xem Hình 20), nhưng phần lớn ACW và ACWC là các nhóm thúc đẩy thực hiện WPS, bao gồm thông qua Nhóm cố vấn ACWC-ACW về WPS. Tuyên bố chung năm 2017 về WPS trong ASEAN xác định ASCC là đơn vị chủ trì chương trình nghị sự WPS và nghiên cứu này có các lập luận về tầm quan trọng của việc mở rộng hợp tác đa ngành và xuyên trụ cột về WPS như một vấn đề xuyên suốt. Để thực hiện sứ mệnh của Tuyên bố chung, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 52 và 53 đã khuyến khích việc thúc đẩy thực hiện chương trình nghị sự WPS thông qua sự hợp tác giữa nhiều cơ quan, bao gồm ACW, ACWC và ASEAN-IPR (Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 52) và mở rộng thành phần tham gia WPS có tham chiếu đến AMMW, AWEN và AWPR (Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 53). Tuyên bố báo chí của Chủ tịch phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về Tăng cường vai trò của Phụ nữ đối với Hòa bình và An ninh Bền vững tiếp tục “kêu gọi các cơ quan ban ngành của ASEAN cần

Hình 20: Cam kết của ASEAN với WPS

ASEAN đã thông qua năm văn kiện chính thiết lập cam kết mạnh mẽ đối với chương trình nghị sự WPS, bao gồm:

- Tuyên bố ASEAN về Văn hóa phòng ngừa cho một xã hội hòa bình, hòa nhập, linh hoạt, lành mạnh và hài hòa (2017);
- Tuyên bố chung ASEAN về thúc đẩy phụ nữ, hòa bình và an ninh (2017);
- Tuyên bố chung ARF lần thứ 26 về Thúc đẩy Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (2019);
- Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 52 (2019);
- Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 53 (2020); và
- Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về Tăng cường vai trò của Phụ nữ vì Hòa bình và An ninh Bền vững (2020).

ASEAN cũng đã thể hiện cam kết đối với một loạt các vấn đề giới, bao gồm thông qua:

- Tuyên bố về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ trong Khu vực ASEAN (2004);
- Tuyên bố Hà Nội về Tăng cường Phúc lợi và Phát triển của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (2010);
- Tuyên bố ASEAN về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ và Xóa bỏ Bạo lực Đối với Trẻ em (2013);
- Kế hoạch Hành động Khu vực ASEAN về Xóa bỏ Bạo lực Đối với Phụ nữ (2015);
- Tuyên bố ASEAN về việc thực hiện có trách nhiệm với giới trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (2017); và
- Kế hoạch công tác để triển khai Kế hoạch hành động ASEAN nhằm ngăn chặn và chống sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực (Kế hoạch công tác Bali - MTF).

phối hợp và tổng hợp các nỗ lực nhiều hơn nữa nhằm thúc đẩy hợp tác hiệu quả và thực chất về WPS.”²⁶⁸

Cả ba cộng đồng ASEAN đều thúc đẩy tất cả các mối quan tâm của ASEAN và thực hiện các chính sách và chương trình, tuy nhiên công việc của cả ba cộng đồng này đều không bao gồm một cách rõ ràng định hướng WPS. Một số sáng kiến có gắn kết với WPS bao gồm công việc của AEC liên quan đến hỗ trợ sự tham gia của phụ nữ trong các biện pháp phòng ngừa chiến lược và nỗ lực phục hồi sau các tình trạng khẩn cấp về y tế công cộng, trong đó gồm đại dịch, đặc biệt liên quan đến suy thoái kinh tế do COVID-19. Cũng phù hợp với chương trình nghị sự WPS là công việc của AEC về Bảo vệ người lao động di cư khỏi xâm hại thể chất. Một ví dụ về ứng phó của APSC phù hợp với chương trình nghị sự WPS bao gồm chương trình của Trung tâm AHA được gọi là “Một ASEAN, Một biện pháp ứng phó” với trọng tâm là giám sát rủi ro và cảnh báo sớm. Phân tích sâu hơn sẽ cho thấy nhiều cơ hội hơn để lồng ghép WPS.

Khuyến nghị cốt lõi của nghiên cứu này — **xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về Phụ nữ, Hòa Bình, An ninh (RPA)**— mang lại cơ hội nâng cao và giải thích về WPS cũng như truyền cảm hứng để hành động ở nhiều cấp độ. Việc thông qua một kế hoạch như vậy sẽ là một cột mốc quan trọng, có thể đánh dấu một kỷ nguyên mới quan tâm thực sự và tăng cường nguồn lực — kể cả ở các cấp của AMS — để biến các cam kết chính sách gần đây của khu vực về WPS thành hành động. Có sự liên quan rất lớn trong **quá trình** tạo ra một kế hoạch như vậy. Nếu có bản chất tham vấn và bao trùm, thì một quá trình như vậy sẽ phục vụ cho việc nâng cao nhận thức, thiết lập các chuẩn mực khu vực và tạo ra một kiến trúc triển khai thực hiện trong khuôn khổ khối và xuyên suốt khối ASEAN. Việc xây dựng một Kế hoạch hành động khu vực cũng sẽ có tác động lan tỏa trong nước. Lắng kính phân tích kinh tế chính trị ứng dụng của nghiên cứu này cho thấy Kế hoạch hành động khu vực có thể khuyến khích các quốc gia thành viên ASEAN hoạt động tích cực hơn trong nước thông qua một chiến lược từng phần tiếp thu thể mạnh của quy trình tham vấn của ASEAN.

5.2 Hướng tới Khung lồng ghép nội dung phụ nữ, hòa bình và an ninh

Năm 2017, ASEAN đã thực hiện hai cam kết quan trọng về hòa bình và an ninh và vai trò chiến lược của phụ nữ trong việc đạt được điều này. Tại Hội

ngị cấp cao ASEAN lần thứ 31 ở Manila, các nhà lãnh đạo ASEAN đã tuyên bố về một sự thay đổi kiểu mẫu “trong tư duy của chúng ta” bằng cách thông qua Tuyên bố về Văn hóa phòng ngừa hướng tới một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lực tự cường, khỏe mạnh và hài hòa. Cũng tại Hội nghị cấp cao này, các nhà lãnh đạo ASEAN cũng đã ra Tuyên bố chung về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN.

Ông Vongthep Arthakaivalvatee, Phó Tổng Thư ký ASEAN về Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN cho biết: “Lần đầu tiên, chúng ta sẽ thấy từ ‘phòng ngừa’ hiện diện nhiều hơn trong kho từ vựng và trong tất cả các khía cạnh công việc của chúng ta. Văn hóa Phòng ngừa của chúng ta sẽ được coi là quyết tâm của ASEAN nhằm thúc đẩy một nền tảng căn bản và là một cách tiếp cận sáng tạo để phát triển bền vững xã hội và con người.” Khi chuyển sang cách tiếp cận “ngược dòng”, ASEAN tự cam kết giải quyết các nguyên nhân cơ bản của các vấn đề xã hội có thể dẫn đến bạo lực hoặc xung đột vũ trang, đặc biệt là nghèo đói, bất bình đẳng, khoảng cách chênh lệch, bị gạt ra bên lề, bị loại ra khỏi xã hội, thất nghiệp trong nhóm dân số thanh niên và tước quyền công dân, phân biệt chủng tộc và tôn giáo, tham nhũng, cảm giác bất công xã hội, thiếu khả năng tiếp cận tới giáo dục, việc làm, chăm sóc y tế và chất lượng môi trường kém.

Tuyên bố chung về WPS đã nêu rõ cam kết của ASEAN thông qua:

- Cam kết thúc đẩy bình đẳng giới và giảm bất bình đẳng xã hội giữa nam giới và phụ nữ trong các xã hội của chúng ta như một cách để đóng góp vào hòa bình và thịnh vượng lâu dài;
- Khuyến khích lồng ghép khía cạnh giới trong tất cả các sáng kiến và chiến lược ngăn ngừa xung đột và bảo đảm phụ nữ tham gia đầy đủ trong các tiến trình hòa bình như các quá trình ngăn ngừa xung đột, tái thiết và phục hồi sau xung đột;
- Khuyến khích đưa chương trình nghị sự WPS vào các chính sách và chương trình bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi xâm hại tình dục và bạo lực giới trước, trong và sau xung đột vũ trang, đồng thời tạo ra không gian rộng lớn hơn để tham gia vào các quá trình xây dựng hòa bình và sau tái thiết;
- Nâng cao năng lực của phụ nữ với tư cách là lực lượng gìn giữ hòa bình và tư cách hòa giải viên, đàm phán viên và/hoặc người ứng phó đầu tiên ở cấp khu vực, quốc gia và địa phương; và
- Cam kết thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia vào chương trình nghị sự WPS rộng hơn.

Có thể thấy hành động toàn diện về Văn hóa Phòng ngừa của ASEAN và chương trình nghị sự WPS cấp bách hơn lúc nào hết.

Khi chúng ta đang chuẩn bị kỷ niệm 40 năm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ sau ngày CEDAW ra đời, 25 năm tổ chức Hội nghị Thế giới lần thứ tư về Phụ nữ ở Bắc Kinh và 20 năm ra đời Nghị quyết 1325 về WPS, COVID-19 đã xuất hiện và đe dọa các tiến bộ đã đạt được trong nhiều thập kỷ qua. UN Women gọi đó là "tiến bộ bị gián đoạn." Cơ quan của Liên hợp quốc này cho biết "COVID-19 có thể xóa bỏ nhiều thành quả mà chúng ta đã khó khăn để giành được cho phụ nữ trên thế giới." Khi đánh giá những tiến bộ về SDG, UN Women đã nói như thế này: "Đại dịch COVID-19... có thể đảo ngược nhiều thành quả mà chúng ta đã khó khăn để giành được trong hai thập kỷ qua. Phụ nữ và trẻ em gái đang phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng, bao gồm tỷ lệ đói nghèo cao hơn, gánh nặng chăm sóc gia tăng, tiếp xúc nhiều hơn với bạo lực và khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục bị cản trở. Hơn nữa, với rất ít phụ nữ thực hiện chỉ đạo các biện pháp ứng phó về chính sách ở cấp quốc gia và địa phương, những vấn đề như vậy không được ưu tiên và cung cấp nguồn lực đầy đủ. Vẫn còn tồn tại luật pháp và chuẩn mực xã hội mang tính phân biệt đối xử".

UN Women đưa ra lý do rằng "sự tham gia đầy đủ, bình đẳng và có ý nghĩa của phụ nữ sẽ rất quan trọng khi thế giới 'xây dựng lại tốt hơn' sau đại dịch". Tổ chức này chỉ ra: "Ở các quốc gia có phụ nữ nắm giữ cương vị lãnh đạo, số ca tử vong do COVID-19 được xác nhận thấp hơn sáu lần so với ở các quốc gia có nam giới lãnh đạo." Điều này một phần là do các nữ lãnh đạo phản ứng nhanh hơn và chú trọng nhiều hơn đến phúc lợi xã hội và môi trường theo thời gian. Tương tự như vậy, sự tham gia trực tiếp của phụ nữ trong các tiến trình hòa bình đã minh chứng đây là nền tảng căn bản cho các thỏa thuận hòa bình lâu bền. Khi các tiến trình hòa bình tiếp tục núp bóng xung đột bạo lực và tình trạng khẩn cấp về y tế toàn cầu, cần phải có sự quan tâm lâu dài đến những khía cạnh rất cần thiết mà chỉ phụ nữ mới có thể cung cấp và đó là những khía cạnh tùy từng bối cảnh cụ thể.

Bốn trụ cột của WPS như được nêu trong Nghị quyết 1325 - phòng ngừa, tham gia, bảo vệ, cứu trợ và phục hồi - giải quyết các khả năng dễ bị tổn thương cũng như năng lực của phụ nữ, đó là những nội dung cần được xem xét nghiêm túc trong bất kỳ

kế hoạch, chính sách và chương trình nào được xây dựng.

Để thể hiện cam kết thực hiện đầy đủ và hiệu quả Văn hóa Phòng ngừa, ASEAN đang cần "một cách tiếp cận đa ngành đối với các thách thức đa ngành" và một cách tiếp cận toàn ASEAN. Việc lồng ghép WPS vào Văn hóa Phòng ngừa của ASEAN cung cấp một thành phần mang tính chiến lược và quan trọng cho một Kế hoạch hành động khu vực toàn diện, bao trùm và thiết thực. Kế hoạch này cũng sẽ đưa ra một cách tiếp cận để đối phó hiệu quả với sự phân mảnh và làm việc đơn lẻ, không có sự phối hợp (kiểu silo). Chương trình nghị sự WPS có thể là một thành phần quan trọng trong việc củng cố và làm phong phú Văn hóa Phòng ngừa của ASEAN hướng tới một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lực tự cường, khỏe mạnh và hài hòa.

Trong công tác hoạch định các chính sách, chương trình và thực hành sử dụng lăng kính giới, các nhà vận động cần lưu ý rằng có thể phân loại các rào cản để có được hành động hiệu quả theo ba nhóm gồm khái niệm, kỹ thuật và chính trị.

- Thách thức khái niệm ("Cái gì"). Rào cản khái niệm là niềm tin và thế giới quan làm kéo dài sự bất bình đẳng. Chương trình nghị sự WPS thường bị cho là không áp dụng được do định nghĩa về "xung đột" còn hạn hẹp và còn tồn tại hiểu lầm về khái niệm giới – chính vì vậy, mọi người có xu hướng không chú ý về nội dung hòa bình và giới.
- Thách thức kỹ thuật ("Như thế nào"). Rào cản về kỹ thuật là kiến thức và kỹ năng cần thiết để mang lại sự thay đổi mong muốn. Điều này áp dụng ở cả cấp độ chính sách và chương trình, cũng như ở từng AMS và ASEAN. Ngoài Tuyên bố chung, thì vẫn chưa có nhiều hoạt động để hiện thực hóa chương trình nghị sự, mặc dù ngày càng có nhiều sự quan tâm chú ý và tất nhiên cũng có cả ý chí chính trị ở một mức độ tích cực.
- Thách thức chính trị ("Tại sao"). Các rào cản chính trị là các rào cản liên quan đến thiếu khả năng tiếp cận để gây ảnh hưởng và thiếu quyền lực. Mặc dù liên quan đến cả hai nhóm thách thức ở trên, nhưng đây có thể là rào cản khó khăn nhất vì hiện nay cam kết chính trị ở tất cả các cấp còn hạn chế.

PHẦN 6

KHUYẾN NGHỊ

Các khuyến nghị dưới đây nhằm hướng đến ba nhóm cơ quan tham gia chính trong WPS tại khu vực ASEAN: (6.1) Các cộng đồng ASEAN, các cơ quan trong các bộ ngành, thể chế và các thực thể khác trong ASEAN; (6.2) Viện và (6.3) Các đối tác quốc tế. Các khuyến nghị đưa ra cho các nhóm cơ quan tham gia này được phân chia theo các nhóm hành động khuyến nghị.

6.1 Đối với các cộng đồng ASEAN, cơ quan bộ ngành, thể chế và thực thể khác trong ASEAN

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG KHU VỰC VỀ PHỤ NỮ, HÒA BÌNH VÀ AN NINH (WPS)

1. Khởi động quá trình xây dựng Kế hoạch hành động khu vực (RPA) nhằm thực hiện chương trình nghị sự WPS

Trên cơ sở các cam kết mà ASEAN đã ghi nhận trong Tuyên bố chung năm 2017 về Thúc đẩy Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong ASEAN, thiết lập cơ chế thể chế để thực hiện chương trình nghị sự WPS trong ASEAN. Do đây là vấn đề xuyên suốt, nên việc triển khai thực chất chương trình nghị sự WPS sẽ đòi hỏi sự hợp tác nhất quán giữa các ngành và giữa các trụ cột và trên khắp các quốc gia thành viên. Cơ chế này sẽ giúp điều phối công việc của AMMW, ACWC, AWEN và AWPR, cũng như các cơ quan ban ngành ASEAN khác từ APSC và AEC (xem Hình 21). Có thể thực hiện việc này thông qua một số phương thức sau đây đã được chứng minh là thành công trong ASEAN:

- a. **Xây dựng RPA đa ngành để thực hiện chương trình nghị sự WPS.** Nhóm cố vấn WSP của ASEAN nằm dưới sự chỉ đạo của ACW, có thể điều hành các nỗ lực đa ngành này và có thể học hỏi các kết quả thành công trong các nỗ lực đa ngành gần đây, chẳng hạn như Kế hoạch hành động Bohol về phòng, chống mua bán người tại ASEAN hoặc Kế hoạch công tác Bali - MTF về phòng, chống cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực trong ASEAN.

Hình 21: Các cơ quan tham gia chủ chốt trong Kế hoạch hành động khu vực về WPS

Cộng đồng Chính trị - An ninh (ASPC)

- Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao
 - » Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR)
 - » Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN (ASEAN-IPR) / Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa bình (AWPR)
- Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM)
 - » ADMM mở rộng
- Hội nghị cấp bộ trưởng ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC)
 - Hội nghị nhóm công tác dành cho các Quan chức cấp cao về Tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC): Chống khủng bố, buôn người, tội phạm mạng và buôn lậu vũ khí
- Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)
 - » Cương lĩnh an ninh trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương

Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC)

- Hội nghị Bộ trưởng Phụ nữ ASEAN (AMMW)
- Hội nghị Bộ trưởng Phúc lợi Xã hội và Phát triển ASEAN
 - » Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (ACWC)
 - » Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW)
- Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Quản lý Thảm họa
 - » Ủy ban ASEAN về Quản lý Thảm họa (ACDM)
 - » Trung tâm điều phối ASEAN về Hỗ trợ nhân đạo trong Quản lý Thảm họa (AHA Centre)

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

- Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế
- Hội nghị Bộ trưởng Tài chính
- Mạng lưới Doanh nhân nữ ASEAN (AWEN)

b. Tăng cường và mở rộng Nhóm cố vấn WPS của ASEAN. Được thành lập tại Brunei Darussalam vào tháng 10 năm 2019, nhóm hiện nay bao gồm các thành viên từ ASCC, ACW và ACWC. Nhóm này cần được mở rộng để bao gồm các quan chức từ các cơ quan ban ngành có liên quan từ ASCC, APSC và AEC để thúc đẩy các hành động liên ngành và nâng cao năng lực để tăng cường liên kết hoạt động với các khuôn khổ và chính sách hiện có (chẳng hạn như phòng ngừa và quản lý thảm họa, quốc phòng, P/CVE và mua bán người, cùng với các vấn đề khác nữa). Hơn nữa, nhóm có thể đảm nhận vai trò quan trọng ban đầu trong rà soát tiến độ triển khai và ghi nhận kết quả thực hiện RPA. Cần tạo điều kiện để các đại diện CSO có chuyên môn và kinh nghiệm về WPS gặp gỡ Nhóm cố vấn mở rộng nếu họ không được bao gồm trong nhóm này.

c. Tổ chức sự kiện đối thoại chính sách hàng năm cho phép các cơ quan ban ngành và bộ máy ASEAN, các quốc gia thành viên và các cơ quan tham gia trong khu vực/trên thế giới tiếp tục các cuộc thảo luận trước đây và thúc đẩy các mục tiêu chính trị chung, trong một qui trình có hệ thống, bao gồm các cuộc tham vấn cấp quốc gia và khu vực. Có thể tổ chức sự kiện này trong Hội nghị thượng đỉnh ASEAN, nhờ đó ACSC/APF sẽ có cơ hội giao lưu hoặc gặp gỡ với các quan chức cấp cao ASEAN.

RPA sẽ đóng vai trò là khung chính sách rộng hướng tới việc truyền cảm hứng cho các cam kết ở cấp khu vực và đề xuất một loạt các lựa chọn và thực tiễn trong công tác thực hiện ở cấp quốc gia và hoạt động hỗ trợ từ các tác nhân khu vực và quốc tế.

LÒNG GHÉP NỘI DUNG WPS TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG KHỐI ASEAN

2. Lòng ghép WPS tốt hơn trong APSC

APSC, ADMM và SOMTC, mỗi cơ quan đại diện cho các cơ chế tiềm năng đầy hứa hẹn để thực hiện chương trình nghị sự WPS trong ASEAN. Cụ thể, ARF gồm các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và các đối tác đối thoại, bao gồm các khu vực bầu cử quan trọng và những người ủng hộ tiềm năng của ASEAN. ARF là một cơ chế tích cực tập trung vào các vấn đề hòa bình và an ninh mà AWPR có thể phối hợp trực tiếp thông qua ASEAN-IPR. ARF cũng có thể cung cấp một nền tảng để AWPR chia sẻ các giá trị và tạo điều kiện để các thành viên có cơ hội phát biểu ý kiến, được lắng nghe, đặc biệt nhiều cá nhân nam

hơn trong lĩnh vực an ninh. Bởi vì có rất ít nam giới tham gia nghiêm túc trong các vấn đề liên quan đến phụ nữ, nên các tiến bộ trong công tác thúc đẩy chương trình nghị sự WPS sẽ được hưởng lợi hơn khi tiếp cận được một nền tảng rộng lớn có sự tham gia cân bằng của nam giới trong các cuộc thảo luận chính sách liên quan. Khuyến nghị này cũng sẽ bao gồm:

- a. Khuyến khích thảo luận về WPS tại các hội nghị của ADMM, ADMM+, SOMTC và ARF, cũng như quảng bá, giới thiệu các chuẩn mực và mục tiêu của chương trình nghị sự WPS tại các cuộc họp thường xuyên của ARF, ADMM, ADMM+ và SOMTC.
- b. Lòng ghép WPS vào các khóa đào tạo, tập huấn hoặc các chương trình giảng dạy tại các trung tâm gìn giữ hòa bình quốc gia và ASEAN.
- c. Khuyến khích tăng cường bổ nhiệm các cá nhân nữ trong các nhóm EEP của ARF.
- d. Khuyến khích hoạt động đối thoại đa ngành thông qua các diễn đàn đa ngành của khu vực, cụ thể Đối thoại khu vực về Hợp tác an ninh chính trị của ASEAN - LHQ, đối thoại này diễn ra hàng năm và có sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách chủ chốt và các đại diện chính phủ từ nhiều các trụ cột cộng đồng ASEAN khác nhau để thực hiện đối thoại với APSC, trong đó có cả các chuyên gia LHQ và chuyên gia quốc tế.

3. Lòng ghép WPS vào AEC

Trong phiên Đối thoại cấp bộ trưởng ASEAN về tăng cường vai trò của phụ nữ vì hòa bình và an ninh bền vững được tổ chức vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN đã ghi nhận rằng kinh tế và hòa bình có mối liên hệ qua lại và tăng cường lẫn nhau và đồng ý thúc đẩy hợp tác nhằm bảo vệ phúc lợi kinh tế và bằng an kinh tế cho phụ nữ, qua đó tạo điều kiện để phụ nữ trở thành tác nhân gìn giữ hòa bình, hài hòa và thịnh vượng bền vững. AEC cần tham gia trong quá trình biến WPS thành các hành động chính sách có thể thực thi được trong khuôn khổ ASEAN. Sự ổn định kinh tế là đặc biệt quan trọng để xem xét các mối đe dọa, chẳng hạn như các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng và biến đổi khí hậu. Để tạo dựng một “ASEAN có khả năng chống chịu, hòa nhập và hướng đến con người, tập trung vào con người”, thì AEC cần:

- a. Hỗ trợ phụ nữ tham gia các biện pháp phòng ngừa chiến lược và trong các nỗ lực hồi phục sau các tình huống y tế công cộng khẩn cấp, trong đó có đại dịch như COVID-19 và hồi phục sau thảm họa.

- b. Theo đề xuất của Hội nghị hợp tác các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN về chủ đề này, AEC cần đưa chương trình nghị sự WPS vào các nỗ lực hòa nhập kinh tế ASEAN hơn nữa và tạo điều kiện trao quyền kinh tế cho phụ nữ do phụ nữ thường có nguy cơ chịu nhiều rủi ro và tác động của suy thoái kinh tế do COVID-19 gây ra.
- c. Tăng cường vai trò của các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ thông qua việc xây dựng các lựa chọn chính sách cùng với các cơ quan ban ngành liên quan, trong đó có AWEN, nhằm thúc đẩy hoạt động tài trợ thông thường, chẳng hạn như cơ chế bảo đảm tín dụng và tài chính thương mại. Ngoài ra, AEC cần mở rộng khả năng tiếp cận với kiến thức tài chính và đào tạo về năng suất trong khi nâng cao nhận thức về thị trường cho các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ có tập trung vào phụ nữ và trẻ em gái (thanh thiếu niên).
- d. Tạo điều kiện chia sẻ thông tin và hợp tác kỹ thuật giữa các cơ quan trong khu vực tư nhân và nhà nước để phụ nữ và nam giới có thể hòa nhập hơn trong thương mại, gồm thông qua phát triển và duy trì cơ sở dữ liệu và mạng lưới tài nguyên.
- e. Tăng cường sự tham gia của các học viện, khu vực tư nhân và các đối tác liên quan, bao gồm phụ nữ trong công tác lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các cam kết chung trong phát triển nguồn nhân lực, cũng như hoạt động nghiên cứu và phát triển.

4. Đưa các cam kết thực hiện WPS vào các tài liệu chiến lược và kế hoạch của khối ASEAN

Phù hợp với Tuyên bố báo chí của Chủ tịch phiên Đối thoại cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường vai trò của phụ nữ đối với hòa bình và an ninh bền vững, cần đưa chương trình nghị sự WPS vào tầm nhìn tiếp theo của cộng đồng ASEAN sau năm 2025.

Cần tích hợp chương trình nghị sự WPS vào Kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng và các kế hoạch chiến lược nhiều năm khác của ASEAN, chẳng hạn như đánh giá giữa kỳ thực hiện năm 2020 về TẦM NHÌN ASEAN 2025 và kế hoạch đầu 2030. Mặc dù cả chương trình nghị sự WPS và Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an đều được nhắc đến cụ thể trong bất kỳ Kế hoạch tổng thể nào hiện nay của ASEAN, nhưng Kế hoạch tổng thể APSC năm 2025 được xây dựng năm 2016 cam kết khuyến khích lãnh đạo mới nổi, trong đó có phụ nữ. Mặc dù các tài liệu này ban đầu chỉ là biện pháp ứng phó để thực hiện nghĩa vụ CEDAW và Mục tiêu phát triển bền vững của LHQ (2030), việc bổ sung chương trình nghị sự WPS vào các tài liệu kế hoạch chiến lược này sẽ giúp đưa các cân nhắc về WPS vào công tác

lập kế hoạch của ASEAN và giúp nâng cao kiến thức chung về WPS trong khu vực.

5. Lồng ghép các cam kết về WPS

Xây dựng cam kết chung để đưa chương trình nghị sự WPS vào các kế hoạch công tác của ASEAN và đưa WPS vào công tác xây dựng chương trình. Ghi nhận rằng mỗi chính sách và chương trình, cũng như tất cả các sự kiện, tuyên bố, các cuộc họp và các khóa đào tạo, tập huấn xây dựng chương trình cần bao gồm hợp phần giới và WPS. Đào tạo một số nhân viên ASEAN về cách tiến hành phân tích giới và yêu cầu phân tích giới trong công tác thiết kế các chương trình và dự án để xác định các vấn đề liên quan đến giới và bảo đảm rằng các kết quả phân tích đó cung cấp đầy đủ thông tin và gây ảnh hưởng đến cách tổ chức hoạt động ở tất cả các cấp. Cần cập nhật Cẩm nang xây dựng đề xuất cho các dự án hợp tác ASEAN của ASEC để bao gồm yêu cầu xem xét phân tích giới trong thiết kế các chương trình và dự án.²⁶⁹

6. Tăng cường cam kết WPS thông qua thúc đẩy mối liên kết với các đối thoại và kế hoạch công tác đa ngành khác hiện nay của ASEAN

Một cách để hỗ trợ triển khai chương trình nghị sự WPS là xác định, nhấn mạnh và hỗ trợ thực hiện các cam kết hiện nay từ các RPA khác của ASEAN có liên quan đến nội dung WPS. Các tài liệu xuất phát quan trọng gồm có Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và Kế hoạch hành động ASEAN nhằm phòng chống sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực giai đoạn 2018-2025, cả hai tài liệu này đều thông qua cách tiếp cận WPS đối với phòng ngừa xung đột, trong đó có chống khủng bố và ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực, đồng thời tuyên bố cam kết:

Trao quyền cho phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới nhằm nâng cao năng lực, sự tham gia và vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong thúc đẩy sự kiểm duyệt và khoan dung để ngăn chặn sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực; Nuôi dưỡng năng lực của phụ nữ và các nhóm xã hội dân sự để tham gia ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực và các nỗ lực ứng phó liên quan, đồng thời bảo đảm phân bổ kinh phí cho các sáng kiến mang lại nhiều kết quả thông qua: Xây dựng chiến lược phát triển có trách nhiệm giới nhằm tăng cường quản trị tốt, đấu tranh chống hệ tư tưởng cấp tiến và phát huy vai trò của phụ nữ với tư cách là tác nhân cho hòa bình.

7. Đưa chương trình nghị sự WPS vào Hiệp định ASEAN về Quản lý thảm họa và Ứng phó khẩn cấp (AADMER) giai đoạn 2021-2025

Bảo đảm rằng hành động DRR và nhân đạo có trách nhiệm giới có liên quan chặt chẽ với Nghị quyết 1325 và các khung quy phạm toàn cầu khác. Việc bao gồm lăng kính giới và bảo vệ vào các hoạt động quản lý thảm họa cũng như ứng phó khẩn cấp và hồi phục là rất quan trọng, chẳng hạn như thông qua Chương trình làm việc của AADMER giai đoạn 2021-2025 được ban hành gần đây. Chương trình này phù hợp với các khuyến nghị do AICHR đề xuất trong báo cáo về Phụ nữ trong Thiên tai năm 2018. Mạng lưới của phụ nữ và các tổ chức của phụ nữ địa phương cũng cần được đưa vào AADMER mới này.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC VÌ WPS, ĐẶC BIỆT TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN-IPR VÀ AWPR

8. Phát triển năng lực lồng ghép giới và chuyên môn tại ASEAN-IPR

Công tác phát triển năng lực chuyên môn về giới tại ASEAN-IPR cần bao gồm một số hoạt động, trong đó có tiến hành nghiên cứu, tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, phát triển nhóm chuyên môn, kết nối và phổ biến thông tin. Về nghiên cứu, ASEAN-IPR tổng hợp kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất của ASEAN về hòa bình, quản lý và giải quyết xung đột, cũng như xây dựng hòa bình sau xung đột. Cần triển khai các hoạt động nghiên cứu mới có liên quan đến lồng ghép giới và chuyên môn nhằm mục đích cung cấp các khuyến nghị cho AMS và các cơ quan ASEAN để đáp ứng yêu cầu của họ. Hoạt động nghiên cứu có thể hưởng lợi từ sự hợp tác với mạng lưới các trường đại học và các tổ chức think-tank quan trọng trong khu vực và trên toàn cầu.

ASEAN-IPR cũng được giao nhiệm vụ tiến hành các nghiên cứu để thúc đẩy lồng ghép giới trong hoạt động gìn giữ hòa bình, các tiến trình hòa bình và giải quyết xung đột, cũng như xem xét và phân tích các cơ chế giải quyết hiện có trong ASEAN nhằm tăng cường triển vọng giải quyết xung đột một cách hòa bình trong khu vực. Để khởi đầu, có thể giao cho ASEAN-IPR nhiệm vụ thực hiện phân tích khoảng cách và đánh giá nhu cầu, trong đó có các mục tiêu và tiêu chuẩn chính sách và lập chương trình, nhằm thiết lập cơ sở hạ tầng để lồng ghép và điều phối WPS giữa các tổ chức ASEAN trong hợp tác với Nhóm cố vấn ASEAN về WPS. Sáng kiến này có thể giúp thúc đẩy quá trình xây dựng kế hoạch hành động khu vực về WPS.

9. Tăng cường năng lực tổ chức và cam kết nhằm thực hiện chương trình nghị sự WPS

Tiếp nối nghiên cứu này, tiến hành đánh giá tác động và nhu cầu về nhiệm vụ, mục tiêu WPS hiện nay, cũng như các sáng kiến của các đối tác khu vực quan trọng để xây dựng RPA về WPS của ASEAN (xem Hình 21 ở trên). Các đánh giá như vậy có thể cung cấp đầy đủ thông tin về nhu cầu nâng cao năng lực và các gói hỗ trợ đi kèm. Tiến hành phân tích khoảng trống theo quan điểm giới đối với một số nỗ lực chọn lọc của ASEAN – chẳng hạn như chống tội phạm xuyên quốc gia, P/CVE, DRRM và đại dịch COVID-19 – nhằm cung cấp thông tin về các nhu cầu nâng cao năng lực và lập kế hoạch chiến lược. Ví dụ: quá trình rà soát các hợp phần của Kế hoạch tổng thể ASCC, bao gồm cách thức ASEAN đang tiến triển về "(E1) Hướng đến một ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng, Điểm phương pháp chiến lược (vii): Tăng cường năng lực và khả năng của cả khu vực công và dân sự trong khối ASEAN để ứng phó các thách thức mới nổi và đáp ứng nhu cầu của người dân thông qua các dịch vụ công hiệu năng, hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm, các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và mang tính sáng tạo, cũng như các hoạt động hợp tác."

10. Xây dựng các công cụ nâng cao năng lực WPS cụ thể và bổ sung các hoạt động đào tạo tập huấn về WPS

Thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo tập huấn về WPS để giúp nhân viên ASEAN và các quan chức AMS hiểu rõ ràng hơn về lợi ích của việc lồng ghép các phương pháp tiếp cận có trách nhiệm giới vào các tiến trình chính trị và các lĩnh vực an ninh. Cần tổ chức các chương trình nâng cao năng lực này dưới nhiều hình thức khác nhau – từ các khóa đào tạo tập huấn và hội thảo cho đến mối quan hệ cố vấn và các kế hoạch làm việc – nhưng tất cả các hình thức này đều tập trung vào công tác bảo đảm nhân viên có được hiểu biết mang tính khái niệm về WPS và khả năng lồng ghép các triết lý này vào nhiệm vụ và công việc của chính họ. Các ví dụ minh họa gồm:

- a. Tổ chức hội thảo/cuộc họp/hội nghị về WPS và cách xem xét nội dung này theo từng bối cảnh/cách có thể vận hành chương trình nghị sự này, trong đó có trao đổi các thực tiễn tốt và bài học trong khối ASEAN.
- b. Khuyến khích sự tham gia của các nhóm gồm nhiều cơ quan tham gia, trong đó có khu vực tư nhân, các nhóm học viện và CSO, để tham gia và đóng góp vào các hội thảo tập huấn này;
- c. Thiết lập mạng lưới các cơ quan tham gia từ khắp các cộng đồng trong khu vực ASEAN (AEC, ASCC

APSC) và tổ chức các khóa đào tạo/hội thảo với sự tham gia của các cơ quan này

- d. Tiếp tục và tăng cường về cả số lượng và chất lượng các cuộc hội thảo, cơ hội thực tập sinh và xây dựng chương trình chung – nhằm bảo đảm rằng việc tham gia các khóa học mới sẽ mang lại kiến thức và thói quen gây ảnh hưởng tích cực đến văn hóa WPS của ASEAN.

11. Nâng cao năng lực của AWPR

Nhóm Phụ nữ ASEAN vì Hòa Bình (AWPR) có lẽ là nhóm phù hợp nhất đảm nhận vai trò bảo đảm sự lồng ghép tốt hơn giữa các quan điểm giới và bảo đảm các nỗ lực thúc đẩy và trao quyền tham gia cho nhiều phụ nữ hơn với tư cách là người tham gia trong các tiến trình hòa bình. Mặc dù nhóm đã tổ chức một số sự kiện và một số hội nghị, nhưng vẫn còn nhiều cơ hội để AWPR củng cố hoạt động của mình hơn nữa, cụ thể nhóm có thể:

- a. Chọn một vài lĩnh vực để tập trung chiến lược, từ lĩnh vực hòa giải các tranh chấp địa phương đến hợp tác với các nhà lãnh đạo tôn giáo để ngăn chặn cực đoan hóa, đến làm việc với các cộng đồng để tăng cường sự gắn kết xã hội và khả năng chống chịu nhằm đứng vững trước tất cả các hình thức đe dọa cũng như thảm họa do con người hoặc thiên nhiên gây ra.
- b. Lập và triển khai kế hoạch hành động với các kết quả và đầu ra cụ thể, nhằm mục đích thúc đẩy các hoạt động lồng ghép WPS trên toàn khối ASEAN và các quốc gia thành viên.
- c. Xây dựng chương trình nâng cao năng lực có thể tập trung vào cả nguyên lý cơ bản của phân tích và giải quyết xung đột cũng như các kỹ năng lãnh đạo và vận động của phụ nữ nhằm bảo đảm các sáng kiến của phụ nữ được công nhận một cách có hệ thống.
- d. Tập trung vào hoạt động xây dựng mạng lưới để mở rộng nhóm các nhà vận động vì WPS là nam giới và kết nối với các nhóm này ở các cấp khác nhau để tạo dựng hình ảnh cũng như ghi chép lại các nỗ lực gìn giữ hòa bình tại địa phương.
- e. Tìm cách kết nối giữa AWPR và ASEAN ERAT để chia sẻ kinh nghiệm và bài học nhằm giải quyết các mối liên hệ giữa hòa bình, phát triển và hành động nhân đạo trong khối ASEAN.
- f. Thúc đẩy đối thoại và trao đổi giữa AWPR và mạng lưới các đàm phán viên, hòa giải viên và chuyên gia là phụ nữ trên toàn cầu trong công tác ngăn ngừa xung đột nhằm mở rộng kinh nghiệm, nâng cao kĩ năng và tri thức, cũng như tăng cường các mối liên hệ.

THU HẬP KHOẢNG CÁCH VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC

12. Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về nhiều vấn đề và chương trình WPS khác nhau

Thường xuyên tổ chức các sự kiện học hỏi và nâng cao nhận thức về WPS trong khu vực, nhằm tập hợp các cơ quan chính phủ và phi chính phủ trong khu vực và trên thế giới cùng tham gia. Có thể cung cấp các khóa đào tạo tập huấn về công việc của ASEAN cho các nhà vận động chính sách và CSO. Việc các chủ thể này chỉ đơn giản hiểu được các vấn đề liên quan đến WPS là chưa đủ mà điều quan trọng là các chủ thể này phải có nhận thức và vận dụng các nhận thức đó để có những hành động có ý nghĩa. Các cơ quan của ASEAN cần:

- a. Hỗ trợ các nhà vận động chính sách và CSO thực hiện các nỗ lực thúc đẩy WPS. Bảo đảm rằng các đối tác này hiểu được bộ máy phức tạp của ASEAN, biết rõ về các trụ cột, cơ chế sắp xếp thể chế, cũng như lợi ích của các quốc gia thành viên có nghĩa như thế nào với các đối tác này nhằm giúp họ chèo lái các quan hệ phức tạp này một cách hiệu quả hơn.
- b. Hỗ trợ các cơ quan báo chí tham gia cũng như khuyến khích họ tham gia vào các sự kiện nâng cao nhận thức và giúp phổ biến tầm quan trọng của WPS và tăng cường hiểu biết sâu rộng hơn về WPS.
- c. Khuyến khích ASEAN thực hiện cơ chế đối thoại kênh 1.5, bao gồm hỗn hợp giữa quan chức chính phủ và các chuyên gia từ khu vực phi chính phủ và có thể là cầu nối tốt giữa ngoại giao và đối thoại Kênh 1 và 2.
- d. Thúc đẩy cơ chế đối thoại kênh 2, giữa các cơ quan tổ chức think-tank và các học viện nhằm nâng cao nhận thức về WPS thông qua các báo cáo thường xuyên và trong các hội thảo và hội nghị chuyên đề.
- e. Thúc đẩy đối thoại liên nghị viện giữa các đại biểu quốc hội của các quốc gia thành viên thông qua Hội đồng liên Nghị viện ASEAN (AIPA) nhằm khuyến khích/xây dựng kế hoạch công tác để đẩy mạnh chương trình nghị sự WPS, đặc biệt thông qua thúc đẩy bảo vệ phụ nữ và trẻ em khỏi bạo lực tình dục ở các khu vực xung đột, ban hành luật gia đình phòng chống bạo lực và các hành vi vi phạm nhân quyền khác, tăng cường sự tham gia và đại diện của phụ nữ trong quốc hội.

13. Tăng cường các hoạt động trao đổi giữa các cá nhân trong các ngành khác nhau

Thiết lập các cơ chế để thường xuyên gặp gỡ và học hỏi các nhà hoạt động thực tế trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình và các chuyên gia WPS đến từ xã hội dân sự, học viện, khu vực tư nhân và truyền thông. Cho dù tổ chức theo chủ đề hay theo quốc gia, thì các cơ chế này là lý tưởng để tăng cường WPS trong bối cảnh "xây dựng một ASEAN gần gũi hơn với người dân". Có thể tổ chức các hoạt động trao đổi như vậy quanh một cơ chế đối thoại hàng năm hoặc kết hợp với các sự kiện ở cấp quốc gia thành viên. Mục tiêu của nền tảng này là thiết lập mối liên kết có hệ thống hơn giữa địa phương/cộng đồng với các nỗ lực gìn giữ hòa bình rộng hơn trong các cơ cấu chính sách ở cấp cao hơn của ASEAN.

14. Thể chế hóa kiến thức và thực tiễn tốt trong khu vực và tăng cường các nỗ lực nghiên cứu và tài liệu hóa

Nghiên cứu này và các nghiên cứu trước đây về các đặc điểm và hình thái của WPS trong khối ASEAN và các quốc gia thành viên đã cung cấp thông tin cho công tác hoạch định chính sách và lập chương trình hướng vào hành động. Do vậy, trên cơ sở các nghiên cứu này, tiếp tục đầu tư cho nghiên cứu trong khu vực về nhiều chủ đề khác nhau của WPS, bao gồm:

- a. Thể chế hóa các hoạt động trao đổi kiến thức tại khu vực cũng như các thực tiễn tốt về WPS trong ASEAN.
- b. Ghi chép và công bố giá trị của WPS với tư cách là một không gian đa ngành nhằm thể hiện sự đánh giá cao hơn về giá trị của WPS và lồng ghép hơn nữa vào các chiến lược và phương pháp tiếp cận phát triển, bao gồm thúc đẩy nỗ lực hợp tác và phòng ngừa chung
- c. Thông qua sự hỗ trợ của ACW, tạo điều kiện để Nhóm cố vấn WPS hợp tác với các cơ quan tổ chức think-tank cũng như các tổ chức học thuật khu vực và quốc tế nhằm tìm ra các cơ quan tổ chức hoạt động tốt và khuyến khích đầu tư vào các cơ quan tổ chức này. Chứng minh rằng việc đầu tư vào ghi chép các hoạt động thành công và định lượng kết quả hoặc tác động sẽ thu được hiệu quả.
- d. Phát triển hệ thống và công cụ giám sát, đánh giá, học tập và trách nhiệm giải trình tốt, mang tính sáng tạo và có thể điều chỉnh nhằm thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu định tính và định lượng.

6.2 Đối với các quốc gia thành viên ASEAN

Tìm hiểu và phác họa các quan điểm về giá trị chiến lược của WPS trong khối ASEAN

15. Phác thảo WPS thành các hành động chính sách có thể triển khai được tại cấp các quốc gia thành viên

Các quan chức AMS cần làm việc với các chuyên gia để xác định giá trị gia tăng của WPS trong bối cảnh gắn kết xã hội và khả năng chống chịu của cộng đồng như những khối cấu trúc quan trọng cho cơ chế quản trị bao trùm. AMS cần xác định giá trị gia tăng của WPS trong giải quyết các vấn đề xung đột vũ trang và tăng cường tập trung vào quản trị dân chủ, gắn kết xã hội và khả năng lãnh đạo dung nạp cũng như tham gia hòa hợp. Đây là nền tảng quan trọng cho hòa bình và phát triển, trong đó có phòng ngừa và giải quyết xung đột, chống tội phạm xuyên quốc gia, P/CVE và tăng cường quản lý thảm họa cũng như các hoạt động ứng phó tình huống khẩn cấp. Các nỗ lực này của AMS cũng nên sử dụng các chiến dịch nâng cao nhận thức về thúc đẩy hòa bình tích cực, gắn kết xã hội cũng như hợp tác và phát triển khu vực, nhấn mạnh vào các ví dụ về các nỗ lực gìn giữ hòa bình tại địa phương. Các sáng kiến cụ thể có thể tập trung vào đại diện của phụ nữ trong lĩnh vực an ninh ở cấp quốc gia, trong đó có gìn giữ hòa bình và thanh niên tham gia vào hòa bình kỹ thuật số. Hầu hết các quốc gia đều có các chính sách lồng ghép SSR, các mối liên kết phòng ngừa thảm họa, hoạt động ứng phó nhân đạo và P/CVE khu vực và tiếp nối các chính sách này để xây dựng giá trị thông qua các phương pháp tiếp cận WPS, bao gồm các khung chính sách thúc đẩy sự tham gia.

16. Thiết lập cơ cấu thực hiện chính sách và chương trình WPS

Như được xác định trong Tuyên bố ASEAN về Văn hóa phòng ngừa hướng tới một xã hội hòa bình, hòa nhập, tự lực tự cường, khỏe mạnh và hài hòa, việc thúc đẩy văn hóa phòng ngừa là chìa khóa để hiểu được nguyên căn cốt lõi và hậu quả của chủ nghĩa cực đoan bạo lực và các hình thức bạo lực khác, cũng như các hành vi bạo lực xảy ra ở mỗi cá nhân, tổ chức và thể chế. Theo báo cáo này, việc triển khai chương trình nghị sự WPS đã giúp hình thành khung phòng ngừa xung đột thiết thực hơn.

Cung cấp nguồn lực kỹ thuật, con người và tài chính cho các cán bộ quốc gia và địa phương – trong đó có các đại diện đa ngành từ nhiều bộ ngành khác nhau, chẳng hạn như phụ nữ và các vấn đề xã hội, phát triển, kinh tế, quốc phòng, an ninh và ngoại giao – nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định mang tính bao quát và có sự tham gia hơn, đồng thời lồng ghép WPS trong thiết kế, thực hiện và giám sát chính sách. Các hoạt động có thể gồm:

- a. Phân tích giới đối với xung đột.
- b. Đánh giá xung đột và hòa bình cộng đồng có sự tham gia.
- c. Thiết kế các quy trình tham vấn hỗ trợ tiếng nói của những người bị thiệt thòi
- d. Thiết kế chính sách và chương trình có trách nhiệm giới.
- e. Cơ cấu triển khai có trách nhiệm giới.
- f. Cơ chế Giám sát, Đánh giá, Học tập và Trách nhiệm giải trình (MELA) có hiệu quả, trong đó gồm dữ liệu phân tách theo giới.

17. Xây dựng và cải thiện Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) về WPS và kết nối các kế hoạch này với Kế hoạch hành động khu vực

NAP về WPS mang lại cơ hội bắt đầu các hành động chiến lược, xác định các ưu tiên và nguồn lực, cũng như qui định các trách nhiệm và khung thời gian. Quá trình xây dựng NAP cũng là quá trình nâng cao nhận thức và phát triển năng lực có thể giúp thu hẹp khoảng cách và vượt qua các thách thức để tạo điều kiện thực hiện đầy đủ Nghị quyết 1325. Hoạt động xây dựng NAP cũng mang đến cơ hội thực hiện các hành động lập pháp và có thể giúp tạo nền tảng trong Quốc hội để nâng cao nhận thức về các ưu tiên WPS và xung đột chính, giáo dục người dân và đại biểu quốc hội về các sáng kiến chính sách liên quan đến WPS và giúp điều phối nhiệm vụ giám sát của quốc hội đối với công tác triển khai thực hiện NAP. WAIPA có thể hỗ trợ quá trình này trong khối ASEAN.

Trên nền tảng các thực tiễn tốt nhất cũng như các bài học đúc kết từ các phương pháp xây dựng NAP thành công, trong đó có từ Indonesia và Philippines, các quốc gia thành viên ASEAN cần thiết lập quy trình mang tính chất bao quát và tham vấn bằng cách sử dụng khung lập kế hoạch kết quả tập trung vào ý chí chính trị; thiết kế dựa vào kết quả; phối hợp giữa các bộ ngành, phòng ban và các cơ quan; hòa hợp xã hội chính trị; các nỗ lực bản địa hóa; MELA và tìm kiếm nguồn lực (con người, kỹ thuật và tài chính).

Ngoài ra, AMS cần tăng cường công tác điều chỉnh các kế hoạch hành động quốc gia cho phù hợp bối cảnh địa phương ở các cấp khác nhau. AMS cần hợp tác với chính quyền các cấp (tỉnh, bang, thành phố, khu đô thị) và xã hội dân sự để cùng xây dựng kế hoạch hành động, chính sách và cơ chế triển khai nhằm đẩy mạnh hơn nữa chương trình nghị sự WPS. AMS cũng cần tìm cách bồi đắp các hoạt động sắp tới trong khối ASEAN về chương trình nghị sự ASEAN, như một cách để thúc đẩy cơ hội khuyến khích sự tham gia của các cơ quan ban ngành trong từng quốc gia thành viên. Nhiều kế hoạch hành động quốc gia đã được điều chỉnh phù hợp cho bối cảnh địa phương, ví dụ: tại Indonesia ở một số tỉnh và địa phương đã công bố Kế hoạch hành động địa phương về trao quyền cho phụ nữ và bảo vệ trẻ em trong bối cảnh xung đột xã hội dựa trên nền tảng Kế hoạch hành động quốc gia của nước này.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CÁC THÀNH TỰU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VỀ WPS

18. Đưa WPS vào báo cáo thực hiện Khuyến nghị số 30 của CEDAW

10 Nghị quyết của Hội đồng Bảo an LHQ về WPS đã được kiện toàn hơn do có kết nối đến Khuyến nghị số 30 của CEDAW về phụ nữ trong phòng ngừa xung đột và trong các tình huống xung đột và sau xung đột. Khuyến nghị này chỉ định tất cả 189 quốc gia thành viên của Công ước phải định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các cam kết về WPS của quốc gia mình. Cụ thể, Ủy ban CEDAW nêu rõ các yêu cầu phải bảo vệ các quyền của phụ nữ và ngăn chặn tất cả các hình thức bạo lực, trong đó có các vấn đề liên quan đến bạo lực tình dục. Các điều khoản cực kỳ quan trọng có liên quan đến nội dung tiếp cận công lý, trong đó có các yếu tố của tiến trình công lý trong giai đoạn chuyển tiếp sau xung đột, tìm cách tăng cường khả năng phụ nữ tham gia vào các nỗ lực hồi phục và gìn giữ hòa bình. AMS cần kết nối nghĩa vụ báo cáo bắt buộc đối với Ủy ban CEDAW để liệt kê và làm nổi bật các cam kết chính sách và chương trình liên quan đến WPS.

19. Thiết lập hoặc tăng cường các cơ chế tham vấn chính sách

AMS cần tham vấn với và học hỏi từ đại diện của các CSO, nhóm cộng đồng, học viện, khu vực tư nhân và các cơ quan báo chí về cách thức đẩy hơn nữa tính hiệu quả của các chiến dịch vận động và nâng cao nhận thức của người dân. Trong tương lai, có thể tiến hành nghiên cứu về cách các AMS khác nhau thực hiện quy trình tham vấn chính sách của mình. Kiến thức về quy trình này sẽ tăng cường khả năng các quốc gia tiên phong hỗ trợ các cách tiếp

cận đã được điều phù hợp với bối cảnh và địa phương, theo đó phù hợp hơn với các ưu tiên chính trị khác và dễ chấp nhận hơn đối với cơ quan ra quyết định của AMS. Các đánh giá trong tương lai cần xem xét phương pháp luận, phương pháp tiếp cận dựa trên cơ chế để hiểu được rõ nguyên nhân hoặc đóng góp và cuối cùng là tác động của các chính sách.

6.3 Đối với cộng đồng quốc tế

Bảo đảm quyền tự chủ và khả năng lãnh đạo của ASEAN trong việc đẩy mạnh các nỗ lực nhất quán nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự WPS, đồng thời cũng hợp tác với LHQ, các đối tác đối thoại và các đối tác quốc tế khác. Mặc dù các hỗ trợ từ LHQ, đối tác đối thoại và các đối tác phát triển khác vẫn quan trọng trong việc duy trì đà thúc đẩy chương trình nghị sự WPS, nhưng một điều cũng không kém phần quan trọng là bảo đảm rằng ASEAN thực hiện đầy đủ quyền tự chủ trong việc đẩy mạnh và dẫn dắt các nỗ lực đó nhằm bảo đảm rằng các hỗ trợ từ chính bản thân tổ chức được điều phối nhịp nhàng, mạch lạc và được thiết lập chắc chắn. Chương trình nghị sự WPS trong hầu hết các quốc gia thành viên ASEAN, cũng như hầu hết các sáng kiến của ASEAN đều nhận được hỗ trợ từ LHQ và các đối tác đối thoại quốc tế, chẳng hạn như Úc, Canada, New Zealand, Na Uy và Hoa Kỳ. Các đối tác này có thể giúp thu hút sự tham gia của các CSO hoặc trao quyền cho các CSO tại từng quốc gia để tăng cường các chương trình và dự án cụ thể nhằm thúc đẩy các nỗ lực bao trùm giới và củng cố cộng đồng. LHQ, các đối tác đối thoại và các đối tác phát triển có thể đóng vai trò then chốt trong việc xác định các mối liên kết đó, tiếp thu các ngoại lực tích cực cho WPS và tiếp tục đà thúc đẩy chương trình nghị sự này, theo đó có thể chia sẻ các nỗ lực với nhau.

HỖ TRỢ KỸ THUẬT

20. Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về WPS của ASEAN

Tiếp nối Tuyên bố chung, nhiều sự kiện và sáng kiến WPS khác, cũng như sự quan tâm chú ý hiện nay đối với chương trình nghị sự WPS (cả trong khu vực và quốc tế), các đối tác đối thoại và các đối tác bên ngoài khác cần hỗ trợ ACW thông qua Nhóm cố vấn WPS của ASEAN trong công tác xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về WPS cho ASEAN và công tác triển khai kế hoạch này.

Quá trình này có thể giống với quá trình xây dựng Kế hoạch hành động ASEAN về P/CVE và Kế hoạch công tác đa ngành. Các cách hỗ trợ cụ thể bao gồm:

- a. Đánh giá nhu cầu và thêm nghiên cứu hướng vào hành động.
- b. Hoạt động tham vấn tại các cơ quan và thực thể của ASEAN.
- c. Hoạt động tham vấn trong và giữa các thực thể chính phủ quốc gia thành viên ASEAN.
- d. Sự tham gia của xã hội dân sự, đặc biệt từ
 - i. NGO, trong đó có các tổ chức và mạng lưới gìn giữ hòa bình của phụ nữ;
 - ii. Cơ quan báo chí;
 - iii. Các sáng kiến tập trung vào thanh niên;
 - iv. Giới học viện;
 - v. Các tổ chức tôn giáo, cả các chủ thể chính thức và không chính thức và
 - vi. Khu vực tư nhân.
- e. Các cuộc tham vấn chuyên đề xung quanh các vấn đề then chốt, chẳng hạn như gìn giữ hòa bình/hòa giải, gắn kết cộng đồng và khả năng chống chịu của cộng đồng, quản trị địa phương, biến đổi khí hậu, bất ổn an ninh kinh tế, phát triển bao trùm, an ninh y tế, v.v..
- f. Các hoạt động trao đổi giữa các nhóm khác nhau nhằm chia sẻ các thực tiễn tốt nhất và xác định các khoảng cách chính mà Kế hoạch hành động khu vực có thể giải quyết một cách dễ dàng và nhanh chóng nhất.
- g. Nâng cao năng lực, đào tạo tập huấn và các hội thảo.
- h. Các sáng kiến đào tạo tập huấn các giảng viên.
- i. Khảo sát đánh giá tiến độ và báo cáo kết quả triển khai kế hoạch hành động khu vực trong quá trình xây dựng do Nhóm cố vấn WPS của ASEAN thực hiện.

21. Đàm nhận vai trò là tổ chức nhân rộng các nỗ lực dành cho nhiều nguồn hỗ trợ kỹ thuật khác nhau dành cho ASEAN

Công tác lồng ghép giới có vai trò đặc biệt quan trọng, giống như công tác không thể thiếu trước khi tăng cường các hoạt động liên quan đến WPS. Cải cách thể chế để giảm các rào cản đối với việc phụ nữ tham gia và ra quyết định cũng như hỗ trợ nam giới trở thành những nhà lãnh đạo và các nhà hoạt động thực tế sáng suốt hơn trong các hoạt động lồng ghép giới và hòa hợp của phụ nữ, có thể có tác

động tích cực đến mục tiêu thúc đẩy chương trình nghị sự WPS.

22. Thu hút sự tham gia của CSO và giới học viện

Kiến thức và kinh nghiệm từ CSO và giới học viện có thể mang lại các quan điểm mới và tính sáng tạo. Các kế hoạch hành động quốc gia và khu vực về WPS đã có nhiều thành công hơn khi có sự tham vấn toàn diện với các CSO ở từng giai đoạn của quá trình xây dựng, chẳng hạn như trong lần đầu tiên xây dựng NAP về WPS tại Philippines. Ủy ban cố vấn cho ACW-ACWC có thể cũng thành lập một nhóm chuyên gia tương tự như nhóm ARF EEPs về WPS, gồm các thành viên là đại diện CSO và giới học viện có chuyên môn và kinh nghiệm về WPS khi xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về WPS.

ĐẦU TƯ CHO CÁC MỐI QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

23. Thổi luồng gió mới vào các hoạt động đối thoại về WPS với các đối tác đối thoại của ASEAN

EU và ASEAN đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ trên nhiều chủ đề khác nhau, trong đó có nhiều hoạt động trao đổi về chương trình nghị sự WPS. Các cuộc họp trao đổi này cần có sự tập trung sâu hơn. Ví dụ: có thể tổ chức một loạt các hoạt động trao đổi mang tính chất kỹ thuật hơn xung quanh Kế hoạch hành động EU. Nếu RPA mang tính cấp tiến hơn thì có thể cuối cùng sẽ bao gồm các trao đổi về công tác triển khai RPA và sử dụng cơ chế giám sát. Tương tự, các hoạt động trao đổi với chính phủ Úc, Nhật bản, Hoa Kỳ cũng cho thấy các cơ hội quan trọng để trao đổi và học hỏi. Chính các trao đổi này cũng có thể thu được lợi ích từ việc bao gồm các chủ thể xã hội dân sự, đặc biệt là các lãnh đạo nữ.

Hoạt động đối thoại về WPS của ASEAN với Úc (bắt đầu từ năm 2017) là một hình thức minh họa có ích nhằm hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm rộng hơn về các sáng kiến WPS, cũng như hỗ trợ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với Hiệp định Đối tác Đối thoại ASEAN thông qua dự án PROSPECT. Tăng cường nội dung của các đối thoại hiện nay hoặc xây dựng các hoạt động WPS mới sẽ nâng cao nhận thức và tăng cường quan hệ hợp tác về WPS, đặc biệt trong bối cảnh có nhiều mối đe dọa mới nổi đối với vấn đề an ninh trong khu vực. Trong bối cảnh ASEAN, các đối thoại này sẽ mang lại lợi ích cho hoạt động triển khai, đặc biệt trên phương diện các nỗ lực để xây dựng RPA hoặc các nỗ lực làm việc đa ngành khác. Các chuyên gia có thể giúp xây dựng trên nền tảng các chương trình thành công trước đây và giúp đa dạng hóa các nỗ lực và bảo đảm các nỗ lực này mang tính bao trùm hơn. Chia sẻ kiến thức có thể củng cố sự

hiểu biết sâu rộng hơn về các vấn đề hiện nay – từ đại dịch cho đến biến đổi khí hậu – trong đó có chia sẻ các bài học từ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng và triển khai các chính sách và chương trình WPS tại địa phương, quốc gia và khu vực trên khắp ASEAN.

24. Tăng cường hợp tác giữa ASEAN và LHQ về WPS

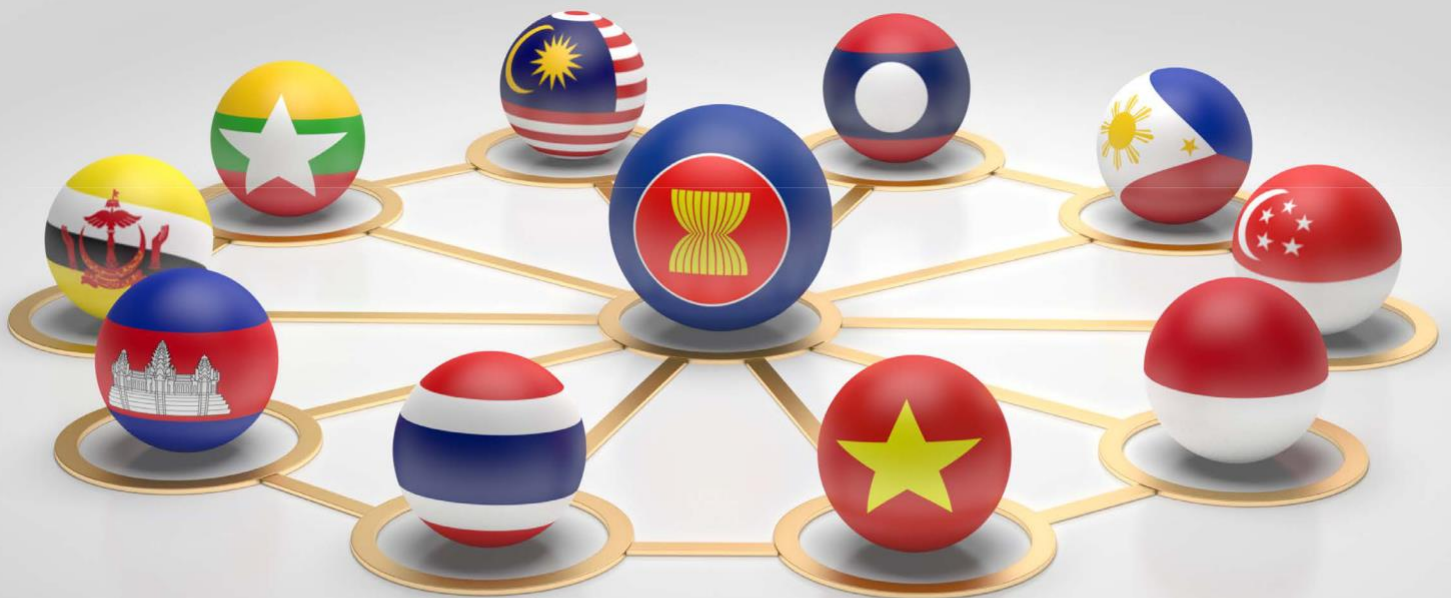
Trong khuôn khổ Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN-LHQ, Liên hợp quốc đã và đang là đối tác mạnh mẽ của ASEAN trong thúc đẩy chương trình nghị sự WPS, từ thời điểm cùng Malaysia và ASEC tổ chức Phiên đối thoại kênh 1.5 mang tính đột phá về phụ nữ, hòa bình và an ninh, tập trung vào vai trò then chốt của phụ nữ trong ngăn ngừa chủ nghĩa cực đoan bạo lực năm 2017 nhằm hỗ trợ có mục tiêu các hoạt động tăng cường năng lực của phụ nữ để vượt qua các rào cản tham gia vào hoạt động ngăn ngừa và giải quyết xung đột. Nhiều sáng kiến này có tính chất sống còn để thúc đẩy các nỗ lực đa bên nhằm triển khai chương trình nghị sự WPS.

Trên nền tảng hợp tác đã được thiết lập giữa ASEAN và LHQ, Kế hoạch hành động mới giữa ASEAN và LHQ giai đoạn 2021-2025 bao gồm nhiều lĩnh vực, theo đó chuyên môn kỹ thuật từ phía LHQ sẽ được huy động để hỗ trợ các nỗ lực của ASEAN trong thúc đẩy chương trình nghị sự WPS. Kế hoạch hành động mới này mang lại cơ hội cho ASEAN và LHQ lồng ghép các hoạt động phòng ngừa xung đột bao trùm giới thông qua AWPR để thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong gìn giữ hòa bình và ngăn ngừa chủ nghĩa cực đoan bạo lực, đồng thời tăng cường hơn nữa các cán bộ gìn giữ hòa bình là phụ nữ từ các quốc gia ASEAN được điều đến các hoạt động hòa bình của LHQ. Kế hoạch hành động này cũng bao gồm hỗ trợ kỹ thuật cho ASEAN để lồng ghép giới vào công tác triển khai RPA về phòng chống sự trở dậy của cực đoan hóa và chủ nghĩa cực đoan bạo lực giai đoạn 2019-2025. Kế hoạch này cũng được xây dựng trên nền tảng các hoạt động hợp tác chặt chẽ hiện nay để tăng cường vai trò rộng mở hơn của phụ nữ trong công tác quản trị, trong đó có thông qua AIPA.

Thông qua hợp tác chặt chẽ với các cơ quan ngành và tổ chức của ASEAN, Kế hoạch hành động ASEAN-LHQ mới này có thể tạo điều kiện tập trung sâu sắc hơn vào khả năng lãnh đạo và sự tham gia của phụ nữ, từ việc ra quyết định chính trị cho đến gìn giữ hòa bình và ứng phó đại dịch. Kế hoạch này cũng đề xuất tăng cường dữ liệu và bằng chứng giới để cung cấp thông tin cho công tác ra quyết định chính sách. Quan trọng hơn cả, Kế hoạch hành động ASEAN-LHQ giai đoạn 2021–2025 bao gồm lồng ghép giới như một ưu tiên xuyên suốt chính cho ba trụ cột cộng đồng của ASEAN .

Các ưu tiên của mối quan hệ hợp tác giữa ASEAN và LHQ là hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn chiến lược của ASEAN nhằm thúc đẩy WPS trong khu vực và lồng ghép giới vào các hành động nhân đạo và ứng phó khẩn cấp, trong đó có hoạt động hồi phục COVID-19.²⁷⁰ Có thể thấy rõ điều này trong Khung

Hồi phục Toàn diện ASEAN cũng như Tuyên bố của Chủ tịch Brunei tại Hội nghị hẹp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN nhấn mạnh nhu cầu phải hợp tác hướng tới xây dựng Kế hoạch hành động khu vực về WPS.²⁷¹



PHỤ LỤC:

Các thành viên của Nhóm cố vấn ACW về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS)¹



Kheng Samvada
CAMPUCHIA

Kheng Samvada hiện nay đang đảm nhận chức vụ Bộ trưởng thường trực Bộ Phụ nữ tại Campuchia. Ngoài vai trò là cán bộ đầu mối của Campuchia trong Ủy ban ASEAN về Phụ nữ (ACW) từ năm 2009, bà còn dẫn dắt công tác triển khai thực hiện Cải cách tài chính công quốc gia tại Bộ này và dưới sự lãnh đạo của bà, nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái ngày càng được phản ánh nhiều hơn trong cách chính phủ chi tiêu ngân sách và quá trình xây dựng ngân sách cũng đã lồng ghép các ưu tiên giới. Chính vì vậy, ngân sách quốc gia dành cho công tác thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ngày càng được tăng cường. Bà đã tích cực tham gia giải quyết các vấn đề phụ nữ, trẻ em và giới trong bốn thập kỷ qua với tư cách là Quan chức cấp cao chính phủ, Cán bộ quốc gia của UNICEF tại Campuchia trong Chương trình Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và Chuyên gia giới tại Phái đoàn Thường trú Campuchia tại Ngân hàng Phát triển Châu Á.



TS. Sri Danti Anwar
INDONESIA

TS. Sri Danti Anwar (Indonesia): Hiện nay đang đảm nhận trọng trách Cố vấn cao cấp của Bộ trưởng Bộ Phát triển Gia đình. Bà cũng đảm nhận vai trò Thứ trưởng thường trực về Bình đẳng giới tại Bộ Trao quyền cho phụ nữ và Bảo vệ trẻ em tại Indonesia. Trước khi đảm nhận vị trí này, bà là Thư ký cấp bộ trưởng (2010-2014), Thứ trưởng về Lồng ghép giới (2007-2010), Cán bộ đầu mối của Indonesia tại ACW và Cán bộ đầu mối của Indonesia tại WEF APEC. Bà đã từng đảm nhận vai trò chủ tịch của Ủy ban Phụ nữ ASEAN (ACW) năm 2011. Bà cũng có nhiều kinh nghiệm với quá trình hoạch định chính sách và điều phối của chính phủ Indonesia, đặc biệt trong lĩnh vực trao quyền cho phụ nữ và bảo vệ trẻ em. Dưới sự lãnh đạo của bà, Bộ đã đạt được những tiến bộ đáng kể nhằm hướng tới nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em, chẳng hạn như nỗ lực thành công xây dựng Quy định số 119/2009 của Bộ Tài chính, theo đó yêu cầu bất kỳ chương trình, dự án và hoạt động nào của Chính phủ phải mang tính đáp ứng giới.

¹ Nhóm công tác nội bộ của ACW và các đại diện của ACWC từ các QGTV của ASEAN theo thứ tự bảng chữ cái ABC



TS. Dato' Dr. Junaidah Binti Kamarruddin
MALAYSIA

TS. Dato' Dr. Junaidah Binti Kamarruddin (Malaysia) là Tổng thư ký Bộ Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng từ tháng 7/2019. Bà cũng đảm nhận vai trò Đại diện Quyền Phụ nữ của Malaysia tại Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền của Phụ nữ và Trẻ em của ASEAN (ACWC) từ ngày 22/7/2019. Trước khi gia nhập Bộ Phụ nữ, Gia đình và Phát triển Cộng đồng với tư cách Tổng thư ký, Dato' Dr. Junaidah làm việc tại Bộ Quốc phòng trong vai trò Phó tổng thư ký (Chính sách). Bà tham gia Dịch vụ hành chính và Ngoại giao tháng 6/1994. Trong suốt sự nghiệp của mình, bà làm việc tại nhiều bộ ngành khác nhau dưới nhiều vai trò khác nhau, có thể là Vụ Phục vụ công (PSD), Bộ nguồn nhân lực (MoHR), Bộ tài chính (MOF), Bộ Tài nguyên và Môi trường Malaysia (NRE), Phòng thực thi hải quân Malaysia và Phòng pháp chế thuộc Văn phòng Thủ tướng



TS. Lourdesita Sobrevega Chan
PHILIPPINES

TS. Lourdesita Sobrevega Chan (Philippines) là Giáo sư dạy môn Khoa học Chính trị tại Trường đại học Ateneo de Davao và đảm nhận vị trí Chủ tịch Hội đồng nghiên cứu của trường đại học. Bà cũng đảm nhận vai trò Đại diện của Philippines về Quyền của Phụ nữ tại Ủy ban Thúc đẩy và Bảo vệ Phụ nữ và Trẻ em của ASEAN (ACWC). Bà đã hoạt động trong các vấn đề đáng quan tâm như phụ nữ và các vấn đề về giới hơn ba thập kỷ vừa qua với vai trò nhà nghiên cứu, giám đốc dự án, chuyên gia tư vấn và cán bộ vận động chính sách. TS. Sobrevega-Chan tin tưởng rằng một khu vực ASEAN bao trùm sẽ bảo đảm phụ nữ và trẻ em được hưởng thụ một cuộc sống có chất lượng, đặt vấn đề bình đẳng giới và tôn trọng các quyền của con người lên hàng đầu. Ngoài ra, bà cũng cho biết: “trong quá trình học hỏi các Quốc gia thành viên khác của ASEAN, tôi cũng muốn chia sẻ với các quốc gia này những kinh nghiệm quý báu và thực tiễn tốt nhất của đất nước chúng tôi trong công tác thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của phụ nữ và trẻ em.”



TS. Hà Thị Minh Đức
VIỆT NAM

TS. Hà Thị Minh Đức (Việt Nam) là Vụ phó Vụ hợp tác quốc tế thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (MOLISA). TS. Đức là cán bộ đại diện cho Việt Nam và đã có nhiều đóng góp cho các nỗ lực quan trọng của khu vực, trong đó đặc biệt có ASEAN và các nỗ lực thúc đẩy các ưu tiên chuyên đề chính nhằm tăng cường mục đích của cơ quan khu vực này trở thành cơ quan lấy người dân làm trung tâm và thúc đẩy hòa bình và sự ổn định, cũng như tăng cường hoạt động hợp tác. Thông qua các hoạt động này, TS Đức đã thể hiện cam kết của mình đối với mục tiêu xây dựng một ASEAN kiên cường hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm. Bà đã giúp thúc đẩy các nỗ lực xây dựng một xã hội quan tâm và chia sẻ, cũng như chăm sóc phúc lợi của những người dễ bị tổn thương, trong đó có trẻ em và người già, phụ nữ, người khuyết tật và người lao động di cư.



TS. Sita Sumrit (Ban thư ký ASEAN): Là người ủng hộ nhiệt tình quyền của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương, Tiến sĩ Sita Sumrit hiện là Trưởng phòng Xóa đói giảm nghèo và Giới kiêm Trợ lý Giám đốc Tổng cục Phát triển Con người, tại Ban Thư ký ASEAN, có trụ sở tại Jakarta, Indonesia. Trước khi gia nhập Ban Thư ký ASEAN, bà từng là Giám đốc Chương trình Trao quyền cho Phụ nữ và Trẻ em tại Viện Tư pháp Thái Lan (TIJ). Công việc của bà tập trung vào việc thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em tiếp xúc với hệ thống tư pháp, đặc biệt là những người là nạn nhân của bạo lực và xâm hại. Bà nhận bằng tiến sĩ và bằng Thạc sĩ Tâm lý học từ Đại học Cambridge.

TS. Sita Sumrit
BAN THƯ KÝ ASEAN

CHÚ THÍCH

1. See ASEAN Secretariat, Joint Statement on Promoting Women, Peace, and Security in ASEAN, 2017 at [https://asean.org/storage/2017/11/8...-ADOPTION Joint - Statement-on-Promoting-Women-Peace-and-Security-in-ASEAN-ACWC-Endorsed_rev2.pdf](https://asean.org/storage/2017/11/8...-ADOPTION%20Joint%20Statement-on-Promoting-Women-Peace-and-Security-in-ASEAN-ACWC-Endorsed_rev2.pdf) and Joint Statement on Promoting Women, Peace, and Security at the ASEAN Regional Forum, August 2, 2019, Bangkok at http://aseanregionalforum.asean.org/wp-content/uploads/2019/08/ARF-WPS-Statement_FINAL-00000002.pdf
2. See <https://asean.org/plan-action-implementation-joint-declaration-comprehensive-partnership-asean-united-nations-2021-2025/>
3. Implementation of a cross-sectoral WPS agenda was recognized at the Regional Symposium on Implementing the WPS Agenda in ASEAN on 22–23 August 2019 in Phnom Penh, Cambodia, which was hosted by the Ministry of Women’s Affairs in Cambodia in collaboration with the ASEAN Secretariat, ASEAN Committee on Women (ACW), ASEAN Commission on the Promotion and Protection of the Rights of Women and Children (ACWC) and with support from ASEAN-USAID Partnership for Regional Optimization with the Political-Security and Socio-Cultural Communities (PROSPECT) and UN Women; and the ASEAN Ministerial Dialogue on Strengthening Women’s Roles for Sustainable Peace and Security in September 2020.
4. ASEAN Recovery Framework, at <https://asean.org/asean-comprehensive-recovery-framework-implementation-plan/>
5. United Nations Security Council Resolution 2538 at [http://undocs.org/en/S/RES/2538\(2020\)](http://undocs.org/en/S/RES/2538(2020))
6. See www.n-Peace.net
7. Press Statement by the Chairman of the ASEAN Foreign Ministers’ Retreat (AMM Retreat), January 2021, at <https://asean.org/press-release-chairman-asean-foreign-ministers-retreat-amm-retreat/>
8. Valerie Hudson, Bonnie Ballif-Spanvill, Mary Caprioli, and Chad F. Emmett, “Sex and World Peace” (New York: Columbia University Press, 2012); Mary Caprioli, “Gendered Conflict”, *Journal of Peace Research* 37, no. 1 (2000): 53-68; Mary Caprioli and Mark Boyer, “Gender, Violence, and International Crisis”, *Journal of Conflict Resolution* 45 (August 2001): 503-518; Patrick M. Regan and Aida Paskeviciute, “Women’s Access to Politics and Peaceful States”, *Journal of Peace Research* 40, no. 3 (2003): 287-302.
9. OECD Development Centre, “Social Institutions and Gender Index 2014,” at <https://www.genderindex.org>
10. Clinton Foundation and Bill & Melinda Gates Foundation in cooperation with the Economist Intelligence Unit, “No Ceilings: The Full Participation Report,” March 2015, p. 21, at <https://www.clintonfoundation.org/our-work/no-ceilings-full-participation-project>
11. Caprioli, Mary, and Mark A. Boyer. “Gender, Violence, and International Crisis.” *The Journal of Conflict Resolution*, vol. 45, no. 4, 2001, pp. 503–518. *JSTOR*, at <http://www.jstor.org/stable/3176309>

12. Melander, Erik. (2005). "Political Gender Equality and State Human Rights Abuse". *Journal of Peace Research* - J PEACE RES. 42. 149-166. 10.1177/0022343305050688.
13. Marie O'Reilly, Andrea Ó Súilleabháin, and Thania Paffenholz, "Reimagining Peacemaking: Women's Roles in Peace Processes", International Peace Institute, June 2015, available at www.ipinst.org/2015/06/reimagining-peacemaking-womens-roles-in-peace-processes
14. Jacqueline H.R. Demeritt, Angela D. Nichols, "Female Participation and Civil War Relapse", *Civil Wars* 16, no. 3 (2014): 362, at. <https://giwps.georgetown.edu/resource/female-participation-and-civil-war-relapse/>
15. UN Women, "Women's Rights in Review, 25 Years after Beijing", 2020, at. <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2020/gender-equality-womens-rights-in-review-en.pdf?la=en&vs=934>
16. Supra note 10, page 12–13.
17. UN Women, Guidebook on CEDAW General Recommendation No. 30 and the UN Security Resolutions on Women, Peace and Security, 2015, at <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2015/guidebook-cedaw-general-recommendation-30-women-peace-security-en.pdf?la=en&vs=1850>
18. Melissa Johnston and Jacqui True, "Misogyny & Violent Extremism: Implications for Preventing Violent Extremism", UN Women and Monash University, October 2019, at. <https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2019/10/misogyny-violent-extremism>
19. Lisa Sharland and Genevieve Feely, "Women, Peace and Security: Defending Progress and responding to emerging challenges", Australian Strategic Policy Institute (2019) at <http://www.jstor.com/stable/resrep23028>
20. UN office of Counter-Terrorism, "Plan of Action to Prevent Violent Extremism," 24 December 2015 at <https://www.un.org/counterterrorism/plan-of-action-to-prevent-violent-extremism>
21. UN Policy Brief, "The Impact of COVID-19 on Women", 9 April 2020, at <https://www.un.org/sexualviolenceinconflict/wp-content/uploads/2020/06/report-policy-brief-the-impact-of-covid-19-on-women/policy-brief-the-impact-of-covid-19-on-women-en-1.pdf>
22. Miriam N. Nkangu, Oluwasayo A. Olatunde, and Sannie Yaya, "The perspective of gender on the Ebola virus using risk management and population health framework: a scoping review", *Infectious Diseases of Poverty*, (2017) 6:135 at https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5635524/pdf/40249_2017_Article_346.pdf
23. Sarah E. Davies, "Do Diseases Know Gender?", *The Strategist*, Australian Strategic Policy Institute, April 12 2019 at <https://www.aspistrategist.org.au/do-diseases-know-gender/>
24. UN Department of Economic and Social Affairs, Migration Report 2015, at: https://www.un.org/en/development/desa/population/migration/publications/migrationreport/docs/MigrationReport2015_Highlights.pdf
25. UN Women, "Women Refugees and Migrants" at <https://www.unwomen.org/en/news/in-focus/women-refugees-and-migrants#notes>
26. Special Issue: Women and Migration, Migration Policy Institute, 2003 at <https://www.migrationpolicy.org/programs/migration-information-source/special-issue-women-and-migration>
27. "Global estimates of modern slavery: Forced labour and forced marriage" International Labour Office (ILO), Geneva, 2017
28. UN News, "COP24 addresses climate change displacement ahead of crunch migration meeting," 8 December 2018, <https://news.un.org/en/story/2018/12/1028011>
29. UN Women Fiji, "Why is Climate Change a Gender Issue", at <https://www2.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2014/6/sids%20brief%201%20why%20is%20climate%20change%20a%20gender%20issue.ashx?la=en>

30. Dilruba Haider, UN Women, “Expert’s Take: When Building Climate Resilience, women’s needs cannot be an afterthought”, 5 September 2017, <https://www.unwomen.org/en/news/stories/2017/9/experts-take-dilruba-haider>
31. The Center for Cyber Safety and Education, Global shortfall of cybersecurity workers to reach 1.8 million in five years, new research reveals,” <https://www.isc2.org/News-and-Events/Press-Room/Posts/2017/02/14/Global-shortfall-of-cybersecurity-workers-to-reach-1-point-8-million-in-five-years>
32. The Center for Cyber Safety and Education, Global Information Security Workforce study: Women in Cybersecurity, <https://isc2-center.my.salesforce.com/sfc/p/#G0000000iVSt/a/0f000000bpXo>
33. UN Women, Action Brief, “Women, Peace, & (Cyber) Security in Asia and the Pacific,” <https://asiapacific.unwomen.org//media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2020/06/action%20brief%20%20wps%20%20cybersecurity16620final.pdf?la=en&vs=1656>
34. UN Secretary General’s remarks to the Security Council on ASEAN-UN Cooperation, 30 January 2020 at <https://www.un.org/sg/en/content/sg/statement/2020-01-30/secretary-generals-remarks-the-security-council-asean-un-cooperation-delivered>
35. ASEAN Regional Plan of Action on the Elimination of Violence Against Women (2015) at https://www.asean.org/storage/images/2015/November/27th-summit/ASCC_documents/ASEAN%20Regional%20Plan%20of%20Action%20on%20Elimination%20of%20Violence%20Against%20WomenAdopted.pdf
36. ASEAN Commission on the Promotion and protection of Rights of Women and Children, Progress Report On Women’s Rights and Gender Equality (July 2019), page 1, at https://asean.org/?static_post=progress-report-womens-rights-gender-equality
37. Ma. Lourdes Veneración-Rallonza, WPS and the Association of South East Asian Nations, *Oxford Handbook on Women, Peace and Security* (on line publication December 2018), page 396–397 at <https://www.oxfordhandbooks.com/view/10.1093/oxfordhb/9780190638276.001.0001/oxfordhb-9780190638276-e-28>
38. *See supra* note 32, p.395.
39. *See supra* note 1.
40. Interview 1, 07/30/2020.
41. Joint Communique of the 52nd ASEAN Foreign Ministers’ Meeting in Bangkok, 31 July 2019 at <https://www.asean2019.go.th/en/news/joint-communique-of-the-52nd-asean-foreign-ministers-meeting-bangkok-31-july-2019/>
42. Joint Statement on promoting the women, peace and security agenda at the ASEAN 26th Regional Forum, Bangkok. Thailand, 2 August 2019 at <https://eeas.europa.eu/headquarters/headquarters-home-page/66198/joint-statement-promoting-women-peace-and-security-agenda-asean-regional-forum-en>
43. *See supra* note 4.
44. *See supra* notes 4–42.
45. Lee, Hui Ying, Slow progress in the age of #MeToo, Women, Peace and Security in *ASEAN Policy Forum*, 19 July 2018 at <https://www.policyforum.net/women-peace-and-security-in-asean/>
46. ASEAN Commission on the Promotion and protection of Rights of Women and Children, Progress Report On Women’s Rights and Gender Equality (July 2019), page xxi, at https://asean.org/?static_post=progress-report-womens-rights-gender-equality
47. Interview 12.
48. Interview 10.
49. ASEAN Secretariat, ASEAN Socio-Cultural Community Blueprint 2025 at <https://asean.org/storage/2016/01/ASCC-Blueprint-2025.pdf>
50. Interview 52.
51. Hannah Elten, Olivia Geymond and Hien Thi Nguyen, Gender equality and the political empowerment of women in South and South-East Asia : the Role of ASEAN and SAARC (2017), Idea International, the Permanent Secretariat of the Community of Democracies and UNDP, ISBN: 978-91-7671-140-8 at <https://www.idea.int/sites/default/files/publications/chapters/regional-organizations-gender-equality-and-the-political-empowerment-of-women/regional-organizations-gender-equality-and-the-political-empowerment-of-women-chapter-4pdf>.

52. Interview 1.
53. See *supra* note 34.
54. ACWC, Launch of the Regional Review on Laws, Policies and Practices within ASEAN relating to the Identification, Management and Treatment of Victims of Trafficking, especially Women and Children, 28 September 2016 at <https://acwc.asean.org/resources/activities-recommendations/asean-strengthens-efforts-to-eliminate-trafficking-in-persons/>
55. See *supra* note 49.
56. ASEAN Coordinating Centre for Humanitarian Assistance on disaster management (AHA Centre) at <https://ahacentre.org>
57. ASEAN agreement on Disaster Management and Emergency Response (AADMER) Work Programme 2016–2020 at <https://asean.org/asean-socio-cultural/asean-agreement-on-disaster-management-and-emergency-response-cop-to-aadmer/aadmer-work-programme/>
58. Tamara Nair (RSIS), Why ASEAN's disaster management strategy must include gender (2016), East Asia Forum, at <https://www.eastasiaforum.org/2016/06/03/why-aseans-disaster-management-strategy-must-include-gender/>; Interview 6, 20 May 2020.
59. ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights (AICHR), Women in Natural Disasters: Indicative Findings in Unraveling Gender in Institutional Responses Thematic Study at https://aichr.org/wp-content/uploads/2019/01/Adopted_AICHR_Thematic_Study_Women_in_Natural_Disasters_26012018.pdf See *supra* note 62.
60. See *supra* note 58.
61. Interview 7.
62. ASEAN Secretariat News, ASEAN to mainstream gender perspective in disaster management strategies, Kuala Lumpur, 26–28 June 2018, at <https://asean.org/asean-mainstream-gender-perspective-disaster-management-strategies/>
63. See *supra* note 63.
64. ASEAN Agreement on Disaster Management and Emergency Response (AADMER) Work Programme 2021–2025, found at: <https://asean.org/storage/AADMER-Work-Programme-2021-2025.pdf>
65. United Nations Office for Disaster Risk Reduction (UNDRR) defines vulnerability as the conditions determined by physical, social, economic, and environmental factors or processes that increase the susceptibility of an individual, a community, assets, or systems to the effects of hazards. The Regional Framework and Action Plan to Implement the ASEAN Declaration on Strengthening Social Protection specifically considers women, children, youth, elderly, persons with disabilities, the undernourished, victims of disaster, migrant workers, and other vulnerable groups (e.g., internally displaced persons, indigenous peoples, and the urban poor) as those who are entitled to receive equitable access to social protection due their vulnerability and susceptibility to discrimination.
66. Tamara Nair (RSIS), Why ASEAN's disaster management strategy must include gender (2016), East Asia Forum, at <https://www.eastasiaforum.org/2016/06/03/why-aseans-disaster-management-strategy-must-include-gender/>
67. Recommendations from ACWC, “Presentation Three: On Elimination of Violence Against Women and Children – Progress on the Regional Plan of Action and Links to Research Recommendations” (2018), at <https://www.rcrc-resilience-south-eastasia.org/wp-content/uploads/2018/05/Session-5-Elimination-of-VAW-and-Children-ACWC-1.pdf>
68. ASEAN Secretariat, ASEAN Political-Security Community at <https://asean.org/wp-content/uploads/2012/05/7b.-May-2017-Factsheet-on-APSC.pdf>
69. Interview 3, 28 May 2020.
70. Interview 6, 20 May 2020.
71. See *supra* note 67–68.
72. See *supra* note 67–68–69.
73. See *supra* note 58.
74. See *supra* note 67–68–69–70.
75. Elizabeth P. Buensuceso, The ASEAN Institute for Peace and Reconciliation and Its Role in Preventing Crises, *UN Chronicle* at <https://www.un.org/en/chronicle/article/asean-institute-peace-and-reconciliation-and-its-role-preventing-crises>

76. See *supra* note 51.
77. Interview 4, 06/26/2020.
78. See *supra* note 73.
79. See *supra* notes 4-42-43
80. ARF comprises the 10 ASEAN states, China, Japan, the United States, Russia, North and South Korea, India, Pakistan, Australia, New Zealand, Canada, the European Union, Papua New Guinea, Bangladesh, East Timor, Mongolia and Sri Lanka.
81. See *supra* note 41.
82. The ARF has a 1.5 track body called the ARF Experts and Eminent Persons group (the EEPs), which meets annually to provide advice and recommendations to ARF officials (known as Track One).
83. See Chairman's Statement of the 27th ASEAN Regional Forum, Ha Noi, 12 September 2020, Item 25 at <https://www.mofa.go.jp/files/100092614.pdf>
84. Angelo Paolo L. Trias and Lina Gong, "Governing Human-Induced Disasters In Southeast Asia Insights From The 2017 Marawi Conflict", RSIS, April 2020 at https://www.rsis.edu.sg/wp-content/uploads/2020/04/PR200423_GoverningHuman-induced-Disasters-in-SoutheastAsia.pdf
85. See *supra* notes 4-42-43-77.
86. UN Women Regional Office for Asia-Pacific (ROAP) and Friedrich-Ebert- Stiftung (FES), "Women Migrant Workers in the ASEAN Economic Community", page 30 at <http://library.fes.de/pdf-files/bueros/singapur/13585.pdf>
87. See *supra* note 3.
88. ASEAN Action Agenda on Mainstreaming Women's Economic Empowerment (2017) at <https://asean.org/action-agenda-on-mainstreaming-womens-economic-empowerment-wee-in-asean/>
89. APEC, Policy Partnership on Women and the Economy Workplan 2019, APEC Num. 2019/SOM2/PPWE/005, Item 4, at http://mddb.apec.org/Documents/2019/PPWE/PPWE1/19_ppwe1_005.pdf
90. In Indonesia, women-led Peace Villages discuss ways to move their vision forward, at <https://asiapacific.unwomen.org/en/news-and-events/stories/2018/10/ways-to-move-their-vision-forward>
91. President of Indonesia and Community Leaders Spotlight Role of Women in Sustainable Peace, at <https://asiapacific.unwomen.org/en/news-and-events/stories/2017/10/president-of-indonesia-and-community-leaders-spotlight-role-of-women-in-sustainable-peace>
92. See *supra* notes 41-79.
93. ASEAN Engagement with Entities (2016), pag. 21, at <https://asean.org/wp-content/uploads/2016/07/18.-September-2016-ASEAN-Engagement-with-Entities-1st-Reprint.pdf>
94. Joint Submission to the ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights: Civil Society Organizations request meaningful engagement, August 8, 2018 at <https://www.forum-asia.org/?p=26978>
95. See *supra* note 90.
96. Interview 5, 08/08/20.
97. Women's International League for Peace and Freedom, Leveraging UNSCR 1325 National Action Plans For Local Change: Civil Society Opportunities In The MENA Region (2014), pag. 6 at <https://wilpf.org/wp-content/uploads/2015/09/Leveraging-UNSCR-1325-National-Action-Plans-for-Local-Change.pdf>
98. See *supra* notes 4-42-43-77-83
99. Julie Smith, "Overcoming the Tyranny of the Urgent: urgent': integrating gender into disease outbreak preparedness and response" at <https://doi.org/10.1080/13552074.2019.1615288>
100. From insights to action: Gender equality in the wake of COVID-19, at: <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/09/gender-equality-in-the-wake-of-covid-19>
101. ASEAN-IPR Discussion Series: Women, Peace, And Security & Covid-19 In ASEAN, August 5, at <https://asean-aipr.org/asean-ipr-discussion-series-women-peace-and-security-covid-19-in-asean/>

102. UN Women, "COVID-19 and Ending Violence Against Women and Girls", "EVAW COVID-19 brief" series (2020) at. <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/04/issue-brief-covid-19-and-ending-violence-against-women-and-girls>
103. UN Women, "The First 100 Days of COVID-19 in Asia and the Pacific: A Gender Lens", 2020 at. <https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/04/the-first-100-days-of-the-covid-19-outbreak-in-asia-and-the-pacific>
104. See *supra* note 96.
105. See *supra* notes 96-99.
106. UN Women, "Beyond the Lockdowns: Women, Peace and Security and COVID-19 in Asia and the Pacific", Action Brief (2020) at. <https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/06/action-brief-beyond-the-lockdowns-women-peace-security-and-covid-19>
107. See *supra* note 101.
108. UN Women Regional Office for Asia and the Pacific, "WOMEN, PEACE AND SECURITY AND COVID-19 IN ASIA AND THE PACIFIC", Action Brief (2020) <https://www2.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2020/03/ap-wps-covid-in-asia-pacific.pdf?la=en&vs=3251>
109. Carla Silbert, "COVID-19 is a Test of the Women, Peace and Security Agenda in the Asia-Pacific", The Strategist, Australian Strategic Policy Institute (ASPI), 29 June 2020 at. <https://www.aspistrategist.org.au/author/carla-silbert/>
110. Declaration of the Special ASEAN Summit on Coronavirus Disease 2020 (COVID-19), April 14, 2020, at. <https://asean.org/storage/2020/04/FINAL-Declaration-of-the-Special-ASEAN-Summit-on-COVID-19.pdf>
111. See *supra* note 104.
112. See *supra* notes 96-99/100/107.
113. See *supra* note 97.
114. See *supra* note 101.
115. See *supra* notes 101-109.
116. See *supra* notes 101-104-105.
117. United National Peacekeeping Data, 31 December 2020 at <https://peacekeeping.un.org/en/data>
118. Women in Law Enforcement in the ASEAN Region, 2020, UNODC, UN Women, INTERPOL, at: <https://asiapacific.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2020/08/women%20in%20law%20enforcement%20in%20the%20asean%20region%20full.pdf?la=en&vs=332>
119. Ibid.
120. ASEAN Vision 2025 on Disaster Management, at: https://www.asean.org/storage/2012/05/fa-220416_DM2025_email.pdf
121. Ma. Lourdes Veneración-Rallonza, WPS and the Association of South East Asian Nations, Oxford Handbook on Women, Peace and Security (online publication December 2018), page 395 at. <https://www.oxfordhandbooks.com/view/10.1093/oxfordhb/9780190638276.001.0001/oxfordhb-9780190638276-e-28>; Interview 1.
122. Sita Sumrit & Joanne Agbisit, Women on the frontlines of peace and security, ASCC Issue 1, pp. 40-41.
123. Joint Statement on promoting the women, peace and security agenda at the ASEAN 26th Regional Forum, Bangkok August 2, 2019 at. https://eeas.europa.eu/headquarters/headquarters-homepage/66198/joint-statement-promoting-women-peace-and-security-agenda-asean-regional-forum_en
124. Interview 41.
125. Interview 1.
126. See *supra* note 40.
127. See *supra* notes 3-85-167.
128. Interview 1.
129. For the full list of members of the AWPR see <https://asean-aipr.org/asean-women-peace-registry/>
130. Australia, which supported the efforts of ASEAN women.
131. Interview 50.
132. See *supra* notes 4-42-43-77-83-94.
133. See *supra* notes 4-42-43-77-83-94-172

134. See *supra* notes 4-42-43-77-83-94-172-173.
135. See *supra* 4-42-43-77-83-94-172-173-189
136. Interview 41.
137. See first statement from October 2012 not found in ASEAN archives, second here: <https://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/November/AMMW/2nd%20AMMW%20Joint%20Statement.pdf>, and third here: <https://asean.org/storage/2018/11/24 - Joint - Statement-of-the-3rd-AMMW.pdf>
138. Interview 7.
139. Interview 41.
140. Women, Peace, and Security and COVID 19 in ASEAN, Sri Danti Anwar, Indonesia ACWC Representative for Women's Rights 2020, Presentation to the ASEAN Institute for Peace and Reconciliation, August 2020.
141. See *supra* notes 4-42-43-77-83-94-172-173-189-190.
142. Direct feedback from Brunei Darussalam Ministry of Defence, February 8, 2021.
143. Direct feedback from Brunei Darussalam Ministry of Defence, February 8, 2021.
144. United Nations Committee on the Elimination of all Forms of Discrimination Against Women (CEDAW), Sixth periodic report submitted by Cambodia under article 18 of the Convention due in 2017, July 9, 2018, CEDAW/C/KHM/6.
145. Revised data provided digitally by the Cambodia Ministry of Women's Affairs September 14, 2020.
146. The 2002 government sub-decree requires that at least one woman must hold one of the three village leadership positions.
147. UN Women and Inter-Parliamentary Union data, 2020, At: <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/03/women-in-politics-map-2020>
148. Interview 15.
149. Interview 2.
150. Peace Women.org, National Action Plan: Indonesia, at: [http://peacewomen.org/action-plan/national-action-plan-indonesia#:~:text=The%20Government%20of%20Indonesia%20launched,Presidential%20Decree%20\(PerPres\)%20No.](http://peacewomen.org/action-plan/national-action-plan-indonesia#:~:text=The%20Government%20of%20Indonesia%20launched,Presidential%20Decree%20(PerPres)%20No.)
151. Indonesia NAP review 2020 Findings and Recommendations, at: <https://wps-indonesia.com/rekomendasi-publik/>
152. United Nations, Lao/PDR, Sustainable Development Goals, at: <https://laopdr.un.org/en/sdgs/5>
153. Xinhuanet, Lao government to boost women's role in leadership: report, March 7, 2018, at: http://www.xinhuanet.com/english/2018-03/07/c_137021558.htm
154. Data provided digitally by the Government of Malaysia on October 15, 2020.
155. Direct feedback from the Malaysia Ministry of Women, Family and Community Development, October 19, 2020.
156. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
157. Department of Women Development, Women Directors' Programme, October 9, 2017, at <https://www.ipw.gov.my/women-director-programme/?lang=en>
158. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
159. Updated data provided digitally by the Government of Malaysia, October 19, 2020.
160. Information provided by the Government of Myanmar on December 18, 2020.
161. Accounting for Gender Results: A Review of the Philippines GAD Budget Policy, 2010, at: https://www.neda.gov.ph/wp-content/uploads/2013/10/AFGR_Book.pdf
162. Anti-Violence Against Women and Their Children Act of 2004 (RA 9262), at: <http://hrlibrary.umn.edu/research/Philippines/RA%209262%20-%20Law%20Against%20Violence%20Against%20Women%20and%20Their%20Children.pdf>
163. Explanation of the Philippines Magna Carta for Women (RA 9710), Philippine Commission for Women, at: <https://pcw.gov.ph/republic-act-9710-magna-carta-of-women/>
164. Information provided by the ASEAN Inter Governmental Commission on Human Rights (AICHR) Philippines on December 28, 2020.
165. UN Women and Inter-Parliamentary Union data, 2020, At: <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/03/women-in-politics-map-2020>

166. Veneracion-Rallonza, Ma Lourdes. 2014. "National Action Plan Ensures Protection, Spaces for Women, Peace and Security." *Kababaihan at Kapayapaan*, 10, at: http://www.genevadeclaration.org/fileadmin/docs/2014RRC/0_Resources/Kababaihan%20at%20Kapayapaan-02-September-2014_reduced.pdf
167. Veneracion-Rallonza, Ma. Lourdes. 2013b. "Services and Programs for Women in Conflict-Affected Areas" in Implementing the Philippine National Action Plan on UN Security Council Resolutions 1325 and 1820: A Civil Society Monitoring Report – March 2010 to January 2013. WE Act 1325: Quezon City. P. 67-68.
168. Perez, Josephine and Beverly Orozco. 2013. "Policies, Mechanisms and Capacity-Building for Women in Conflict Areas" in Implementing the Philippine National Action Plan on UN Security Council Resolutions 1325 and 1820: A Civil Society Monitoring Report –March 2010 to January 2013. WE Act 1325: Quezon City. P.72-102.
169. Natividad, Ana Micaela. 2013. "Empowerment and Participation" in Implementing the Philippine National Action Plan on UN Security Council Resolutions 1325 and 1820: A Civil Society Monitoring Report – March 2010 to January 2013. WE Act 1325: Quezon City. Pp. 162-163.
170. Piscano, Frances Yasmin. 2013. "Promotion and Mainstreaming of Gender Perspective in All Aspects of Conflict Prevention, Conflict Resolution and Peacebuilding" in Implementing the Philippine National Action Plan on UN Security Council Resolutions 1325 and 1820: A Civil Society Monitoring Report –March 2010 to January 2013. WE Act 1325: Quezon City. Pp. 223-224.
171. UN and Singapore agree to Develop Information Management Tool for Peacekeeping Operations, at: <https://news.un.org/en/story/2015/12/517852-un-and-singapore-agree-develop-information-management-tool-peacekeeping>
172. UN Women and Inter-Parliamentary Union data, 2020, At: <https://www.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/03/women-in-politics-map-2020>
173. Singapore Department of Statistics, Yearbook of Statistics, 2015
174. Statement by RADM Nattapong Ketsumboon Representative of Thailand on behalf of the Deputy Prime Minister and Minister of Defence of Thailand At 2019 United Nations Peacekeeping Ministerial Conference 29 March 2019, The United Nations, New York, at: <https://peacekeeping.un.org/sites/default/files/thailand-training-and-capacity-building.pdf>
175. Thailand deploys peacekeeping forces, A Question & Answer with Royal Thai Armed forces Rear Adm. Nuttapong Ketsumboon, Indo-Pacific Defense Forum, April 22, 2019, at: <https://ipdefenseforum.com/2019/04/thailand-deploys-peacekeeping-forces/>
176. See Supra-note 168.
177. In Thailand: Women & the Upcoming Constitutional Referendum, The Asia Foundation (2007). At: <https://asiafoundation.org/2007/08/08/in-thailand-women-the-upcoming-constitutional-referendum/>
178. The Government of Thailand's National Review Implementation of the Beijing Declaration and Platform for Action (1995) and the outcomes of the twenty-third special session of the General Assembly (2000) in the context of the twentieth anniversary of the Fourth World Conference on Women and the adoption of the Beijing Declaration and Platform for Action 2015, at: https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/13208Thailand_review_Beijing20.pdf
179. Constitution of the Kingdom of Thailand, Enacted on the 6th Day of April B.E. 2560 (2017), at: https://www.constitutionalcourt.or.th/occ_en/download/article_20170410173022.pdf

180. UN Women and Inter-Parliamentary Union data, 2019, At: <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2019/women-in-politics-2019-map-en.pdf?la=en&vs=3303>
181. Interview 9.
182. Interview 51.
183. Information received from Thailand on follow-up to the concluding observations on its combined sixth and seventh periodic reports, 24 April 2020, available at: <https://www.ohchr.org/en/countries/asiaregion/pages/thindex.aspx>
184. Data provided digitally by the Government of Viet Nam on October 7, 2020.
185. Feedback provided digitally to the Study Team by multiple line ministries, October 7, 2020.
186. Data provided digitally by the Government Viet Nam, October 9, 2020.
187. See *supra* note 142.
188. Brunei calls on examining root causes to address terrorism threat, at: http://www.xinhuanet.com/english/2017-09/23/c_136632330.htm
189. Manila Declaration to Counter the Rise of Radicalisation and Violent Extremism, at: <https://asean.org/storage/2012/05/Manila-Declaration-to-Combat-RRVE-Adopted-by-the-11th-AMMTC.pdf>
190. See *supra* note 145.
191. *The Rectangular Strategy Phase III (2014-2018)*, at: http://www.cdc-crdp.gov.kh/cdc/documents/Rectangular_Strategy_Phase_III.pdf
192. Direct feedback from the Cambodia Ministry of Women's Affairs September 14, 2020.
193. Comment provided digitally by the Cambodia Ministry of Women's Affairs September 14, 2020.
194. Indonesia NAP review 2020 Findings and Recommendations, at: <https://wps-indonesia.com/rekomendasi-publik/>
195. Building a Stronger Evidence Base: The Impact of Gender Identities, Norms and Relations on Violent Extremism (a case study of Bangladesh, Indonesia and the Philippines), UN Women (2020), at: <https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2020/05/building-a-stronger-evidence-base-the-impact-of-gender-identities-norms>
196. <http://indonesia-beragam.blogspot.co.id>
197. Mediterranean Women Mediators Network, at <https://womenmediators.net/the-role-of-women-negotiators-and-mediators-in-maintenance-of-regional-peace-and-security/>
198. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
199. <https://apwaps.net/2014/09/09/women-engaged-in-action-on-1325-we-act-1325/>
200. Implementing Gender Provisions: National Action Plan on Preventing and Countering Violent Extremism in the Philippines, UN Women (2020), at: <https://asiapacific.unwomen.org/en/digital-library/publications/2019/07/national-action-plan-on-preventing-and-countering-violent-extremism-in-the-philippines>
201. Report of the Transitional Justice and Reconciliation Commission, 2016 at, <http://cdn.viiworksdemo.com/pdf/j7im-report.pdf>
202. Department of Women's Affairs and Family Development (WAFD) Order no. 7/2555
203. Department of Women's Affairs and Family Development (WAFD) Order no. 123/2556
204. Pluemjai, S., & Sungkharat, U. (2015). "Peace Development in Southern Border Provinces: The Women's Story". *Journal of Humanities and Social Sciences*, 10(1), 225-243.
205. Communist Party of Vietnam Online Newspaper, at: <https://en.nhandan.vn/>

206. Progress Report on Women Rights and Gender Equality, ASEAN Commission on the Promotion and Protection of the Rights of Women and Children (2016), at: https://asean.org/?static_post=progress-report-womens-rights-gender-equality
207. Sixth periodic report submitted by Cambodia under article 18 of the Convention, due in 2017, at: https://tbinternet.ohchr.org/Treaties/CEDAW/Shared%20Documents/KHM/CEDAW_C_KHM_6_7162_E.pdf
208. Concluding observations of the Committee on the Elimination of Discrimination against Women: Indonesia, UN Doc. CEDAW/C/IDN/CO/6-7 of 27 July 2012, at: <https://www2.ohchr.org/english/bodies/cedaw/docs/co/CEDAW-C-IDN-CO-6-7.pdf>
209. Komnas Perempuan (National Women's Commission) Annual Report 2014, at: <https://www.komnasperempuan.go.id/file/pdf/file/2018/Publikasi/Kertas%20Konsep%20Reformasi%20Sektor%20Keamanan.pdf>
210. Komnas Perempuan (National Women's Commission) Annual Report 2014, at: <https://www.komnasperempuan.go.id/file/pdf/file/2018/Publikasi/Kertas%20Konsep%20Reformasi%20Sektor%20Keamanan.pdf>
211. Concluding observations of the Committee on the Elimination of Discrimination against Women: Myanmar, UN Doc. CEDAW/C/MMR/CO/3 of 7 November 2008 at: <http://hrlibrary.umn.edu/research/myanmar/Annex%20N%20-%202008%20Concluding%20Observations%20CEDAW.pdf>
212. Information provided by the ASEAN Inter Governmental Commission on Human Rights (AICHR) Philippines on December 28, 2020.
213. Information provided by the ASEAN Inter Governmental Commission on Human Rights (AICHR) Philippines on December 28, 2020.
214. Information provided by the ASEAN Inter Governmental Commission on Human Rights (AICHR) Philippines on December 28, 2020.
215. Concluding observations on the combined seventh and eighth periodic reports of the Philippines, Committee on the Elimination of Discrimination against Women, UN Doc. CEDAW/C/PHL/CO/7-8 of 25 July 2016, at: <https://tbinternet.ohchr.org/layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CEDAW/C/PHL/CO/7-8&Lang=En>
216. Progress Report on Women Rights and Gender Equality, ASEAN Commission on the Promotion and Protection of the Rights of Women and Children (2016), at: https://asean.org/?static_post=progress-report-womens-rights-gender-equality
217. The statistics of sexual violence in Thai society are still worrisome, at: <https://www.bltbangkok.com/news/4510/>
218. CEDAW Concluding observations on the combined sixth and seventh periodic reports of Thailand, 24 July 2017, available at <https://www.ohchr.org/en/countries/asiaregion/pages/thindex.aspx>
219. The information received from Thailand on follow-up to the concluding observation of The Committee on the Elimination of Discrimination against Women considered the sixth and seventh periodic report of Thailand (CEDAW) on its sixth and seventh periodic reports, 24 April 2020, available at <https://www.ohchr.org/en/countries/asiaregion/pages/thindex.aspx>
220. This region refers to Thailand's Southern Border Provinces.
221. Comment provided digitally by the Cambodia Ministry of Women's Affairs September 14, 2020
222. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
223. Gender Profile for Humanitarian Action: Rakhine, Kachin, and Northern Shan, Myanmar (Volume 2 Issues March 2020), at: <https://reliefweb.int/report/myanmar/gender-profile-humanitarian-action-rakhine-kachin-and-northern-shan-myanmar-volume-2>

224. <https://issat.dcaf.ch/Learn/Resource-Library/2/Case-Studies/The-Philippines-The-Bantay-Bayanihan-Forum>
225. ASEAN Disaster Law Mapping Implementing AADMER: ASEAN Country Profiles, ICRC, at: <https://www.ifrc.org/PageFiles/234171/AADMER%20Implementation%20Country%20Profiles%20FINAL.pdf.pdf>
226. Singapore Ministry of Foreign Affairs, Climate Change page at: <https://www.mfa.gov.sg/SINGAPORES-FOREIGN-POLICY/International-Issues/Climate-Change>
227. Chaiyot Yongcharoenchai. (2019). Tsunami: From victims to lifeguard: A doctor and his family sharing their memory on disaster in the last 15 years. Available at <https://www.bbc.com/thai/thailand-50890716>
228. Department of Women's Affairs and Family Development (WAFD). (2010). Manual on Disaster Management from a Gender Perspective., at: <http://www.sdfthai.org/public/คู่มือการจัดการภัยพิบัติธรรมชาติของมิติดหญิงชาย.pdf?fbclid=IwAR35P7wOu75uBfRbwz7L5itxWikB1xEZXmxlDhXa1gszhNgTircJsbqAE-0>
229. 2019 Reporting from UNHCR on Thailand, at: <https://reporting.unhcr.org/thailand>
230. Direct feedback from Brunei Darussalam Ministry of Defence, February 8, 2021.
231. Interview 4.
232. Interview 2.
233. Interview 4.
234. Interview 2.
235. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
236. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
237. Interview 23.
238. Interview 19.
239. Information provided by the Government of Malaysia on January 4, 2021.
240. Interview 26.
241. Information provided by the Government of Myanmar on February 8, 2021.
242. Interview 27.
243. Interview 26.
244. Interview 26.
245. Interview 26.
246. Interview 27.
247. Interview 26.
248. Magna Carta of Women, Implementing Rules and Regulations, Office, of the President, Philippines Commission on Women, April 2010, p.50.
249. Interview 42.
250. Interview 42.
251. Information provided by the ASEAN Committee on Women (ACW) Philippines on December 21, 2020.
252. Interview 41.
253. Interview 42.
254. Interview 41.
255. Interview 42.
256. Interview 45.
257. Interview 45.
258. Interview 49.
259. Information received from Thailand on follow-up to the concluding observations on its combined sixth and seventh periodic reports, 24 April 2020, at: <https://www.ohchr.org/en/countries/asiaregion/pages/thindex.aspx>
260. Interview 58.
261. Interview 58.
262. Interview 61.
263. Interview 61.
264. Interview 41.
265. Interview 50.
266. Interview 50.
267. Interview 50.
268. See *supra* notes 4-42-43-77-83-94-172-173-189-190-210.
269. Handbook on Proposal Development for ASEAN Cooperation Projects, at: <https://asean.org/storage/2012/05/Handbook-on-Proposal-Development-for-ASEAN-Cooperation-Projects-1st-Reprint-NEW.pdf>

270. See, ASEAN Comprehensive Recovery Framework, available at <https://asean.org/asean-comprehensive-recovery-framework-implementation-plan/>
271. See Press Release by the Chairman of the ASEAN Foreign Ministers' Retreat (AMM Retreat), available at <https://asean.org/storage/Press-Release-by-the-Chairman-of-the-ASEAN-Foreign-Ministers-Retreat-21-Jan-21-FINAL.pdf>

